HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN THẢO

Số 27 tháng 2 & 3 năm 1996



TẬN NIÊN BÍNH TÝ



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642, USA
Tel: (714)-775-7242

Phát hành hai tháng một kỳ • số 27 tháng 2 và 3 / 1996

Đại diện Florida
Triều Hoa Đại / Tel: (904)282-2419
Đại diện tại San Jose
Trần Thị Hồng Vân / Tel: (408)223-8490
Đại diện tại Âu Châu
Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, Paris, France / Tel: 45.83.19.12
Đại diện tại Na Uy
Hoài Mỹ / Nattlandsveien 63. N-5030 Landas, Norway
Đại diện tại Canada
Trân Sa / Tel: (416)762-4659 và (416)652-1384 • Hồ Đình Nghiêm / Tél: (514)342-8018 • Vũ Đình Kh. / Tél: (604)873-1697
Đại diện tại Australia
Thường Quán / 9 Portsmouth St., Mt Waverly, VIC 3149 / Tél: 61.3.8071-797
Đại diện tại Đông Âu
Trần Ngọc Tuấn
Sokolovska 33/240 - 18600, Praha 8 - Czech Repunlic / Fax (422)235 99 83

•

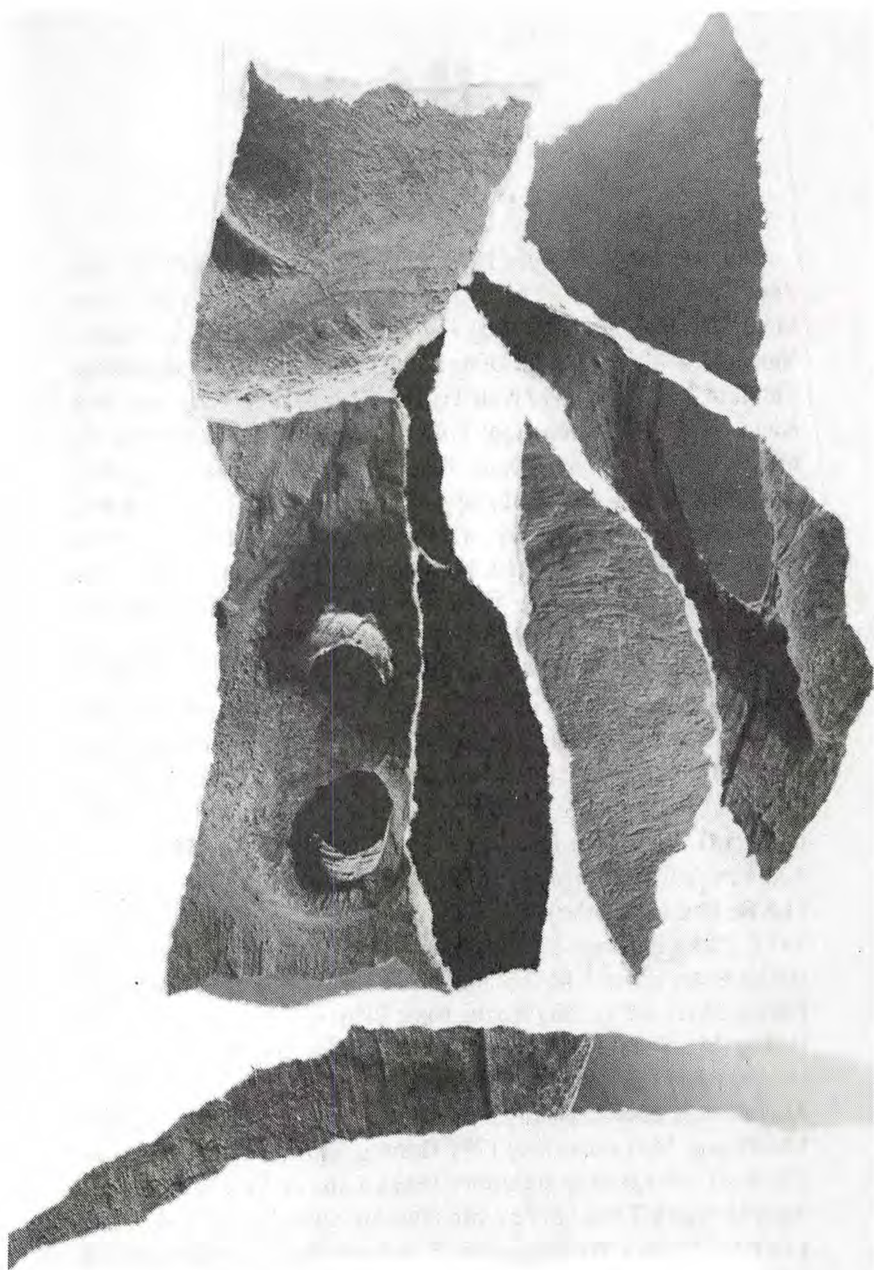
Chủ trương

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Đào Trung Đạo, Vũ Quỳnh N.H., Thế Giang , Như Hạnh, Trần Diệu Hằng, Luân Hoán, Vũ Quỳnh Hương, Đỗ Kh., Nguyễn Trọng Khôi, Thụy Khuê, Sĩ Liêm, Nguyễn Hữu Liêm, Thân Trọng Mẫn, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Thị Khoa Phương, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Kim Thi, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Nguyễn Tiến Văn, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ

•

Chủ biên
Khánh Trường
Phụ tá chủ biên
Phan Tấn Hải

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN 1065-9323



HỢP LƯU

Đặc Biệt Tân Niên Bính Tý

Số 27, tháng 2 và 3 năm 1996



MỤC LỤC

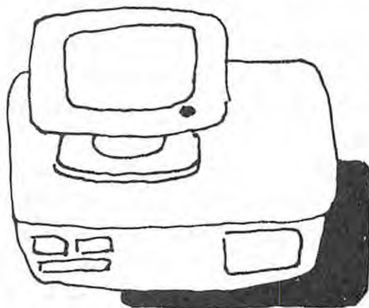
Tranh bìa:

Annie Nguyen: Em và quả bóng *(tranh thiếu nhi, màu nước)*





thư tòa soạn



Như đã thông báo trong *Thư Tòa Soạn* số trước, *Hợp Lưu* sẽ tăng giá bán thêm một đồng nữa cho mỗi số, nghĩa là giá lẻ tại các nhà sách sẽ là $US8.00, kể từ số 26 (tức số Xuân Bính Tý 1996). Riêng các độc giả tái và bắt đầu mua dài hạn, trị sự vẫn áp dụng giá biểu cũ thêm12 tháng, đến số Xuân năm 1997 mới sử dụng giá biểu mới. Các tạp chí Việt ngữ tại hải ngoại đã tăng giá từ trên dưới một năm nay, do ấn phí và bưu phí tăng, nhưng Hợp Lưu vẫn cố gắng duy trì giá cũ, vì nghĩ, đối với đa số độc giả, bỏ những $US8.00 cho một tờ báo, tuy chỉ bằng phân nữa giá cả trên thị trường, nếu so với các ấn phẩm khác cùng số trang và kỹ thuật in, vẫn không phải là chuyện giản dị, nhất là đối với những độc giả thuộc diện H.O., công nhân nghèo. Chúng tôi, những người trực tiếp chủ trương tờ tạp chí này, may mắn, ai cũng có nghề tay phải làm sinh kế, chẳng những không trông mong vào lợi tức từ *Hợp Lưu*, trái lại, thay vì mỗi cuối tuần ngồi quán tán chuyện dông dài, vừa tốn thì giờ vừa hao tiền bạc, đã tự nguyện giảm bớt những chi tiêu vô ích ấy, góp thêm mỗi người một phần nhỏ, hầu duy trì diễn đàn này, với một ước mong khiêm tốn: tờ tạp chí đến tay độc giả đều đặn. Nhưng nay, vì hoàn cảnh kinh tế chung, sự đóng góp ấy, của các anh chị trong ban chủ trương giảm thiểu đi nhiều, một vài người còn lại không đủ sức "bao sân", Vì vậy, buộc phải kêu gọi đến sự tiếp tay của độc giả. Chúng tôi từng nói: khi đã đến với *Hợp Lưu*, trong nghĩa nào đó, đã là anh em một nhà, đãchia xẻ với nhau những hoài vọng, những dự phóng, nếu không hoàn toàn đồng qui thì cũng nằm trong một cảm thông tương đối nào đó.

Cũng trong tinh thần này, thời gian tới, *Hợp Lưu* sẽ triển khai thêm đường hướng tờ báo đã vạch: không chỉ hợp lưu với văn học nội địa, mà còn mở rộng vòng tay, đón chào những nguồn văn học nghệ thuật

tiến bộ khác, của mọi quốc gia trên thế giới, kể cả các nhà văn Việt Nam viết bằng ngoại ngữ.

Bước đầu, *Hợp Lưu* sẽ kêu gọi những nhà văn trẻ đã và đang viết bằng chữ Việt, hay bất cứ ngôn ngữ nào khác, đang ngụ cư rải rác khắp mọi quốc gia. Họ, những nhà văn ấy, khi lìa nước ra đi, chỉ mới bước vào tuổi thiếu niên, học hành và trưởng thành bên ngoài quốc gia Việt Nam, họ không vướng víu nhiều đến quá khứ, vì thế tầm nhìn của họ thoải mái hơn, rộng rãi hơn. Văn học, nghệ thuật với họ, cũng khách quan hơn, không bị khúc xạ, méo mó, bởi những định kiến chính trị. Nhân đây, *Hợp Lưu* trân trọng kính mời những nhà văn, nhà thơ, họa sĩ... trẻ ấy hãy viết cho *Hợp Lưu*, gửi sáng tác của mình đến *Hợp Lưu*. Nếu viết được bằng tiếng Việt, càng tốt, bằng không, xin cứ viết bằng mọi ngoại ngữ các bạn quen sử dụng, tòa soạn sẽ có một ban biên tập riêng, chuyển những tác phẩm ấy qua ngôn ngữ mẹ đẻ.

Song song với việc làm trên, chúng tôi cũng sẽ tìm kiếm, dịch thuật, và giới thiệu những sáng tác giá trị khác của mọi văn nghệ sĩ tài năng mà thế giới đã công nhận, giới thiệu cùng độc giả *Hợp Lưu*. Đồng thời, cùng với một số nhà văn, học giả uy tín tại hải ngoại và quốc nội, sẽcho ra ra đời một tạp chí văn học viết hoàn toàn bằng Anh ngữ. Tờ tạp chí này có tên: *The Vietnam Review*, sẽ ra mắt độc giả khoảng tháng Tư năm 1996, với bài vở của cả trong lẫn ngoài nước, nhằm mục đích giới thiệu tinh hoa của văn học Việt Nam với cộng đồng thế giới.

Những việc làm trên của chúng tôi, trong tương lai, rất mong được độc giả đón nhận, như đã đón nhận tờ tạp chí này, trong năm năm vừa qua.

Khi lìa nước ra đi, mỗi người chúng ta đều mong sẽ làm được một cái gì đó, dù là nhỏ nhoi, cho quê hương Việt Nam, nơi chúng ta đã sinh ra, đã lớn lên, đã vui buồn, khóc cười, và cũng là nơi, mãi mãi, chúng ta sẽ còn hệ lụy. Đó là cuống rún bất khả dứt lìa. Chia xẻ niềm ước mơ ấy, những người trong ban chủ trương *Hợp Lưu*, bằng khả năng và nỗ lực của mình, cố gắng biến nó thành hiện thực, xuyên qua con đường văn học nghệ thuật, với hy vọng rồi đây, dòng văn học nghệ thuật ấy, sẽ cùng với những lưu đạo lớn, nhập chung vào biển rộng mênh mông của văn học nghệ thuật thế giới.

HỢP LƯU



NGUYỄN HƯNG QUỐC

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại (1975-95)



Viết về văn học Việt Nam ở hải ngoại là điều khó. Thứ nhất là vì các nhà văn tản mác khắp nơi, định cư ở nhiều quốc gia khác nhau, nhiều lục địa khác nhau, cách nhau xa lơ xa lắc, do đó sách báo cũng tản mác theo, hiếm có ai, kể cả các nhà phê bình cần cù nhất, có đủ tài liệu để an tâm theo đuổi một công trình khảo cứu nghiêm túc. Thứ hai là vì dòng văn học ấy không phải là một cái gì liên tục và nhất quán: nó không ngừng được bổ sung bằng những cây bút mới, phần lớn là từ Việt Nam sang, hoặc bằng cách vượt biển hoặc bằng con đường đoàn tụ gia đình, những người từ kiến thức đến kinh nghiệm và cả phong cách văn học đều được định hình từ trong nước, trước hoặc sau năm 1975, chứ không hề chịu ảnh hưởng của thơ Cao Tần, thơ Mai Thảo, thơ Đỗ Kh. hoặc truyện dài, truyện ngắn của Võ Phiến, của Nguyễn Mộng Giác, của Trần Vũ ở hải ngoại. Những tìm tòi, những phát kiến của lớp nhà văn nhà thơ lưu vong đi trước, bởi vậy, ít khi được kế tục. Lửa thỉnh thoảng được nhóm lên, chưa thành đám cháy, chỉ hiu hắt rồi lại lụi tàn. Thứ ba, ngay cả cái tên gọi của nó, văn học lưu vong hay văn học hải ngoại, đều là những khái niệm khá mơ hồ, không phải ai cũng chấp nhận.

Cách đây năm năm, trong một bài viết về 15 năm văn học Việt Nam ở hải ngoại, tôi dứt khoát chọn chữ "văn học lưu vong" (1). Dường như nhiều người đồng tình (2). Vấn đề ngỡ đã được giải quyết ổn thỏa. Trên sách báo, mấy chữ "văn học lưu vong" xuất hiện khá đều, khá thường xuyên, khá thanh thản.

Thế nhưng, gần đây, nó lại gây nên cảm giác lấn cấn (3). Trước đây thì không sao. Lúc ấy khái niệm văn học lưu vong không những có tác dụng khu biệt văn học trong nước và ngoài nước mà còn có tác dụng khu biệt hai bộ phận văn học khác nhau ở hải ngoại: bộ phận văn học của những người tị nạn và bộ phận văn học của "Việt kiều", những người có thiện cảm hoặc công khai ủng hộ Hà Nội, ít nhiều chịu sự chỉ đạo của Hà Nội, thông qua các Sứ quán Hà Nội và các tổ chức gọi là Hội Việt kiều yêu nước. Về không gian, hai bộ phận văn học này rất gần nhau, có khi cùng ở một thành phố, như Paris hay Toronto, nhưng về tư tưởng lại khác hẳn nhau, xung đột nhau, có khuynh hướng phủ nhận nhau. Từ sau năm 1989, tính chất phân hóa này bỗng dưng biến mất. Khối cộng sản ở Đông Âu lần lượt bị sụp đổ, bộ mặt trái của chế độ xã hội chủ nghĩa bị lột trần, những người cầm bút thân cộng ở hải ngoại thức tỉnh, quay lại đả kích Hà Nội, lớn tiếng đòi hỏi tự do và dân chủ, có khi còn ồn ào hơn cả những người tị nạn. Về phương diện xã hội, giữa những người tị nạn và những trí thức thân cộng ngày trước vẫn còn khá nhiều khoảng cách, chủ yếu do những sân si, những ân oán, những hiềm khích kết đọng lâu ngày từ trong quá khứ, nhưng về phương diện văn học, khó mà tìm ra được những dị biệt nào đáng kể. Chưa nói đến sự kiện cái gọi là cộng đồng lưu vong cũng ngày càng loãng dần: số lượng những người cầm bút di dân theo diện đoàn tụ gia đình mỗi ngày một đông. Cuối cùng, cũng từ những năm 89, 90 trở đi, sinh hoạt văn học ở hải ngoại lại được bổ sung thêm một nguồn lực lượng mới: những thanh niên, sinh viên miền Bắc du học hay lao động tại các quốc gia Đông Âu sau này xin tị nạn hay cứ lần khân ở lại không về nước. Gọi chung toàn bộ sáng tác của các thành phần trên là văn học lưu vong, nghe nó gượng gạo thế nào.

Nhiều người có khuynh hướng dùng chữ văn học hải ngoại. Ừ, thì cũng được. Có điều chữ văn học hải ngoại có vẻ hơi hơi lười biếng và ba phải. Nó chỉ nhấn mạnh vào một yếu tố duy nhất: địa lý. Nhưng chả lẽ văn học trong và ngoài nước lại chỉ khác nhau về phương diện địa lý thôi ư?

Trong lúc chưa tìm được một tên gọi nào thỏa đáng, phải tạm thời dùng chữ văn học hải ngoại, theo tôi, chúng ta cần ghi nhớ: danh xưng này chỉ thích hợp trong giới hạn từ 1989 trở lại đây mà thôi. Trước đó là văn học lưu vong. Không có sự phân biệt này, chúng ta không thể nhận diện được bản chất và đặc điểm của nền văn học ở ngoài nước.

Nhưng viết về văn học Việt Nam ở hải ngoại không những khó mà còn là một điều tế nhị. Ở đây, một thái độ duy lý, lạnh lùng có thể là một sự nhẫn tâm mà hậu quả là người ta sẽ không hiểu được gì cả. Một nền văn học nảy nở ở ngoài quê hương không phải là một hiện tượng bình thường. Nó là một cái gì nghịch lý, bất hạnh và đầy bất trắc.

Trên thế giới, lưu vong, thật ra, chả phải là điều gì mới mẻ. Ở Hy Lạp và

La Mã thời cổ đại cũng như ở nhiều quốc gia Âu châu thời trung đại, cận đại và cả giai đoạn đầu của thời hiện đại, nhà cầm quyền vẫn có chính sách trục xuất các tội phạm ra khỏi lãnh thổ. Đó là hình thức lưu vong cưỡng bức. Ngoài ra còn có hình thức lưu vong tự nguyện: để tránh sự trả thù hoặc để có điều kiện tiếp tục đấu tranh chống lại một chế độ hà khắc, nhiều nhà văn nhà thơ đã trốn khỏi quê hương, lưu vong ở một vùng đất xa xôi và xa lạ nào đó, như trường hợp của Joachin du Bellay, Madame de Stael, Voltaire hay V. Hugo của Pháp, Dante của Ý, Ibsen của Na Uy, El Cid, Juan Goytisolo hay Vicente Lloréns của Tây Ban Nha, Gogol, Herzen, Kandinsky, Pecherin... của Nga. Tuy nhiên, dù bị cưỡng bức hay tự nguyện, trước thế kỷ 20, không kể trường hợp của Do Thái và phần nào của Trung Hoa, lưu vong chỉ là một hiện tượng cá nhân và cá biệt. Chỉ từ đầu thế kỷ này, với sự xuất hiện của chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát xít dẫn đến hiện tượng không phải là một hai cá nhân mà là hàng triệu người ào ạt bỏ nước ra đi, khái niệm văn học lưu vong mới hình thành với hai yếu tố chính: tác giả và độc giả lưu vong; cả hai tạo ra một sinh hoạt văn học lưu vong hoàn toàn độc lập với nền văn học trong nước.

So với các nền văn học lưu vong khác trên thế giới, nền văn học lưu vong Việt Nam ra đời khá muộn, hơn nửa thế kỷ sau nền văn học lưu vong Nga, gần nửa thế kỷ sau nền văn học lưu vong Đông Âu, và hai thập niên sau nền văn học lưu vong Cuba. Sự muộn màng ấy là một thuận lợi. Từ giữa thập niên 70, chính sách của các quốc gia Tây phương đối với vấn đề tị nạn đã rõ ràng và khá cởi mở, kinh tế và khoa học kỹ thuật phát triển cao, điều kiện tập trung của cộng đồng lưu vong dễ dàng, điều kiện ấn loát, xuất bản và phát hành lại càng dễ dàng hơn nữa. Tất cả những yếu tố ấy góp phần làm cho nền văn học lưu vong Việt Nam nở rộ một cách nhanh chóng: đứng về số lượng sách báo, nhất là báo, mà nói, có lẽ ít có nền văn học lưu vong nào trên thế giới có mức độ và nhịp độ sinh hoạt tưng bừng, nhộn nhịp như là nền văn học lưu vong Việt Nam (4).

Nhưng chính sự thuận lợi ấy, nhìn từ một góc độ khác, lại là một trở lực. Bất cứ nhà văn, nhà thơ lưu vong nào, khi rời khỏi nước, đều đối diện với một chọn lựa: bằng sáng tác sắp tới của mình, anh sẽ nói chuyện với cộng đồng của anh hoặc với cả thế giới nói chung. Phần lớn các nhà văn lưu vong Nga và Đông Âu đều chọn con đường thứ hai ngay cả khi họ viết bằng tiếng mẹ đẻ của họ (5). Hầu hết, nếu không nói là tất cả các nhà văn lưu vong Việt Nam, vì có sẵn một sinh hoạt sách báo phong phú và một lớp độc giả tương đối rộng lớn trong cộng đồng, chọn con đường thứ nhất. Sự chọn lựa này sẽ có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành diện mạo một nền văn học lưu vong. Nói chung, con đường thứ hai là một thử thách gay gắt: chọn đối thoại với những người xa lạ, không cùng văn hóa và không cùng kinh nghiệm với

mình, thậm chí, có khi ngờ vực hay thù nghịch với mình, dù muốn hay không, những người cầm bút đều cố tăng cường sức thuyết phục trong tác phẩm của mình: vấn đề cách nói, cách viết, do đó, sẽ trở thành mối quan tâm hàng đầu thay vì chỉ là vấn đề nói cái gì, viết cái gì. Con đường thứ hai dễ chịu hơn mà cũng dễ dãi hơn: mọi người trong cộng đồng đều chia xẻ một số phận giống nhau, những kinh nghiệm giống nhau, do đó, rất dễ đồng cảm với nhau; yêu cầu về tính thuyết phục không phải là một bận tâm lớn. Hậu quả là chính yếu tố kỹ thuật cũng trở thành phụ thuộc. Điều này làm cho quá trình tìm tòi và đổi mới trong sáng tạo bị chậm hẳn lại.

Sẽ trở thành bất công nếu chúng ta không bổ sung vào sự khác biệt ở trên bằng một sự khác biệt thứ hai, quan trọng không kém: so với các đồng nghiệp của mình trên thế giới, nhà văn lưu vong Việt Nam toàn là những "tay mơ", không có chút xíu kinh nghiệm nào cả. Lưu vong, với các nước Âu châu ở thế kỷ 17, 18, và 19, tuy không thể nói là hiện tượng bình thường nhưng rõ ràng cũng không phải là một cái gì quá hãn hữu, với Việt Nam, nó chỉ mới manh nha từ đầu thế kỷ 20, chủ yếu qua phong trào Đông Du. Nhưng ở Việt Nam người ta lại có thói quen coi những tên tuổi như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền... là những chí sĩ cách mạng hơn là những người lưu vong: khía cạnh cách mạng được đề cao, làm mờ hẳn khía cạnh lưu vong. Hơn nữa, sự sụp đổ của miền Nam lại quá chóng vánh, quá bất ngờ, sau một chiến dịch quân sự kéo dài chưa tới hai tháng. Cuộc di tản đầu tiên của gần hai trăm ngàn người, trong đó có nhiều nhà thơ nhà văn, được tiến hành một cách cực kỳ khẩn cấp, giữa đạn bom, máu và nước mắt. Ra đi trong hốt hoảng, trong kinh hoàng, không có ai, kể cả những người giàu nhiệt tâm và nhiều ảo tưởng nhất, có thể kịp nghĩ là phải gây dựng một vườn hoa văn học trên cái miền đất tự do lạ hoắc lạ huơ mình sẽ tới. Mối bận tâm lớn nhất, nếu không nói là duy nhất, với tất cả mọi người, lúc còn trong nước, là lánh nạn; lúc ra nước ngoài, là sinh kế. Tâm trạng chung là thảng thốt, là bồn chồn lo lắng. Lo lắng về vấn đề ngôn ngữ, lo lắng về vấn đề cơm ăn áo mặc hằng ngày. Không có ai có kinh nghiệm lưu vong. Và cũng không có ai có đủ thì giờ và bình tĩnh để chuẩn bị tinh thần cho một cuộc đời lưu vong.

*

Trong bài *Khả năng và triển vọng của văn học hải ngoại* đăng trên tạp chí Thế Kỷ 21 số ra mắt tháng 5,1989, nhà văn Nguyễn Mộng Giác kể lại, trước khi theo nhân viên đài Mẹ Việt Nam ra Phú Quốc để sẵn sàng di tản sang Mỹ nếu Sài Gòn thất thủ, nhà văn Võ Phiến đến từ biệt ông với đôi mắt rưng rưng và một lời nói ngậm ngùi: "Thôi từ nay không còn viết lách gì nữa". Trong

bài *Anh còn yêu em* không đăng trên tạp chí Thế Kỷ 21 số 4 ra tháng 8,1989, nhà văn Túy Hồng kể lại, lúc đến Mỹ, bà nói với nhà văn Thanh Nam, chồng bà: "Em đã giải nghệ nghề viết văn lúc còn ở trên hòn đảo Phú Quốc cơ! Với em bây giờ, chỉ có một việc phải làm là: làm gì đây để sáu người chúng ta được sung sướng hơn? Bớt chật vật cực khổ và nhất là mùa đông sắp tới căn nhà bớt lạnh". Chưa bao giờ, trong lịch sử văn học Việt Nam, những người cầm bút lại có tâm sự não nề đến như vậy. Mà không não nề sao được? Đang sống yên ổn ngay trên quê hương mình, với chữ nghĩa, với văn chương, bỗng dưng một cơn sóng dữ hung hãn tràn đến, kéo bật người ta ra ngoài, làm những người lữ thứ bơ vơ, nói như Lê Tất Điều, "không một đồng đô-la trong túi, không một chữ Ăng Lê trong đầu" (6). Tất cả đều phải làm lại từ đầu. Trong cuộc làm lại ấy, văn chương trở thành một câu chuyện phù phiếm, hơn nữa, có thể là một tai họa, tai họa thứ hai sau tai họa lưu đày.

Chưa bao giờ, trong lịch sử văn học Việt Nam, những người cầm bút lại có tâm sự não nề đến như vậy. Một số người quy ẩn hoàn toàn. Một số người họa hoằn lắm mới có một hai bài thơ, một hai bài văn đăng báo. Một số người sôi nổi một thời gian rồi bỗng nhiên lặng lẽ rút lui vào bóng tối làm một nín câm u uất.

Trong lời nói đầu tập *Thơ Du Tử Lê* tái bản tại Hoa Kỳ năm 1981, Du Tử Lê dường như vẫn chưa tin là mình có thể sáng tác lại được: "Sáu năm lưu lạc xứ người, tôi chỉ có một mơ ước khiêm nhường là có thể in lại tất cả những cuốn sách nhỏ mọn của tôi, những cuốn sách hiện đang bị vùi dập, đốt cháy tàn rụi trong ngọn lửa hận thù của người cộng sản". Đúng là một mơ ước khiêm nhường. Khiêm nhường đến tội nghiệp.

Chính cái tâm trạng thoạt đầu thảng thốt, bồn chồn lo lắng, rồi sau đó, rã rời tuyệt vọng của những người cầm bút, cộng thêm hai nguyên nhân khách quan khác: nhu cầu ổn định cuộc sống nơi xứ lạ quê người và tình trạng phân tán của đồng bào tị nạn, văn học lưu vong bị lịm chết mấy năm liền. Cũng chả có gì lạ. Năm 1946, khởi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, tâm trạng các văn nghệ sĩ không đến nỗi hoang mang, lạc loài như chúng ta trong cuộc đời lưu vong, văn học vẫn bị lịm chết mấy năm liền. Đó chỉ là hiện tượng bình thường sau mỗi cuộc khủng hoảng đột biến của lịch sử.

Điều bất bình thường là, trong hoàn cảnh khốn cùng, khó khăn chồng chất, tưởng đâu hoàn toàn bế tắc, không thể có văn học ấy, một số người, chỉ với nhiệt tình, đã tiếp tục cầm bút, nghĩa là làm cái công việc cày bừa và gieo hạt trên sa mạc. Nhiều hùng tâm nhất, trong mấy năm đầu lưu lạc, có lẽ có ba người: Thanh Nam, Lê Tất Điều và Võ Phiến. Thanh Nam sáng tác ít, chỉ có một tập thơ (*Đất Khách*) và một thiên hồi ký dở dang đăng trên tạp chí Văn (*Hai mươi năm Việt Nam làm báo*), song những hoạt động âm thầm của ông trên tờ Đất Mới đã có tác dụng giữ lửa trong một thời kỳ băng giá. Lê

Tất Điều có một tập phiếm luận (*Một quả cười đầu mùa xuân*), một tập thơ (*Thơ Cao Tần*) và một tập tùy bút in chung với Võ Phiến: Ly Hương. Võ Phiến, cho đến năm 1979, không kể tập Ly Hương, có hai tập tùy bút: *Thư gửi bạn* (1976), *Lại thư gửi bạn* (1979) và một quyển tiểu thuyết: *Nguyên Vẹn*.

Bất bình thường vì viết, vẫn viết, in sách, vẫn in sách, nhưng không ai tin tưởng mấy vào công việc mình làm. Mở đầu cuốn *Thư gửi bạn*, năm 1976, Võ Phiến viết, buồn rầu: "Từ ngày bỏ nước ra đi, tôi đâu còn nghĩ đến chuyện nghệ thuật văn chương nữa". Ông giải thích: "Ai lại mơ tưởng xây dựng một sự nghiệp văn nghệ trong vòng vài trăm nghìn người, tản mác khắp mặt địa cầu, mỗi ngày một xa lạc ngôn ngữ dân tộc, xa rời cuộc sống dân tộc". Viết, với Võ Phiến lúc ấy, chỉ là để thỏa mãn một "nhu cầu lẩm cẩm". Quyển sách được ví von "như một cái nhãn con chim cu, cái nhãn ông Phật mập của một sản phẩm dân tộc" để những người xa xứ "cảm thấy một chút của quê hương hãy còn theo mình. Như thế cũng đỡ bơ vơ trên đất khách"(7).

Nghĩ như thế. Cay đắng đến như thế. Mà vẫn viết. Mà vẫn in sách và gửi sách đi bày bán trong các tiệm tạp hóa, các tiệm thực phẩm, nằm hẩm hiu bên cạnh những mắm muối tương cà.

Bây giờ, nhìn lại, không thể không công nhận, chính những cố gắng cá nhân ấy đã góp phần đắp nền cho văn học lưu vong về sau sẽ mỗi ngày một phát triển mạnh mẽ. Cho nên, nếu nói nền văn học lưu vong nào cũng là một nền văn học bất hạnh thì cũng nên nói thêm: nền văn học lưu vong nào cũng là một nền văn học yêu nước, trước hết là tình yêu đối với ngôn ngữ dân tộc và tình yêu đối với cái quê hương đã xa xôi nghìn trùng. Cái đẹp của văn học lưu vong, bất cứ là nền văn học lưu vong nào, trước khi là cái đẹp của núi non, hoa trái, là cái đẹp của một nghị lực và một tâm tình; cái nghị lực và cái tâm tình của những con chim quốc ngàn dặm xa nước non cố đem máu của mình đúc thành những tiếng kêu khắc khoải gửi về cố hương.

Trong cái gọi là tình yêu đối với ngôn ngữ dân tộc của những người di tản đợt đầu giữa năm 1975, có một điều thú vị: cũng như người lữ khách trong thơ Trần Tuấn Khải ngày nào, khi đi xa, nhớ về quê nhà, không nhớ những cảnh giàu sang phú quí, những cao lương mỹ vị trong những dịp đình đám, hội hè mà chỉ nhớ những gì dân dã, thật bình thường, thật tầm thường, một bát *canh rau muống*, một chén *cà dầm tương*, những nhà văn nhà thơ di tản năm 1975, nghĩ đến tiếng Việt, nghĩ trước hết đến những chữ, những tiếng bình dị, còn lấm lem bụi bặm trong đời sống hằng ngày. Nhà văn Võ Phiến, hồi ở trại tị nạn, có lúc giật mình sững sờ khi nghe mấy chữ "ăn-mệt-nghỉ":

"Ăn-mệt-nghỉ": nó nhắc nhở đến nếp sống của một thời trên quê hương. Tôi bâng khuâng, xót xa. Bâng khuâng nhớ những ngày đã qua và xót xa nghĩ đến việc sắp tới. Không xót xa sao? Ngôn ngữ nó phản ảnh trung thành nếp sống xã hội, cho nên kẻ ra đi còn mong gì. Ra đi, chúng ta sống tản mác, không

thành xã hội riêng: chúng ta làm mất điều kiện sinh trưởng của ngôn ngữ mình" (8).

Chính cái tình yêu ấy khiến cho nhiều người, mặc dù tuyệt vọng ê chề, mặc dù đang choáng váng với cuộc mưu sinh, đầu óc lúc nào cũng bời bời những điều lo lắng, đủ can đảm ngồi vào bàn, trước trang giấy, nắn nót gửi cho đời một câu văn, một câu thơ, thường thường chỉ rơi hút vào cõi im lặng mênh mông. Cũng chính cái tình yêu đối với thứ ngôn ngữ kiểu "ăn-mệt-nghỉ" ấy, theo tôi, đã góp phần dẫn đến việc hình thành phong cách của tập *Thơ Cao Tần*, tập thơ xuất sắc nhất trong giai đoạn đầu của nền văn học lưu vong, ở đó, bên cạnh nhiều đặc điểm khác, có một đặc điểm nổi bật: Cao Tần đã sử dụng một cách đầy ý thức và tài hoa những tiếng nói, cách nói trước đó, ở miền Nam, cơ hồ chỉ xuất hiện trên báo chí và phóng sự: "*Ta biết nhà ông rầu thấy mồ*", "*Tự trách mình ngu hơn con cầy*", "*Mày có linh thiêng qua đây tao cúng / Một chầu phim X một quả tắm hơi / Thiên đường mày hụt thì tao đang sống / Cũng ngất ngư đời như con... củ khoai*".

Nhưng tình yêu ấy, sự cố gắng ấy không đủ khả năng dựng dậy một nền văn học đang chết đuối trên đất khách. Tình yêu và sự cố gắng chỉ có thể đẻ ra tác phẩm văn học. Chỉ có tình yêu và sự cố gắng không thôi chưa đủ để có một sinh hoạt văn học. Bất cứ sinh hoạt văn học nào cũng cần hai yếu tố: tác giả và độc giả. Do đó, một sinh hoạt văn học lưu vong chỉ có thể ra đời trong điều kiện: phải có một cộng đồng lưu vong. Để không có người cầm bút nào than thở như Nguyễn Khuyến ngày xưa và như Vũ Khắc Khoan sau này, trên tạp chí Văn số ra mắt, tháng 7,1982: "Viết đưa ai, ai biết mà đưa?".

Những năm đầu, chính sách của Hoa Kỳ đối với người tị nạn là phân tán họ rải rác ở nhiều địa phương khác nhau. Gần hai trăm ngàn người Việt Nam tị nạn, do khoảng cách địa lý, không thành một cộng đồng. Mỗi người tị nạn là một hòn đảo lẻ loi, chìm ngập trong một đại dương buồn tê tái. Trước tình trạng "người-đảo" ấy, bao nhiêu hùng tâm của giới cầm bút đều bất lực.

Báo chí Việt ngữ xuất hiện khá sớm. Ngay từ tháng 5, 1975, tại đảo Guam, Phạm Kim Khánh đã xuất bản tờ Chân Trời Mới. Tờ báo thọ đúng ba tháng khi người Việt cuối cùng rời đảo Guam vào định cư trong lục địa Hoa Kỳ. Mấy tháng sau, nhiều tờ báo khác tiếp tục ra đời. Hầu hết là báo thời sự, chính trị. Văn học nghệ thuật vẫn đứng ngoài, dưới đáy cùng một niềm tuyệt vọng lớn lao. Đây đó, một vài ánh lửa nhỏ nhoi, hiu hắt. Tại Paris, đầu năm 1976, Thi Vũ ra tờ Quê Mẹ chuyên về sáng tác, phê bình và biên khảo. Được đúng một số, tờ báo bị đình bản để rồi sau đó ít lâu tục bản dưới hình thức một tờ báo thời sự. Võ Phiến và Lê Tất Điều ra tờ Văn Học Nghệ Thuật; Du Tử Lê ra tờ Nhân Chứng; Viên Linh ra tờ Thời Tập; Giang Hữu Tuyên và Ngô Vương Toại ra tờ Việt Chiến. Tất cả đều yểu mệnh. Chỉ có tờ Đất Mới và tờ Hồn Việt là sống lâu. Tờ trên do Thanh Nam chủ trương tại Seatle, được

trợ cấp của cơ quan xã hội Mỹ theo chương trình nhân đạo dành cho người tị nạn; tờ dưới do Nguyễn Hoàng Đoan và sau đó, Đỗ Ngọc Tùng làm chủ nhiệm với sự cộng tác của nhiều nhà văn nổi tiếng như Võ Phiến, Mai Thảo, Lê Tất Điều, song, dù vậy, cả hai vẫn không phát triển được ra ngoài địa phương mình.

Bức tranh văn học hải ngoại chỉ thực sự hừng sáng nhờ một biến cố, vẫn là một biến cố không có quan hệ gì đến văn học: phong trào vượt biển. Hàng ngàn, hàng chục ngàn, hàng trăm ngàn, rồi hàng mấy trăm ngàn người, bất chấp hiểm nguy, trên những chiếc thuyền nhỏ bé, lênh đênh trên sóng cồn, quay cuồng trong gió bão, quyết tâm ra đi tìm tự do. Trên tạp chí Văn số ra mắt đã dẫn, nhà văn Vũ Khắc Khoan đã gọi phong trào vượt biển những năm 78, 79 là "một luồng sinh khí mới thổi lên tự biển Thái Bình". Rồi ông nhấn mạnh: "Thuyền nhân xuất hiện sinh hoạt văn học và nghệ thuật Việt Nam hải ngoại bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn trưởng thành". Sau này, trong bài *Khả năng và triển vọng* của văn học hải ngoại, Nguyễn Mộng Giác phân tích kỹ hơn:

"Cuộc vượt biển vĩ đại và bi thương chưa từng có trong lịch sử Việt Nam phơi bày cho thế giới thấy thực chất của chế độ đang cầm quyền ở Việt Nam. Cuộc di tản năm 1975, lâu nay vẫn bị xem như một cuộc tháo chạy thoát thân, với nhiều mặc cảm nặng nề tiếp theo nhờ vụ vượt biển từ 1979 trở đi, trở thành một cuộc đi tìm tự do, một quyết định sáng suốt. Số người vượt biển ngày càng nhiều, trong đó có nhiều nhà văn nhà thơ có kinh nghiệm sống dưới chế độ cộng sản sau 1975. Họ biết rõ vì sao mình ra đi, và nếu đi thoát được, lớp di tản sau cũng biết rõ mình phải làm gì.

"Có thể nói lớp vượt biển sau tuy hành trình đi tìm tự do gian nan nguy hiểm hơn lớp di tản 1975, nhưng khi được định cư, họ có nhiều may mắn hơn lớp trước. Họ sang vào lúc những người Việt sống tứ tán khắp nơi đã tập trung lại thành cộng đồng, các cơ sở kinh doanh buôn bán của người Việt đã mọc lên và phát triển nhanh. Các thảm cảnh vượt biển làm rúng động thế giới, nên quy chế trợ cấp xã hội và huấn nghệ ở các nước đệ tam tỏ ra dễ dàng, dành nhiều ưu tiên cho người tị nạn. Số người đọc tăng, số người viết tăng, sách báo Việt ngữ phát triển, do đó, từ 1979 đến khoảng 1981, tuy số lượng sách Việt xuất bản hằng năm còn ít, nhưng rõ ràng đây là một thời kỳ chuyển mạch thuận lợi để văn học Việt Nam hải ngoại bắt đầu phồn thịnh từ năm 1982 đến nay".

Từ năm 1982, Võ Phiến đã tinh tế phát hiện sự khác nhau giữa lớp di tản và lớp vượt biển:

"Lớp tháng 4 tháng 5, 1975 ra đi trong cảnh tan tác đổ vỡ mang tâm trạng tuyệt vọng; lớp ra đi sau 77, 78 đã trải qua đàn áp nhục nhã mang theo cái uất hận của đồng bào trong nước dưới chế độ mới. Lớp trước ưu hoài; lớp

sau sôi sục. Lớp trước bi; lớp sau phẫn. Lớp trước bùi ngùi về cái Việt Nam trước 75; lớp sau hậm hực về cái Việt Nam sau 75" (9).

Võ Phiến và Nguyễn Mộng Giác đều đồng ý lớp vượt biển sau vừa có "kinh nghiệm sống dưới chế độ cộng sản" vừa "biết rõ vì sao mình ra đi, và nếu đi thoát được, [họ] cũng biết rõ mình phải làm gì". Vì biết rõ "mình phải làm gì" nên ngay lúc mới đặt chân lên miền đất tự do, nhiều nhà thơ nhà văn đã tức khắc cầm lấy ngòi bút, sáng tác liền liền hết trang này đến trang khác. Cả *Đại học máu* của Hà Thúc Sinh lẫn *Mùa biển động* của Nguyễn Mộng Giác đều được khởi thảo ở trại tị nạn. Đó là điều lớp di tản trước khó mà tưởng tượng ra nổi. Nói cách khác, khi ra đi, những nhà văn nhà thơ vượt biển đã chuẩn bị sẵn sàng một tâm thế: làm một người cầm bút lưu vong. Tâm thế chấp nhận làm một người cầm bút lưu vong khi quyết định rời khỏi quê hương không những khiến cho các nhà văn nhà thơ vượt biển có thể bắt tay vào việc sáng tác ngay mà còn, quan trọng hơn, định hướng được ngòi bút của mình vào những mục tiêu lớn lao hơn việc bày tỏ những nỗi nhớ thương vừa lê thê lại vừa ê chề. Có thể thấy điều này chỉ trên một số báo: báo Văn số ra mắt. Trong số báo này có một mục phỏng vấn nhỏ về tình hình văn học hải ngoại từ 1975 đến 1982. Hầu hết những người ra đi từ 75 chỉ nêu ra những nhận xét chung chung có tính chất đánh giá, hoặc lạc quan hoặc bi quan. Chỉ có những người ra đi sau mới đặt vấn đề: nên sáng tác như thế nào? Nhật Tiến phát biểu:

"Tôi vẫn hằng quan niệm rằng thiên chức của người cầm bút là phản ảnh được môi trường xã hội mà họ đang sống, và đấu tranh cho những nguyện vọng tha thiết nhất của con người trong xã hội ấy được thể hiện. Môi trường xã hội hiện nay của người cầm bút là tình cảnh lưu vong mà họ đang sống, là anh em, bạn bè, đồng bào còn đang rên xiết ở quê nhà và những đồng bào tị nạn đang lây lất ở các trại tạm trú... Làm văn chương mà tách rời ba hoàn cảnh đó, làm văn chương chỉ để làm văn chương mà không gắn bó một ý nghĩa đấu tranh tích cực thì tôi nghĩ, không thích hợp cho hoàn cảnh này".

Cũng trong số báo này, ở lời ngỏ nhân dịp Văn được tục bản ở hải ngoại, Mai Thảo viết:

"Tâm thức hợp nhập trường kỳ vào đại thể quê hương. Vào vận nạn đất nước. Theo tôi lâu dài và duy nhất là đối tượng lớn lao và vinh hiển nhất phải hướng về của văn học Việt Nam hải ngoại. Không có hướng tới nào khác. Những dòng văn chương lưu vong vĩ đại của thế giới chứng minh cho văn chương Việt Nam lưu đày điều đó. Hướng tới những đối tượng khác thì vẫn có Văn chương. Nhưng sẽ là một thể loại văn chương cùng đường và thất lạc".

Sự xác quyết của cả Nhật Tiến lẫn Mai Thảo chưa chắc đã đúng. Có khi ngược lại. Theo tôi, các nhà văn lưu vong lớn trên thế giới sở dĩ lớn là vì họ đã thoát được áp lực của "vận nạn đất nước", của "môi trường xã hội họ đang

sống" để phóng tầm nhìn vào một cõi bao la hơn: nhân loại, cái nhân loại lúc nào cũng bị dằn vặt, chao đảo giữa thiện và ác, tốt và xấu, hạnh phúc và đau khổ, sức mạnh và sự hèn yếu, hữu hạn và vô hạn, thiên đường và địa ngục. Tôi nghĩ đến Milan Kundera, Czeslaw Milosz, Vladimir Nabokov, Joseph Brodsky hay Eugène Ionesco ... Nhưng dù sao, đó là chuyện khác. Ở đây, thú vị hơn, chúng ta chú ý đến tâm trạng chung của cả một lớp người cầm bút. Viết, với lớp người di tản trước, là một cách nâng niu tiếng mẹ đẻ đang phôi pha dần trên xứ lạ; với lớp vượt biển sau, là một cách giải tỏa những uất ức, những hậm hực, những dồn nén trong tâm hồn. Ám ảnh lớn nhất của lớp trước là vấn đề ngôn ngữ, hoặc rộng hơn, vấn đề văn hóa. Ám ảnh lớn nhất của lớp sau là vấn đề chính trị. Lớp trước băn khoăn, một cách tuyệt vọng, về việc hội nhập vào cuộc sống mới; lớp sau thao thức, một cách nóng nẩy, về cuộc đấu tranh chống lại họa độc tài. Lý do của sự khác biệt này, ngoài vấn đề kinh nghiệm sống như Võ Phiến và Nguyễn Mộng Giác đã nói, có lẽ còn nằm ở điều kiện định cư của hai lớp người. Lớp trước phần lớn là những người ít nhiều có quan hệ với Mỹ, được tàu Mỹ đón, đưa ra khỏi Việt Nam và đương nhiên được quyền định cư ở bất cứ quốc gia nào họ thích, phần lớn là tại Hoa Kỳ. Lớp sau phải tự mình tìm cách trốn khỏi Việt Nam, đến quốc gia nào đó ở Đông Nam Á lại chờ đợi một thời gian để xin được cư trú tại quốc gia đệ tam với tư cách là người tị nạn chính trị. Cho dù vấn đề thanh lọc chưa đặt ra trong thời gian này, nhãn hiệu "tị nạn chính trị" cũng trở thành một ám ảnh, dần dần nhập tâm. Người ta tự định nghĩa mình, trước hết, như là một người tị nạn rồi sau đó mới là ông A, bà B cụ thể.

Nhấn mạnh vào tư cách tị nạn chính trị tức là nhấn mạnh vào tư cách nạn nhân. Trong thơ, loại văn chương tố khổ, than vãn và trong văn xuôi, loại văn chương cáo trạng với đề tài trại cải tạo, đời sống khốn khó sau năm 75, và hậu quả của chúng, cuộc vượt biển đầy hiểm nghèo, phát triển mạnh mẽ, không những là nguồn cảm hứng dồi dào cho những người cầm bút mà còn thu hút sự chú ý một cách đặc biệt, đầy say mê của người đọc. Về lâu về dài, những loại văn chương này chắc chắn sẽ là nguồn tài liệu vô cùng phong phú và sinh động cho các nhà sử học muốn nghiên cứu về một giai đoạn lịch sử khốc liệt của dân tộc.

Nhưng nhấn mạnh vào tư cách tị nạn chính trị, người ta lại đối diện với một nghịch lý: một mặt người ta từ chối quê hương bây giờ đã bị đồng nhất với chế độ cộng sản, một cái gì bị coi là xấu xa, tàn bạo, đáng ghê tởm; mặt khác, người ta lại cũng từ chối luôn cả cái nơi mình đang định cư mà người ta gọi là "chốn tạm dung", là "nơi tạm trú". Thân phận của người tị nạn, do đó, là cái gì hết sức lửng lơ, chơi vơi. Cuối cùng, người ta tự tạo cho mình một chỗ đứng, hoặc bằng hoài niệm: văn chương hồi cố với đề tài phong tục, lịch sử nở rộ, hoặc bằng mơ ước: văn chương cổ động ra đời, chiếm khá nhiều

diện tích trên các mặt báo.

Hơn nữa, nhấn mạnh vào tư cách tị nạn chính trị cũng tức là nhấn mạnh vào số phận chung. Thảm kịch của dân tộc trùm lấp lên bi kịch của cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân vốn manh nha ở Việt Nam từ thập niên 30, phát triển mạnh tại miền Nam vào thập niên 60 và đầu thập niên 70 với sự trợ lực của chủ nghĩa hiện sinh, oái oăm thay, lại nhạt và mờ dần ở hải ngoại, giữa một môi trường văn hóa mang tinh thần cá nhân chủ nghĩa cực độ của Tây phương. Cơ hồ không còn ai muốn chứng minh mình là một cái gì riêng tây, độc đáo, khác hẳn mọi người. Điều này, một mặt, làm cho bản sắc của từng nhà văn nhà thơ không nổi đậm, nhưng mặt khác, làm giảm đi rất nhiều những trò lập dị ngông cuồng vốn khá thịnh hành tại miền Nam trước đây.

Ưu thế của cái chung dường như cũng đồng thời là ưu thế của các thể tự sự. Joseph Brodsky cho là thể loại thích hợp nhất đối với các nhà văn lưu vong là bi hài kịch (10). Chưa chắc đã hoàn toàn tự giác, song các nhà văn Việt Nam có vẻ cũng suy nghĩ tương tự: nhiều người cố gắng sáng tác những bi hài kịch rộng lớn dưới hình thức những bộ trường thiên tiểu thuyết, nổi bật nhất là bộ *Mùa biển động* gồm 5 tập với hơn 1800 trang của Nguyễn Mộng Giác, ở đó, cái hài của lịch sử lại biến thành cái bi của con người. Nhưng việc sáng tác những bộ trường thiên tiểu thuyết có lẽ không phải là sở trường của các nhà văn Việt Nam. Mặc dù vốn sống dồi dào, ngôn ngữ điêu luyện, hầu hết các bộ trường thiên tiểu thuyết của Việt Nam, từ trước đến nay, ở trong nước cũng như ở ngoài nước, kể cả *Mùa biển động*, vẫn ít nhiều có cái gì chênh vênh trong cấu trúc. Cái hay của chúng thường nằm ở bộ phận hơn là ở tổng thể. Có phải là tại truyền thống Việt Nam vốn thiên về những vẻ đẹp nho nhỏ, tỉ mỉ, một bài tứ tuyệt, một bức phù điêu, một cái hoa văn chăng? Có thể. Việc vượt qua truyền thống nặng nề ấy cần nhiều thời gian. Mà tiểu thuyết, ở Việt Nam, lại là một thể loại cực kỳ non trẻ. Các nhà văn lưu vong thường thành công nhiều hơn ở truyện ngắn. Số lượng truyện ngắn được xuất bản nhiều hơn hẳn tiểu thuyết. Hầu hết các cây bút mới đều là những người chuyên về truyện ngắn: Thế Giang, Trần Vũ, Vũ Quỳnh Hương, Phan Thị Trọng Tuyến, Trần Diệu Hằng, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Thị Kim Lan, Hồ Đình Nghiêm, Nguyễn Ý Thuần, Ngô Nguyên Dũng, Trân Sa, Dương Như Nguyện, Vũ Quỳnh N.H.... trong đó, ba người đầu, ngay từ những truyện ngắn đầu tay, đã khiến người đọc sửng sốt về sự sắc sảo trong cách nhìn, sự vững vàng trong kỹ thuật và sự tài hoa trong ngôn ngữ của họ.

Khác với văn học trung đại và văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, trong nền văn học lưu vong, cái chung, cho dù chiếm ưu thế, vẫn không loại trừ cái riêng: cái chung thể hiện qua từng cái riêng cụ thể. Sự hài hòa này dễ thấy nhất ở sự phát triển xum xuê của thể hồi ký. Bình thường, người Việt Nam ít

viết hồi ký. Bình thường, trên thế giới, thể hồi ký gắn liền với những tên tuổi lớn, những người gắn liền với những biến cố lớn, ở đó, họ đạt được nhiều thành công vang dội. Trường hợp Việt Nam lại khác. Ở đây, người viết hồi ký thường là những người không mấy tiếng tăm, không từng giữ những chức vụ nào đáng kể, nhiều khi chỉ là những sĩ quan cấp úy trong quân đội. Nhưng dù là của ai đi nữa thì phần lớn những điều được kể trong những quyển hồi ký ấy cũng không phải là những chiến công hiển hách mà là, chỉ là những sự thất bại ê chề: hoặc là cảnh thua trận, hoặc là cảnh tù đày, hoặc là những cảnh bị cướp bóc, bị hãm hiếp, bị đánh đập. Rõ ràng, trừ một số ít các tướng lãnh, những người viết hồi ký đều không nhằm khoe khoang điều gì. Họ chỉ muốn làm một nhân chứng. Tiền đề của ý muốn này là họ tin, qua kinh nghiệm của họ, một số khía cạnh nào đó của lịch sử được phơi bày, được sáng tỏ. Giá trị văn học của những quyển hồi ký này còn là điều đáng ngờ song dù vậy, chúng vẫn hé mở cho chúng ta thấy tâm cảnh của một thời đại: nỗi ám ảnh về lịch sử, về bi kịch chung của đất nước.

Trong cái chung của nền văn học lưu vong, mỗi người cầm bút vẫn có một diện mạo riêng, một phong cách riêng. Võ Phiến nhạy bén và linh động: với giọng văn nhẹ nhàng, duyên dáng, có vẻ đang đùa, ông luôn luôn làm cho người đọc giật mình vì những nhận xét bất ngờ, độc đáo; Nguyễn Mộng Giác tinh tế và điềm đạm: với cách nói khoan thai, từ tốn, ông dẫn dụ người đọc vào những khía cạnh tế nhị của cuộc sống; Mai Thảo làm thơ khi viết thơ và làm thơ cả khi viết văn xuôi: nhiều đoạn trong những trang sổ tay văn nghệ đăng đều đặn trên tạp chí Văn của ông đẹp lạ lùng và tập thơ đầu tay của ông sau hơn ba mươi năm cầm bút, *Ta thấy hình ta những miếu đền*, cũng đẹp lạ lùng; Nguyễn Xuân Hoàng có cái nhìn rất thơ và một giọng văn rất lành, kể cả những khi viết về những điều tàn bạo và khốc liệt nhất của chiến tranh, của chuyên chế và của sự lưu đày; Nhật Tiến giản dị trong cách viết và gai góc trong cách nghĩ; Thế Uyên cổ điển trong bút pháp nhưng táo bạo trong đề tài; Trần Vũ táo bạo trong cách dựng truyện; Kiệt Tấn táo bạo trong cảm xúc; Khánh Trường táo bạo trong cách tả; Thế Giang sắc sảo; Hồ Trường An có giọng văn dễ dàng và hơi chua; Võ Đình cổ kính; Ngu Yên ngang tàng; Phan Thị Trọng Tuyến đằm thắm, Trần Thị Kim Lan hiền lành; Nguyễn Thị Hoàng Bắc thiết tha; Mai Kim Ngọc nhẹ nhàng thoang thoảng chút hương hoàng lan từ thuở Tự Lực văn đoàn; Nguyễn Bá Trạc phóng túng, lúc nào cũng muốn vượt ra ngoài khuôn khổ, từ những thành kiến chính trị đến những quy ước về thể loại; Đỗ Quý Toàn trong sáng trong cách nhìn và trong trẻo trong cách nói; Luân Hoán thê thiết lúc đầu và tha thiết về sau; Nguyên Sa bớt cái xôn xao của thời cuối thập niên 50 và cũng bớt cả cái sôi nổi của thời cuối thập niên 60, đầu thập niên 70, trở thành trầm ngâm hơn; Trần Dạ Từ bớt cái ngọt ngào của *Thuở làm thơ yêu em*, trở thành lững khững, day

dứt hơn; Chân Phương trí thức và nhiều thao thức; Thường Quán cổ điển trong chữ nhưng lại hiện đại trong nhịp điệu và cảm xúc; Đỗ Kh. ngổ ngáo và thông minh...

Tuy nhiên, do áp lực của cái chung, những nỗ lực tìm tòi về phương diện kỹ thuật và ngôn ngữ của các nhà văn nhà thơ không phải lúc nào cũng đi đến tận cùng và có đủ tự giác. Phong cách của những người trưởng thành trước năm 1975 vốn đã định hình từ lâu, chỉ tiếp tục chứ ít có sự thay đổi nào đáng kể. Phong cách của các nhà văn nhà thơ trẻ thường xuất hiện ở khía cạnh đề tài, tâm tình và tư tưởng hơn là ở khía cạnh hình thức. Ngu Yên, sau vài thử nghiệm táo bạo ở hai tập thơ đầu, *Hóa ra nét chữ lên đàng quẩn quanh* và *Tựa đề ở bên trong*, bỗng quay lại thể thơ và giọng thơ khá cũ trong Hỡi ơi và các bài thơ đăng báo gần đây. Trần Diệu Hằng sau vài truyện ngắn viết theo bút pháp mới bỗng khựng lại, cơ hồ ngưng sáng tác hẳn.

Từ khoảng 1989, 1990 trở đi, như sự nhất trí của mọi người, văn học lưu vong bước vào giai đoạn bế tắc. Hai biểu hiện chính của sự bế tắc thường được nói đến là: một, sự xuất hiện của các cây bút trẻ cực kỳ thưa thớt; hai, nhịp độ sáng tác của mọi người, cả cũ lẫn mới, đều chậm lại và dù chậm, vẫn yếu hơn trước nhiều. Theo tôi, có thêm biểu hiện thứ ba này nữa: nhiệt tình của mọi người đối với văn học ngày càng nguội dần. Nhớ, trước năm 1989, lúc còn ở Paris, tôi nhận được khá thường xuyên những lá thư, những cú điện thoại của bạn bè trong giới văn nghệ, nhiều người ở rất xa, ở Mỹ, ở Gia Nã Đại, mà nội dung chủ yếu là để trầm trồ, để tấm tắc về một bài thơ hay, một truyện ngắn hay vừa được đăng tải trên một tờ báo nào đó. Rồi mỗi lần gặp nhau, câu chuyện giữa những người cầm bút bao giờ cũng tập trung vào đề tài văn học nghệ thuật. Lại trầm trồ, lại tấm tắc về một tác phẩm nào đó của ai đó. Lời khen chân thành, say sưa như là người ta đang khen ngợi... chính mình. Thế rồi, về sau, trong các câu chuyện, đề tài văn học nghệ thuật ngày càng hiếm, chất lửa trong giọng nói ngày càng giảm. Bản thân tôi, mặc dù vẫn theo dõi sách báo ở hải ngoại một cách đều đặn, thỉnh thoảng vẫn bắt gặp một bài thơ hay, một truyện ngắn hay, nhưng rõ ràng là sự xúc động không lớn đủ để phải nhấc điện thoại lên chia xẻ với bạn bè hay cầm bút lên viết vài dòng ca tụng một vẻ đẹp quí hiếm. Cứ thế, bao nhiêu bài thơ hay, bao nhiêu truyện ngắn hay, bao nhiêu quyển sách hay cứ lần lượt đi qua rồi rơi hút vào im lặng. Ngay tập *Thơ ở đâu xa* của Thanh Tâm Tuyền xuất bản năm 1990 cũng không hề gây nên một tiếng vang nào cả. Tập thơ dở ư? Không đâu, một số bài thơ trong đó, trước đây, khi còn ở trong nước, Thanh Tâm Tuyền gửi ra hải ngoại, in trong tập *Tắm mát ngọn sông đào*, từng làm xôn xao dư luận, khiến người đọc thích thú và khâm phục biết bao nhiêu. Tập *Truyện thật ngắn* của Võ Phiến xuất bản năm 1991, mặc dù được Đặng Tiến

giới thiệu một cách nồng nhiệt (11), vẫn bị quên lãng, mãi gần đây, khi ở trong nước có cuộc thi viết truyện thật ngắn, người ta mới xôn xao chú ý đến hình thức truyện ngắn này, có lẽ, vì một lý do rất ư giản dị: những truyện đoạt giải khi xuất bản đã bị Bộ Văn Hóa Hà Nội ra lệnh tịch thu!

Trong ba biểu hiện ở trên, theo tôi, biểu hiện thứ ba là quan trọng nhất và là nguyên nhân trực tiếp của hai biểu hiện kia. Nói cách khác, hiện tượng viết ít và viết yếu từ mấy năm nay chỉ là hậu quả của thái độ hờ hững, dửng dưng đối với văn học của chính những người cầm bút. Vấn đề là: nguyên nhân nào dẫn đến thái độ hờ hững, dửng dưng ấy?

Chắc chắn không phải là tại những người cầm bút ở hải ngoại cảm thấy mất tự tin khi đọc tác phẩm của các nhà văn trong nước. Văn học trong nước không hay đến độ khiến người ta phải khiếp sợ đến thế. Vả lại, bình thường, sự xuất hiện của một hay nhiều tài năng lớn, nếu có, chỉ có tác dụng gợi hứng, kích thích óc tranh đua của người khác, từ đó, dẫn đến sự nở rộ trong lãnh vực nghệ thuật chứ ít khi làm tê liệt ý chí sáng tạo của đồng nghiệp. Trong lịch sử văn học, sự xuất hiện của các tài năng lớn thường dẫn đến việc hình thành những phong trào rộng lớn, sôi nổi. Theo tôi, nguyên nhân chính làm cho những người cầm bút có thái độ hờ hững, dửng dưng như thế là vì sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản tại Liên xô và Đông Âu. Trước sự sụp đổ bất ngờ và nhanh chóng ấy, mọi người, một mặt, sửng sốt và mặt khác, hân hoan chờ đợi cái ngày chế độ cộng sản Việt Nam sụp đổ theo. Đọc lại các tờ báo xuất bản trong hai năm 1989 và 1990, chúng ta thấy ngay niềm hân hoan ấy dạt dào đến độ nào. Những người cầm bút có chút máu chính trị tưng bừng tiên đoán ngày Việt Nam thành một nước đa nguyên, đa đảng và say sưa bàn chuyện tái thiết Việt Nam thời kỳ... hậu cộng sản. Nhưng rồi ngày này qua ngày khác, sự thay đổi vẫn chỉ có... trong tưởng tượng. Trong cả niềm hân hoan lẫn sự thất vọng, những người cầm bút đều biết chắc chắn một điều là chuyện cộng sản sụp đổ chả dính dáng gì đến văn học nghệ thuật. Những cuộc động đất chính trị tại Liên xô và Đông Âu xuất phát từ những nguyên nhân thầm kín nào đó chứ không phải là kết quả của cuộc đấu tranh liên tục của giới cầm bút lưu vong. Bao nhiêu bản cáo trạng văn chương nguy nga từng làm say mê hàng triệu người đọc trên khắp thế giới không làm lung lay được ngay cả một viên gạch trên bức tường Bá Linh, thế mà, thoắt một cái, vì một nguyên nhân nào đó không ai biết chính xác, tự nhiên bức tường kiên cố đầy máu, nước mắt và tội ác ấy đổ nhào. Bài học đầu tiên người ta rút ra là: văn học chẳng phải là một thứ vũ khí gì ghê gớm lắm, nó chẳng làm chết ai cả, chẳng làm thay đổi điều gì cả. Văn chương chỉ là đồ vô dụng. Phát hiện này làm cho nhiều người cầm bút hoang mang, cuối cùng đâm ra hoài nghi văn học nói chung. Tâm trạng hoài nghi này bàng bạc trong *Truyện thật ngắn* của Võ Phiến và thể hiện rất rõ qua cuộc thảo luận về đề tài "Tại sao anh/chị viết

văn?" do Nguyễn Xuân Hoàng đề xướng trên Thế Kỷ 21.

Nhưng sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản còn có ý nghĩa khác. Trước viễn tượng Việt Nam sắp được tự do, dân chủ, mỗi người Việt Nam lưu vong, tuy có thể không nói ra, đều tự đặt cho mình câu hỏi: đến lúc ấy, mình có hồi hương hay không? Câu trả lời, với hầu hết mọi người, chắc chắn là: không. Có vô số lý do có thể biện minh cho sự chọn lựa này, song dù sao, điều rõ ràng là nơi chúng ta đang sống không phải chỉ là một vùng đất "tạm dung" như chúng ta vẫn thường hay nói. Chúng ta bỗng phát hiện ra một sự thực: quê hương không phải là cái chúng ta không thể rời xa. Phát hiện này không những làm nguội lạnh niềm ước mơ về nước một thời đau đáu trong mỗi chúng ta mà còn làm lung lay cả sự tồn tại của văn học lưu vong vốn trong suốt mười mấy năm, chúng ta ra sức xây dựng như một thứ quê hương thứ hai, quê hương bằng chữ nghĩa và bằng hoài niệm, hầu thay thế cho cái quê hương thứ nhất đã quá xa xôi và ngỡ chừng không bao giờ còn trở lại được.

Hậu quả của cả hai phát hiện trên không phải chỉ là sự bế tắc trong văn học như nhiều người đã nói đến nhàm trên báo chí mà, quan trọng hơn, "tàn nhẫn" hơn, còn là sự giãy chết của nền văn chương lưu vong nói chung.

Vâng, văn học lưu vong nếu chưa phải đã chết thì cũng đang ngắc ngoải sắp chết.

Lưu vong là những kẻ, hoặc tự nguyện hoặc bị cưỡng bức, rời khỏi quê hương và không thể trở về quê hương được. Mặc dù chế độ cộng sản trong nước chưa sụp đổ nhưng, thành thực mà nói, rất hiếm có người nào trong chúng ta là những kẻ không thể trở về. Trên thực tế, rất nhiều người đã trở về. Có điều không ai về hẳn. Chỉ vì không muốn. Thế thôi. Sự đối kháng chính trị, yếu tố làm nên bản chất của văn học lưu vong, là lý do tồn tại của nền văn học lưu vong, không còn nữa, hoặc nếu còn, còn một cách khá mờ nhạt. Khái niệm lưu vong đang từ từ lui vào quá khứ. Văn học lưu vong, do đó, đang chuyển mình thành một thứ văn học hải ngoại hoặc một cái gì tương tự. Bức tường thành cuối cùng để nó chưa thể nhập dòng vào với văn học trong nước là sự ngăn cản độc đoán và thô bạo của nhà cầm quyền Hà Nội.

Sự chuyển mình thầm lặng này tạo nên sự rã rời trong nhiều người cầm bút khiến chúng ta có cảm giác văn học đang bế tắc nhưng thật ra, theo tôi, đó chỉ là một sự khủng hoảng tích cực, thực chất là những sự thay đổi triệt để, chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển mới, có thể ít sôi nổi hơn nhưng lại hứa hẹn nhiều hương sắc hơn.

Sự thay đổi đầu tiên là những *ghetto* mà Nguyễn Mộng Giác từng cảnh cáo (12) đang bắt đầu rạn nứt dần. Những *ghetto* ấy không có gì khác hơn là chính cái tâm thức lưu vong từng đè nặng lên chúng ta. Người lưu vong nào cũng lưu vong đến những hai lần: lần đầu, lưu vong từ trong nước ra ngoại quốc; lần sau, lưu vong từ thực tế vào hoài niệm. So sánh thái độ của những

người lưu vong sau năm 1975 và những sinh viên du học trước năm 1975, chúng ta thấy ngay điều đó. Những sinh viên trước đây, tâm hồn thảnh thơi, ở nước người, đầy hăm hở và ngạc nhiên, cố gom góp bao nhiêu là cái mới lạ của thiên hạ để tự làm giàu chính mình trong một thời gian ngắn nhất: thơ văn họ lấp lánh những lá vàng, đèn vàng và tóc vàng ở Paris, hoặc lao xao những tiếng nói của Camus, của Sartre, của Jacques Prévert, của Saint-John Perse. Những người tị nạn, ngược lại, sau khi thoát khỏi nhà tù của cộng sản lại rớt ngay vào nhà tù của ký ức, của nhớ nhung, hoàn toàn quay lưng lại thực tại, loay hoay nhặt những chiếc lá rụng trên hè phố Sài Gòn mười năm, hai mươi năm trước, hậu quả là chúng ta càng ngày càng nghèo đi, càng cũ đi. Hiện nay, cùng với sự nhạt nhòa của tâm thức lưu vong, chúng ta tự do hơn vì thoát được gánh nặng của quá khứ, thanh thản hơn vì thoát được gánh nặng của mặc cảm, việt nam hơn vì thoát được gánh nặng của sự thù hận và giàu có hơn vì không ngại tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Tạp chí Thơ do nhóm Khế Iêm, Lê Bi, Hoàng Phủ Cương, Phạm Việt Cường... chủ trương, xuất bản tại California từ năm 1994, tuy chưa có bản sắc rõ ràng và chưa đạt được thành tựu gì thật lớn, vẫn là một cố gắng đáng biểu dương trong quá trình thay đổi này. Những tập thơ dịch do Diễm Châu lặng lẽ xuất bản từ mấy năm nay càng chứng minh cho quá trình thay đổi này. Nhưng biểu hiện nổi bật nhất của sự tan rã của các *ghetto* cũ chính là cảm hứng của những người cầm bút: trước, chỉ giới hạn trong những vấn đề liên quan đến chính trị, đến đất nước, nay, mở rộng sang những vấn đề liên quan đến con người nói chung. Sự chuyển biến này rất dễ thấy khi so sánh thơ Thường Quán, từ tập *Ngoài giấc ngủ* đến những bài thơ gần đây; truyện ngắn của Trần Vũ từ *Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu* đến *Cái chết sau quá khứ*. Dĩ nhiên, tôi không muốn nói là chúng ta đã từ bỏ hẳn đề tài chính trị. Không ai có thể thoát khỏi chính trị. Thời hiện đại là một thời chính trị. Tuy nhiên, càng ngày chúng ta càng nhìn các vấn đề chính trị từ khía cạnh nhân sinh hơn là từ khía cạnh tranh chấp quyền lực ở đó chúng ta ít nhiều tự coi mình là một thành viên. Thơ Chân Phương đầy chất chính trị nhưng nó lại rộng thoáng và sâu sắc hơn mọi loại thơ chính trị khác đã có trước kia. Đúng hơn, cái đang phôi pha dần trong nền văn học lưu vong là tính chất tâm lý chiến.

Sự thay đổi thứ hai là, cùng với sự phá sản của thành kiến coi văn học là một thứ vũ khí, chúng ta bắt đầu nhìn văn học một cách đúng đắn và đứng đắn hơn, chú ý đến khía cạnh hình thức và nghệ thuật của tác phẩm văn học hơn. Trong lãnh vực lý luận văn học, Đỗ Quý Toàn *tìm thơ trong tiếng nói* thay vì trong lòng người hay ở đâu khác; Đào Trung Đạo vẽ *bản đồ tiểu thuyết* thay vì bàn những chuyện trời ơi đất hỡi về chức năng của nó; Phan Tấn Hải cố tiếp cận và sử dụng một số khái niệm mới trong ngành phê bình văn học Tây phương. Trong lãnh vực phê bình, Võ Phiến nhạy bén trong việc nắm bắt

những đặc trưng nổi bật trong phong cách của từng người; Đặng Tiến "duy mỹ" hơn và cũng tài hoa hơn, say sưa hơn và cũng tinh tế hơn; Thụy Khuê có vẻ vẫn còn trên con đường tìm tòi, song dù sao cái hướng cũng đã rõ: càng ngày bà càng quan tâm đến khía cạnh thẩm mỹ hơn. Trong lãnh vực sáng tác, thơ đang đi xa hơn văn xuôi. Du Tử Lê đang cố gắng khai thác đến tận cùng nhạc tính của thơ; Chân Phương đang cố gắng khai thác đến tận cùng tính chất ẩn dụ trong thơ; Đỗ Kh. thay đổi ngôn ngữ thơ; Thường Quán thay đổi câu thơ; Nguyễn Bá Trạc thay đổi cấu trúc thơ và ở *Chuyện của một người di cư nhức đầu vừa phải*, thay đổi cả cấu trúc thể loại; Diễm Châu, Nguyễn Đăng Thường, Nguyễn Hoàng Nam, Hoàng Mai Đạt, Khế Iêm... tìm tòi những cách diễn đạt mới trong thơ. Thơ, với họ, không phải chỉ là tiếng nói của ý thức mà còn là những thanh âm vang lên từ tiềm thức, từ vô thức; không phải chỉ là tấm ảnh của Thúy Kiều mà còn là chân dung của Đạm Tiên gần xa lãng đãng; không phải chỉ là một nỗi niềm mà còn là một kinh nghiệm; không phải chỉ để ngâm mà còn để đọc; không phải chỉ là một nghệ thuật thời gian mà còn là một nghệ thuật không gian: cách trình bày bài thơ, vị trí của chữ, hình dáng của chữ cũng là một yếu tố tạo nghĩa hoặc biểu cảm như là âm, vần, nhịp, niêm, đối trong thơ truyền thống. Nhiều người cho là thơ của họ xa người đọc. Lý do, thật ra, là vì thơ của họ xa truyền thống.

Sự thay đổi thứ ba là, cùng với sự tràn ngập của các nguồn tin tức từ trong nước hoặc từ các quốc gia cộng sản trước đây tại Đông Âu, xu hướng "kể chuyện" ngày càng tỏ ra thất thế. Trước đây, bản thân những kinh nghiệm nhà văn trải qua trong cuộc đổi đời đã đủ sức mê hoặc họ, khiến họ bồn chồn muốn kể và khiến người đọc tò mò muốn biết. Hiện nay sự mê hoặc ấy không còn. Báo chí trong nước đã làm công việc ấy. Nhà văn đối diện với một đòi hỏi khắc nghiệt: anh phải là một cái gì khác ngoài vai trò một người kể chuyện. Không phải ai cũng thỏa mãn được đòi hỏi đó. Nhiều người buông bút: số lượng tiểu thuyết và truyện ngắn được xuất bản gần đây thưa thớt hẳn. Tôi không cho đó là điều đáng buồn. Ngược lại là khác. Cái văn học Việt Nam đang cần không phải là những "thoại nhân", những người kể chuyện, cho dù là những người kể chuyện tài tình, mà là những nhà tiểu thuyết thực sự, những người biết tưởng tượng, biết sáng tạo, biết khám phá và là những kiến trúc sư bằng chữ nghĩa, có khả năng tạo dựng những cuộc đời khác từ những chất liệu vay mượn từ cuộc đời này.

Sự thay đổi thứ tư, sâu xa hơn, là sự thay đổi trong hình ảnh của chính những người cầm bút. Không còn nữa hình ảnh của những kẻ đa sầu, đa cảm, tài năng tót vời như trong Thơ Mới, những người trí thức lúc nào cũng băn khoăn, cũng khắc khoải như trong thơ miền Nam, những người cách mạng hừng hực nhiệt tình như trong thơ miền Bắc, những người lưu vong tội nghiệp hoặc anh hùng như trong thơ hải ngoại trước đây, hình ảnh của nhà

thơ trong thơ hiện nay trông thật bình thường, thật tầm thường, một kẻ thực tâm muốn hòa giải với cuộc đời bằng cách chống lại những huyền thoại, những ngụy tín từng che lấp cuộc đời. Đó chỉ là một *gã ba phải* đứng giữa ngã ba đường như Nguyễn Bá Trạc tự nhận (13), một đứa con hoang như Thường Quán tự họa (14), hoặc chỉ là một tên thanh niên lừng khừng không có khả năng gì đặc biệt ngoài khả năng tưởng tượng và một tâm hồn trẻ trung hoặc trẻ thơ như Đỗ Kh. mô tả:

Tôi mười bảy tuổi từ hai mươi năm nay
Riết cũng chán giờ tôi mười tám
Cao một thước bảy mươi hai rưỡi nặng sáu mươi sáu ký
Chân nhiều lông (đàn ông) nhưng không nở ngực
(Rồi cũng đến phải tập thể dục)
Đã từng / Đã từng / Đã từng
Cái gì chưa từng thì rồi sẽ...
(Chắc thế)
Tôi cũng có lúc này cũng có lúc kia
Nói mười câu không ra một nghĩa
(Chân dung nhà thơ trẻ)

Nếu hình ảnh con hổ trong sở thú, con chim đến từ núi lạ, con nai vàng ngơ ngác đạp trên lá vàng khô từng dẫn các nhà thơ thời 32-45 đến với chủ nghĩa lãng mạn rồi chủ nghĩa tượng trưng, hình ảnh của nhà thơ *đã từng / đã từng / đã từng...* và *nói mười câu không ra một nghĩa* hiện nay biết đâu lại không dẫn đến chủ nghĩa hậu hiện đại (postmodernism), nhờ đó, thơ hay văn học Việt Nam nói chung bớt đi những dư âm của những tiếng ru, những tiếng hò, những lời kể chuyện lê thê mỏi mệt vốn kéo dài quá lâu?

NGUYỄN HƯNG QUỐC
Melbourne 4.3.1995

Chú thích:

1. Nguyễn Hưng Quốc (1990), "15 năm văn học lưu vong, bản chất và đặc điểm", Văn Học (California) số 47&48 (1.1990).

2. Xem Nguyễn Hữu Nghĩa trong bài "Sơ kết 15 năm văn học Việt Nam lưu vong" và Nguyễn Mộng Giác trong bài "Đôi điều suy nghĩ về 15 năm văn học lưu vong"; cả hai đều đăng trên Văn Xã số 3 (7.1990).

3. Xem tạp chí Văn Học (California) các số 99, 100 và 101 (1994).

4. Để có thể hình dung ít nhiều khung cảnh sinh hoạt văn học lưu vong của các nước

khác, có thể xem Magazine littéraire (Paris), số 221 (đặc biệt về văn chương và lưu đày), ra vào tháng 7 & 8. 1985.

5. Xem John Glad (biên tập) (1990), Literature in Exile, Duke University Press, Durham & London.

6. Thanh Nam kể lại trong bài "Tháng 4 Phú Quốc và thơ Cao Tần" đăng trên Đất Mới số ra ngày 15.4.1984, sau, in lại trên Văn Học số 5 (6.1986).

7. Quyển Thư gửi bạn, sau, được in lại trong tập Tùy bút 2 trong bộ Toàn tập Võ Phiến, Văn Nghệ, California, 1987, tr. 231-369.

8. Võ Phiến, như trên, tr. 240.

9. Văn số ra mắt, tháng 7.1982.

10. Joseph Brodsky, The Condition We Call "Exile", in trong tập Literature in Exile do J. Glad biên tập (1990). tr. 101.

11. Đặng Tiến (1991), "Võ Phiến, điệu nhạc thầm và truyện thật ngắn", Diễn Đàn số 2 (11.1991).

12. Nguyễn Mộng Giác (1991), "Góp ý về một cách nhìn", Văn Học (California), số 59&60 (1&2.1991).

13. Nguyễn Bá Trạc (1995), "Thơ của một người ba phải", in trong quyển Mặt trận kiện báo chí của Trần Củng Sơn, nxb Sông Ba, San José, tr.181-183.

14. Thường Quán, bài "Nhà cha", Hợp Lưu, số 19 (10&11.1994), tr. 69.



NGU YÊN

chén chó = ngày sinh nhật 43

Tôi
sau bốn mươi ba năm làm người
thích chó

Đêm nay
muốn được hèn mọn làm chó hoang
tru trăng
vui ăn của thừa
bất ngờ
thấy sao lạnh quá trên cao
bất ngờ
sủa lên nhạc
bất ngờ
hiểu ra tự do lũy thừa định mệnh
bất ngờ
thấy đẹp cảm đẹp hưởng đẹp
bất ngờ
quên yêu vợ thương con
vì tôi là chó

Mẹ biết không
con muốn khóc như ngày lên năm lên sáu
nhưng sợ thế gian tưởng con buồn
hỏi vì sao khóc?
mẹ có biết?:

nước mắt không phải vì thương tâm
không phải bất hạnh
chỉ vì khóc cho con thoát được bình thường
lắm khi nghĩ
nếu mẹ là chó
đời con khỏe biết bao

Xin cha
hãy để con làm chó
có chủ nhân biết thái
thiến
con chó không cần sinh lý
không tâm lý
không triết lý
tru trăng
ăn bãi
và một hôm
gặp
đêm âm u lạnh ngắt
côn trùng bấu vào
vi trùng bay lên
hết

Lạy cha
nếu cha không buồn chén đắng này
xin hãy đổ đi
con chỉ xin uống chén chó

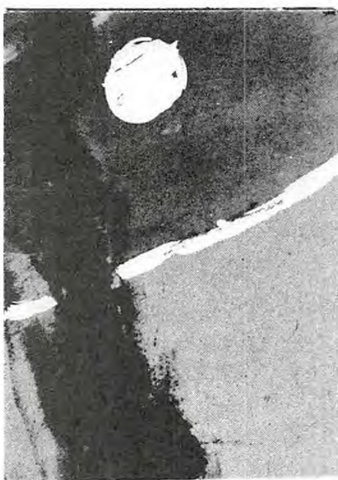
NGU YÊN



THỤY KHUÊ

thơ hiện đại

(Tiếp theo kỳ trước)



SÁNG TẠO

Trong khoảng thời gian từ 45 đến 54, những xu hướng muốn làm mới văn học nghệ thuật đều bị cản trở, Nguyễn Xuân Sanh trở về với thơ mới, Tô Ngọc Vân vẽ tranh tuyên truyền, Nguyễn Đình Thi cũng làm thơ khuôn khổ, Văn Cao im lặng, ...

Sự đòi hỏi tự do sáng tác và đổi mới tư duy văn học trổi dậy sau ngày chia đôi đất nước. Miền Bắc xuất hiện phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, với ý thức cải tạo toàn diện đời sống con người, dân chủ hóa đất nước và tự do sáng tác. Riêng trong địa hạt thi ca, những nhà thơ như Hoàng Cầm, Trần Dần và nhất là Lê Đạt còn muốn đoạn tuyệt với thơ mới để bước vào thơ hiện đại.

Nhưng họ thất bại và phong trào Nhân Văn Giai Phẩm bị dẹp tan. Mãi đến những năm 90, Đặng Đình Hưng và Lê Đạt mới lại được phép xuất hiện trên văn đàn. Đặng Đình Hưng với Bến Lạ và Ô Mai, Lê Đạt với Bóng Chữ. Thi pháp của họ đánh dấu ngõ quặt trong thơ hiện đại.

Ở miền Nam, tháng 10 - 1956, tạp chí Sáng Tạo ra đời tại Sàigòn như một sự "nổi loạn", một *"chất nổ phá đổ cái cũ, tạo dựng cái mới"*. Trên Sáng Tạo xuất hiện những tên tuổi: Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ,

Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp, Duy Thanh, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Quách Thoại, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng, Nguyên Sa, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đức Sơn ...

Họ tạo dựng cái mới như thế nào? Mai Thảo bảo: *"Văn học nghệ thuật mặc nhiên không thể còn là tả chân Nguyễn Công Hoan, lãng mạn lối Thanh Châu, những khái niệm Xuân Thu, những luận đề Tự Lực ... Những trào lưu cạn dòng phải nhượng bộ rút thoát cho những ngọn triều lớn dậy thay thế. [...] Cái vấn đề lớn nhất của chúng ta bây giờ, trước sau vẫn là phải làm sao đoạn tuyệt được hoàn toàn với những ám ảnh và những tàn tích của quá khứ [...]. Công tác chặt đứt với những trói buộc cũ phải được đặt lên hàng đầu ... và thơ bây giờ là thơ tự do"*. Ở bình diện khác, Thanh Tâm Tuyền định nghĩa nổi loạn: *"Nổi loạn là một hành động đòi được gia nhập đời sống: Kẻ nô lệ đòi quyền sống như những người tự do. Như thế nổi loạn là điều kiện sáng tạo."*

Trên thực tế, có thể nói Sáng Tạo đã làm được "ngọn triều lớn" trong thời điểm 50 - 60, tương tự như Tự Lực Văn Đoàn những năm 39 - 45: Thổi nguồn gió mới vào thời đại của họ, thay đổi bộ mặt văn học nghệ thuật.

Về nội dung của thay đổi, khi viết *"Đặt Nguyễn Xuân Sanh lên đỉnh cao của đường cong"*, Trần Thanh Hiệp muốn tiếp tục công việc mà Xuân Thu Nhã Tập đã thử nghiệm những năm 40 trong sáng tác: đưa tự do vào thơ, vào nghệ thuật. Sáng Tạo đã thành công trong việc hiện đại hóa văn học, đem hai dòng mạch lớn của thế kỷ XX vào văn học Việt: Dòng hiện sinh và dòng siêu thực, với những tính chất nền tảng: Hoài nghi và Mộng tưởng.

Về văn xuôi và tiểu luận, xuất hiện những tiêu đề chính trong văn học hiện đại, chủ yếu biện chứng của Sartre:

1. Đặt lại vấn đề tác phẩm (oeuvre). Có thể có tác phẩm văn học hay không? Có thể có một cuốn tiểu thuyết, một kịch bản, một bài thơ được không? Chữ nghĩa có giá trị gì? Đặt lại vấn đề viết (écriture). Viết như thế nào? Lối viết kể chuyện, có cốt truyện, và cả lối viết hiện thực, tả chân kiểu Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng ... đã lỗi thời vì không đạt tới tận cùng tính cách chính xác và xác thực. Bếp Lửa của Thanh Tâm Tuyền là một ví dụ về cách viết, cách đặt lại vấn đề viết.

2. Tác phẩm mở: tác phẩm không còn mục đích hướng dẫn người đọc tới một chủ đích như luân lý, đạo đức, triết học, văn chương, xã hội, v.v... nữa. Tác phẩm không cần kết luận, mà tác phẩm trình bầy một biện chứng, một thẩm mỹ của sự dang dở, mở cửa cho những suy nghĩ khác và sẵn sàng chờ đón những nối tiếp về sau (Bếp Lửa của Thanh Tâm Tuyền, Tháng giêng cỏ non, Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời của Mai Thảo ...).

3. Tính chất biến dạng của tác phẩm: tác giả không còn là chứng nhân biện hộ (témoin de la défense) kiểu Gide, mà trở thành chứng nhân không thể loại trừ (témoin inéliminable), kiểu Sartre, chứng nhân nằm trong diễn

biến, chao đảo với hoàn cảnh, chịu sự chia phối của các áp lực nội tâm cũng như ngoại cảnh (Tâm trong Bếp Lửa của Thanh Tâm Tuyền).

4. Đưa vai trò của nhận thức (perception) vào tác phẩm. Tác phẩm không còn nhiệm vụ khơi gợi cảm xúc và làm mủi lòng theo nghĩa lãng mạn, mà tác phẩm gây nỗi đau, gây khó chịu bằng nhận thức (thơ Thanh Tâm Tuyền).

5. Xuất hiện hình thức mỉa mai, châm biếm hiện đại (ironie moderne) kiểu Sartre, Beckett, thay thế lối châm biếm lãng mạn (ironie romantique), kiểu Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng. Dạng thức này cay độc hơn vì người viết không ở ngoài để ghi nhận hiện thực mà ở ngay trong cuộc, diễu mình, cười mình. Lối tự trào này rải rác trong các tác phẩm của những người cùng thời với Sáng Tạo như Túy Hồng, Nhã Ca, Trần Thị Ngh, ... gọi nôm na là sự "chọc quê" chính mình.

6. Tính cách dấn thân của người nghệ sĩ trong sáng tạo và trong cuộc sống, thể hiện trên hai mặt:

- Chính trị: Chiến sĩ tự do, chống Cộng, truyền thống anh hùng (kiểu Mal raux) như Trần Thanh Hiệp, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, ...
- Văn nghệ: Cực lực đổi mới, bài trừ cái cũ: Chống Tự Lực Văn Đoàn, đả kích Vũ Hoàng Chương ... Thái độ "chặt đứt" với quá khứ, tính cách "nổi loạn" và những tuyên ngôn thái quá làm gai mắt những người cựu trào như Nguyễn Hiến Lê (Đời viết văn của tôi), Võ Phiến (Văn học miền Nam).

7. Hoài nghi: trên tất cả là hư vô, không có gì hết (Mai Thảo: Bản chúc thư trên ngọn đỉnh trời, Ta thấy hình ta những miếu đền).

8. Dòng mạch siêu thực hòa hợp mộng vào đời, mở những ngưỡng cửa mới cho sáng tác: đập vỡ bức màn kiểm duyệt của lý trí, của ý thức xã hội, tìm đến bề sâu của tâm hồn ẩn dấu trong phần tiềm thức và vô thức, nâng cao vai trò của tưởng tượng, tìm ra những phương pháp tạo hình mới cho thơ và họa, mở thêm một cánh cửa nữa về phía **Tự do**. Sáng Tạo đã nắm bắt được luồng sinh khí ấy và đem vào văn học Việt.

THƠ TỰ DO
THANH TÂM TUYỀN

Một tác phẩm văn học có thể phản chiếu được thời đại hay không? **Tôi Không Còn Cô Độc** của Thanh Tâm Tuyền có thể trả lời được câu hỏi đó.

Xuất hiện tháng 10/1956 cùng với tạp chí Sáng Tạo, tác phẩm gây những phản ứng cực kỳ tương phản và nhiều năm sau, lời yêu, tiếng ghét vẫn chưa nguôi cường độ và nồng độ ban đầu.

Cùng thời Thanh Tâm Tuyền, thơ của Quách Thoại, Cung Trầm Tưởng, Đoàn Thêm, Nguyễn Sỹ Tế, Trần Thanh Hiệp, ... dạng thức tự do, Tô Thùy Yên, Hoàng Trúc Ly, Nguyên Sa, ... vẫn còn lưu luyến thơ mới, Bùi Giáng, Nguyễn Đức Sơn, ... hình ảnh mới nhưng hình thức cũ.

Tôi Không Còn Cô Độc đứng riêng một phía cô độc- trong hành trình tự do của mình. Trước Thanh Tâm Tuyền cùng Thanh Tâm Tuyền và sau Thanh Tâm Tuyền, chưa có tác phẩm nào gây nhiều tương phản như thế, bởi chính nó là **sự tương phản.**

I. Thanh Tâm Tuyền nhà thơ tương phản

Là một nhà lý luận, Thanh Tâm Tuyền lý giải hành trình thơ tự do của mình trong bài tiểu luận **Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay:** Tại sao phải đổi mới? - Bởi vì thơ luật gò bó nhịp điệu trong tám câu. Thơ mới biến hóa hơn, nhưng rút gọn phạm vi trong bốn câu. Thơ phá thể là thơ mới trong ngõ cụt: Các câu dài ngắn khác nhau nhưng đầy vần điệu giả tạo, vì thế mà có thơ tự do. Nhịp điệu của thơ tự do *không gieo lối đồng âm, đồng thanh*, mà là *nhịp điệu của hình ảnh, nhịp điệu của ý thức.*

Dựa vào sự phân biệt của Nietzsche giữa hai quan niệm nghệ thuật đối chọi nhau: Nghệ thuật Apollon với cái đẹp toàn bộ, hoàn chỉnh và nghệ thuật Dyonysos phá vỡ những hình thức sẵn có, Thanh Tâm Tuyền chọn nghệ thuật thứ nhì:

"(Người làm thơ hôm nay) không mơ mộng, nghĩa là không tạo những hình dáng cho cuộc đời vốn đã là một hình dáng, họ muốn nhìn thực tế bằng con mắt trọn tròn, căng thẳng phá vỡ hết mọi hình dáng để sự vật hiện ra với cái thực chất hỗn loạn không che đậy."

(Nỗi buồn trong thơ hôm nay, 1956, in lại trên VĂN số đặc biệt
Thanh Tâm Tuyền tháng 10/1972)

OK với nghệ thuật Dionysos. Nhưng cũng trong tạp chí VĂN ấy, ở bài tiểu luận **Nhân nghĩ về hội họa,** Thanh Tâm Tuyền viết: *"Nghệ thuật là cách xây dựng cụ thể của đời sống. Do đó trong danh từ nghệ thuật tự nó đã loại trừ danh từ trừu tượng [...]. Hội họa trừu tượng là một hủy thể thuần túy. Người xem không tìm thấy ý nghĩa nào ngoài sự đổ vỡ hoàn toàn của mọi hình thể, sự rối loạn vô định của đường nét."* (Sách đã dẫn)

Nhà thơ trẻ tuổi quá lời chăng? (bài viết năm 1956, in lại năm 72, các tác phẩm chủ yếu của Thanh Tâm Tuyền xuất hiện lúc ông 19, 20 tuổi). Một dấu hỏi được đặt ra: Tại sao người làm thơ có quyền *phá vỡ hết mọi hình dáng để sự vật hiện ra với cái thực chất hỗn loạn* của nó, mà người vẽ lại không được

quyền hủy thể? Cho rằng hội họa trừu tượng là hủy thể thuần túy đi. Nếu đã quan niệm tự do tuyệt đối, tại sao không chấp nhận hủy thể thuần túy? Văn chương không chỉ có những tích cực. Đối diện với Malraux còn có Céline, trước Céline có Sade. Không phải ngẫu nhiên mà Nietzsche ca tụng tính *déclin* nơi con người. Những hình ảnh *mưa rơi sao, lệ đá xanh* của Thanh Tâm Tuyền thì dựa trên thực tế nào trong đời sống? Và xây dựng gì cho đời sống? Mà vẫn là nghệ thuật, nghệ thuật huyền ảo và quyến rũ.

Nghiệm cho cùng, nhìn một cách nào đó, hội họa trừu tượng có thể là người bạn đồng hành của thơ tự do. Kandinsky để cảm hứng tự do, tràn ra những thể (formes) vô hình thức, cực kỳ khác lạ, biểu dương thế giới nội tâm và khả năng tưởng tượng của tác giả. Ở bình diện đối lập, Malévitch và Mondian biêủ hiện vũ trụ một cách thuần lý và đơn giản nhất bằng những đoạn thẳng nói lên tính cách đứt đoạn của không gian và đời sống. Hội họa trừu tượng hòa hợp hai quan niệm tương phản trên, mở ra một ngã mới cho người nghệ sĩ. Nếu hội họa truyền thống *tổng hợp* những đường nét, hình thể, màu sắc để tạo nên những toàn bộ hoàn chỉnh thì hội họa trừu tượng phản ánh khả năng *phân tích* những toàn bộ hoàn chỉnh của người nghệ sĩ, cùng trong chức năng phục vụ nghệ thuật. Có thể nói đó cũng là hai khía cạnh của nghệ thuật: Apollon và Dionysos.

*

Những điều dông dài trên đây chỉ để chứng minh rằng Thanh Tâm Tuyền là một tác giả phức tạp và **tương phản.** Một đặc trưng hiếm hoi trong văn học Việt từ trước đến giờ.

Điểm tương phản thứ nhất mà người đọc có thể tìm thấy ở Thanh Tâm Tuyền, có lẽ là ông sống một lúc hai thực tại: Thực tại hiện sinh trong cái nghĩa đi đến tận cùng của nhận thức (perception), lý trí chủ động biện chứng. Và thực tại siêu thực, phủ nhận vai trò của lý trí, tìm đến phần vô thức trong sáng tạo. Tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền chao đảo giữa hai dòng nước ngược chiều: Tạo hình bằng những giấc mơ, qua mơ tìm đến một hiện thực chát chúa, bạo liệt. Không phải là hiện thực phê phán xã hội Bỉ Vỏ Nguyên Hồng, Chí Phèo Nam Cao nữa, mà là hiện thực cực thực, đớn đau, khốc liệt, buồn nôn của mình trực diện với chính mình: Roquentin trong Sartre, Tôi trong Phục Sinh của Thanh Tâm Tuyền.

Điểm thứ nhì: tư tưởng hoài nghi xuất hiện cùng với sứ mệnh anh hùng (Malraux, Eluard) tranh đấu cho tự do dân chủ, gây ra nghịch lý của tự do, đưa đến câu hỏi: Có thể có tự do? Đó là vấn đề của Bếp Lửa (1957) được thể hiện ngay trong lời mời người đọc tự do bước vào tác phẩm **Tôi Không Còn**

Cô Độc.

Ở đây tôi là vị hoàng đế đầy đủ
quyền uy. Bởi vì người vào
trong đất đai của tôi
người hoàn toàn tự do
để cai trị tôi có những luật lệ
tinh thần mà người phải thần
phục nếu người muốn nhập
lãnh thổ.
Người hoàn toàn tự do
và có thể ném cuốn sách qua cửa sổ.

(trang 10)

Hình ảnh này tương tự như hình ảnh *"tôi khắc tự do vào mỗi tâm hồn"* (trang 63), có thể là hình ảnh của người Việt, sau hiệp định Genève được đúng 300 ngày để tự do lựa chọn giới tuyến của mình. Sau khi đã lựa chọn rồi, *người phải thần phục vì đã nhập lãnh thổ'.*

Vì vậy ở Thanh Tâm Tuyền, tôi yêu những cái tôi *"vẽ chữ Tự Do mọi người cười ào ạt"* (trang 62) hơn những cái tôi *"khắc Tự Do vào mỗi tâm hồn"* (trang 63). Nhưng nếu loại trừ những cái tôi *"khắc Tự Do vào mỗi tâm hồn"* đi, thì ngọn lửa đấu tranh tiêu tán và tác phẩm không có lý do tồn tại. Đó là mâu thuẫn sâu xa giữa tác phẩm và biểu tượng, giữa đấu tranh và lý tưởng tranh đấu, giữa hai cực và con người (không thể lựa chọn, không biết lựa chọn). Con người ở vị trí trung gian, không đen, không trắng, con người chịu đựng và bắc cầu. Tác phẩm như cái cầu nổi bắc giữa hai cực mà con người tòng teng trên đó. Nó biểu thị những nhận thức nội tại của con người về mình, về thời đại mình đang sống, bao gồm những phi lý, bất lực của cuộc đời nhược tiểu, chia đôi đất nước, chiến tranh, tự do, cộng sản, bạo lực, đàn áp, rác rưởi, hận thù, với cái nhìn chủ quan của người nhập cuộc và tranh đấu. Nó phản ánh một giai đoạn chủ quan của lịch sử mà mọi người đều phải nhập cuộc và tranh đấu dù cảm thấy cái phi lý của đấu tranh: *Tự do* cũng như *sự thật,* hai sức mạnh tối thượng của con người, nhưng đều là những thực thể không nắm bắt, *tranh đấu* được: **Con người không sở hữu tự do. Con người không sở hữu sự thật. Con người là tự do. Con người là sự thật.** Khi cất tiếng tranh đấu cho tự do, cho sự thật, hắn đã loại trừ tự do và sự thật ra khỏi bản chất của mình, chúng trở thành đối tượng chiếm lĩnh và mặc nhiên hắn đã bước vào cương vị của kẻ xâm lấn: Tranh đấu cho hòa bình là hình thức khôi hài nhất của các hình thức đấu tranh.

Tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền thể hiện sự mâu thuẫn đó.

*

Về bí quyết sáng tạo, Thanh Tâm Tuyền thổ lộ:

Tôi sống thường trực bằng hình ảnh.
Bài thơ này tôi viết trong giấc mơ.
(Hình ảnh - trang 40)

Mơ đây là mơ tỉnh trong vô thức, cái kho vô tận của con người, là tiềm lực của sáng tạo, cho nên thơ Thanh Tâm Tuyền tràn ngập hình ảnh:

Đêm giao thừa thế kỷ mưa rơi sao.
Mái sáng đường nằm chiêm bao biển giận dỗi
bàn tay mây mắt trăng môi nhiệt đới
(trang 46)

Ba câu thơ trên quy tụ tám hình ảnh độc đáo liên tiếp, loại hình chưa xuất hiện trên thơ Việt từ trước đến giờ: *Đêm giao thừa thế kỷ, mưa rơi sao, mái sáng, đường nằm chiêm bao, biển giận dỗi, bàn tay mây, mắt trăng, môi nhiệt đới.* Biện pháp siêu thực tận dụng đến kiệt cùng. Thanh Tâm Tuyền là một trong những nhà thơ giầu hình ảnh nhất trong thơ Việt.

Cái mới đầu tiên mà Thanh Tâm Tuyền đem vào thơ Việt là dứt bỏ hình thức hoàn chỉnh và đóng của câu thơ truyền thống kiểu "Thuở trời đất nổi cơn gió bụi", để đi đến hình thức mở, dang dở, có thể nối tiếp:

Tôi buồn khóc như buồn nôn
ngoài phố
nắng thủy tinh

Tính cách dang dở, dứt đoạn này không chỉ hiện diện trong thơ mà là tính cách chung của văn học nghệ thuật thế kỷ XX. Picasso "cắt" mặt của các cô gái Avignon (Mesdemoiselles d'Avignon) ra làm nhiều mảnh, thể hiện khuôn mặt chuyển động, với nhiều khía cạnh, kể cả những khía cạnh nội tâm; thay thế chân dung cổ điển, hoàn mỹ (khuôn mặt im lìm - đối tượng chết) không có trong thực tế. Dos Passos ghép những "mảng chuyện", thỉnh thoảng đưa ống kính caméra quẹt sang phía khác - lại có thời sự lọt vào, để người đọc cảm nhận được môi trường sống sinh động trước mắt.

Tóm lại đời sống là những mảng **đứt đoạn**. Tư tưởng chúng ta cũng đứt khúc: đang nghĩ cái nọ, xọ sang cái kia. Văn chương cổ điển kể chuyện một mạch từ A đến Z: Anh A đang buồn, cô B, cô C đến an ủi, vỗ về, hết buồn. Sự thực cuộc đời không diễn biến theo tình tự thẳng tắp như thế. Mà khi *tôi buồn khóc như buồn nôn,* tôi nhìn ra *ngoài phố* thì nắng vẫn *thủy tinh.* Vậy tính cách **đứt đoạn** trong thơ mà Thanh Tâm Tuyền gọi là nhịp điệu của hình ảnh và nhịp điệu của ý thức chỉ là một lối diễn tả gần gụi với thực tại hơn: Thực tại là một chuỗi **liên tục những đứt đoạn.** Bài Phạm Văn Thông của Quách Thoại là bài thơ hình thức tự do, có giá trị nhân bản cao, nhưng nội dung vẫn còn cấu trúc liên tục của chuyện kể. Bài Cánh Đồng Con Ngựa Chuyến Tầu của Tô Thùy Yên, có nhịp điệu, có chuyển động cuốn theo hình ảnh, nhưng vẫn sắp xếp các diễn biến theo tình tự liên tục. Tính cách đứt đoạn này cho tới nay chỉ có hai nhà thơ thực hiện trong hai chiều hướng khác nhau: Thanh Tâm Tuyền và Lê Đạt. Thanh Tâm Tuyền cắt đứt mạch liên tục bằng *hình ảnh.* Lê Đạt sử dụng những *con chữ.*

II. Cái tôi Thanh Tâm Tuyền

Bài Thơ Phục Sinh có thể coi như một thông điệp tư tưởng và nghệ thuật của Thanh Tâm Tuyền, đặt ra nhiều nghi vấn tiếp nhận. Thoạt nhìn có vẻ dễ: Nhịp điệu hình ảnh gắn liền với nhịp điệu ý thức để trở thành nhịp điệu nhận thức về nội dung tư tưởng: Cần hủy để tái sinh trong đời sống, trong sáng tạo. Phương tiện thực hiện: Mình trực diện với chính mình, mình tự bóc vỏ mình, để lột xác, tái sống. Hai chữ *buồn nôn* ngay dòng đầu gọi người đọc đến một phương trời khác: một Roquetin - Sartre và một Tôi - Thanh Tâm Tuyền. Hai hữu thể cách nhau vạn dặm nhưng cùng chung một nỗi đau, cùng chịu khảo hạch của nhận thức, cả hai đều phải *học lại* cảm giác với tất cả giác quan của mình, và bỗng thấy vũ trụ xã hội, vũ trụ văn hóa, thấy đều đổ vỡ, cần phải hủy diệt để tái sinh:

Phục sinh

Tôi buồn khóc như buồn nôn
ngoài phố
nắng thủy tinh
tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ
thanh tâm tuyền

buổi chiều - sao vỡ vào chuông giáo đường
tôi xin một chỗ quỳ thầm kín
cho đứa nhỏ linh hồn
sợ chó dữ
con chó đói không màu

tôi buồn chết như buồn ngủ
dù tôi đang đứng trên bờ sông
nước đen sâu thao thức
tôi hét tên tôi cho nguôi giận
thanh tâm tuyền
đêm ngã xuống khoảng thì thầm tội lỗi
em bé quàng khăn đỏ ơi
này một con chó sói
thứ chó sói lang thang
tôi thèm giết tôi
loài sát nhân muôn đời

tôi gào tên tôi thảm thiết
thanh tâm tuyền
bóp cổ tôi chết gục
để tôi được phục sinh

từng chuỗi cuộc đời tiếp nối
nhân loại không tha thứ tội giết người
bọn đao phủ quỳ gối
giờ phục sinh

tiếng kêu là kinh cầu
những thế kỷ chờ đợi

tôi thèm sống như thèm chết
giữa hơi thở giao thoa
ngực cháy lửa
tôi gọi khẽ
em
hãy mở cửa trái tim
tâm hồn anh vừa sống lại thành trẻ thơ
trong sạch như một lần sự thật

Tự hủy để tái sinh, chưa giải quyết vấn đề. Bạn bè thử cách tiếp nhận thứ nhì: Từ khoảng tối nội tại, phóng ra những hình ảnh hỗn loạn, ghê gớm mà con người dấu kỹ trong tiềm thức và quên đi trong vô thức: Những tội ác, giết người, lang sói, ... của *cái tôi* được phanh phui, trần trụi trước ánh *nắng thủy tinh*, tia mắt băng trinh của em bé quàng khăn đỏ.

Tôi gọi tên tôi cho đỡ nhớ: Có một cái tôi hiện hữu (tôi gọi tên tôi) và một **tôi vắng mặt** (cho đỡ nhớ). Sự phân thân và phân tâm này vừa chứng minh sự đổ vỡ không cứu vãn được trong con người, vừa là nhận thức sâu xa về những mất mát, tứ tán của chính mình.

Tôi hét tên tôi cho nguôi giận: Vẫn có hai tôi. Một tôi đang hét và một tôi đang làm bậy (cho nguôi giận). Cái tôi nhận thức chạy xông vào vùng tiềm thức để tìm kiếm lục lọi cái tôi tội lỗi, trốn vào bóng tối, vào chỗ quên đi của tâm hồn. Cái tôi "vô tội" bóp cổ cái tôi có tội và trở thành kẻ sát nhân. (Đây không chỉ là một hình ảnh siêu thực, mà còn cực thực: hình ảnh của những người đòi kết án tử hình những kẻ sát nhân). Trong khi đó thì những hình ảnh tương phản của một thế giới khác: em bé quàng khăn đỏ cận kề, vô tư, trong sáng, chưa một lần ngờ vực đến cái mờ ám của con người chứa đựng trong các vùng sâu.

Và cuối cùng, cứu cánh, cứu rỗi, trên hết vẫn là tình yêu:

em
hãy mở cửa trái tim
tâm hồn anh vừa sống lại thành trẻ thơ
trong sạch như một lần sự thật

Nhưng tình yêu chỉ là phương tiện hành động *"thế giới tuyệt đối của Tình Ái bị phá vỡ, những thần tượng sụp đổ. Tình Ái cũng bị làm phương tiện khám phá đời sống, khai quật ý thức"* (Tựa *Liên đêm mặt trời nhìn thấy*, sđd)

Không có cứu cánh, không còn cứu cánh, con người quay trở lại sự hủy diệt tròn (destruction circulaitre), vô tội - có tội cùng sát nhân như nhau, một vòng luân hồi trong hư vô, gặp lại Nietzsche. Tác phẩm của Thanh Tâm Tuyền nằm trong qũy đạo nghi vấn liên tục, luôn luôn đặt lại vấn đề.

III. Thanh Tâm Tuyền và tình yêu

Rất may nhà thơ nói vậy nhưng không phải vậy. Dù tình yêu chỉ là *phương tiện khai quật ý thức,* nhưng ông cũng vẫn dành cho tình yêu những lời tha thiết nhất:

Tôi biết những người khóc lẻ loi
không nguôi một phút
những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình
em biết không
lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi

đôi khi anh muốn tin
ngoài đời chỉ có trời sao là đáng kể
mà bên những vì sao lấp lánh đôi mắt em
đến ngày cuối
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời thơm phức những trái cây của thượng đế
mà bên những trái cây ngọt ngào đôi môi em
nguồn sữa mật khởi đầu
đôi khi anh muốn tin
ngoài đời đầy cỏ hoa tinh khiết
và bên cỏ hoa quyến rũ cánh tay em
vòng ân ái

đôi khi anh muốn tin
ôi những người khóc lẻ loi một mình
đau đớn lệ là những viên đá xanh
tim rũ rượi

Đối chất với trữ tình lãng mạn: Tin tưởng và thần thánh hóa tình yêu, thì ở đây là một thái độ hoài nghi: *đôi khi anh muốn tin.* Nhưng hoài nghi trong xác quyết bằng những hình ảnh cực kỳ đớn đau: *Những người khóc lệ không rơi ngoài tim mình, lệ là những viên đá xanh, tim rũ rượi* mà thi ca cổ điển và lãng mạn chưa mạo hiểm để liên kết những chất vô cơ như đá, với hữu cơ như nước mắt, cùng sinh vật huyền nhiệm như trái tim con người.

Anh xin em ngọn tóc cỏ cái hôn tím
mắt chợt xẩm chiều
bởi trôi qua những miền tâm sự viếng thăm

có thể em chết trước khi anh kịp về
không ai khép cửa sổ
cúi xuống viền mi những bóng tối bên ngoài

có thể rồi anh sẽ yêu người đàn bà thứ hai
anh không chối
nhưng mãi mãi em còn là đất dĩ vãng
mã rễ tình cảm đòi bén gần
và những viên gạch những lối xưa
còn chiêm bao gót em mềm âu yếm
...
vậy sao em lại ngủ
ngủ trong lòng mộ trong nghĩa địa thân thể anh
với áo cỏ may châm da thịt
(Liên những bài thơ tình thời chia cách)

Sự tiếp cận của nhà thơ với tình yêu ở đây dường như đã ra ngoài cõi sống, ngoài cõi biết: *ngủ trong lòng mộ, trong nghĩa địa thân thể anh, với áo cỏ may châm da thịt.*, bất ngờ, không nằm trong tầm với của nhiều người, nó lớn lao trong tình yêu, trong sáng tạo. Maurice Blanchot đã từng liên kết tình yêu, sự sống với cái chết như một guồng máy sinh động của cuộc đời, hiển nhiên qua nhiều giai đoạn: Tình yêu là cơ nguyên của sự sống, trong một cuộc chiến cam go: Khi vượt tuyến vào vòng trứng, bao nhiêu tinh trùng đã bỏ mạng? Cuộc đời thoát thai từ chiến tranh, từ nhiều cái chết và tình yêu đưa đến sự hủy hoại trước khi tái tạo một tinh thể mới.

Trường ca **Đêm** trong **Liên đêm mặt trời tìm thấy** trổi dậy những nét đớn đau ấy, có phần khốc liệt hơn: Tội ác dần dần tái chiếm lãnh địa, tình yêu mắc bạo bệnh, thổ huyết, chết quằn quại bên một nhân loại lầm lì, sa đọa và cô độc.

Đêm

I ...
Ở cuối đêm
em rũ tóc nói những lời mê sảng
những ám hiệu
của mặt biển đen không
tình yêu tuyệt vọng
anh xé tóc em cùng những cánh lá chết
mùa thu
gây thương tích nơi cườm tay
khóa chặt
anh xô ngã em từ chóp đỉnh hạnh phúc

khuôn mặt vỡ tan
như cẩm thạch
như nước mắt
như muôn đời

...
VII
Những bài thơ tình không viết được
những hồn ma hoang đầu ngọn cây
xác chết rữa nát
trong kẹt rừng khô
đêm thức dậy mở mắt
đã mù
hai con sâu nằm trên chân mày khoét lỗ
con quạ hôi hám mở lồng ngực bay lên
mỏ ngậm quả tim đựng đầy hình ảnh đời người
đời người thản nhiên như tên gọi
...
X [...]
Có ai gọi tên tôi tôi giữa phố, phố hoảng sợ cái tên lăn như một xác chết nhập hồn. [....] Anh không phải là một cái tên [...] Mỗi lần muốn gặp anh em chỉ việc chọc dao thẳng vào tim, máu sẽ chảy và anh tới theo con đường máu tinh khiết ấy. Anh sẽ uống những giọt máu thơm tho của tình yêu làm anh bất tử. [...]
Có ai gọi tên tôi giữa phố, ngay sau lưng phố cụt cái tên mọc hai cánh tay chới với. Tôi dừng lại rút khí giới, con dao của em, ...
Sao không ai gọi tôi nữa? Tôi đứng im đây, vực sâu trước mắt, cái tên sau lưng. [....] Cái tên chết điếng. [...] Hóa ra tôi đâm tôi chết tốt. Cũng xong.

Con đường tìm bản thể (cái tôi) dẫn đến hủy thể. Hủy thể ở đây là tình yêu. Tình yêu vừa là cứu cánh, tình yêu còn đi đôi với tội ác, cái chết - Trong tình yêu có cái chết và tội ác, trong cái chết và tội ác có tình yêu. Khó có tác phẩm nào trình bầy được sự tương phản đến cực độ ấy trong con người. Người đọc loạn thần trước những hình ảnh cực kỳ đen và đẹp: *Anh xé tóc em cùng những cánh lá chết, mùa thu ghi thương tích nơi cườm tay khóa chặt, anh xô ngã em từ chóp đỉnh hạnh phúc khuôn mặt vỡ tan như cẩm thạch như nước*

mất như muôn đời., con quạ hôi hám mở lồng ngực bay lên, v.v... và sau cùng hình ảnh Orphée tìm người yêu qua nhiều miền địa ngục và giết người yêu bằng tình yêu của mình: Khi Orphée *ngoái lại,* bánh xe hủy diệt luân hồi giữa tình yêu, tội ác, sự sống và sự chết lại vận hành, vận hành cho tới khi nào còn con người trên nhân thế, ngoài nhân thế.

IV Thanh Tâm Tuyền và mầu da.

Trong những nỗi đau của Thanh Tâm Tuyền, có cái đau nhỏ: đau chia đôi đất nước (bài Vĩ Tuyến), có cái đau lớn: đau mầu da, đau thân phận nhược tiểu của con người (bài **Đen**).

Đen

Một người da đen một khúc hát đen
bầu trời đen sâu không cùng
những giòng nước mắt
xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng
bằng giọng của máu của tủy của hồn bắt đầu ngày tháng
giữa rừng không lối rừng mãi trống không
ném mình ném đám đông và trần truồng tủi cực hơn xác thịt
tan vỡ hôm qua hôm nay kể gì ngày mai
tội rằng không quên chẳng thể được quên
vì blues không xanh vì điệu blues đen
trêm mầu da nức nở
trong hộp đêm
bắt đau chẩy máu những thầm kín khóc cổ họng mình
ngón tay cấu lấy ống kèn như một bùa thiêng
chọn ngoài thể xác ngoài thương yêu ngoài dữ tợn
chọn thế giới va chạm những loài kim réo gọi
thời gian mềm
không gặp thời gian
không gian quay thành những vật kỷ niệm
rồi một buổi nào blues xanh hiện về

Đen đoạn tuyệt với lối hiện thực phê phán xã hội để bước vào hiện thực hiện sinh: Nhà thơ không đứng ngoài để tả chân về một người nghệ sĩ da đen, ông nằm trong da, trong thịt, trong máu, trong nước mắt, trong tiếng kèn của người nghệ sĩ để phóng ra những âm thanh, những hình ảnh khốc liệt của

một *khúc hát đen,* trong *bầu trời đen, với những giòng nước mắt xé nát thân thể bằng tiếng kèn đồng, trên mầu da nức nở.* Ở ngoài không thể làm được như thế, phải ở trong, ở sâu mới đi đến kiệt cùng, đến thế. Xác đáng ghê gớm về mặt hiện thực, nhưng cả bài thơ là một dòng tư tưởng trong trạng thái quặng mỏ, chưa đãi lọc, chưa có dấu vết kiểm duyệt của lý trí, những hình ảnh cứ mặc sức tuôn ra theo giòng máu, bắt người đọc phải nín thở trườn theo mạch thơ vì mỗi xuống hàng đều bắc cầu liên tục với câu trên, không ngừng đứt: Niềm đau hội tụ từ hồng tâm đen, tóe máu đen ra tứ phía, nhuộm đen vũ trụ, không gian, thời gian và âm nhạc. Đồng thời cũng từ hồng tâm huyết cầu này toát ra những hủy thể trường kỳ của sự sống: *Xé nát thân thể, giọng của máu của tủy của hờn, tan vỡ hôm qua hôm nay kể gì ngày mai...* toát ra những bất công mãn kiếp của những số phận: *trần truồng tủi cực hơn xác thịt, quên chẳng thể được quên, chọn ngoài thể xác ngoài thương yêu ngoài dữ tợn, chọn thế giới kim châm ...* toát ra tính chất bất kỳ, phi lý của mầu da, của người dân nhược tiểu không có quyền lựa chọn, và cuối cùng pha trộn với sự trốn chạy của thời gian và không gian làm nên một thứ hủy diệt tròn: **không gì có thể giải quyết nổi.**

Nỗi đau *đen* không chỉ là nỗi đau của người nghệ sĩ kèn đồng đêm ấy, nó là nỗi đau của nhân loại, tiết ra từ xương, từ tủy, từ giòng máu đen khốn nạn trong mỗi chúng ta với những ác tâm, kỳ thị, phân biệt chủng tộc. Chính dòng máu đen ghê gớm ấy đã xé nát thân thể, đã cào cấu huyết mạch những tâm hồn *không được quyền chọn mầu da của mình.* Dòng máu đen "vô tội" của mỗi người được dấu kín trong tiềm thức, giả đò quên đi trong vô thức, nhưng luôn luôn chẩy ngầm trong huyết quản mà chỉ những nghệ sĩ đích thực mới cả gan đào sâu, cắt mạch cho nó tóe ra trong địa ngục con người. Họ là tự do. Họ là sự thật.

THỤY KHUÊ
Tháng 9/95



TRẦN MỘNG TÚ

nấu bữa chiều ở issaquah

Chiều hôm nay lòng em như hành úa
thả vào canh không đủ dậy hương thơm
màu đũa mun như màu mắt em buồn
cơm làm nũng giữa hai hàm răng nhỏ

Những sợi miến nối dài thêm nhung nhớ
anh bây giờ chắc tóc đã thay màu
tóc có mềm như sợi miến trắng phau
để em ngậm trên môi ngày tháng cũ

Rót nước mắm em vụng về làm đổ
giọt vương tay như lệ mặn, ngày nào
mưa đầu mùa làm dập cả vườn rau
em đứng khóc - bảo trông như ngọc vỡ

Con cá rán đang chờ tay em gỡ
nằm cong mình nhớ muối sả quê xưa
em sẽ làm như cô Tấm ngây thơ
gom xương lại chờ Bụt ra làm phép

Bụt thương em dắt em vào bàn tiệc
đặt anh ngồi tiếp hạnh phúc cho em
tiệc quê mình toàn rau đắng mắm nêm
em nghiêng xuống chấm miếng tình ngọt lịm.

TRẦN MỘNG TÚ



THƯỜNG QUÁN

hà nội, 3/95

Đứng ở góc đường, không thể băng qua
những khuôn mặt rễ đất mệt mỏi
mùi bã trầu, hơi nước, gió lá

những người đàn bà đã sinh ra tôi buổi chiều
trước cơn mưa
ngoài hiên vách đình miếu nước chảy

rao to lên, những tên gọi kỳ lạ
những chiếc kẹo vừng, những tép hoa cúc
ai mua... sấm chớp mưa chiều nhiệt đới

ba tép hoa cúc, nước chảy tháng ba
suốt một đường lưng, dưới nón
những người đàn bà không thể băng qua

những vòng xe đuổi bắt năm 2000
niềm tin, hàng biển quảng cáo
màu tươi, tươi cười, hình thiếu nữ Taiwan và Nhật Bản

THƯỜNG QUÁN



NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

đông cung nhựt trình


Hoàng tử Cảnh, 7 tuổi

Năm 1986, ông Nguyễn Khắc Ngữ cho tái bản ở Montréal cuốn SỬ KÝ ĐẠI NAM VIỆT Quốc Triều, đã xuất bản năm 1974 ở Saigon. Trong "Lời nói đầu" ông cho biết cuốn này in lại một bản in lần thứ năm của nhà Dòng Tân Định vào năm 1909. Ông phổ biến để độc giả dùng làm tài liệu tham khảo vì nhận thấy cuốn này có một số tài liệu lịch sử hơi lạ so với các cuốn sử khác.

Tôi sao chụp được ở Thư viện Trường Ngôn Ngữ và Văn minh Đông phương (INALCO) ở Paris một cuốn khác, cũng in tại nhà in Tân Định nhưng vào năm 1879, tức là trước cuốn của ông Nguyễn Khắc Ngữ tìm thấy 30 năm, song không rõ in lần thứ mấy và nhan đề cũng hơi khác: ĐẠI NAM VIỆT Quốc Triều SỬ KÝ. So với bản 1909 thì bản in năm 1879 đặc biệt có PHẦN PHỤ THÊM viết bằng văn vần. Chữ dùng cũng cổ hơn:

"Dưới tua khá giữ dám tình để duôi,
Khắp chưng các phủ trong ngoài...
...Nguyện cầu cùng Đ.T. Cha,
Xuống ơn phù hộ ca-sa giúp rầy..."

I - SƠ LƯỢC CUỐN ĐẠI NAM VIỆT Quốc Triều SỬ KÝ (bản in năm 1879)

Phần chính (tr. 1-174) là sử, chép từ thời nước ta còn là Giao Chỉ quận

cho tới khi vua Gia Long thống nhất. Phần này viết bằng văn xuôi.

Phần phụ thêm, văn vần và không có trong bản in năm 1909, chia ra 4 phụ đề:

1 - "Đông Cung nhựt trình" kể chuyện đi sang Pháp cầu viện của Hoàng tử Cảnh (tr. 175-187)

2 - "Tự Thánh thục đàng" (tr. 188-225)

"Thuở Tây Sơn bắt đạo mà nhớ đến nhà trường Huế xưa"

a - "Tự thánh thục đàng vãn" (tr. 188-204)

Than cảnh chia ly vì chiến tranh.

b - "Văn Tử đạo" (tr. 205-215)

"Danh hội gọi là bố Gioang chết tại ngục mà xưng đạo Chúa"

c - "Hối tình thuật đạo, vãn" (tr. 216-225). Hối hận vì:

"Trước bỏ cha gẫm đà theo vậy,
Nay dốc nguyền trở lại đàng ngay..."

Kế là một loạt thơ ca tụng Chơn đạo, Đức tin, Thiên đàng, Cứu thế vv...

3 - "Hàm oan chi từ" (tr. 226-246)

a - Trách triều đình:

"Trách vì quân thượng bất nhơn,
...e kẻ có đạo làm hư nước nhà.
Sao không xét việc đã qua
Giúp nên cơ nghiệp phục hồi cựu đô"

b - "Bây giờ mới bàn đến đạo nhu" (đạo Nho)

Khổng Tử tuy tài giỏi nhưng chỉ là một người, không thể so sánh với Chúa được.

c - "Phái nói đạo Phật mị tà chi không"

Chê Phật bất hiếu bỏ cha mẹ đi tu. Chê đạo Phật "mị tà, dối trá người ta" và kể chuyện Hán Minh Đế sai quần thần đi rước đạo Thiên Chúa về nhưng các quan đi đến nước Thiên Trúc rước nhầm đạo Phật khiến cả nước Trung Hoa theo đạo tà.

d - "Rầy nói Phật bà tên gọi Quan Âm"

Chê cả Phật Quan Âm lẫn Phật tử. Trang vương có ba con gái là Diệu Âm, Diệu Cung và Diệu Thiện đều "say mê các sãi, trốn đi ở chùa"... Vì chọn đạo lầm nên cả bốn cha con đều chết thảm.

4 - "Quảng Nam Đình" (tr. 247-256)

- "Án sát sứ quan, yết thị:

Lời quan khuyên dân chớ mê "tà đạo" (đạo Thiên Chúa), viện lẽ:

"Biết đâu Địa ngục, Thiên đàng là đâu?
...Có Thiên đàng cũng ít phần tới ta.
Ở đời ta giữ đạo người là xong"...

Chê đạo Thiên Chúa khó tin:

"Một rằng Thiên chúa ba ngôi,
Trời sao mà lại có Trời chia ba?
Hai là sự tích Đức Bà
Đồng Trinh mà đẻ ấy là có mô?"
Chê đạo răn người không có hiệu lực:
"Một rằng thấy của chớ tham,
Cớ sao núi biển nước Nam,
Mắt vừa xem thấy miệng thèm, lòng quên?
Không mua mà cũng không xin,
Liệu toan sự đoạt không nhìn mặt ai?
Chẳng qua cậy thế, cậy tài..."
b - "Chúng nhơn ca"
Phản bác những lý lẽ do quan án đưa ra:
"Mặc ai tham lợi, tham tài,
Đạo ngay chẳng giữ, Chúa Trời chẳng tha.
Mặc ai dấu dấy động can qua,
Việc người người biết, việc ta ta tường.
...Phá lúa chín thật bầy trâu,
Ngựa thì mang án gấm âu ức tình"...

II - "NHỰT TRÌNH ĐÔNG CUNG KÝ VÃNG TÂY BANG, TÁI HỒN BỔN QUẤC"

Tuy gọi là "nhựt trình" nhưng thực sự chỉ sơ lược chứ không ghi rõ chi tiết ngày tháng cùng những sự việc tuần tự xẩy ra trong chuyến đi Tây của Hoàng tử Cảnh.

Bài lại do một người chưa hề bước chân sang Tây viết cho nên phong cảnh nước "Lang sa" được mô tả theo kiểu mẫu Á đông:

"Đại thành rực rỡ nghiêm trang,
Cửa son chói lói, lầu vàng oai nghi."

Khi Bá đa lộc vào triều kiến vua Louis XVI, tác giả cũng cho Đức Cha theo nghi lễ của người nước Nam đối với vua nước Nam:

"Bước tới đơn trì, lạy tạ phân thưa"...

Hoàng tử Cảnh lúc lên 4, lúc về lên 9, thế mà tác giả đặt vào miệng Hoàng tử những lời lẽ quá người lớn:

"Đam tôi về đất nước Ta,
Lạ lùng phong thổ, cậy Thầy dưỡng nuôi.
Thở than kể hết mọi lời,
Mới nên bốn tuổi nỗi này gian nan..."

Vì "Đông Cung nhựt trình..." không ghi chép chi tiết chuyến đi Tây của Hoàng tử Cảnh nên tôi đã thử lập lại cuộc hành trình này:

1784, tháng 11 (Giáp Thìn) khởi hành. Cùng đi, ngoài Bá đa lộc còn có

Phạm văn Nhân và Nguyễn văn Liêm (1).

1785, tháng 2 (Xuân Ất Tị) đến Tiểu Tây (Pondichéry), thuộc địa của Pháp ở Ấn Độ. Vì Đại Tây có biến, phải ở lại chờ.

1786, tháng 6 (Hạ Bính Ngọ) Trấn mục Tiểu Tây đem chiến thuyền đưa sang Đại Tây.

1787, tháng 2 (Đinh Mùi) đến Paris. Pháp dùng lễ quốc vương đối đãi nhưng không có ý muốn giúp.

5/5/1787 Vào triều kiến ở Versailles

Hoàng tử Cảnh rất được chú ý: họa sĩ Maupérin vẽ chân dung, còn nhạc công thì đặt bài hát:

"Royal enfant, consolez-vous,
Vous régnerez, Adran vous aime.."
(Hỡi Hoàng tử bé bỏng ơi, hãy khuây khỏa đi,
Rồi Hoàng tử sẽ lên ngôi, Bá đa lộc rất thương yêu hoàng tử..."

28/11/1787 Hiệp ước Versailles do ngoại trưởng Pháp, Bá tước de Montmorin và Bá đa lộc ký, cam kết nhường cho Pháp Tourane, Poulo Condor và để Pháp giữ độc quyền thương mãi.

1787, tháng 12, lên đường về nước.

1788, tháng 5, đến Pondichéry. Nhưng Bá tước de Conway không chịu hợp tác theo thư của Bá tước de Montmorin, Bá đa lộc phải xuất tiền túi trang bị chiến thuyền Meduse và chiêu mộ binh sĩ.

15/6/1789 (Hạ Kỷ Dậu) khởi hành về nước trên chiếc Méduse.

24/6/1789 về tới Nam kỳ.

Hoàng tử đi năm 1784, lên 4, về năm 1789, lên chín (không phải đi năm lên ba, về năm lên bẩy).

ĐÔNG CUNG CẢNH

Cho tới nay, phần đông chúng ta chỉ biết Hoàng tử Cảnh sang Pháp rồi về nước, chết vì bệnh đậu mùa nhưng không rõ chết năm bao nhiêu tuổi, đã làm nên sự nghiệp gì, Hoàng tử là con người như thế nào... Mãi tới đầu thế kỷ này mới thấy Phan Bội Châu tìm hậu duệ của Hoàng tử Cảnh là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, tôn làm Minh chủ Duy Tân Hội, còn quãng trống ở giữa từ cái chết của Hoàng tử Cảnh đến Kỳ Ngoại Hầu thì không mấy ai rõ. Tôi tò mò thử làm một cuộc điều tra về Hoàng tử Cảnh, con người và sự nghiệp.

1 - Sự nghiệp.

Hoàng tử Cảnh sinh năm Canh Tý (1780) ở Gia định. Mẹ là con Tống Phúc Khuông, (làm quan đến chức Chưởng Doanh) sinh được hai con trai, con trưởng là Chiêu chết sớm, con thứ là Cảnh.

Năm lên bốn tuổi, Hoàng tử vâng lệnh cha theo Bá đa lộc sang Pháp cầu viện, đến năm lên chín (1789) thì về nước.

Tháng 3 năm Giáp Dần (1793) Hoàng tử được 14 tuổi, lập làm Đông Cung

Thái tử, phong là Nguyên súy quận công, được ban "Đông Cung chi ấn", dựng phủ Nguyên súy, đặt văn võ đại thần. Việc nhỏ do các đại thần phân xử, việc lớn bẩm súy phủ quyết định.

Mùa hạ, vua đi đánh Qui Nhơn, sai Đông Cung trấn giữ Gia định; mùa đông, trấn giữ Diên Khánh.

Năm 1794, Tây Sơn Nguyễn Quang Toản sai Trần Quang Diệu và Nguyễn văn Hưng đem thủy bộ cùng vây đánh Qui Nhơn, Diên Khánh. Đông Cung theo kế hoạch của vua, đánh úp, bắt được 2000 quân Tây Sơn. Vua thấy Đông Cung khó nhọc nên đến tháng 2, 1795 cho về trấn giữ Gia định.

Mùa đông, Tây Sơn lại vây Diên Khánh, Đông Cung ở Gia Định một mặt lo việc trị an, một mặt vận tải quân nhu, phòng ngự.

Tháng 5, 1797, vì Tây Sơn đóng quân nhiều ở Qui Nhơn không đánh được, vua đem chiến thuyền ra cửa biển Đà Nẵng, Quảng Nam, sai Đông Cung đem tướng sĩ dinh Tả quân vào cửa biển Đại Chiêm, đánh lấy Chiêm dinh, chia đặt đồn sở.

Tháng 6 đi đánh giặc ở La-qua, thắng trận, được thưởng 1000 quan.

Tháng 10, 1798, vua lại cho Đông Cung thống quản tướng sĩ dinh Tả quân và Vệ ban trực tuyển phong Tiền quân Thần sách, đến trấn giữ Diên Khánh. Cho Bá đa lộc cùng Phó tướng Tống Viết Phước đi theo giúp đỡ.

Tháng 4, 1799, sai Đông Cung hộ giá đi đánh Thị nại, chống Trần Quang Diệu, Võ văn Dũng. Lại theo vua đi đánh Qui Nhơn, đổi tên thành Bình định.

Tháng 10, 1800, Đông Cung thấy các dinh Gia định đều đi đánh Tây Sơn, xin lập thêm chi binh, chiêu mộ những quân trốn và những dân ngoại tịch bổ vào để canh giữ.

Ngày 20/3/1801, Tân Dậu, sau khi lấy được Thị nại, mắc bệnh đậu mùa, mất năm 22 tuổi, chính vị Đông Cung được 8 năm.

Vua sai Nguyễn văn Nhân, Nguyễn Từ Châu hiệp cùng Lễ bộ lo việc an táng ở Bình Dương. Sách cho Gia định đình việc cúng tế 13 ngày, đình giá thú 30 ngày.

Năm Gia Long thứ 3, thờ ở Tả vu nhà Thái Miếu.

Năm Gia Long thứ 4, truy đặt tên thụy là Anh Duệ Hoàng Thái tử. Lập nhà thờ Đại mộ ở xã Vĩ Dạ.

Năm Gia Long thứ 8, đưa về táng ở Dương Xuân.

2 - Con người

Sử chép Đông Cung Thiên tử sáng suốt, hiếu học và ưa lời nói thẳng.

a - Giáo dục. Vua Gia Long tỏ ra rất chăm sóc đến việc giáo dục Đông Cung. Ngoài Sư phó Bá đa lộc, ngay sau khi Hoàng tử chính thức lên ngôi Đông Cung, vua đã cho dựng nhà Thái học, đặt Ngô Tòng Chu vào chức Phụ đạo, lại có 2 Thị giảng, 8 Hàn Lâm viện Thị học, trong số này có Trịnh Hoài Đức và Lê Quang Định (2), cùng 6 Quốc Tử Giám Thị học, ngày hai nuối

giảng bàn kinh sử. Đông Cung nói gì, làm gì, Thị học phải ghi chép, mỗi tháng một lần dâng lên vua xem.

Tháng 10, 1795, sai Phó tướng Tả quân Phạm văn Nhân làm Phụ đạo.

Tháng 4, 1798, sai Ngô Tòng Chu cùng Lễ bộ kiêm Đốc học Nguyễn Thái Nguyên Phụ đạo Đông Cung (3).

Tháng 4, 1800, lấy hàng thần là Đốc học Nguyễn Gia Cát, Tiến sĩ nhà Lê, làm Đốc học, hầu Đông Cung.

b - Đức độ. Trong hành động, Đông Cung tỏ ra là người rất tôn trọng đạo đức, đôi khi hơi quá cố chấp.

Ngô Tòng Chu giảng một thiên Nhạc ký, Đông Cung bình rằng người đời xưa làm nhạc để cảm động đến Trời đất, quỷ thần. Nay cúng tế ở miếu theo tục dùng bọn nữ nhạc, chèo hát, rất là vô vị.

Lính bỏ trốn, quan địa phương bắt vợ, con lính giam ở quân xá, Đông Cung xin cho giam riêng để trai gái được phân biệt, bảo toàn danh dự cho người nữ.

Năm Đinh Tí (1797/8) theo vua đi đánh Qui Nhơn, Quảng Nam, khi về xin cho làm sách Hiền trung chư thần liệt truyện để khuyến khích lòng người.

c - Đông Cung cũng tỏ ra là con người nhân từ, giầu tình cảm đến nhu nhược.

Năm 1800, Hà Tiên đói. Viên quản thủ Kiên Giang không cho Cai cơ Mặc Tử Khiêm đong thóc. Đông Cung, lúc ấy trấn Gia định, nói: "Tuy có lệnh cấm buôn thóc đưa ra ngoài biển nhưng Hà Tiên cũng là con đỏ của triều đình, ta không nỡ cấm". Bèn ra lệnh cho phép bán 10 xe thóc.

Khi Tống Viết Phước cùng Bá đa lộc giúp Đông Cung trấn giữ Diên Khánh, Phước hay lấn lướt Bá đa lộc, Đông Cung để yên. Vua dụ: "Phàm nhân hậu phải có cương quyết mới được việc. Người làm Nguyên soái trấn giữ Diên Khánh thế mà Phước trước đã tự tiện làm oai, sau lại vô lễ với Sư phó của ngươi mà ngươi một niềm nín nhịn há chẳng là quá nhân hậu ư? Từ nay về sau, kể từ Phó tướng trở xuống, kẻ nào mà không vâng mệnh đem chém để nghiêm tướng lệnh."

Nói chung, Đông Cung rất có cảm tình với người Tây Dương và đạo Thiên Chúa. Trong một lá thư đề ngày 11/4/1801 gửi cho Letondal, L. Barisy viết rằng Đông Cung là người ra mặt che chở cho tất cả những người Âu, đích thực là một người bạn thành thật, đã bảo vệ cho đạo Thiên Chúa... (4).

Xem cách cư xử thì thấy Đông Cung là người giầu tình cảm, biết quyền biến, chỉ vì còn trẻ nên đôi khi hơi câu nệ, và vì thiếu kinh nghiệm nên đặt hết lòng tin vào các Sư phó, Phụ đạo, nếu những người này sai lầm, Đông Cung cũng sai lầm theo:

Tỉnh Gia định theo đạo Phật, có nhiều kẻ trốn sai dịch vào chùa ở. Có nhà sư tên Cao phạm tội, vua muốn giết, và truyền lệnh phàm các sư tăng

dưới 50 tuổi đều phải chịu sai dịch như người thường. Các quan bàn tán có ý ngăn cản, vua còn do dự. Ngô Tòng Chu nói với Đông Cung là vua bài trừ đạo Phật như thế là việc rất hay, bầy tôi đã không biết tán thành lại ngăn cản là rườm lời. Cái hại về đạo Phật, đạo Lão còn quá hơn đạo họ Dương, học Mặc (5). Đông Cung nghe theo, dâng sớ chỉ trích cái bậy của các nhà sư, vua mới quyết định. Giữa ảnh hưởng của Sư phó Bá đa lộc, trọng đão Thiên Chúa và Phục đạo Ngô Tòng Chu, trọng đạo Nho, dĩ nhiên Đông Cung chưa đủ già dặn để đi sâu vào vấn đề mà chỉ xét đạo Phật qua những phần tử "trốn sai dịch" (6).


ĐẠI NAM VIỆT

QUẤC TRIỀU

SỬ KÝ

CÓ

PHẦN PHỤ THÊM

ĐÔNG CUNG NHỰT TRÌNH

TỰ THÁNH THỤC ĐÀNG

HÀM OAN CHI TỬ

QUANG NAM ĐỊNH

IMPRIMERIE DE LA MISSION

TÂN ĐỊNH

1870

3 - Hậu duệ.

Đông Cung lấy vợ là Tống thị Quyên, sinh được hai con trai là Mỹ Đường (còn tên là Đán) và Mỹ Thùy (còn tên là Cảnh, nhưng nghĩa khác).

Năm Gia Long thứ 16 (1818), Mỹ Đường bị mật tố là tư dâm với mẹ. Tống thị phải tội dìm xuống nước cho chết; Mỹ Đường giáng làm thứ dân; con trai, con gái biên phụ vào sổ Tôn Thất.

Năm Minh Mệnh thứ 7, Mỹ Thùy bị quân lính ở Dực Chấn kiện, chưa nghĩ tội thì bị bệnh chết. Không có con, bèn lấy con cả của thứ dân (Mỹ Đường) là Lệ Chung tập phong là Ứng Hòa Hầu, phụng thờ Anh Duệ Hoàng Thái tử.

Năm Minh Mệnh 14, Chánh, Phó Tổng tài ở sở Ngọc Diệp là bọn Phan Huy Thực, Tôn Thất Bằng tâu tôi của Mỹ Đường mình làm mình chịu, nhưng con là Lệ Chung, tức cháu của Anh Duệ Hoàng Thái tử, thì xin được liệt vào Tôn phả, xin bỏ biên phụ đi. Châu phê là phải.

Năm Minh Mệnh 17, Phủ Tôn Nhân hội với bộ Lễ tâu cho Lệ Chung được miễn nghị để giữ việc thờ tự, nhưng các con Lệ Chung đều giáng làm thứ dân, xóa tên ở sổ họ Tôn Thất đi. Vua ý.

Đến năm 1848, Tự Đức thứ I, Đông các Đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn tâu xin gia phong cho Cẩm Hóa Hầu là Tôn Thất Lệ Chung. Vua cho bộ Lễ ghi lại, đợi hết tang, sẽ lượng cho tấn phong.

Năm sau, bọn Tạ Quang Cư 30 người lại xin, Vua chuẩn cho con cháu Mỹ

Đường lại được liệt vào Tôn phả. Lệ Chung vẫn làm Cẩm Hóa quận công.

Đầu thế kỷ 20, Phan Bội Châu muốn tạm thời dựa vào quân chủ để giành độc lập, vì thấy dư đảng Cần vương và thứ nhất các nhân sĩ miền Nam đều còn nặng lòng với nhà Nguyễn, đã đưa đích tự tôn của Hoàng tử Cảnh là Kỳ Ngoại Hầu Cường Để lên làm Minh chủ Duy Tân Hội (1906). Sau Cách Mạng Tân Hợi ở Trung Quốc (1911) Phan Bội Châu theo chế độ dân chủ, bãi hội Duy Tân, lập Việt Nam Quang Hội, nhưng vẫn do Cường Để làm Hội chủ. Phan Bội Châu đã đưa được Cường Để sang Trung Quốc, Nhật bản, và đi du lịch châu Âu, nhưng rút cục việc lớn không thành.

Tin cuối cùng là đầu năm 1922, Lê Tấn Anh đã bắn chết Phan Bá Ngọc, súng và tiền lộ phí do Cường Để cung cấp.

•

Thói thường, đoạn kết là câu giải đáp cho vấn đề nêu ra trong bài, nhưng đoạn kết bài này lại là một loạt những câu hỏi:

1) Tại sao Đông Cung có hai con trai mà khi Gia Long mất lại lập Minh Mệnh lên ngôi?

Đông Cung mất năm 22 tuổi ta (1901), người ta có thể cho là vì các con còn nhỏ quá nên Gia Long chọn Minh Mệnh, đã trưởng thành, đủ khả năng gìn giữ cơ nghiệp mình đã khó nhọc dựng nên.

Sự thực, khi Gia Long mất thì hai con của Đông Cung đã xấp xỉ hai mươi tuổi, kể ra cũng có thể nối ngôi được. Vấn đề tuổi tác, nếu có đặt ra, cũng chỉ dự một phần nhỏ trong việc lập Minh Mệnh.

2) Có lẽ Gia Long đã "chấm" Minh Mệnh ngay từ khi Đông Cung còn sống, khi yêu cầu Nguyên Phi họ Tống nhận Minh Mệnh, lúc ấy mới lên ba, làm con nuôi, và Tống Phi đã yêu sách phải lập khế khoán (giao kèo buộc cả đôi bên).

Thời xưa, vợ chính thất nuôi con chồng là chuyện thường, cớ sao Tống Phi lại bắt lập khế khoán? Phải chăng vì Phi thấy việc nhận Minh Mệnh làm con nuôi có thể bất lợi cho ngôi Đông Cung của con mình? Nói trắng ra là Phi nghi ngờ Gia Long trù tính lập Minh Mệnh trong trường hợp Đông Cung Cảnh không nối ngôi được.

3) Năm Hoàng tử Đảm, tức Minh Mệnh, lên ba (1793), thì Hoàng tử Cảnh vừa 14 tuổi, chính vị Đông Cung. Lúc ấy Đông Cung không ốm đau gì, lại mới lập công, đi Tây cầu viện về được bốn năm, điều gì khiến Gia Long tìm sẵn người thay thế Đông Cung?

Có thể vì Gia Long nhận thấy Đông Cung rất thương mến người Tây dương, đặc biệt là Sư phó Bá đa lộc, và có cảm tình với đạo Thiên Chúa, không những có cảm tình mà có thể là muốn theo đạo nữa (nên lúc hấp hối mới xin cầu nguyện cho mình (4), và nhà thờ Đức Bà ở Saigon có dựng tượng Đông Cung năm 1902, tượng bị phá hủy năm 1945 (7)). Vì một mặt thấy

Đông Cung chịu ảnh hưởng của người Tây dương và đạo Thiên Chúa, một mặt thấy Đông Cung nhu nhược, có thể sẽ đánh mất chủ quyền, nên Gia Long mới chọn sẵn một người kế vị khác. Hoàng tử Đảm mới lên ba, dĩ nhiên chưa hiểu biết gì, nhưng có điều chắc chắn là không có nhiều liên hệ tình cảm với người Tây dương. Quả nhiên sau này lên cầm chính quyền, vua Minh Mệnh tỏ ra không có nhiều thiện cảm với đạo Thiên Chúa và xa lánh dần người Tây dương, thái độ khác hẳn với Đông Cung. Phần Gia Long tuy có quý trọng Bá đa lộc và người Tây dương, đã giúp mình dựng nghiệp, nhưng nhà vua đủ khôn ngoan để nắm vững chủ quyền chứ không "nhẹ dạ" như Đông Cung Cảnh.

4) Tại sao Minh Mệnh chỉ là Hoàng tử thứ tư lại được Gia Long chọn, còn các Hoàng tử thứ hai và thứ ba để đâu?

Sử chép rằng Hoàng tử thứ hai là Thuận An Công, tên Hi, chết năm 20 tuổi, không có con, còn Hoàng tử thứ ba tên Noãn, hay Tuấn, chết năm 12 tuổi. Người ta có thể cho rằng vì hai vị Hoàng tử này chết sớm nên Hoàng tử thứ tư lên ngôi là chuyện dĩ nhiên. Sự thực không hẳn như vậy. Gia Long đã chọn Hoàng tử Đảm ngay từ khi Đông Cung và hai vị Hoàng tử thứ hai và thứ ba còn sống, khi Hoàng tử Đảm mới lên ba (1793). Vì sử sách không chép hai vị Hoàng tử thứ hai và thứ ba sinh năm nào, chết năm nào nên tôi thử làm bài toán sau đây:

- Đông Cung sinh năm 1780, Hoàng tử thứ tư sinh năm 1791, vậy thì ông Hoàng hai sinh sớm nhất là sau Đông Cung một năm (1781), và muộn nhất là trước Hoàng tử Đảm hai năm (1791 - 2 = 1789). Biết rằng Hoàng tử thứ hai chết năm 20 tuổi, thì sớm nhất là chết vào năm:

1781 + 20 = 1901

Gia Long chọn Hoàng tử Đảm năm 1793, khi ấy Hoàng tử thứ hai vẫn còn sống.

- Hoàng tử thứ ba sinh sớm là sau Đông Cung 2 năm, tức 1783, và muộn là trước Hoàng tử Đảm một năm, tức 1790. Biết rằng Hoàng tử chết năm 12 tuổi, tức là chết sớm nhất vào năm:

1782 + 12 = 1794

Hoàng tử Noãn còn sống khi Gia Long chọn Minh Mệnh.

Ta có thể kết luận Gia Long chọn Minh Mệnh không phải vì hai ông hoàng anh đã chết mà vì một lý do khác, chẳng hạn Hoàng tử Đảm thông minh hơn.

Việc đưa Minh Mệnh lên làm con nuôi Chính Phi là gián tiếp công nhận ngôi thừa kế dành cho vị Hoàng tử này, tránh mọi sự tranh giành của các Hoàng tử khác.

5) Sau khi Minh Mệnh lên ngôi được 5, 7 năm, thì hai người con Đông Cung liên tiếp bị mắc tội, rồi người bị giáng làm thứ dân, kẻ bị chết trong

ngục, đấy có phải là sự tình cờ hay không?

Rất có thể, nhưng ta cũng không nên quên rằng trong đám triều thần có những phần tử bất phục ông vua trẻ:

- những người nhận thấy là mình bị "bạc đãi". Hai người Pháp, Chaigneau và Vannier đã bỏ về nước, còn người Việt không đi đâu được thì đem lòng oán hận.

- những người như Nguyễn văn Thành muốn tôn dòng chính thống (8) có thể đã mưu toan đưa con Đông Cung lên kế vị.

Minh Mệnh lên ngôi là do sự quyết định của Gia Long, không phải do mưu mô, giành giật mà chiếm được ngai vàng, nhưng đối trước những phản ứng bất thuận lợi của một số triều thần mà sau 5 năm nhà vua không dẹp nổi, có thể Minh Mệnh đã ra tay "trừ hậu hoạn". Nếu các con Đông cung chết hoặc không hi vọng nối ngôi thì bọn phản thần như rắn không đầu còn dựa vào đâu mà mưu mô chống đối?

Và cũng rất có thể vì vụ này mà lệ "Tứ bất lập" ra đời. "Tứ bất lập" là không lập Tể tướng, không lấy ai đỗ Trạng nguyên, không lập Chánh cung, không lập Đông cung. Nhiều sách chép rằng "Tứ bất lập" do Gia Long đặt ra nhưng rõ ràng Gia Long lập Hoàng tử Cảnh lên ngôi Đông Cung năm 1793, và lập Nguyên Phi Tống thị làm chánh hậu năm 1806 cho nên nói lệ này do Minh Mệnh đặt ra thì hợp lý hơn vì Minh Mệnh chỉ là con một bà thứ phi, lại phải đương đầu với những khó khăn do dòng chính thống gây ra.

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH
Châteney-Malabry tháng 11, 1995

Chú thích

1 - Phạm văn Nhân là dòng dõi thế gia, đã theo Gia Long sang Vọng Các, ra trận lập công to. Đưa Đông Cung đến Tiểu Tây, gặp lúc Đại Tây có biến (Xuân Ất Ty, 1785) đi thuyền về Vọng Các. Sau giúp Đông Cung trấn giữ Gia định, Diên Khánh, làm đến chức Chưởng cơ Giám quân Thần sách cai quản tướng sĩ 5 đồn. (Liệt truyện)

Nguyễn văn Liêm cũng theo vua đi Vọng Các, rồi hộ tống Đông Cung sang Pháp. Khi về làm đến chức Thuộc nội Cai cơ, trông coi Thị vệ ở Long diên. (Liệt truyện)

2 - Ngô Tòng Chu người Bình Định, tính ưa nói thẳng, trung trực. Làm quan đến Lễ bộ rồi Phụ đạo Đông cung. Năm Kỷ Mùi, cùng Võ Tánh trấn Bình Định, bị vây, uống thuốc độc tự tử. (Liệt truyện)

Trịnh Hoài Đức là học trò của Ngô Tòng Chu. Tổ tiên người Phúc Kiến đời đời làm quan, trốn nhà Thanh sang Việt Nam. Từng làm Thượng thư bộ Lễ, Hiệp biện Đại học sĩ, Chánh sứ sang nhà Thanh, Tổng tài soạn Ngọc phả. Ân khoa 1822, làm Chủ khảo thi Hội, thi Đình giữ chức Độc quyển. Sung Thị giảng cùng với Lê Quang Định.

(Liệt truyện)

Lê Quang Định cũng là học trò Ngô Tòng Chu. Làm Hữu Tham tri Bộ binh. Soạn Đại Việt Nhất Thống Dư Địa Chí, khảo sát từ Bắc vào Nam, 10 quyển. (Liệt truyện)

3 - Nguyễn Thái Nguyên, người Thừa thiên, chính trực, hòa nhã. Từng theo vua sang Vọng Các, giữ chức Khâm sai, Tham mưu, vượt biển về Phú Xuân do thám tình hình. Làm quan bộ Lại, rồi bộ Lễ, có lần nói trái ý vua bị cac1h chức. Năm Ất Mão, làm bộ Lễ kiêm dậy bảo Đông Cung. (Liệt truyện)

4 - Thư của Barisy (người đã cùng Hoàng tử Cảnh đi tầu Méduse về Nam năm 1789, và là nhạc phụ của Chaigneau) gửi cho Letondal, gọi Hoàng tử Cảnh là "protecteur déclaré de tous les Européens, un vray Et sincère ami; défenseur de la foi Et de nos dogmes" và tả cảnh Đông Cung hấp hối: "On lui Entendit de la nuit, nous nommer pas nos noms; il étoit dans un furieux délire, il appeloit son père nous Recommandoit à lui; envoya dire à M. Liot de prier dieu pour lui; se recommanda à nous et mourut à 4 h du martin." (L. Cadière, tr. 21-6)

5 - Họ Dương, tức Dương Chu (440-380), chủ trương dù nhổ một cái lông mà làm lợi cho thiên hạ cũng không làm. Nếu mọi người ai cũng không chịu nhổ dù một cái lông, không muốn làm lợi cho thiên hạ, thiên hạ sẽ bình trị. (Liệt tử và Dương Tử, tr.62)

Họ Mặc, tức Mặc Địch (480-379?), chủ trương thuyết kiêm ái, giảng về cái lợi chung của xã hội, muốn dân tự lựa người hiền để trị nước.

Mạnh tử chê cả Mặc tử lẫn Dương tử là kẻ thù của đạo Khổng. (Liệt tử, tr.57)

6 - Dại Nam Thực Lục, tập I, tr. 289

7 - Nguyễn Vỹ, Tuấn, chàng trai nước Việt, tr.128, tập II

8- Năm 1814 Tống hậu mất, các quan có người bàn đem Hoàng tôn Đán giữ việc thừa tự, vua không nghe, sai Hoàng tử Đảm, vì đã được Tống hậu nhận làm con, có khế khoán. Nguyễn văn Thành e lời xưng hô trong văn tế khó nói, vua dụ: "Con vâng mệnh cha để tế mẹ là danh chính ngôn thuận rồi" và quyết định sai Hoàng tử Đảm dâng lễ tế điện. (Liệt truyện, tr. 27)

Sách tham khảo

- CADIERE, L., Les Françcais au service de Gia Long, XII, Leur correspondance. Extrait BAVH, Oct-Déc. 1926.

- DANEY, Charles, L'Indochine. Paris: Herscher, 1981.

- Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn. Huế: Thuận Hóa, 1993.

- Đại Nam Thực Lục (Tiền Biên), tập I. Hà-nội: Sử Học, 1962.

- Đại Nam Việt Quấc Triều Sử Ký. Tân định, Imprimerie de la Mission, 1879.

- LAMB, Alastair, The Manderin Road to old Hue. London: Chatto & Windus, 1970.

- Nguyễn Hiến Lê, Liệt tử và Dương tử. Lá Bối, Xuân Thu tái bản ở Mỹ.

- Nguyễn Vỹ, Tuấn, chàng trai nước Việt, quyển II. Đại Nam tái bản ở Mỹ.

- Phan Bội Châu, Tự Phán. Garden Grove, USA: Nhân Chủ Học Xã. 1987.



NGUYỄN DUY

thơ làm tại mỹ

lục bát texas

Nhong nhong ngựa ông lên trời
đánh đu mấy gã cao bồi chăn mây

Vợ trời trắng nõn múa may
cúi trông miền hạ thương bầy bò hoang
Houston 16/6/1995

lục bát boston

Bia lon thỗn thện người lon
ễnh ềnh ệch hỏn hòn hon thùi lùi

Trắng vàng đen láng coóng đùi
ngo ngoe ngữa nỗi buồn vui không màu.
Boston 21/6/1995

lục bát new york

Người xe như suối tuôn xè
nhà khe như núi đá khe tầng tầng

Vỉa hè viễn xứ chồn chân
leo lên vỗ vỗ vai thần Tự Do
New York 7/7/1995

lục bát washington

Mãi lêu lổng bỗng nhiên nằm
một ta chơi một tròn trăng xứ người

Gió chi chợt lạnh toát trời
chợt khành khạch khóc chợt cười hu hu
Washington 12/7/1995
(Rằm tháng Sáu năm Ất Hợi)

mirage

1.
Thiên đường không em gió toác hoác động tiên hoang mạc
canh bạc đen ngòm chôn sống trí siêu khôn

Thời vận đêm càng thử càng đêm thêm
ảo ảnh đỏ lòm hào quang mê muội

Mềm mại mánh mung mưu mẹo mập mờ
quân bài bịp tàng hình nuôi dưỡng mơ mộng

Loe loét đèn màu không nhuộm thắm số phận
con thiêu thân hư vô dạy dỗ cả loài người

Ta tuyệt vọng ván tù mù hy vọng
chợt khát mưa em như chưa khát bao giờ

2.
Ta thử dướn mình bay sục tìm Thượng đế
cánh tay phàm nhân giả bộ cánh thiên thần

Đếch tiên nga đâu đếch Thượng đế đâu
quỷ đầu trâu xâu xé nhau mặt ngựa ngai vàng

Tự vắt xác ứa giọt mưa nước mắt
cấp cứu linh hồn đang hóa khói khô quắn

Ta hú gọi ta khản giọng tù và
sấp ngửa thu tâm rút khỏi cõi thánh thần đú đởn

Bái lạy đỏ đen chào thua thiên đường dỏm
xin tụt về trần thế với em thôi
Migare Hotel, Las Vegas 15/6/1995

NGUYỄN DUY



Như Trị BÙI CHÁNH THỜI

nấm mộ nhà thơ bích khê và bản án "tờ - rốt - kít phản động"



Trong số những nhà thơ tiền chiến nổi danh một thời, miền Nam Trung Việt đã đóng góp một số nhà thơ đáng kể : Quảng Nam, có Phan Khôi, Xuân Tâm, Phạm Hầu, Nam Trân; Quảng Ngải, có Bích Khê, Nguyễn Vỹ, Tế Hanh; Bình Định, có Chế Lan Viên, Quách Tấn và cả Hàn Mạc Tử (dù sinh nơi khác nhưng sống từ nhỏ và chết ở đây). Cũng trong số những nhà thơ này, Bích Khê là một nhà thơ được nhiều người mến mộ; bởi vì thơ ông, vào thời điểm đó, mang tính cách sáng tạo và nhân bản của phong trào thơ mới đang lên.

Bích Khê qua đời đã gần nửa thế kỷ; mất vào những ngày đầu của toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp; mộ phần nằm tạm nơi miếng đất của hội quán Hoa kiều. Bao nhiêu năm qua, tang tóc, thương khó tiếp nối triền miên trên hai miền đất nước. Bom đạn, đấu tố, tù đày, nghèo đói, áp bức ngự trị trên quê hương suốt năm chục năm qua, đã làm át tiếng thơ tinh huyết; tiếng thơ mà Hoài Thanh đã từng giới thiệu trong Thi Nhân Việt Nam như là "...những câu thơ hay vào bực nhất trong thơ Việt Nam".

Tôi không có ý định nói về thơ Bích Khê. Thơ Bích Khê đã có một vị trí vững vàng trong văn học; và những bài thơ như "Tranh lõa thể", "Xuân tượng trưng", hay "Duy tân" không chỉ là những áng thơ hay mà còn là biểu hiện của một khuynh hướng thi ca của một thời đại phải được những nhà viết văn học sử lưu ý đến. Tôi chỉ muốn nói đến "trường hợp Bích Khê", như là một "nạn nhân văn học", nạn nhân của một chủ nghĩa mà người ta tưởng đã biến mất trong cơn sốt ...đô la Mỹ hiện đang diễn ra một cách khốc liệt trong nước. Chủ nghĩa ấy vẫn tồn tại nguyên hình ở những vùng ...không có đô la. Trong những vùng đó, con người, dù là thi nhân, dù là đã chết năm chục năm rồi

vẫn còn tiếp tục bị ...cô lập, quản chế; trong những vùng đó con người có cái cảm tưởng đang trở lại thời Trung cổ.

Một trong những địa danh ít ai biết đến trong các vùng "lãnh địa" thời trung cổ này là Thu xà, một thị trấn nhỏ cách tỉnh lỵ Quảng Ngãi chừng 5 cây số, nằm bên một giòng sông uốn khúc; một thị trấn mà đa số dân là người Minh Hương (người Trung hoa thời nhà Minh, lánh nạn nhà Mãn Thanh xin được trú ngụ ở nuớc ta); những người Minh hương đó được gọi là những người lai khách (khách trú). Trước chiến tranh, Thu Xà là một nơi buôn bán sầm uất, có một đặc sản khá nổi tiếng là kẹo gương; dân cư không đông nhưng thanh lịch và đấy cũng là nơi sinh và nơi chôn cất Bích Khê. Cảnh sinh hoạt của thị trấn đã để dấu trong thơ Bích Khê, khi nhà thơ tả cảnh làng của mình:

Nơi đây thành phố đời ngưng mạch
Những nàng lai khách vẫn buồn mơ
Đường lên hội quán sương khuya xuống
Đâu mấy chàng trai rỗi nhớ hờ

Bích Khê sinh trưởng trong một gia đình nho học và yêu nước. Cụ thân sinh tham gia phong trào Đông du; bà chị ruột, Ngọc Sương và chồng là Lạc Nhân, nguyên là Tổng thư ký tòa soạn báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh Thúc Kháng, đã từng hoạt động cách mạng chống thực dân trong thời pháp thuộc. Bản thân Bích Khê cũng chịu ảnh hưởng sâu đậm của các cụ Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng. Từ khi giả từ làng thơ cũ, bước vào trường thơ mới Bích Khê say sưa sáng tác và trở thành bạn thơ thân thiết của Hàn Mạc Tử, Quách Tấn, Chế Lan Viên. Tập thơ "Tinh huyết" ra đời năm 1939, vào lúc Bích Khê vừa được 24 tuổi. Hàn Mạc Tử đã ân cần đề tựa cho tập thơ đầu tay của bạn, một tập thơ mà sau này khi Quách Tấn viết về "Đời thơ Bích Khê" (1967) đã phải dẫn lời Hàn Mạc Tử ca tụng Tinh Huyết như là "một bông lạ nở hương, một thứ hương quý trọng, thơm đủ mọi mùi phước lộc; một đóa hoa thần diệu". Những lời ca tụng đó nói lên cái vẻ lạ lùng đầy ảo giác, nhưng là ảo giác thần tiên, là cái nét chung của thơ Bích Khê.

Gần như trong từng bài thơ của nhà thơ mà một nửa cuộc đời ngắn ngũi bị cơn bệnh nan y dày vò, người ta thấy hiện ra cái vẻ lạ lùng huyền ảo của cái khung cảnh "cỏ hoa vờ vật mộng trong hương" như Bích Khê diễn tả trong bài "dưới trăng ngồi gảy đàn". Những bài thơ ấy đem lại cái cảm giác ngây ngất cho người đọc. Cũng như hầu hết những nhà thơ (mới) đồng thời, Bích Khê chịu ảnh hưởng sâu đậm của phong trào thơ văn lãng mạn phương tây; một phong trào văn học mà Beaudelaire định nghĩa là "sự biểu hiện gần nhất, mới nhất của cái đẹp" (le romantisme est l'éxpression la plus récente, la plus actuelle du Beau). Nhưng cái đẹp trong thơ Bích Khê, hơn thế nữa, là

cái đẹp của "thuần túy và tượng trưng" , là sự hòa điệu giữa thể cách của sự vật, của thiên nhiên với âm thanh, sắc màu và hương vị, khiến ta chợt nhớ đến hai câu thơ của Đoàn Phú Tứ:

"Hương thời gian thanh thanh
Màu thời gian tím ngát"

Bích Khê từng làm thơ đường luật. Nhưng dường như khuôn khổ gò bó của thơ đường không chứa đựng nỗi tâm hồn rất phóng túng, rất lãng mạn, rất con người của nhà thơ. Thể thơ mới đã giúp Bích Khê vượt ra ngoài những cái tầm thường, ước lệ để đi vào thế giới trừu tượng của nghệ thuật. Thật vậy, thơ Bích Khê vừa là thi ca, vừa là hội họa với muôn vàn hương sắc ảo huyền, như những câu thơ sau đây, trích trong bài "tranh lõa thể" :

Dáng tầm xuân uốn trong tranh tố nữ
Ô tiên nương ! Nàng lại ngự nơi này ?
Nàng ở mô ? Xiêm áo bỏ đâu đây ?
Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm
Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm
Nàng là hương hay nhan sắc lên hương ?
Mắt ngời châu rung ánh sóng nghê thường
Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc.
Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc
Vài chút trăng say đọng ở làn môi.
....

Đọc bài thơ đó người ta không biết mình đang ngắm tượng thần Vệ nữ trong khung cảnh mờ ảo của sóng nhạc khúc nghê thường, hay là nhan sắc nàng đã lên hương, đã biến thành lời thơ đắm đuối ? Một nhà văn cổ Hy Lạp có nói rằng "tranh là một bài thơ câm lặng và thơ chính là bức tranh biết nói" (painting is silent poetry and poetry painting that speaks—-Plutarch, De Gloria); tôi nghĩ ràng câu nói ngàn năm trước đó đáng được dành cho bài thơ "Tranh lõa thể".

Nhưng, bốn mươi năm ở miền Bắc và gần hai mươi năm ở miền Nam dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, thơ Bích Khê cùng với toàn thể phong trào thơ mới bị phủ nhận "sạch trơn". Cái đẹp cái hay của "tranh lõa thể" đã bị ngay chính con người từng ca tụng nó tố cáo (chung) là sa đọa, nguy hiểm : "Nhìn chung Thơ mới chìm đắm trong buồn rầu, điên loạn, bế tắc. Đó là chưa nói đến phần hiển nhiên là sa đọa. Nguy hiểm nhất là nó lại tạo ra một thứ say sưa trong đó. Hình như không buồn rầu, không bế tắc thì không hay, không sâu...Ngay

những nhân tố tích cực cũng chìm ngập trong không khí bế tắc không gỡ ra được" (Tuyển tập Hoài Thanh Nxb Văn học, trích dẫn trong "Lời cuối sách" của Lê Đình Kỵ viết cho lần tái bản "Thi nhân Việt Nam" 1988). Cũng trong "lời cuối sách" đó Lê Đình Kỵ xác nhận rằng "Có thể xem phát biểu trên là đại diện cho quan điểm "phê bình mác xít" đối với thơ mới trong suốt một thời gian dài trước đây" .

Sự cưỡng bức văn học nghệ thuật phải tuân theo và phục vụ cho một chủ nghĩa thống trị, đồng thời với sự truy bức, triệt tiêu những xu hướng văn học nghệ thuật sáng tạo và tự do không đi theo đường lối của đảng chính trị cầm quyền là một điều hiếm thấy trong lịch sử thế giới, ngoại trừ trường hợp các đảng phát xít và các đảng cộng sản.

Đảng Phát xít Đức từ năm 1934 đã bắt đầu chính sách lãnh đạo văn học nghệ thuật theo đường lối của đảng quốc xã. Jeliu Jeliev, một nhân vật chính trị dân chủ của Bulgaria trong tác phẩm biên khảo với tựa đề "Chế độ Phát xít" (Phạm Văn Viêm dịch, Nxb Saigon Press HK) đã cho thấy rằng "Yêu cầu của đảng phát xít đối với văn hóa và nghệ thuật không chỉ giới hạn trong việc lựa chọn chủ đề sáng tác phải mang tính đảng, mà còn ở cách thể hiện chủ đề này : quan trọng không chỉ là thể hiện cái gì mà phải thể hiện thế nào....Đấy là nguyên nhân dẫn đến sự căm thù man dại của bọn cầm quyền quốc xã đối với những tư tưởng và mọi hình thái nghệ thuật hiện đại (chủ nghĩa ấn tượng, chủ nghĩa tân thời, chủ nghĩa hình khối, chủ nghĩa hoài nghi). Năm 1937 những xu hướng nghệ thuật này bị xem là ""nghệ thuật thoái hóa"" và bị theo dõi gắt gao" (tr.80). Năm 1938 chế độ quốc xã Đức ban hành sắc luật thu hồi và tịch thu vô điều kiện tất cả mọi tác phẩm nghệ thuật gọi là "thoái hóa" kể cả các tác phẩm còn được lưu trữ trong các viện bảo tàng. Thay vào đó nhà nước quốc xã khuyến khích một đường hướng nghệ thuật "hiện thực chủ nghĩa" thực dụng và thô thiển "đi theo con đường mà cuộc cách mạng quốc xã đã mở ra cho nhân dân Đức" như Hitler nói.

Nếu chúng ta thay những từ quốc xã trong đoạn trích dẫn trên đây cho từ xã hội chủ nghĩa thì không cần phải nhắc đến sự thống trị của các đảng cộng sản đối với văn học nghệ thuật làm chi nữa, vì chẳng có gì phải thêm bớt, vì chủ nghĩa phát xít chỉ là biến tướng của chủ nghĩa cộng sản, như Juliev đã phân tích trong tác phẩm nói trên.

Trường hợp Bích Khê, không những đã bị các quan văn nghệ cộng sản gán cho "nhiều từ thô bạo" trong "Tự điển văn học" như Chế Lan Viên tiết lộ mà, mặc dù đã chết, còn bị truy bức như một phần tử chính trị phản động. Bích Khê là một người yêu nước, nhưng chưa bao giờ là một người chính trị. Bất cứ nhà thơ nào cũng có thể là một con người lý tưởng, bởi lý tưởng chính là cái đẹp. Những nhà thơ lớn của thế giới, chứa chan lý tưởng nhân loại như Victor Hugo, Lamartine ở thế kỷ 19, Boris Pasternak, Maiakovsky ở thế kỷ

20, đều là những thi tài truân chuyên vì chính trị nhưng không bao giờ có thể trở thành một nhà chính trị theo cái nghĩa "đen" của danh từ này. Bích Khê có lần dịch tác phẩm "Retour de l' U. R. S. S" của văn hào Andé Gide, tác phẩm đánh dấu bước ngoặc quan trọng trong tư tưởng của nhà văn lớn này, với sự thất vọng về những gì ông đã chứng kiến trong chuyến thăm Liên Bang Xô viết, nhưng Bích Khê không hề là đảng viên của bất cứ một đảng chính trị nào. Bích Khê dịch tác phẩm này của André Gide, chủ yếu là một tác phẩm văn học, thế thôi.

Trong bài tựa "Tinh huyết" Hàn Mạc Tử đã nhìn con người thơ Bích Khê "...là người có đôi mắt rất mơ, rất mộng, rất ảo, nhìn vào thực tế thì sự thực sẽ thành chiêm bao..." . Con người thơ đó có một tình người rộng lớn, một lòng yêu nước nồng nàn. Chị Ngọc Sương của Bích Khê, trong một bài viết "Cho em : Bích Khê" (1964), kể lại rằng, tháng 8-1945 khi nghe tin quân Nhật đầu hàng, phong trào độc lập đang vùng lên, Bích Khê mừng quá, dù lúc đó đang cơn bệnh nặng, không ngồi dậy được, "...bắt người nhà khiêng chàng nằm trên ghế bố ra cửa đón phong trào đang lên". Chàng nói với chị - em chưa muốn chết ! Em yêu đời quá". Nhưng con người yêu đời đó, với tâm hồn thi nhân, vẫn đón nhận sự chết một cách bình thản, bởi vì sự chết là định mệnh. Và, đối với thi nhân, chết không phải là hết :

Sau nghìn thu nữa trên trần thế
Hồn vẫn về trong bóng nguyệt soi

Trong những ngày cuối, Bích Khê đã chuẩn bị, dặn dò gia đình về tang sự của mình, và để lại bài thơ "đề bia trước mộ", trong đó có hai câu trên đây, và một bài nữa, vịnh nấm mộ của chính mình mà bốn câu thơ chót như là điềm báo trước, một điều khó tin, rằng nấm mộ đó sẽ trở thành "đối tượng" truy bức chính trị của nhà cầm quyền hiện nay trong nước :

Gió tiêu sẽ quạt buồn thanh tịnh
Về chốn thôn gia viếng mả tôi
Đầy cỏ xanh xao mây lớp phủ
Trên mồ con quạ đứng im hơi .

Điều khó tin đó đâu ngờ lại là sự thực; một sự thực nằm trong bóng tối đã nửa thế kỷ và người ta chỉ biết được khi (vào năm 1991) gia đình Bích Khê xin phép dời nấm mộ nằm tạm ở Hội quán trước đây về an táng trong vườn nhà cũ. Đơn xin cải táng này bị chính quyền từ chối. Tháng Chạp năm Quý Dậu (1993), một ký giả của báo Lao động (cơ quan của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam) là Trần Đăng đã thân hành đến Thu Xà để tìm hiểu sự thật

và sự thật đó đã được ký giả Trần Đăng phơi bày trong bài viết "Thăm mộ Bích Khê", đăng trên báo Lao động số 9, ngày 20-1-94. Trong bài báo ấy tác giả kể rằng ông ta "...đến phòng làm việc của UBND xã Nghĩa Hòa. Mấy người đang ngồi co ro uống trà, thấy một người lạ mặt xuất hiện, tất cả đều im lặng..." . Sau khi trao đổi vài câu chuyện ngoài lề, ký giả Trần Đăng đi vào vấn đề chính : "Ảnh Bốn à—tên đồng chí bí thư đảng ủy xả— xã mình có ông Bích Khê, nhà thơ nổi tiếng một thời, không rõ ngôi mộ của ông ấy bây giờ thế nào và xã có để tâm gì không ? " Câu hỏi của Trần Đăng có thể là đột ngột, nhưng theo ông thì người bí thư đảng ủy này đã không tỏ vẻ úp mở gì. Sau đây là mẩu đối thoại giữa hai người mà Trần Đăng đã ghi lại : ""Ảnh Bốn chẳng úp mở gì : "Quanh chuyện Bích Khê còn nhiều vấn đề lôi thôi lắm. Năm 1991, gia đình có làm đơn xin bốc mộ ông về xây trong vườn nhà, nhưng chúng tôi không đồng ý". "Xin anh nói rõ lý do ?" Vẫn cái giọng hồ hởi ấy : "Thứ nhất, ông ấy bị bịnh lao rồi chết, giờ đem về vườn nhà sẽ gây ô nhiễm môi trường khu dân cư (?!). Thứ hai, ông ấy là Tờ-rốt-kít". Tôi vờ ngây thơ : "Kít, kít gì đó là nghĩa làm sao hở anh ?". Người bí thư mới ngoài 30 tuổi ấy nói một câu làm tôi thất vọng quá chừng : "Tôi cũng không rõ nữa, nhưng nghe các cụ lão thành cách mạng trên tỉnh nói Tờ-rốt-kít là phản động lắm ! ". Thế là đã rõ. Lời nói chắc như đậy nắp áo quan ấy đã xác tín những gì mà bà Ngọc Sương—chị ruột BÍch Khê—cùng gia đình ông cung cấp cho tôi. Tôi lặng lẽ rời ủy ban xã mà lòng buồn rười rượi...""

Chắc chắn là sau câu trả lời "chắc như đậy nắp áo quan" của ông bí thư đảng ủy, ký giả Trần Đăng phải thắc mắc nhiều về trường hợp của nhà thơ Bích Khê và cũng chắc chắn là ông không còn tin rằng đây chỉ là một trường hợp "cá biệt", "địa phương", hay "mặt hạn chế của cán bộ cấp dưới" như người ta thường viện ra để chống chế những sai trái của chế độ. Trần Đăng đã tìm và gặp được một chứng liệu từ chính quyền; đó là cuốn sách có nhan đề "Tìm hiểu về các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi" trong đó có một chú thích ở trang 179 : "Từ năm 1935, ở Quảng Nghĩa có nhóm Tờ-rốt-kít ở vùng Thu Xà (Tư Nghĩa) do Lê Quang Lương (Bích Khê) cầm đầu" . Bây giờ thì người ta có thể hiểu được thế nào là "nhiều từ thô bạo" mà người ta gán cho Bích Khê trong "Tự điển Văn học", như Chế Lan Viên tiết lộ. Những từ thô bạo này không có ý nghĩa văn học, mà là sự thóa mạ nhân danh chính trị, nhân danh chủ nghĩa. Sau khi đọc "chú thích" trên, Trần Đăng viết tiếp rằng ông "không ngờ đó lại là bản án tử hình cho tên tuổi Bích Khê ! Theo lời kể của gia đình, vào những năm 1935-1936, Bích Khê không ở Quảng Ngãi mà vào dạy học ở Phan Thiết. Tôi tự hỏi : kết luận về sinh mạng chính trị của một con người sao mà đơn giản như vậy ?".

Bích Khê đã chết năm chục năm trước, nên đó chỉ là "bản án tử hình" cho "tên tuổi Bích Khê". Nhưng nếu Bích Khê không chết vào những ngày đầu

mùa xuân năm 1946 ấy, vì bệnh lao, thì bản án tử hình đó sẽ đã phải thi hành đối với "tên cầm đầu nhóm Tờ-rốt-kít rất phản động ở vùng Thu Xà", như đã thi hành với Tạ Thu Thâu, Hồ Văn Ngà, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm v.v., những người Tờ-rốt-kít, thường được gọi là "Nhóm đệ tứ", cùng bao nhiêu người khác nữa bị gọi là tờ-rốt-kít. Và, trong số những người bị gọi là tờ-rốt-kít ấy có biết bao nhiêu người phải chết mà, cũng như anh Bốn bí thư đảng ủy, chẳng hiểu "kít kít" là cái gì . Người ta cũng sẽ không cần gán những vụ giết người đó cho "hành động tự phát của nhân dân"; bởi vì từ năm 1939 ông Hồ đã từng gởi tờ trình cho Ban Chấp hành Quốc tế cộng sản (mà thực chất là Stalin và nhóm tay sai), trong đó có đoạn : "Đối với bọn Trốtkýt, không thể có một thỏa hiệp nào, một nhân nhượng nào cả. Phải tìm mọi cách lột mặt nạ chúng như bọn tay sai của Phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị".

Bích Khê là một trong những người bị gọi là tờ-rốt-kít đó; nghĩa là bị gán cho một "tội chết" mà mình không can dự. Nhưng cứ giả thuyết rằng con người mà " nhìn vào thực tế thì sự thực sẽ thành chiêm bao" như Hàn Mạc Tử nói ấy, có thể là Tờ-rốt-kít đi chăng nữa, thì con người ấy cũng đã nằm dưới đáy nấm mồ cô quạnh đó từ lâu rồi. Người ta thường nói "chết là hết chuyện". Nhưng ở đây, chết vẫn không hết "tội" , dù là tội bị gán cho. Cho nên nấm mộ của nhà thơ thiên tài mà vắn số kia, vẫn phải nằm "chịu tội" nơi mếng đất của Hội quán, và không có quyền hưởng cái "ân huệ" được dời về vườn nhà cho gần gũi gia đình. Cái lý do "ô nhiễm" do "ông ấy bị bịnh lao rồi chết" (từ 1946) đã được ký giả Trần Đăng đánh dấu hỏi và dấu chấm than to tướng; đến cái lý do "ông ấy là Tờ-rốt-kít" nghe mà "lòng buồn rười rượi". Thế nhưng khi đọc lại lịch sử cận đại thì mới nhận ra được cái phương thức trừng phạt kỳ lạ kia chẳng phải chỉ có trong chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; mà trong thời kỳ "phong kiến" (thực ra chỉ là quân chủ chuyên chế) ở nước ta trước đây, những kẻ có tội mà chết trước đi, thì mồ mả của kẻ đó cũng là đối tượng để thụ hình (!) Thật vậy, dưới triều vua Minh Mệnh, khi Lê văn Khôi khởi loạn chống lại triều đình, thì người cha nuôi là Lê văn Duyệt, nguyên Tổng Trấn Gia Định Thành, tuy đã chết trước đó khá lâu, vẫn bị triều đình làm án "bổ quan-quách mà giết thây"; đồng thời, đích thân vua Minh Mệnh viết "Dụ" rằng : "Vậy cho tổng đốc Gia định đến chỗ mả hắn, san làm đất phẳng và khắc đá dựng bia ở trên viết to những chữ "chỗ này là nơi quyền-yêm Lê Văn Duyệt phục pháp " để chính tội danh cho kẻ đã chết, mà tỏ phép nước về đời sau..." .

Một số người người nghiên cứu về xã hội Việt Nam, dưới chế độ cộng sản hiện nay, đã nhận thấy, trong cấu trúc, xã hội ấy phảng phất nhiều nét của chế độ 'phong kiến" Việt Nam. Cho nên, cũng không có gì đáng ngạc nhiên nếu nấm mộ của nhà thơ Bích Khê trở thành "đối tượng" của chính quyền

hiện tại. Cái khác là ở chỗ thay vì phải "san làm đất phẳng và khắc đá dựng bia" thụ hình, thì chỉ còn:

Đầy cỏ xanh xao mây lớp phủ
trên mồ con quạ đứng im hơi

như lời thơ báo trước của Bích Khê trong bài vịnh "nấm mộ" của chính mình. Điều đáng buồn hơn nữa, ngay nơi làng cũ của Bích Khê, khi Trần Đăng đi tìm mộ nhà thơ, ông kể lại :"Gặp mấy em học sinh khoảng lớp tám, lớp chín, tôi hỏi mộ Bích Khê nhưng đều nhận ở các em những cái lắc đầu thành thật và ngơ ngác trước cái tên Bích Khê xa lạ ấy. Không biết nơi chín suối nhà thơ có buồn cho ""những chủ nhân tương lai của đất nước"" kia không". Buồn cho tương lai chỉ một phần, cái buồn cho hiện tại lớn hơn : trong khi chủ nghĩa cộng sản, trong thực tế, đã cáo chung trên toàn thế giới, cái bóng ma của Stalin vẫn còn tiếp tục là tư tưởng chủ đạo ở Việt Nam, mặc dù đổi mới kinh tế, tiếp tục truy bức những nạn nhân cuối cùng của Stalin; đương nhiên chấp nhận cái "nguyên lý": kẻ thù của Stalin là kẻ thù của đảng ! Với hiện tại đó, thì cái lớp thiếu niên được gọi là "chủ nhân tương lai của đất nước " liệu có thể đảm đương nổi một đất nước tương lai, dân chủ và giàu mạnh hay không ? Hay là một đất nước, mà cho đến khi các em ấy lớn lên để làm chủ, vẫn tiếp tục trong cảnh nghèo đói, sa đọa, bị khai thác một cách ô nhục như hiện nay; một đất nước mà, như Kim Thi viết trong Tạp chí Hợp Lưu số 24, nơi mục Ngày...tháng..., sau một chuyến về thăm quê hương : "...bảy mươi tư triệu con người ấy không cần tôi, không cần chúng ta. Hoặc nếu cần, cũng chỉ giới hạn trong những thùng quà, những tờ giấy xanh gởi về, mang về. Chỉ thế thôi, và chấm hết. Tuyệt đối chấm hết ! " ?

Thật khó để có thể quan niệm rằng con người Việt Nam ngày nay, chỉ có vậy. Mà nếu là chỉ có vậy, thì cái tương lai mà Trần Đăng lo âu, trên đây, quả nhiên đáng lo biết bao !

Người ta có thể chia xẻ với Kim Thi về nỗi băn khoăn thật lớn lao đối với vấn đề góp ý về tình hình đất nước, trong giai đoạn hiện nay, khi Kim Thi cho rằng mình "chẳng có quyền gì để nói về vùng đất ấy, lại càng không có quyền gì để phê phán, khi mà bản thân tôi không thật sự đau cái đau của nó, khổ cái khổ của nó, sung sướng cái sung sướng của nó..." . Nhưng, cũng ngay trong Hợp Lưu số 24 này, chưa kể một số bài khác, bài viết của Võ Đình "Những nụ hoa này đang bắt đầu nở rộ" vừa có tính cách phê phán cao, mặc dù tác giả tránh dùng từ phê phán, vừa có tính cách đóng góp và xây dựng đối với lãnh vực nghệ thuật tạo hình trong nước. Đó là một đóng góp tốt, một thí dụ để cho thấy rằng, phê phán, góp ý không phải là một cái quyền mà chỉ

là một thiện ý, nếu không muốn nói là một bổn phận. Hai mươi ba số hợp lưu trước đây cũng đã cho thấy có thể hiện xa gần cái thiện ý đó.

Trường hợp Bích Khê, được nói lên không phải vì có "đau", có "khổ", hay có "sung sướng" mà chỉ vì lương tâm con người, vì dân chủ, vì "những chủ nhân tương lai của đất nước". Tia hy vọng là một chi tiết mà Trần Đăng nêu lên trong bài ký sự của ông, đó là, mặc dù thái độ chính quyền như vậy, nhưng những người ngưỡng mộ nhà thơ tài hoa của mình, bất chấp cái bản án tờ-rốt-kít quái gở kia, đã tự động "đặt tên ông cho một con đường ở thị xã Quảng Ngãi—đường Bích Khê, mặc dù con đường đó không được đưa vào danh mục hành chính". Với chi tiết đó, Trần Đăng kết luận rằng "nhân dân bao giờ cũng sáng suốt". Tôi muốn mượn ý của câu kết luận đó để xin nói thêm rằng trí tuệ của nhân dân cả nước, rồi đây, cũng sẽ soi sáng đêm dài trung cổ Việt Nam, để cho các em bé của ngày hôm nay nhìn thấy được bầu trời mênh mang của thế giới dân chủ, tiến bộ; cũng như có được một môi trường văn hóa dân tộc, khai phóng để phát triển, xứng đáng là những chủ nhân tương lai của đất nước.

Như Trị BÙI CHÁNH THỜI
Tháng 12-1995



PHAN NHIÊN HẠO

tĩnh vật

Giữa hai ô vuông tĩnh vật dịu dàng
không còn chỗ nào cho tri giác
vì chúng ta đã chối từ
những lời nói của đám đông và áo quần của đám cưới
không ngả mũ chào đám ma
tôi ở chỗ của tôi với những đồ chơi bằng đất nhỏ
tuổi thơ vẫn du hành
trong những đêm miên và ngày điên đơn lẻ
tôi đi vào lúc rất khuya
vịnh Eliot trôi dưới chân cầu
chẳng có ai còn thức để mà nói gì
và tôi vinh danh tự do
vinh danh cô đơn
ở chỗ của một người trai trẻ.

PHAN NHIÊN HẠO



LƯU NGUYỄN

có những lúc buồn đứt ruột

Có những buổi chiều rất nhớ
bâng quơ. Chẳng biết nhớ gì
dòng sông một thời tuổi nhỏ
bóng người đáy nước tà huy

Có những đoạn đường rất đỗi
thân quen. Dù chỉ lần đầu
thoáng qua như lần chớp vội
trùng trùng ký ức thẳm sâu

Có những mùa trăng huyền ảo
ánh vàng. Trăng buổi mười lăm
bên hiên đẫm mùi phương thảo
ghé môi uống nụ hôn thầm

Có những mắt nhìn thoáng gặp
ngẩn ngơ. Trí nhớ bên cầu
bát cháo vội vàng trôi tuột
mù xa tiền kiếp biển dâu

Có những lúc buồn đứt ruột
quặn đau. Đêm tối trừng trừng
rượu vào một mình độc ẩm
cười bung nước mắt rưng rưng

LƯU NGUYỄN



DANH BẰNG

quán cà phê màu hồng phấn

Đâu đó trong trái tim
Tôi vẫn mơ được sơn quán cà phê màu hồng phấn
Những chiếc bàn trắng
Xoay tròn dưới cánh dù xanh
Cô gái trẻ cười cười
Bên những mẩu bánh vụn buổi sớm

Những con cá bơi trong não tôi
Kể chuyện mùa đông
Vệt đường xám mờ tít tắp không nơi đến
Loang như vết mực xanh
Nhỏ vào đêm
Tôi đâm sầm vào những ngã tư
Buông lời tục tĩu
Thành phố, sắt thép và những đám mây mờ
Đẩy tôi qua
Bên gã da đen già gà gật
Tôi mãi chờ
Bên kia những chặng dừng xe bus
Những lời hứa hẹn
Như nụ cười buổi sớm chóng qua
Đôi khi ngày nắng
Đôi khi mưa
Cỗ xe lòng cổ súy
Lạc trong đêm mờ mịt
Bóng tối di động
Bên ánh đèn vàng hiểm độc
Quăng lên tôi chiếc áo choàng lông tả tơi
Tôi cốnói mãi miết
Bên vách tường câm lặng bẩn thỉu
Rồi tuyệt vọng bên chén rượu lúc hai giờ
Và ngả người trong cơn mơ ướt đẫm

Tôi vẫn mơ đâu đó trong trái tim
Quán cà phê màu hồng nhạt và cô gái nhỏ
Ngày sớm tịch mịch
Bỗng bừng lên trong ánh nắng ban mai

DANH BẰNG



THUẬN ÁNH

anh, em và con mèo



Chương Một

Năm tháng trôi qua, tôi đã quên đi mối tình đầu của mình. Tôi không thể nhớ nổi một nét mặt trên khuôn mặt anh. Năm đó chúng tôi cùng mười tám tuổi. Kỷ niệm duy nhất mà tôi còn giữ lại là con mèo. Một bức tranh mèo. Người yêu đầu tiên của tôi không phải là thi sĩ.

Tôi nhớ rõ căn phòng nhỏ của gia đình anh. Ở đó có mỗi một cái cửa sổ. Chẳng có dòng sông nào chảy qua. Chỉ có một cây đu đủ, cây đu đủ này bằng tuổi anh. Tôi chưa bao giờ gặp mặt cả hai cha mẹ anh cùng một lúc. Dường như sự có mặt của người này tất yếu phải là sự vắng mặt của người kia. Cha anh, một con người không có tuổi, luôn luôn ngồi ở một cái ghế mây nhỏ. Khoảng tường sau lưng ông lẹm vào một mảng theo thời gian và ngả sang màu đen sậm giống hệt như màu của chiếc ghế mây nhỏ. Căn phòng quá cũ xông lên mùi ẩm ướt mùi mốc của giầy dép quần áo và mồ hôi nằm sâu trong hành lang, xó tận cùng bên cạnh nhà tắm công cộng. Mẹ anh chỉ về nhà khi gia đình ăn bữa tối và cha anh đi dạo trên con đường nhỏ.

Tất cả thế giới của anh và tôi thu gọn vào chiếc gác xép một mét một chiều một mét rưỡi. Trong một diện tích không cho phép nằm thẳng, chúng tôi thường im lặng, để lắng nghe lời độc thoại không phải của nhau mà của những người đàn bà vào giây phút giây nhất được từ bỏ bộ quần áo hàng để tự do trần truồng trước mắt mình trong buồng tắm chỉ cách chúng tôi hai

mươi xăng-ti-mét của bức tường. Tôi nhắm mắt nghe tiếng dội nước và tiếng chà sát mà những người đàn bà không ngừng trút xuống cơ thể mình dường như để làm dịu đi cơn ghen với đặc quyền được tắm ngay bên vòi nước công cộng của những người đàn ông cùng ngõ. Căn gác bồng bềnh trong tiếng xối nước triền miên át đi mọi tiếng động có thể xâm nhập từ các hướng khác, tôi nắm chặt tay anh và tự hỏi anh bắt đầu lắng nghe tiếng nước chảy như thế này từ năm bao nhiêu tuổi.

Chúng tôi yêu nhau vào một chiều thu ẩm lạnh khi cha anh vẫn ngồi ở ghế mây nhỏ, mẹ anh vẫn chưa về nhà và tất cả những người hàng xóm đổ ra đường đón cơn mưa hiếm hoi đã ra đi từ cuối mùa hè nay trở về nhuộm vàng khu phố. Đó là một màu vàng đặc biệt, không hề lấp lánh như ánh mặt trời. Từ trên chiếc ô nhỏ có chấn song sắt hình chữ thập của gác xép anh nhìn những người đàn bà nhảy múa dưới mưa, những người đàn ông hò hét nổi giận trước cơn động rồ của các mụ vợ, những đứa trẻ thì chạy vòng tròn quanh trận cãi nhau không thể lí giải nổi của cha mẹ chúng. Còn tôi, tôi nhìn những bức tranh trên tường. Những bức tranh cũng có màu vàng như cơn mưa mùa thu. Chỉ khác là cả tôi và anh cùng bất động. Nỗi cuồng nhiệt hay giận dỗi dường như được thay thế bằng sự im lặng và vô lý im lặng và vô lý ngay cả vào ngày đầu tiên của mối tình đầu. Khuôn mặt anh thì tôi đã quên, nhưng màu vàng ấy chẳng bao giờ rời khỏi trí nhớ của tôi. Sau này với những mối tình đến sau trong nỗi đam mê mới tôi vẫn thảng thốt nhớ đến sắc vàng của cơn mưa mùa thu ấy, của khuôn mặt những người hàng xóm và của cả ánh đèn đường nhễ nhại. Mẹ anh, người đàn bà tôi chưa bao giờ nghe thấy tiếng, bước vào nhà áo và mắt đều đượm ánh vàng của cơn mưa, lần đầu tiên sau chuyến trở về của chồng, đôi mắt nhìn vào bóng tối nơi chiếc ghế mây nhỏ không chủ đang tuyệt vọng lẫn vào màu của đêm.

Lần thứ hai trong đoạn đời mười tám tôi quay trở lại với căn bệnh mộng du mang tôi đi tìm đêm và trong tiếng gà gáy buổi sáng lúc năm giờ tôi chợt thấy mình và mẹ anh trong số những người đàn bà cuối cùng đứng xếp hàng trước buồng tắm công cộng khuôn mặt còn đầy ắp những kỉ niệm của cuộc hành trình cùng bóng đêm vừa qua. Trong ngõ chẳng có một ai chợp mắt những người đàn ông không thể đi nằm mà không có đàn bà, cò lũ trẻ có lẽ màu vàng ban chiều và sự thay đổi của người lớn đã để lại ấn tượng mạnh mẽ đến nỗi chúng cũng không sao ngủ nổi, một đêm thức trắng và những dấu hiệu của một tình cảm chín muồi đến sớm đã khiến chúng phút chốc trở nên bình đẳng với cha mẹ.

Chưa bao giờ tôi bị hút đến kiệt sức như thế chỉ vì màu của đêm đêm đêm tôi mải miết ra đi để đến sang trở về nhà vừa hối hận vừa thèm muốn những cuộc độc thoại bằng một thứ ngôn ngữ bí ẩn và những vũ điệu hoan lạc tuy giờ đây đã trở nên xa lạ với cơ thể, tôi vẫn tìm thấy mối gắn bó sâu xa với kiếp

trướv của mình bằng trực cảm lành mạnh chỉ nảy nở trong bóng đêm. Anh là người duy nhất chịu nổi tôi và yêu tôi yêu đến tận bây giờ vì chẳng có một người đàn ông nào có thể ngủ một mình vào ban đêm và làm tình vào ban ngày và vì đàn ông nói chung là không thích cô đơn và sợ bóng đêm. Con mèo có bộ lông màu của đêm nhân vật thứ ba của câu chuyện này là gạch nối giữa anh và tôi. Trong suốt thời kì chúng tôi bên nhau con mèo là nhân vật duy nhất trong tranh của anh anh bảo tôi cũng là một con mèo anh cũng thế cũng là một con mèo và trên tường dưới đất đâu đâu cũng chỉ có toàn mèo những con mèo lông đen mắt đen và chẳng bao giờ chịu nhắm mắt đi ngủ.

Chương hai

Paris một ngày mùa đông lạnh trong một căn phòng rất nhỏ tầng cuối cùng của một khu nhà cũng nhỏ hơn các tòa nhà bên cạnh. Sau đây là lời độc thoại của người đàn ông ở trong các căn phòng.

Tôi đến đây vào một trưa hè oi bức đồ đạc chẳng có gì ngoài những bức tranh cũng đã bắt đầu phản đối những cuộc dọn nhà triền miên những khung gỗ rệu rạo rời khỏi những chiếc đinh được đóng vội vàng ngày một dày thêm trước mỗi bận di chuyển. Ánh nắng tràn qua những ô cửa kính đã vỡ rơi lên bốn bức tường mà người thuê nhà trước đã có nhã ý quét một lớp vôi trắng trước khi ra đi. Cả khu phố còn đang mê ngủ và tôi kiên nhẫn đứng chờ giây phút tất cả những khung cửa sổ gầy gò bên cạnh mở ra, người đầu tiên mà tôi nhìn thấy từ sau những tấm ri đô nhung đỏ sờn cũ là một cô gái có mái tóc đen dày rối bù tuyệt đẹp. Tôi đã yêu cô trong ba tháng không ngủ một giây nào ban đêm và ban ngày chỉ mơ thấy biển. Trong trí tưởng tượng của tôi cô đã sinh ra trên bờ biển. Mọi công việc đều bị đình chỉ, tôi ngủ vào bất kì lúc nào nhưng cứ đến mười một giờ tối khi tấm màn nhung đỏ bên kia đường được kéo lên mắt tôi lại dán chặt vào tấm thân của cô đều đặn mặc váy xanh dài hở cổ vào những ngày chẵn và váy tím ngắn hở chân vào những ngày lẻ. Tôi đã ghen với tất cả những người đàn ông đên chơi với cô đặc biệt là những người đến quá hai lần. Lần đầu tiên trong đời tôi quyết định trả tiền thuê nhà chậm một tuần và dè dặt bước qua bên đường nhưng rồi lại vội vã quay đi khi tay tôi chỉ còn cách đôi chân đẹp của cô năm cen-ti-met. Sau lần đó tôi chẳng bao giờ có dịp gặp cô, bác sĩ đã một mực khuyên tôi quay trở lại thói quen bình thường và không được đi ngủ muộn hơn mười một giờ đêm.

Tình yêu tiếp theo cũng đã kết thúc không kém phần lãng mạn. Người tôi yêu là một thiếu phụ còn trẻ có vẻ đẹp cổ điển dễ làm nao lòng các chàng trai. Để khỏa lấp khoảng thời gian trống mà ông chồng làm nghề ngoại giao thường xuyên gây ra nàng không do dự viết hàng chục thông báo kiếm thầy

dạy những môn nghệ thuật cũng cổ điển như nàng. Tôi là người đến cuối cùng sau một bà dạy múa ba lê, một cô giáo trẻ dạy dương cầm và một vị trịnh trọng tự giới thiệu là giáo sư văn học. Chỉ riêng nhìn bảng thời khóa biểu dạy đặc những giờ học những môn học rất đa dạng chồng chéo lên nhau cũng đủ thấy nghị lực phi thường của nàng. Đứa con gái nhỏ của nàng cũng đáng yêu không kém gì mẹ, nó có thể nói ít nhất năm thứ tiếng và đã sớm tỏ ra là một nhà ngoại giao đầy tương lai. Nửa năm theo học với tôi, bài học mà nàng trả lại cho tôi là một bài ca ngợi đức hy sinh khi nàng đến nhà tôi, lần duy nhất trong suốt thời gian quen biết, để thông báo ngày trở về của chồng mình. Buổi tối hôm ấy nàng khóc nhiều hơn mọi khi và nói nếu không vì đứa con gái nhỏ thiên thần nàng sẽ đi theo tôi suốt đời và hỏi rồi đây khi tôi có tên tuổi có còn nhớ tới nàng không.

Cả hai mối tình trên và những mối tình sau đó đều đã trôi qua như những cơn mưa.

Ngày mai là sinh nhật thứ ba mươi mốt của tôi trong đám giấy tờ và những kỉ niệm tôi chợt tìm thấy em và tôi biết đêm nay tôi sẽ mất ngủ sẽ mắc lại căn bệnh mộng du mà em để lại cho tôi cách đây không biết đã bao nhiêu năm. Thời ấy tôi đã mê em đã mê màu đen của em và tất cả các bức tranh của tôi đều có màu đen, những người quen biết bảo thế là điềm gở vì không ai lại bắt đầu sự nghiệp bằng hai thứ mèo và màu đen. Em yêu tôi vì em bảo em thích mưa và tôi là mưa, mưa có ngôn ngữ và màu sắc và em thích nhất những cơn mưa đêm những cơn mưa có màu đen. Cả em và tôi đều sinh ra trong mưa, mưa cuộc hành trình của nước luân hồi nên chẳng mấy tự do, vô tận nhưng ít thay đổi và cả một thế hệ sinh ra trong mưa. Đã bao lần tôi cố lấy hết dũng cảm đi theo em. Một điểm nào đó của cuộc phiêu kưu trong bóng đêm sẽ bất ngờ đánh thức những ham muốn cũ và đầy tình người giờ đang bị mắc kẹt giữa những nếp gấp của lý trí và lo âu. Thế nhưng tình yêu tôi dành cho em và cho màu đen đều nhường chỗ cho tình yêu bản thân kết quả của một cuộc sống lạm dụng trí tưởng tượng.

Những con mèo đã lần lượt ra đi và giờ đây màu đen chẳng còn làm tôi bận trí nữa, trong nỗi mệt nhọc sống và lo toan nghề nghiệp tôi cũng đã quên em.

Chương ba

Nguyên bản trong ngôn ngữ của loài mèo.

Tôi đã trải qua những giây phút mệt mỏi nhất để đi đến quyết định sẽ ra đi với ai. Cả hai người đều cho tôi quyền lựa chọn nhưng tôi biết chúng tôi đều rất sợ phải xa nhau. Nỗi lo xa nhau đã âm ỉ ngày từ những ngày đầu tiên

của cũng sống chung. Họ là hai con người hoàn toàn khác nhau và điều đó dẫn đến việc tôi luôn xẻ đôi tình cảm của mình. Tôi không thể cùng một lúc vừa tha thiết vừa thờ ơ hay vừa mạnh mẽ vừa yếu đuối. Tôi chỉ có thể yêu một trong hai người để một lúc sau trong sự dằn vặt lại làm một hành trình tình cảm ngược lại. Có những lúc tôi đinh ninh rằng vì tôi mà hai người đã yêu nhau và cũng vì tôi mà họ chia tay. Những điều đó người ta chỉ có thể chắc chắn sau hàng trăm năm.

Tôi là người đã chứng kiến tình yêu của họ và bây giờ khi mà hai người chẳng còn nhớ gì về nhau, tôi là người duy nhất không quên một mảy may. Đây là một tình yêu kì lạ vì ngay cả khi còn yêu nhau họ cũng đã bắt đầu quên nhau. Có thể bởi sự đối lập trong tính cách. Có thể bởi tính ích kỉ. Những cố gắng để xích lại gần nhau luôn luôn được thay thế bởi những ao ước được khác nhau. Chàng trai nhất định không đi theo cô gái vào ban đêm nhưng lại nằm khóc một mình cho đến sáng và cô ta để mỉa mai những bức tranh của người yêu đã bắt đầu làm thơ. Chỉ có tôi là người duy nhất hiểu điều đó còn hai người, hạnh phúc làm cho họ mù lòa, đã không bao giờ hiểu.

Sau hơn một chục năm, cái ngõ ngày xưa đã thay đổi nhiều. Người ta đã xây vào chỗ của căn phòng bên cạnh nhà tắm công cộng một khách sạn mini. Căn gác xép mà tôi hay lần mò về lục lọi những kỉ niệm tất nhiên chẳng còn nữa. Có thể chỉ có một mình tôi ngậm ngùi. Mà thực ra tôi cũng chẳng có gì phải trách cứ cuộc sống. Nơi tôi ở bây giờ là một tòa biệt thự ba tầng gồm hai khu một khu có mái nhọn một khu có mái tròn. Ông chủ tôi là một kiến trúc sư có hạng và vợ ông từng là hoa hậu một trường đại học thủ đô. Cả hai người đều thuộc loại có trình độ và ảnh hưởng cuộc sống văn hóa phương tây nên không tiếc sức tiếc của thành lập hội bảo vệ súc vật đầu tiên của thành phố. Sau lần giật giải á hậu một cuộc thi hoa hậu mèo, tiếng tăm tôi được truyền đi trên khắp các hệ thống thông tin đại chúng. Nhưng tôi chẳng có một tin nào về hai người chủ cũ của tôi và điều này làm tôi không an lòng. Tuy có một cuộc sống khác hẳn cuộc sống loài người, đã từ lâu tôi hiểu rằng cuộc sống đó chẳng dễ dàng tẹo nào mà hai người chủ cũ của tôi chỉ là những cơn mưa.

THUẬN ÁNH

Paris, tháng 2 năm 1995



HOÀNG XUÂN SƠN

mừng một ngày

Mừng thấy một ngày
giọt mực bung trở lại
tảng đời kéo lê dây
gai góc nhẫn mòn tâm cuội
lâu một ngày
trái núi thần kinh đổ sụp
sông hồ uất nghẹn cống mương
tóc rụng hết sợi khôn
bày trơ đời nhẫn nhục
mừng thấy lại một ngày
vết chân ửng lên hồng huyết
những con sâu bắt đầu ngọ nguậy
đo lại cuộc đời
hết chiều dài tâm tưởng
mừng một ngày
còn yêu như còn viết
sông câm rồi cũng hát nguồn
rừng xương cây nhú lá
mừng đến một ngày
hoa và nường
bừng thơm một góc tối.
X.95

đêm rừng

Lưỡi hổ sắc liếm duyềnh chân ngựa
mặt đỏ au trăng rừng
đêm kẻ chỉ nứt mắt

trắng bạch
da mường khương
thơm thơm dìu dặt
đồi nương. cây
hốc đá róc nước tuyền
tóc hoặc huyền như mây
gối mềm cam vũ
chén rượu sừng bốc hơi nhàn tản
hồn như có không

Đêm ngựa trôi lạc bảng mường xa
tiền thân tỏ mờ đuốc lửa tạnh
hòn than hồng kín vốc tay
thở trùng thâm đại tượng
nên một bức tranh vẽ
thượng thời xanh
khơi

HOÀN XUÂN SƠN



SỬ MẶC

liền da thục nữ

Không ồn ào quá đáng
chỉ hậm một tiếng cười
gạt trôi vài hòn lệ
cho miệng đời thêm tươi

A, nụ cười trăm xưa
sao khói vừa mới chúm
bông hoa nở trúng mùa
đẹp muôn nghìn cái húm

chui ra, quí em yêu
yểu điệu, này yêu kiều
ví mà không thục nữ
đời như bát cơm thiu

SỬ MẶC



NGUYỄN HUY THIỆP

mưa



"Phong vận kỳ oan ngã tự cư"
(Nguyễn Du)

Em,

Anh bắt đầu câu truyện ngắn này lúc 8 giờ sáng trong một quán cà phê tồi tệ nhất thành phố. Quán vắng khách, không ai quấy rầy anh. Trời đang mưa.

Anh ngồi viết... Khuôn mặt em hiện ra trong anh. Em đang ở xa. Em đang ở đâu? Những ý nghĩ của anh hướng cả về em. Em hiển hiện. Em ngồi bên cạnh và sắp xếp những con chữ rời rạc.

Hôm ấy trời cũng mưa, mưa như trút. Anh và em ngồi trong xó tối. Trước mặt chúng ta có hai phụ nữ, một người thấp, một người cao, cả hai đều đẹp. Anh nhắc em chú ý đến cô gái cao, để tóc xõa, mỗi khi cười lại hay ngả người vào ghế. Em hỏi anh tên người ấy. Anh bảo: "Gọi gì mà chẳng được? Tên người cũng là một thứ ký hiệu thôi. Anh gọi cô ta là N." Em bảo: "Thế người ngồi cạnh là M. à?". Anh bảo: "Phải".

- Mình biết không? - M. nói - Mình chẳng hiểu gì về hắn. Đời mình sẽ tan nát vì hắn mất thôi. Tớ van mình, mình đừng yêu hắn!

- Không tớ chẳng yêu đâu. Tớ chẳng dại... N. cầm một bông hoa trên bàn xé nhỏ - Nhưng hắn hiền lành và thông minh lắm. Gần hắn, tớ sẽ học được cái gì chăng?

- Với bọn đàn ông thì người phụ nữ chẳng học được cái gì đâu. Chúng chỉ chăm chăm một việc là đè mình ra giường rồi rồi tỷ tê những lời đường mật.

Chúng mình tưởng bở, chúng mình tưởng đấy là tình yêu, là tính người. Thế là hết đời!

- Sao mình ác khẩu thế? - N. thở dài. Họ yên lặng một lúc. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

N. nói:

- Hắn đọc thơ, bằng một giọng trầm, hay không tả được.

- Lại thơ nữa! Thằng đàn ông nào khi quyến rũ đàn bà mà chẳng làm thơ? Chúng là thơ suốt từ thời người vượn nguyên thủy đến nay, được những bốn nghìn năm rồi.

- Mình hôm nay thế nào ấy. Thế mình lấy chồng, mình có hạnh phúc không?

- Ừ...ừm... không biết. Nhưng mà chắc có đấy. Có điều tay chồng tớ đểu kinh khủng. Tớ biết hắn lừa tất cả mọi người. Thế mà trước khi lấy hắn, không hiểu sao tớ thấy hắn cao thượng thế.

N. cười khẽ. Khi cười, mái tóc xõa ở bên thành ghế.

- Mình cho tới xin một điếu thuốc lá. Từ khi lấy chồng, tớ phải hút trộm... Chồng tớ thấy, hắn sẽ đánh tớ.

- Tại mình cả thôi. Tớ đã bảo đấy là một thằng đàn ông đê tiện cơ mà! Tớ rất ghét chồng mình, tớ chưa bao giờ thấy chồng mình nói thật bao giờ.

- Thôi, số kiếp cả. Làm sao được? Thân tớ thế là coi như xong rồi đấy. Rồi tớ sẽ đẻ con, vào bệnh viện, không hiểu sao tớ nghĩ sau này tớ bị liệt, thế là hết đời. Nhưng mà mình, tớ van mình, mình đừng yêu hắn!

- Không, tớ chẳng yêu đâu. Tớ chẳng dại...

- Mình thề đi. Tớ van mình. Mình đừng yêu hắn:

Em hỏi: "Sao thế nhỉ? Sao người ta lại đi can gián tình yêu?" Anh bảo: "Em đừng sốt ruột. Một người đáng kể thế kia thì chẳng bao giờ thề thốt gì đâu".

M. ngồi hút thuốc. Ánh lửa ở đầu điếu thuốc đỏ rực.

- Tớ van mình. Mình đừng yêu hắn. Mình thề đi!

- Không! Mình đừng bắt tớ thề. Buồn cười lắm!

- Mình có hiểu một người như hắn tệ hại đến thế nào không? Hắn thích gì hắn sẽ làm nấy. Hắn có thể đánh nhau đấy!

- Ừ...

- Tớ đã biết hắn. Hắn rất khinh người. Một người như thế là không tôn trọng ai đâu.

- Nhưng hắn đối xử với tớ rất tốt... Dễ thương nữa.

- Mình chẳng hiểu gì cả! Ai mà hắn chẳng tốt! Hắn bịp bợm đấy! Hắn chẳng coi cuộc sống ra gì. Mình có thấy cách chi tiêu của hắn không? Nếu có một quốc gia trong tay thì hắn cũng chi tiêu trong năm phút.

- Thơ của hắn lạ lắmẠ

- Lại thơ! Mình cứ mơ mộng thế là chết đấy! Hắn ham chơi lắm, mình đã thấy hắn đá cầu với một thằng bé con sáu tiếng đồng hồ! Mình cứ tưởng tượng xem, sáu tiếng đồng hồ người ta làm được bao nhiêu là việc!

- Ngộ nhỉ?

- Ngộ gì mà ngộ? Có mà điên!

Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

- Tớ van mình... mình cẩn thận đấy! Mình có hiểu tình yêu của một tay đàn ông như thế thì thế nào không?

- Không... Tớ biết sao được.

- Nó sẽ làm lòng dạ mình tan nát như chơi... Mình chẳng hiểu gì cả... Hắn chỉ làm mọi việc theo ý hắn thích mà thôi. Khi hắn yêu hắn sẽ quên hết... Mà như thế thì khổ lắm... mà ngượng lắm!

- Sao lại ngượng?

- Thế mình chỉ sống có mỗi một mình thôi à? Mình còn có bạn bè, bố mẹ, lại còn bà, rồi còn sự nghiệp nữa.

- Ừ, bà thì rắc rối lắm!

- Chứ còn gì nữa? Hắn sẽ gạt tất cả sang bên. Hắn sẽ cười vào mũi tất cả, cười rất khả ố... Hắn chẳng coi mọi sự là cái gì đâu! Tớ cấm mình yêu hắn đấy!

- Ừ!

- Tớ van mình... Mình đừng yêu hắn...

- Thơ của hắn rất lạ... Chẳng có đầu có cuối gì cả.

Này nhé:

"Chính bởi thế mà nửa đêm ta dậy
Lang thang khắp phố phường..."

- Bởi cái gì?

- Ma nào mà biết được? Tớ cũng hỏi hắn thế... Hắn cười, hắn cũng không biết nốt. Hắn chỉ lên trời...

- Lại thế nữa... Thế là điên rồi đấy!

- Mà còn thế này nữa:

"Ta nhổ một cái lông chân
Đem so xem nó có giống lông trâu không?
Ta ký một hợp đồng
Và ra sức lùa gió về
Trong căn phòng trống trải của ta..."

M. nhỏm người lên:

- Ký hợp đồng với ma quỷ đấy! Chắc chắn thế! Tớ biết mà... Hắn không chơi với người đâu, hắn chỉ chơi với ma quỷ thôi...

- Hắn có thể chết bởi những điều rất vớ vẩn... Mà hắn cả tin lạ lùng.

- Thôi đi... Tớ van mình. Mình đừng mơ mộng nữa. Cả tin với không cả

tin. Tất cả đều một giuộc!

- Quả thực, tớ chưa thấy người nào đáng kể như hắn. Hết sức nồng nhiệt, tối tăm như đêm tối... chính trực nữa...

- Mình yếu đuối lắm!

Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

- Này, tớ van mình... Mình đừng yêu hắn...

- Ừ...

Em hỏi: "Tình yêu là gì?" Anh bảo: "Đây là nết phong nhã bậc nhất của đức hạnh. Không phải người nào cũng hiểu được đâu". Em hỏi: "Sao khi yêu nhau người ta làm thơ?" Anh bảo: "Tình yêu sinh ra tài năng. Thơ là thứ tài năng tầm thường nhất." Em bảo: "Tài năng nào mà chẳng tầm thường?" Anh bảo: "Có một thứ tài năng không tầm thường..." Em hỏi: "Anh biết à?" Anh bảo: "Biết". Em hỏi: "Anh có nó không?" Anh bảo: "Có" Em bảo: "Thế thì em yêu anh".

- Này, tớ van mình... Mình đừng yêu hắn...

- Ừ...

- Để tớ kể mình nghe chuyện này. Ngày xưa hắn đã yêu một thiếu nữ. Cô ấy con nhà gia giáo. Mình có biết một thiếu nữ trinh thục là thế nào không? Môi cô ta lúc nào cũng thắm đỏ. Đáy mắt cô ta ánh xanh như vỏ trứng chim sáo. Cô ta được nuôi dưỡng bằng truyện cổ tích và toàn cơm tám giò chả. Một thiếu nữ được nuôi như thế thì da trắng hồng...

- Thôi, mình bỏ trò miêu tả ấy đi. Khó chịu lắm. Một thiếu nữ trinh thục là rất khó chịu...

- Ừ, thật thế đấy. Hắn đến... Liệu hắn có biết thứ quà tặng gì đối với cô ta có thể làm chết người như là tình yêu của hắn hay không? Tớ cũng tin hắn yêu say đắm. Một cô gái như thế thì sao lại không yêu được? Có thể khi đến với cô ta, lòng hắn sẽ yên tĩnh lại, sẽ không sôi réo nữa. Hắn sẽ tu tỉnh, hắn không du côn và lêu lổng nữa.

M. im lặng, cô ta lại châm một điếu thuốc lá. Ánh lửa ở đầu điếu thuốc đỏ rực. Nghe rõ tiếng mưa rơi...

- Thế... Không thể nói rằng hắn là kẻ vô giáo dục được... Hắn chỉ hơi dám đến gần cô ta. Không phải là hắn yêu đâu, hắn chiêm ngưỡng, hắn thờ phụng cô ta như thể người ta thờ phụng với Đức thánh Trần.

- Sao lại Đức thánh Trần?

- Tại vì đây là thứ tình yêu chẳng có hôn hít gì cả. Chỉ có tình yêu với Đức thánh Trần mới như thế chứ...

- Ừ... Tớ hiểu rồi. Kể cũng kỳ lạ đấy. Hình như bây giờ hắn đã bạo hơn...

- Mình im đi! Tớ van mình, mình không được nghĩ gì về hắn nữa đấy.

- Ừ...

- Thế... Hắn với cô ta như thể hai người trong mộng. Cô ta héo hắt đi vì

hắn. Mình tưởng tượng xem... Một cô gái mới lớn, lần đầu tiên biết yêu. Còn hắn, một con dê xồm mồ hôi dầu, cười nói thản nhiên như côn đồ. Hắn có thể trồng cây chuối trước mặt bố mẹ cô ta. Bố cô ta là một trí thức, ông treo ảnh danh nhân trên tường, yêu thích văn học cổ điển và chính trị cổ điển. Còn hắn, hắn biểu diễn âm nhạc bằng cách thọc hai ngón tay vào miệng...

- Ngộ nhỉ?

- Ngộ gì mà ngộ... Hắn bắt một con thạch sùng rồi để lên bàn. Hắn trình bầy thế giới bằng cách miêu tả con thạch sùng ấy. Thượng tầng kiến trúc là đầu, hạ tầng cơ sở là chân, khúc đuôi là đạo đức. Hắn cho rằng đạo đức rụng rồi lại mọc, đạo đức có thể ngoe nguẩy một mình, còn toàn bộ sự sống chuồn mất...

- Thật quá quắt!

- Đấy... Mình bảo như thế thì ai chịu được.

- Không chịu được thật...

- Tớ van mình... Mình đừng yêu hắn!

- Được rồi... Thế tình yêu của hắn với cô gái kia thế nào?

- Hắn quyến rũ cô ta, hay là cô ta quyến rũ hắn... Cũng chẳng biết được. Họ say mê, quyến luyến nhau... Xa cô ta một ngày là hắn gây sự. Kể ra cũng không thể phàn nàn gì về một tình yêu như thế. Quả thực, nếu đấy không gọi là tình yêu thì tớ cũng không biết thế nào là tình yêu nữa...

- Tớ hiểu rồi... Tớ biết rất rõ.

- Mình lại nghĩ đến hắn phải không? Tớ cấm đấy.

Tớ van mình... Mình đừng yêu hắn...

- Ừ... Mình kể tiếp đi.

M. lại hút thuốc. Im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

Em hỏi: "Cuộc sống cơ bản là buồn, phải thế không?" Anh bảo: "Không có tình yêu buồn". Em hỏi: "Hai cô gái kia thì ai hạnh phúc?". Anh bảo: "Một cô vừa đánh buột mất hạnh phúc. Còn cô kia đang có hạnh phúc trong tay, nhưng không khéo cũng đánh buột mất".

M. kể tiếp:

- Họ yêu nhau. Hắn đính hôn với cô ta. Mọi người ngăn cản. Hắn khuyên cô ta trốn...

- Trốn đi đâu?

- Chắc là phải trốn đến nơi nào thật lạc hậu.

- Sao thế?

- Thì những nơi văn minh ai chứa được một người như hắn? Không có gì với hắn là quá cao, cũng chẳng có gì với hắn là quá thấp...

- Họ trốn chứ?

- Đúng vào phút cuối cùng thì cô gái từ bỏ ý định, từ bỏ lời thề.

- Khốn kiếp?

- Ừ...
- Hắn có quay lại không?
- Một người như hắn thì đời nào quay lại? Lòng cao thượng của hắn là lòng cao tượng của quỷ chứ đâu phải của người! Hắn biết rằng một cô gái hèn nhất như cô ta thì không đáng để hắn hy sinh cuộc đời, dù rằng cô ta là một cô gái trinh thục, môi lúc nào cũng đỏ thắm, da trắng hồng...
- Hắn đi luôn à...?
- Phải! Hắn đi luôn... mất tăm mất tích. Hắn đặc biệt nhạy cảm với sự nhục mạ...
- Sau đó thì sao?
- Cô ta ốm lăn ốm lóc nhưng không chịu uống thứ thuốc hắn gửi đến, thuốc mà làm gì... Thời gian trôi đi... Cô ta bắt đầu tiêu phí đời mình. Cô ta hiểu rằng không có một người đàn ông thứ hai như thế...

Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.
- Này... Tớ van mình. Mình đừng yêu hắn. Hắn không có lòng đại lượng. Hắn không tha thứ cho ai... Mình, mình đừng yêu hắn... hắn là quỷ sứ!

N. lục lọi đâu đó trong túi rồi đặt lên bàn một tấm ảnh nhỏ.
- Ảnh hắn đấy...
- Mình... Tớ van mình... Mình đừng yêu hắn. Mình hãy đốt tấm ảnh ấy đi... Hãy xé đi...
- Mình...
- Không! Phải tự tay mình! Mình xé nó đi!

N. cầm bức ảnh trên bàn lặng lẽ xé nhỏ.

Chớp lóe sáng. Có tiếng sấm rền. Nghe rõ tiếng mưa rơi.
- Khốn nạn!
- Mình bảo ai khốn nạn?
- Mình không hiểu đâu... Mình không biết rằng sau mối tình ấy cô ta trở nên khốn nạn thế nào?
- Cô ta còn sống à?
- Không, cô ta chết rồi! Tâm hồn cô ta chết rồi. Cô ta chỉ còn hình hài. Cô ta thành kẻ đê tiện. Cô ta lấy chồng. Chồng cô ta cũng đê tiện nốt. Hắn ăn cắp rất giỏi. Hắn đánh cô ta mỗi khi cô ta hút thuốc.
- Tớ không hiểu... Thế là thế nào?
- Mình... Tớ xin lỗi mình... Mình đã xé tấm ảnh đi rồi... Mình đã làm điều mà tớ mong muốn...

Họ ngồi yên lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi. Bỗng nhiên cả hai khóc òa. M. nói, giọng đầm nước mắt:
- Tớ xin lỗi mình... Thế mình tưởng tớ tha thứ cho mình vì mình xé tấm ảnh đi ư?
- Mình... mình sao thế?

- Mình chẳng hiểu gì cả? Mình tưởng tớ kể như vậy là lòng tớ thư thái hay sao? Sẽ thanh thản hay sao? Mình không biết tớ đã rứt từ tim tớ từng mảnh thịt một...

- Mình... mình... Sao thế mình...

- Mình tưởng tớ sẽ tha thứ cho mình vì mình độc ác thế à? Không, mình hiểu không? Nếu cần, tớ sẽ bỏ chồng, bỏ hết để đi theo hắn. Hắn vào tù thì tớ đưa cơm. Tớ sẽ theo hắn cùng trời cuối đất... Chỉ cần hắn quay lại... Nhưng hắn sẽ không bao giờ quay lại...

- Giời ạ. Sao mình lại kể, sao mình lại kể?

- Vì sao ư? Vì tớ không muốn... Mình hiểu không, tớ không muốn hắn rơi vào tay một người đàn bà nào khác, rơi vào tay mình.

N. đứng dậy đi ra ngoài trời. Một lúc sau, M. cũng đi ra nốt. Nghe rõ tiếng mưa rơi. Tiếng mưa rơi buồn không tả được.

Em hỏi anh: "Cuộc sống cơ bản là buồn, phải thế không?" Anh bảo: "Không". Em hỏi: "Người đàn ông mà hai người nói chuyện ấy là ai?" Anh bảo: "Không biết". Em hỏi: "Là công nhân, nông dân hay thợ thủ công?" Anh bảo: "Không biết" Em bảo: "Chắc là nghệ sĩ. Vì cô ta đọc thơ". Anh bảo: "Thơ gì lại thế?" Em có muốn nghe thơ anh không? Thơ của anh cũng có nhổ lông..." Em bảo: "Thôi, để khi khác. Nhưng em áy náy quá, không biết hắn là ai?" Em bảo: "Em thấy cô ta cầm tấm ảnh in trên tờ báo. Chắc là một nhà chính trị". Anh bảo: "Không biết". Em bảo: "Hắn thật đáng kể".

Mưa.

Ngoài trời kia vẫn mưa. Khuôn mặt em hiện ra trong anh. Em đang ở xa. Em ở đâu? Những ý nghĩ của anh hướng cả về em. Bây giờ là hai giờ chiều. Anh đã ngồi viết truyện ngắn này sáu tiếng đồng hồ. Sáu tiếng đồng hồ liền.

Sáu tiếng đồng hồ. Nhân vật chính trong truyện của anh đá cầu sáu tiếng đồng hồ. Cái thằng vô lại ấy! Một tên cao cầu bất hủ!

Em ở đâu?

Ngoài kia trời mưa.

"Bao giờ thì em về" Hả em?

NGUYỄN HUY THIỆP



LÂM CHƯƠNG

câu gì em nói nhỏ

Em hẹn tôi về thăm quê cũ
sau mấy năm lây lất xứ người
tôi cũng muốn (một lần thôi cũng đủ)
về gặp em nhắc chuyện lâu rồi

Chuyện lâu rồi mà như mới hôm qua
tôi còn nhớ bàn tay em run nhẹ
trong tay tôi lạnh buốt. Không ngờ
em lí nhí nói câu gì rất nhỏ
như nói thầm với cái rét se da
của một chiều cuối đông năm đó

Rồi tôi đi sáu năm trời chưa trở lại
dòng sông xưa vẫn chảy trong hồn
bông mía trắng cả một vùng thương nhớ
gió nồm Nam thổi suốt dọc quê mình
nhà em ở cheo leo cuối xóm
hàng rào thưa cây trái rợp sau vườn
che bóng mát cho em ngày nắng

Tôi ở đây những mùa đông trắng
lấy gì che đời vắng em xa
em đâu biết bao lần tôi muốn hỏi
ngày chia tay em nói nhỏ câu gì
trong cái rét một chiều đông năm đó?

LÂM CHƯƠNG



ĐOÀN NHẬT

vượt đêm

Cuối chiều
Tay sông chia, sâu
Mái chèo vọng, động
Sật sầu cỏ cơn
Ẩn nhẫn
Thuyền cập, mù sương
Ở trăm hạt lạnh
Miên trường giấc tê

Bãi bến
Gió máy gùi về
Thân tâm huyết nhục
Cận kề nỗi đau
Vượt qua
Vượt qua đêm thâu
Những dao lá cửa
Tay trào máu, khua

Từ tụm trăng
Vượt, vạt đi
Lá vây hãm
Rừng định kỳ tuổi hoang
Đêm ù
Đêm ù chan chan
Ngóng nghe gốc quán
Buộc ràng nhục thân.

ĐOÀN NHẬT



NGÔ THỊ KIM CÚC

thú quý



Sau khi xua lũ bình dân cùng những thúng mủng, xe kéo của chúng vào, Côn khịt mũi và bắt đầu màn sau. Tiếng cười òa ra và không ngưng lại được. Những *mỹ nữ* váu áo sặc sỡ, cầm gương lược uốn éo, chải chuốt trong khi bọn tay chơi với điếu thuốc, cốc rượu trong tay lấm lét, nghiêng ngó... Đến lúc bọn *trí thức* mặt mũi trịnh trọng với kiếng trên mắt và giấy bút kẹp nách đủng đỉnh tiến ra thì cả một cơn bão cười rộ lên, Côn đã dựng lên một xã hội người bộc lộ tất cả sự khôi hài thảm hại.

- Bao nhiêu? - Một gã tóc vàng râu xồm trỏ vào một con khỉ mặc vét tông với quần đùi.

- Năm mươi đô - Côn đáp, bằng thứ tiếng Anh chợ trời.

- Quá đắt - Kèm theo là một cái nhún vai.

- Nó là *giáo sư* đó. Còn đây là *nhà văn*. Hay ông thích triết gia?

Gã tóc vàng lắc đầu, trỏ một con khác.

- À, *nữ ca sĩ*, bốn lăm đô.

Tay gã kia lại di chuyển.

- Đó là *hoa hậu*, cũng bốn lăm.

Cuối cùng, gã tóc vàng ngã giá một *ngôi sao điện ảnh*, bốn mươi đô, một nhan sắc khỉ ủ dột trong chiếc mini jupe chói đỏ.

Buổi tối, vợ chồng Côn hỉ hả với túi tiền. Côn vừa tu bia vừa tự tán thưởng:

- Bọn nó thích mê tơi. Đào đâu ra cái giống quí hiếm như vậy chớ. Hiếm quí như vậy thì chỉ có thể đi ra từ nhà lão Côn thôi.

Côn cười ha hả, đi đến chuồng khỉ. Những cặp mắt đầy vẻ thiểu não u uất đang nửa ngủ nửa thức dòm ra. Những cơn đói kéo dài đã rút cạn sinh lực chúng. Những miếng ăn cầm chừng chẳng nhằm nhò gì đối với cái dạ dày luôn rỗng tuếch. Nhưng chỉ cần vài tiếng chí chóe, bọn khỉ nhỏ sẽ bị lũ khỉ *đại bàng* tặng cho những cú đấm, tát ra trò, để được chủ thưởng vài miếng.

Côn thò tay vào, bốc một khỉ con đang bú khỏi vú mẹ. Con vật non nớt rúm người lại, rên khe khẽ. Khỉ mẹ nhấp nhổm đứng lên ngồi xuống, liếc trộm Côn với vẻ kinh hãi. Côn đã cắt sữa rất sớm những khỉ con đang bú, để chúng không lớn thêm được. Với khỉ lớn, Côn chỉ cho ăn đủ để chúng đừng chết đói. Bằng cách đó, Côn tạo ra những thế hệ khỉ càng về sau càng suy kiệt, teo tóp. Và chúng trở thành món hàng đắt giá để Côn móc túi khách du lịch ham của lạ.

Trong giường, thằng bé ba tuổi của Côn đang ngủ. Khi nằm, trông nó có vẻ bình thường hơn lúc đứng. Những lúc nhìn con, Côn không khỏi cảm thấy một nỗi sợ mơ hồ. Kiểu đứng gù gù với hai cánh tay dài buông thõng, đôi vai rụt và cái nhìn lom lom của nó hoàn toàn giống khỉ. Cả ngày, thằng bé cứ lần la ngoài chuồng, bắt Côn cho khỉ làm trò. Ngừng lại là nó giãy nãy, la khóc. Nó còn thích ngồi nhơi chuối nhơi kẹo khiến lũ khỉ đói bên trong dại dột thò tay ra xin, thế là nó đánh rõ đau và rú lên cười. Côn nghĩ đến ngày mai của nó. Với thân thể xấu xí cùng những tính cách bất thường như thế, Côn phải có thật nhiều tiền để bù vào cho nó...

- Ngày mai, phải nghĩ thêm vài trò mới...- Côn cứ thao thức với các ý định.

Buổi sáng, Côn thức dậy, thấy vợ còn ngủ mà con thì biến mất. Hai vợ chồng tìm khắp trong nhà, ngoài sân đều không có. Ra đến dãy chuồng khỉ, thấy vắng tanh. Côn choáng váng muốn xỉu. Cửa chuồng vẫn khóa. Côn đi đến, lắc mạnh các song chuồng và chợt hiểu ra. Lũ khỉ nhà Côn đã teo nhỏ tới mức có thể tự do lọt ra khỏi song chuồng. Và chúng đã bỏ đi. Tất cả. Khỉ, tiền bạc, cả sự tin tưởng tuyệt đối vào bản thân của Côn. Còn lại thằng con Côn. Nó đâu rồi?

Đang muốn chết hơn là muốn sống, bỗng nghe tiếng khọt khẹt. Nhìn lên cây, Côn thấy thằng con trần truồng đang bị trói trên đó. Bọn khỉ đã cào xé nhưng không gây ra thương tích nặng cho nó. Hết sức vất vả, vợ chồng Côn mới moi ra hết một mồm đầy lá cây mà bọn khỉ đã nhét vào cho nó. Không chịu tắm táp, không cho xức thuốc, thằng bé đã đòi ra chuồng khỉ.

- Đâu rồi? - Nó hét lên trước dãy chuồng trống không.

- À... bọn nó đi chơi rồi... mai sẽ về với con.. - Vợ Côn cố phỉnh phờ.

- Không... không.. Bắt đền đây... bắt đền...

Nó gào lên, dãy dụa. Côn vội vả đi mua mấy con khỉ ngoài chợ về cho nó. Vừa trông thấy bọn khỉ lạ, nó đã nổi điên lấy cây quất tới tấp. Rồi nó tiếp tục đòi những con khỉ biết làm trò. Ngày này sang ngày khác, nó cứ gào khóc,

phá phách, rên rỉ... Bác sĩ cũng chịu thua, không đoán được bệnh. Vợ chồng Côn thất điên bát đảo, bán hết cả gia tài vẫn không chữa được bệnh cho con. Suốt ngày, nó vào ngồi trong chuồng khỉ, ăn những thứ khỉ ăn và làm tất cả những trò của khỉ.

NGÔ THỊ KIM CÚC
Sàigòn tháng năm chín tư



ĐĂNG NGỌC
vàng son mộng cũ

Thưa em
tình đã bạt ngàn
dấu chân xưa
dấu địa đàng
mang mang

ngại mưa thưa
ngại nắng tràn
ngại hoang mộng cũ
ngỡ ngàng mộng nay

ít nhiều
mỗi vó chân mây
thưa em
còn chút vơi đầy
vẫn thưa

ĐĂNG NGỌC



TẠ TỴ

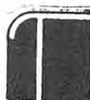
nhớ người

Gửi V.C., người vắng mặt

Ta nhớ người, người chợt quên ta
Mười mấy mùa Xuân đất khách qua
Chén rượu năm nao đêm trừ tịch
Bằng hữu bây giờ còn lại ta
Đối bóng gối sầu thương mến ấy
Soi gương luống tuổi cái thân già
Ai đó, đi về nơi quê cũ
cảnh sắc Xuân xưa có nhạt nhòa?
Ta nhớ, trời ơi, ta nhớ lắm
Thời gian mỗi lúc mỗi lìa xa
Dăm kẻ đầu bồng như mây núi
Uống suốt đêm hoang chẳng nhớ nhà
Vận nước đổi thay chiều hoang phế
Cuộc đời tan tác trận phong ba
Đứa giam thân phận trong cay đắng
Đứa lạc loài mãi tận phương xa
Nào ai tâm sự ngàn đêm trắng
Chỉ còn dư lại mấy âm ba
Vuốt ve thân thế vòng cơm áo
Sao chẳng cười to lại khóc òa
Mười mấy năm rồi Xuân chẳng đến
Mà cứ trông chờ một cánh hoa
Một giọt mưa rơi trên áo mỏng
Một cánh chim bay buổi chiều tà
Mộng ảo mà thôi đời thoáng mất
Thoáng còn, như chuyện một ngày qua
Bạn đã đi về nơi đất lạnh
Môi hồng, má phấn cũng phôi pha
Nâng ly dốc cạn niềm cay đắng

Thương người, thương bạn, lại thương ta
Mây trắng có trôi về phương Bắc
Chim bay cánh mỏi tận nơi xa
Muốn đem thương nhớ vùi tro bụi
Kỷ niệm ngày xưa hết đậm đà
Gió thổi cây rung xào xạc lá
Đàn lên vài khúc "Đoạn Trường Ca"
Có phải trầm hương vừa mới đốt
Hay là tưởng tượng những Xuân xa
Rượu đấy, nhưng nào ai cùng uống
Đèn chong một ngọn đợi hồn ma
Bằng hữu thuở xưa cùng lận đận
Bốn phương mờ mịt cõi bao la...

TẠ TỴ



AN PHÚ VANG

hỏi

Hỏi tuổi nhỏ đường trăng về lại
Em bỏ tôi đi đâu khuya ái ngại nhớ về
Em bỏ tôi đi đâu tháng giêng lạnh đầy trên phố
Đêm tí toáy làm thơ nhớ tình ai qua tay
Đêm cuộn tròn giấc ngủ muộn không hay
Thân có ấm của ngày nắng biển
Đêm ngủ có yên hay muộn phiền thức dậy
Nhớ gì người khi em cố quên

AN PHÚ VANG



HỒ MINH DŨNG

hoa vạn hạt, cuối mùa



Đang ngủ ngon, Vua chợt thức giấc. Không phải cơn gió nồm nam oi bức mùa hạ thổi qua. Không phải tiếng reo hò của bọn dân đen đang nạo vét con sông đào bao quanh Thành Nội phía sau cửa An Hòa. Không phải tiếng vó ngựa của mấy ông hoàng đi săn bắn ở núi Bạch Mã về. Cũng không phải tiếng gà lợn bị chọc tiết từ nhà bếp đưa lên. Một cái gì nhẹ tựa như lau sậy lướt qua. Nhanh gọn như một tia chớp lóe vào.

Năm nàng cung phi nhan sắc thuộc loại " thiên hình vạn trạng" đang đứng bên cạnh long sàng, trố mắt chờ. Cả năm nàng đều để nguyên xiêm áo cố ý trễ tràng, hở hang, theo gợi ý của quan thái giám họ Bùi, vừa xua đuổi được tà ma hiếu sắc (?), vừa hiến cho đấng quân vương có một giấc ngủ yên lành, đẫm mùi da thịt con gái xuân thì.

Vua dụi mắt, hỏi :

"Có cánh bông sứ nào mới bay vào chạm lên má trẫm, phải không?"

Đám cung nữ thay nhau trả lời:

"Muôn tâu, không có."

"Có ruồi, muỗi hay con ong, con bướm nào không?"

"Bẩm hoàng thượng, không."

"Có ai xông trầm hương trong lúc ta ngủ không?"

"Muôn tâu, cũng không."

Vua ngáp mấy cái rồi trở mình, ngồi dậy:

"Lạ hè, trẫm đang mơ màng trong giấc điệp thì có cái gì chạm vào má trẫm, nghe tựa hồ như hạt sương, nóng ấm mà trơn mát, thoảng nhẹ mà sâu đậm, thơm lừng như hoa lý, hoa ngâu. Sực tỉnh thì chẳng có gì. Hay là bà nội

trẫm, hiện hồn về hôn trẫm!"

Bỗng cung phi Hoàng Hoa xỏa tóc, quỳ xuống, khóc rống lên. Thái giám họ Bùi ngồi chờ sẵn ở phòng phê, nghe tiếng khóc, chạy qua, nhưng khi mới vén bức màn nhung, nhìn thấy cảnh tượng không lấy gì đột ngột nên lùi lại. Xưa nay, nhà vua vẫn có thói quen như thế, mỗi lần ban ơn "mưa móc" cho ai, người đó bằng mọi cách, phải tự vật vã khóc lóc thảm thiết như lâm vào cảnh tai vạ thất thường, mới đem đến cho đấng thiên tử những phút giây thỏa nguyện. Chứng kiến cảnh tượng đã lâu, nhưng lần nào ruột gan ông rối bời, khi đặt một phần thân thể quý báu lên bàn thớt, đưa cao dao phay, ông đâu có ngờ mình tựy chuốc lấy nỗi đau, đơn độc sa vào một hang ổ tối tăm, đầy ngỏ ngách, không lối ra. Cái cụt đi, đành phận rồi, nhưng hai mắt không mù, lại còn sáng hơn, tinh tường soi vào những manh mối trớ trêu của người đời.

Liếc nhìn cung phi, Vua lắc đầu:

"Lúc nầy đây trẫm chưa cần, sao khanh nhọc công làm chuyện khiêu gợi?"

"Muôn tâu, tiện thiếp không dám..."

"Thế có chuyện chi ?"

"! ! !"

Vua lại giục :

"Trẫm bình tâm lắng nghe đây, cứ tỏ bày."

"Muôn tâu, cái mà hoàng thượng tưởng là bà nội hiện hồn về hôn đó, chính là tiện thiếp đây. Không dám để cho người quá cố can dự vào, tiện thiếp phải lên tiếng. Kể từ ngày được hồng phúc ké núp thân hèn dưới bóng mây ngũ sắc, cho đến nay đã tròn năm năm, chưa một lần hoàng thượng ghé mắt ngó ngàng đến chòi tranh vách lá. Bóng xuân mỗi ngày một phai, tấm lòng son càng lúc càng giục giã. Cho nên, thấy hoàng thượng lúc ngủ sắc diện khôi ngô, nên mông muội dành cho mình được một ân ban. Nụ hôn đầu của tiện thiếp tình còn sâu nặng hơn sông núi. Lượng xin hoàng thượng hiểu cho."

Trấn tĩnh một hồi, Vua buồn bã :

"Chung quanh trẫm có hàng trăm hàng ngàn cung nga thể nữ, sức trẫm đâu phải sức voi, sức ngựa mà một sớm một chiều ban phát được hết. Khanh coi, trẫm phải cho mười mấy người trong thái y viện, lặn lội qua tận bên đất Trung Nguyên để tìm tòi những thứ thần dược, lại cho nhiều tốp khác lục lạo khắp xứ Ấn Độ, Ba Tư, Ả Rập tìm kiếm cho ra những phương thuật gia truyền, những bí quyết của phép luyện đan đem về, để giữ cho tam cung lục viện được hòa khí, yên ổn, thấm nhuần khói trầm hương vạn ngã sơn khê, lồng ánh trăng sao vào khắp lá cành gốc rễ, là đủ biết lòng trẫm vướng bận không chút bên trọng bên khinh. Nhà tranh vách đất hay là cung thự nguy nga, trước mắt trẫm cũng thế thôi. Nhà gì cũng phải có đôn mái, cột kèo, rui mèn, xà ngang xà dọc, phên vách, cửa ngỏ, cũng có máng xối, bếp núc. Cái

chòi trống trãi nằm ngoài đồng vắng cũng có cái thú phiêu bồng quạnh quẽ, cái am đền trong bụi rậm cũng có cái tĩnh lặng diệu kỳ. Đối với trẫm, các phi đều là hoa, hoa gì cũng là hoa, không hương thì sắc, lộng lẫy thì choáng ngợp, khiêm tốn thì dẽo dai, mãn khai thì chóng tàn, hàm tiếu thì bền lâu. Thậm chí đến cái hoa cứt lợn nhầy nhụa mọc trong bụi, cái hoa mồng gà nham nhở bên hè cũng có cái đẹp riêng của nó. Chỉ có cái bọn tiểu nhơn hồ đồ mới phân biệt. Khanh cho trẫm là hạng người đó chăng? "

Cung phi chấn chỉnh lại xiêm áo, bình thản nói :

"Muôn tâu, khi xưa, hoàng thượng đi du xuân, thấy tiện thiếp áo bày lưng, quần xăn quá gối, đang cấy lúa ngoài ruộng, động lòng thương đem về. Xin hoàng thượng đừng tưởng rằng tiện thiếp mong vinh thân phì gia mà níu theo đuôi rồng. Mà, vì một cái gì khác hơn, trời sinh ra phận đàn bà con gái, chỉ được một thời, một thời ngắn ngủi thôi, nỡ lòng nào để cho nó phải tàn tạ héo khô. Không phải tiện thiếp mưu cầu cho bản thân, mà mong cho hoàng thượng được khỏi mang tiếng là hạng người vô thủy vô chung."

Một câu nói như thế, ở thời điểm khác, Vua không tha thứ, lúc nầy xuống giọng :

"Điều khanh mới nói ra có phát xuất tận tâm can không ? "

"Muôn tâu, trời còn sấm sét thì tiện thiếp không dám xảo ngôn."

"Hèn chi thiên hạ suốt mấy năm nay cứ bị thiên tai địch họa liên miên. Đêm nào trẫm cũng nghe tiếng chim cú rúc ngoài Thế Miếu, sai người soi đuốc đuổi, chúng nó bay đi một lúc rồi lại quay lui. Xiềng mả thằng Tả Quân mấy chục xích sắt rồi, lòng trẫm vẫn chưa yên. Tiếc rằng trẫm không xé xác hắn ra làm trăm mảnh khi hắn còn sống cho hả dạ, thử coi hắn nếm cái mùi gót chân của thằng nhóc con ấy vinh hoa được bao lâu, lại còn dám bới lông tìm vết, vu khống phạc phụ ta chọc ghẹo nàng hầu của hắn để chặt đầu, ướp muối gửi ra thách đố ta. Nay mai phải cho người vào đào lên, đích thân trẫm vào đái lên xương cốt hắn rồi vất xuống sông Nhà Bè mới thỏa. Còn cái "mả ngụy" kia nằm ở địa thế đó cũng không ổn, ai đời cứ đến cái ngày một ngàn tám trăm thằng phản tặc bị ta chôn sống, là bàn dân thiên hạ lại ùn ùn mang lễ vật đến cúng cấp. Như thế thì coi lời chỉ dụ của trẫm đây chẳng khác chi nước đổ lá môn."

Vừa nói đến đây thì bên kia bức màng nhung có tiếng Bùi thái giám, khàn khàn vọng sang:

"Muôn tâu thánh thượng cái đó để con, nước tiểu của thánh thượng là vật qúy, không nên rơi vãi trên đồ vô dụng. Để dành cho con tưới tắm đám hoa bên hông Duyệt Thị Đường, để vừa xem hát, vừa xem hoa nở."

"Phải, giao chuyện đó cho ngươi. Của ta, không nhiều, nên dùng vào việc hữu ích, chớ nên phí phạm. Còn của ngươi, trích trữ vào chĩnh, để càng lâu càng tốt, ta sẽ cho người chèo ghe chở vào. Nhớ đậy đần cho kỹ kẽo hôi thối,

nghe chưa ?"

Rồi quay lại với đám cung phi :

"Trẫm tin cậy các khanh mới ban cho đặc ân đến đây để đọc sách, quạt, đuổi ruồi muỗi, đấm bóp, khải ngứa cho trẫm, chứ không phải muốn làm chi thì làm. Thân vạn thặng của trẫm, thánh thần còn e dè, chim họa mi, phượng hoàng không dám tới gần, đâu phải là chim sẻ, chim cuốc thân lấm bụi bùn mà dám sa vào. Riêng Hoàng Hoa tân-giai-phi thì Trẫm cũng không quên cái lúc hạnh ngộ với khanh ở giữa nơi đèo heo gió hút. Trong lúc xa chốn kinh kỳ rực rỡ lòng trẫm bơ vơ lạc lõng, thì khanh cũng chỉ là ngọn gió khỏa lấp nhất thời đó thôi. Trẫm đem khanh về đây đã là có trước có sau. Cớ sao buông lời oán trách? "

Hoàng Hoa khẳng khái tâu :

"Núi có bề cao của núi, sông có bề sâu của sông, tiện thiếp đây tuy sinh ra nơi gốc bầu gốc bí, cũng có ít nhiều học qua kinh sách, không phải là đồ thừa mứa lăn lóc góc hè xó bếp. Nếu hoàng thượng không ghé mắt quan tâm, thì tiện thiếp nay cũng đã có chồng có con sum vầy như ai. Có phải đâu thấp thỏm ngồi lo bóng chiều tàn úa rượt đuổi sau lưng. Cha mẹ tiện thiếp đâu có phải đoạn trường chia lìa con cái cả năm năm không thấy mặt nhau một lần. Ngồi trên sách vở thánh hiền, hoàng thượng đã thông đạt, là con người, không phải chỉ có ăn sung mặc sướng mà thôi."

Vua thở dài rồi gọi Bùi thái giám vào, phán :

"Hoàng Hoa tân-giai-phi đây, xét về tình thì đáng thương, nhưng nếu đem tư tình ra mà châm chước thì xã tắc rối loạn, phép nước khó bề giữ nổi. Nhà ngươi hãy đem giam vào ngục cho ta, chờ ngày xử trảm. Dặn bọn cai ngục chỉ cho ăn uống ngày hai vắt cơm và một bát nước lã thôi. Nhớ là ngục tối, tuyệt nhiên không một ai được dòm ngó vào."

Rồi quay lại với Hoàng Hoa cung phi :

"Ta với ái khanh duyên nợ chỉ có ngần nầy. Chia ly, nỗi xót nầy trẫm xin gánh một phần. Khanh cũng nên thanh thản ngậm cười nơi chín suối. Kiếp sau, có gặp nhau cũng xin đừng ngoảnh mặt làm lơ. Ái khanh mất đi, trẫm sẽ xây một cái am nhỏ để thờ và cho người ngày đơm tháng kỵ, cha mẹ cũng được miễn thêm sưu thuế ba năm. Ái khanh có còn gì để nói nữa không ?"

Hoàng Hoa bình thản lắc đầu, mỉm cười, từ giã bốn người bạn, rồi vui vẻ ghé tấm thân còn trinh nguyên, tràn đầy nhựa sống lên vai cho Bùi thái giám cõng đi. Vua không nhìn theo, quay ra song cửa, trời đã xế bóng. Bên kia mấy cụm sứ già nặng chĩu búp non, bức hoàng thành phủ mờ rêu phong, bầu trời lộng gió, thấp thoáng vài cánh chim thoi thóp về rừng.

*

Trong vô số cung tần mỹ nữ, Vua sủng ái hơn hết là Hồng Tân họ Nguyễn

và Tình Phi họ Ngô, con của tướng già Tây Sơn quy phục. Biết mình sắc nước hương trời, lại sinh nhiều hoàng nam, Tình Phi đâm ra kiêu căng. Một hôm, nghe đám cung nữ hầu cận báo, Hồng Tân vừa cùng với nhà vua cỡi chung trên lưng một con ngựa bạch chạy vòng vo suốt ngày trên đồi Vọng Cảnh. Không cầm lòng được, Phi đích thân đến gặp Tân, mắng mỏ nhau, lời qua tiếng lại như kẻ trôi sông lạc chợ :

"Mi có biết xã tắc đang hồi rối loạn không? Một mai tê mà bọn giặc Đàng Ngoài lọt được vào nơi đế khuyết, chắc nó chừa cái đầu mi với cha mi trên cổ ? Ăn nằm với nhau trong long sàng thâu đêm suốt tháng chưa chán chê, răng còn làm trò mắc dịch giữa chốn thanh thiên bạch nhật ?"

Tân cũng không vừa :

"Ai có thân thì nấy giữ. Đừng tưởng thuyền người ta xuôi chèo mát mái mà mong đục thủng nhận chìm. Ân tình là phúc phận riêng mỗi người. Chớ thấy người ta "lên" mà nóng mặt."

"Chà ngon, đồ tôm đất mà không biết kiếp bò lui. Hoàng thượng mà mê mi là vì cái cục bùa ngải cột trong yếm mi với hai cái đùi gỗ múa may trơ trẽn đó thôi. Vất mấy cái nớ đi, thân mi còn tệ hơn con cóc tía."

"Cóc tía còn hơn bọ hung, bọ xít chun từ đống rác của mẹ con Quang Toản chui ra. Đồ bại tướng sớm đầu tối đánh mà còn hống hách."

Thanh danh cha bị lôi ra xúc phạm, Phi xấn tới tóm lấy mái tóc dài bồng bềnh óng mượt của Tân. Tân vốn là con một võ tướng, lúc thiếu thời đã được cha truyền cho vài ngón võ, liền quay lại thúc cùi chõ vào bộ ngực đồ sộ của Phi. Đau quá, Phi buông mái tóc tình địch, cắm đầu chạy một mạch vào điện Càn Thành, đấm cửa, la toáng lên :

"Thánh Thượng ơi ! Thiếp lâm nguy! Cứu, cứu !

Đang chăm chú theo dõi nhà nho Lê Đại Nghĩa giải điềm đoán mọạng, nghe tiếng la thất thanh, Vua bất đắc dĩ phải đứng dậy. Mở cửa, đã thấy hai người mình thương yêu quần áo xốc xếch, thân mình lấm bụi, nước mắt đầm đìa, lên tiếng :

"Lại xô xát nhau nữa phải không, trước đây ta đã bảo đất nầy là đất thiêng, phải giữ yên tĩnh cho long phụng xuống làm tổ, không phải là nơi cò vạc chí chóe tranh nhau. Nếu hai khanh có muốn sống mái với chắc, thì trẫm sẽ cho lên ở trên Hổ Quyền để tha hồ quần thảo. "

Hồng Phi nhanh hơn, quỳ xuống, mếu máo :

"Muôn tâu, xưa nay thiếp chỉ lo bảo bọc bộ ngực mà thánh thượng từng nâng niu ấp ủ, cũng là nguồn mạch mà đám con thiếp bám vào đó để sống. Nay ả nầy cấu xé, làm bầm dập, thương tích, coi đôi vú thiếp chẳng khác nào đồ...chó nhai, chuột gặm. Từ đây, hoàng thượng cũng đừng ngó ngàng tới "nó" nữa mà thiếp...tủi thân...hu, hu ! "

Rối bời ruột gan, Vua sa sầm nét mặt, quay lại phía Tân, quắc mắt :

"Chán chi chỗ mà ái khanh chọn chỗ hiểm ?"

"Muôn tâu, ai khiến chụp tóc thiếp mà vày vò. Mái tóc thiếp đây thánh thượng cũng đã từng cho là tóc tiên, tóc thánh, mỗi lần vùi vào tóc thiếp mà ngủ là thánh thượng nói ngủ thẳng giấc, gặp lắm mộng lành. Thử hỏi, người ta coi tóc thiếp như rơm tốt, mà hoàng thượng còn bênh, thì thiếp sống làm chi cho xấu hổ. Không thiết, để thiếp về ăn mấy ngọn lá cà độc dược chết quách, cho thánh thượng rảnh tay mà ôm hai cái vú xồ xề của người ta."

Nói xong, Tân bỏ chạy. Vua rượt theo. Ra đến Thư Lâu thì níu được áo. Vua thở dốc, thều thào :

"Ái khanh có "ngón" nên chạy nhanh, trẫm ráng hết sức, chút nữa đứt hơi. Thôi, bớt giận cho trẫm nhờ. Tối mai, trẫm sẽ cùng ái khanh ra sông Hương thả thuyền rồng vui vầy với trăng thanh gió mát. Trẫm sẽ hết sức bình sinh đền bù lại cho ái khanh quên đi điều tai bay vạ gió. Thật lòng, trẫm cũng đã chán ngấy với hạngỳ con cái đầm đề rồi. Đôi vú đó, trẫm cũng coi như hai trái bầu eo khô thôi. Nhưng cũng phải từ tượ mà thải, không khéo rút dây động rừng.

Được nước, Hồng Tân suồng sã ôm chùm lấy Vua. Vua vốn to cao, lực lưỡng, cơ bắp cuồn cuộn đường gân thớ thịt, thế mà phải chùn xuống khi cái thân xác quá đỗi lộng lẫy của mỹ nhân họ Nguyễn. Dù là cố cựu, Vua vẫn coi nàng như mới bước xuống kiệu hoa nhập Nội hôm qua. Ở nàng, có một sức quyến rũ lạ thường mà Vua không tìm đâu ra trong đám má đào đông đảo bao quanh. Hình ảnh người đàn bà trần truồng như một pho tượng đồng non bóng mượt, vừa đẫy đà gò đống, vừa ẽo lã thon gọn, cầm đôi đoản côn múa những đường vòng vèo ẩn hiện giữa đám trúc trong vườn Cơ Hạ để Vua nhìn thấy động tình, tăng phần kích thích sau khi nâng chén rượu hợp cẩn, vẫn còn ám ảnh quanh năm. Trong thâm tâm, Vua lại tự coi mình như một giáo chủ của một trường phái tuyệt chiêu, cộng thêm cái vinh dự chiếm được đệ nhất môn đồ của mình làm vật sở hữu.

Lúc thấy Tân ôm Vua. Phi cũng ba chân bốn cẳng chạy đến, cầm lấy gấu quần của Vua lôi ra. Không ngờ lôi mạnh quá, quần Vua trụt xuống quá gối làm cho thái giám họ Bùi phải hô to :

"Bớ hầu cận tả hữu, nhắm mắt lại ! Quay mặt đi ! Tức khắc !"

Trong lúc mọi người nhắm mắt thì họ Bùi nhanh chóng lột chiếc khăn đóng của mình đang đội che của quý Vua, rồi kéo quần lên vị trí cũ. Vua đỏ mặt, phàn nàn :

"Nếu ông Trời sinh ra ta có hàng trăm cái nầy thì đâu đến nỗi để cho ai làm tình làm tội, không ra thể thống chi hết. Hai khanh tự kiềm chế nhịn nhau mỗi người một tí. Trời sắp tối rồi, về điện Trinh Minh lo tắm rửa, cơm nước, trang điểm, tối nay cùng trẫm xem Thanh Bình Thự diễn vở Phụng Nghi đình Lữ Bố hí Điêu Thuyền."

Nhưng Phi lắc đầu lia lịa :

"Chuyện ni chưa xong, thiếp không thèm đi mô hết."

Đã đến lúc Bùi thái giám can dự vào :

"Bẩm lệnh bà, đám hoa ngoài nở nay nở rộ lắm. Kính mong lệnh bà hạ cố đến, vừa xem hát, vừa ngắm hoa, tiểu nhân đã cho đuốc cắm sẵn ngoài đó rồi, chỉ chờ hoàng thượng và qúy bà đến là đốt lên, soi sáng hoa."

Nghe nhắc đến hoa, lòng Hồng Phi bắt đầu nguôi. Nàng biết đám hoa bên hông Duyệt Thị Đường, trong những ngày về sau nầy tốt tươi một cách lạ thường. Nhà vua cũng có lần hái một nụ hoa ấy trao tận tay nàng, kèm theo vài lời gọi là gửi gắm đá vàng.

*

Trong lúc cả bá quan văn võ triều đình ào ào kéo đến vườn hoa, chiêm ngưỡng cái điềm báo ứng của một triều đại hưng thịnh, thì thái giám họ Bùi được nhà vua tưởng thưởng công lao : cưới cho một người vợ.

Thái giám họ Bùi tên Mãn, sinh quán ở làng Lăng Xá Cồn, tổng Sư Lỗ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên. Khi được nhà vua tin dùng, ban cho thêm chữ lót thành ra cái tên ghi trong văn tự có vẻ văn hoa : Bùi Sung Mãn. Chính cái tên và tấm thịnh tình vua ban, cộng với một ít thiên khiếu, kiên nhẫn, cầu tiến, đưa ông trở thành một nhà thơ. Hơn một lần, ông đã ngồi chễm chệ trên chiếc chiếu hoa uống rượu ngâm thơ với những thi bá nổi tiếng như cồn ở đất thần kinh. Tương truyền rằng, phần nhiều những bài thơ dân gian mà Bùi thái giám làm ra, đều được các cung phi trong những ngày thư nhàn vời trông "bóng chiêu dương" chiếu đến, coi như tâm sự lẻ loi của mình, khắc vào mo cau, gửi nhờ người đi chợ thả xuống sông rạch, mượn dòng nước đưa đẩy về nơi vô định.

Mấy câu thơ sau đây, chẳng những làm cho đám người da diết trông chờ cái thú vui trần thế ưa thích, mà chính nàng công chúa còn son trẻ, chán ngán cái cảnh phù sinh của đời người, trốn vào nương thân dưới mái chùa trên cụm núi Ngũ Hành cũng coi như nhắn nhủ mình nên chú tâm vào việc khua chuông gõ mõ :

Trong cõi lòng ta, có hoa vạn hạt
không ăn sương cũng nở nhiều màu
bãi cát lênh đênh, xói mòn thê thảm
đời, có chi, mà xâu xé nhau ...

Vua có xem qua cũng khen bài thơ súc tích lại thoát khỏi những cú pháp ràng buộc thông thường. Không ăn sương mà hoa vẫn nở, bãi cát bị xói mòn

thê thảm, thì ợVua hiểu rồi. Nhưng khi hỏi "hoa vạn hạt" là hoa gì thì Bùi thái giám giả vờ ho khan hàng loạt. Đến khi hết ho thì ợ Vua cũng không có thì giờ để hỏi nữa.

Dưới triều nầy có rất nhiều hoạn quan, mỗi người vào cung bằng một con đường khác nhau. Bùi Mãn vào cung khởi sự bằng một ngẫu hứng tình cờ của thời còn niên thiếu.

Hồi đó, Vua thường du hành về miệt Cầu Ngói Thanh Toàn để xem dân tổ chức chọi gà, đá dế. Khi xem chán chê, Vua truyền vây màn ngay trước sân đình làng để cùng với một trong những cung tần xuất xứ từ các thôn ấp quanh đây vui vầy. Một hôm, do sự thách thức của đám bạn nối khố, Mãn nổi máu anh hùng, trèo lên một đọt dừa cao gần đó dòm xuống. Khi tận mắt chứng kiến cảnh tượng rối rắm, chướng tai gai mắt, hắn bực bội hái một trái dừa to, nhắm lưng Vua liệng vào. Vua rùng mình giãy nẩy lên mấy cái rồi tiếp tục hì hục trên cái đà hứng khởi bất ngờ ấy. Xong việc, trong cơn choáng váng, Vua thấy trái dừa trôi dật dờ bên cạnh, lại đang cơn khát, sai hầu cận lấy nước ra uống. Uống xong, Vua thấy cái hậu ngon ngọt lạ thường, lại nhanh chóng phục hồi sức lực, móng cựa chẳng mấy chốc trong tư thế sẵn sàng như lũ gà trống thiến hăm hở chờ lúc xáp trận.

Lúc sau, bọn quan quân, tóm cổ được Mãn, đem vào trình Vua. Mới nhìn qua thằng bé ốm o, quần áo rách bương, biết là hắn lợi dụng lúc thiên hạ đón tiếp linh đình, lơ là canh gác bẻ trộm trái cây. Nhưng trong lúc dư vị còn nồng nàn, tâm hồn thư thái, Vua hỏi :

"Mi có biết dưới gầm trời nầy ai ở cao hơn hết không ?"

Thằng bé trả lời chững chạc :

"Thưa ngài, Vua."

"Biết rứa răng mi trèo lên chỗ cao hơn ta mà ngồi ?"

Thằng bé giả bộ :

"Tui không biết ngài là Vua, tưởng quan."

"Khắp làng trên xóm dưới đình công bãi thị, đánh trống, phèn la đón mừng ta rần rần, răng mi không biết. Vô lý ?"

"Dạ thưa, mẹ tui nói ai được gần Vua thì chỉ ngửi cái mùi thơm trong bếp núc bay ra cũng no cành, răng bụng tui đói meo, nên không tin."

Nghe nói vui tai, Vua cười xòa :

"Chừ ta có cả đống của ngon vật lạ, mi ăn không ? "

Nghĩ đến mẹ và đám bạn đang thấp thỏm ló đầu ra khỏi lũy tre mong ngóng, hồi hộp lo sợ khi nghe tin mình bị bắt, hắn nói :

"Vua cho một ít mang về nhà thì tui lấy liền."

"Không được, đồ ngự thiện mang ra ngoài, thoát khỏi vùng hơi hám của ta, ma quỷ vọc vào, cô hồn sà xuống, tối kỵ. Ở đây, mặc sức ăn."

Suy nghĩ một lát, Mãn chỉ tay vào vỏ dừa :

"Hay cho tui xin trái ni, về nhà hai mẹ con cạy lớp cơm ra ăn."

"Được. Nhưng ăn xong mi phải cọ rửa sạch sẽ rồi đặt lên trang mà thờ, vì đây là trái dừa trời thương ta, xui gió chướng thổi rụng xuống giúp cho ta thêm phần phấn chấn."

Nghe đến đây Mãn bưng mặt cười, Vua lấy làm lạ, chau mày :

"Mi cười cái chi ? "

"Thưa, trái dừa ni tui bẻ liệng vô, không phải trời thương ngài."

"Úi chà, rứa thì mi phạm tội khi quân, đáng chém. May mà ta "gồng" kịp, không thì xương sống gãy hết trơn, giữa chốn triều nghi làm răng ngồi trên ngai vàng cho thẳng thớm, oai vệ. Có kẻ xúi giục mi hay mi liều mạng ?"

Mãn vẫn tỉnh khô :

"Vì ngó thấy lưng ngài mồ hôi mồ kê chảy dầm dề như cuốc ruộng rang, sợ ngài khát nước nên tui tự tiện."

"Thôi, trẻ người non dạ, tha cho lần nầy. Về mau đi, kẻo ta thay đổi ý."

Thằng bé ôm trái dừa vừa mới chạy ra mấy bước. Vua sai người gọi chánh tổng sở tại đến, trách :

"Trẫm thấy dân tình ở đây còn khốn khổ đói rách, như thế là ngươi chưa làm hết chức năng. Chỉ cách chân Cửu Đỉnh có hơn vài dặm mà đà lụy thế nầy rồi, thì thử hỏi nơi xa xôi cách trở có ai thèm để mắt đến. Nhà ngươi coi đứa bé kia con nhà ai ghi vào sổ đưa cho trẫm. Nó là đứa tinh khôn, hiếu thảo với mẹ, sau nầy trọng dụng nó. Nói ra thì các ngươi không vui. Cả đám quan lại bổng lộc phủ phê vây chung quanh trẫm, chẳng có một ai dâng hiến cho trẫm được một phương kế hữu hiệu như nó."

Thế là mấy năm sau, thằng bé trèo dừa ngày ấy trở thành một vị thái giám trẻ tuổi, nổi tiếng, nhà vua phải dành cho nhiều ân huệ đặc biệt :

Trước khi quyết định cưới vợ cho, Vua hỏi :

"Nhà ngươi có thấy con mụ đầm ở truồng như nhộng trong ống pha lê mà bọn Tây Dương tặng cho trẫm trong dịp đến sông Hàn cầu thân để xin buôn bán không ? "

"Bẩm, thấy rõ lắm, giống người thiệt như đúc."

"Trẫm cũng nghe trong Nội phủ thì thầm bàn tán đã nhiều, mà khi viên tham tri Lễ bộ đưa cho trẫm xem chẳng thấy gì hết. Không biết thật hư thế nào. Bọn họ nói, mắt trẫm là mắt thần nên không thể thấy đồ phàm tục. Nhưng nghĩ cho cùng, trong chỗ phòng the kín đáo, mắt trẫm cũng chẳng hơn chi người thường bao nhiêu. Nhà ngươi đã thấy tận mắt, cứ tả lại chi tiết cho trẫm biết để khỏi áy náy, còn dấu đụt một điều chi là chưa thực tâm phò giá, nghe chưa ?"

"Bẩm, thì y chang như Hồng Tân mỹ-nhân lúc múa đoản côn ngoài vườn trúc. Không thừa, cũng không thiếu."

Nóng lòng, Vua hỏi thêm :

"Con mụ ấy là đầm, lại dân thường, làm sao giống tinh hoa trẫm tuyển chọn một trong muôn vạn ?"

"Bẩm, đó là con nói về mặt thể chất. Vả lại, đây chỉ là pho tượng do nghệ nhân tài hoa đẽo nắn mà thành. Thời Chiến quốc, ở Cô Tô thành có một pho tượng mỹ nữ, hiền nhân quân tử ai đi qua đây cũng dùng dằng không muốn dời bước. Có lắm kẻ si tình, cơm đùm gạo bới đến che lều để ở luôn bên cạnh, nhất quyết đi không về. Một ngày nọ, Việt Vương Câu Tiễn cho người đến cuỗm tượng về cung riêng. Thiên hạ buồn khóc, nước mắt xói mòn thành một con suối, cả mấy ngàn năm nay cũng chưa cạn kiệt."

Câu chuyện nầy do Bùi thái giám phịa ra, cũng làm cho Vua há mồm chăm chú nghe, tưởng thật :

"May mà chỉ có ở Cô Tô thành, còn chỗ nào cũng có thì thế gian nầy chìm trong hồng thủy mất . Vậy thì mỹ nhân ấy có mặc quần áo chi không ?"

"Bẩm, nếu có thì thiên hạ đua nhau đến làm chi."

"Uổng hè, trẫm sinh sau đẻ muộn không được nhìn thấy một lần cho thỏa. Còn con mụ đầm kia, nghe đâu " lạ" lắm, trẫm cũng chẳng được thấy, quanh đi quẩn lại cũng cái đám nầy, chán phèo."

Thái giám an ủi :

"Bệ hạ chớ bận tâm. Thời mô cũng rứa, nơi mô cũng rứa, cá kình, cá côn hay cá mè, cá rô, vi vảy cũng rứa, giống nhau."

Vua gật đầu tâm đắc rồi trở lại chuyện còn bỏ dở :

"Khi ngươi xem con mụ đầm ở lỗ, trong lòng có thổn thức, trí óc có phân tán không ? "

"Bẩm, thân con khi hoàng thượng thương tình cho vào cung, để đền ơn trời biển, con tự thiến, mô phải bẩm sinh. Ngó thấy thì lòng dạ cũng phập phồng, hồi hộp như ai. "

"Ừ, trẫm hiểu, trẫm cũng không muốn ngươi vì cúc cung tận tụy trẫm mà phải đơn côi suốt đời. Ngươi cho gọi Thượng Bảo Khanh Hoàng Qùy vào đây cho ta ."

Lát sau Hoàng Qùy chống gậy đến, Vua phán :

"Hai ba năm trở lại đây hạn hán mùa màng thất bát, dân tình đói khổ lầm than. Có lẽ trong thâm cung, cung nữ nhiều, nên âm khí uất tắc mà nên cớ sự vậy chăng ? Nay bớt đi, cho ra một trăm người, ngõ hầu có thể giải trừ thiên tai vậy."

Hoàng Qùy bối rối một hồi rồi quỳ tâu :

"Ý thánh có thể xoay đổi thế cuộc. Rồi mai đây thần dân yêu mến, tổ khảo khuông phò, giềng mối nước nhà lại vững bền muôn thuở. Xin thánh thượng cho hạ thần biết rõ, ai là người còn chút lưu luyến, ai phải quay về nơi cội gốc ? "

"Trẫm đã có danh tánh cả rồi, chỉ nhờ khanh lo sao cho êm xuôi, đừng để

cho bá tánh đàm tiếu ngờ vực làm kinh động đến hoàng triều. Chọn đêm nào trời không trăng sao, nửa khuya mở cửa Chánh Tây theo hàng một lặng lẽ mà đi ra. Ra đến cánh đồng Mồ thì tứ tán mỗi người mỗi ngã. Không mang theo bất cứ một thứ gì ở trong cung cấm, ngoài trừ đồ trang sức. Khi vào thế nào thì ra thế ấy, cho gọn gàng, chóng vánh. Sau nầy trẫm sẽ tính chuyện chu cấp ruộng đất cho sinh sống. Khanh truyền chiếu chỉ trẫm cho từng người thông hiểu, ai muốn lấy chồng thì cứ lấy, nhưng nghiêm cấm làm hầu, làm thiếp bọn quan lại đang phục vụ đương triều hay những kẻ có tiền án bất hảo. Lấy nhau thì không cấm, mà cấm không được đám tiệc linh đình, bày biện lễ lọt chưng diện hoa hòe. Nếu đứa nào có lòng chung thủy với trẫm, ở vậy suốt đời, đến khi chết trẫm sẽ cho người về phúng điếu, xây lăng đắp mộ. Những đứa nào mà trong sổ nội cung có ghi đã được ơn lâm hạnh, dù một lần, nếu còn ngửng mặt về chốn kinh kỳ mà hoài vọng, không thèm lấm thân trong chốn cùng mạc kho lẫm trống trơn, đến lúc nhắm mắt xuôi tay, trẫm cũng phong cho bốn chữ "liệt nữ kiên trinh". Một ngày cũng là tình nghĩa, nay vì vận nước phải chia lìa, cũng xin ai nấy, trong cuộc cũng như ngoài, ngậm miệng kẻo mạng họa vào thân."

Chờ cho đôi mắt Vua lắng bớt vẩn đục, Bùi thái giám lên tiếng :

"Bẩm hoàng thượng, theo thiển nghĩ của con, khi ra khỏi hoàng thành chi họ cũng khóc. Người khóc vì tình, vì nghĩa, vì đứt gánh giữa đường, người khóc vì ức, tủi, buồn...Trăm người không phải ít, gió góp thành bão, tiếng khóc gom lại còn mạnh hơn khánh khua trống đánh, e sợ dội ngược lại làm huyên náo chốn Cửu Trùng. Hoàng thượng đã không yên vui mà tam cung lục viện cũng không khỏi chột lòng chột dạ."

"Bùi giám quan nói chí phải. Trẫm sơ suất không tính trước, nếu chuyện ấy xẩy ra thì những ngày kế tiếp không có ai vì trẫm mà nhã hết tơ lòng. Việc nầy phải giao cho Binh Bộ Thượng Thư đảm đương mới được. Chỉ cần chín mươi chín người lính cầm nùi giẻ đi kèm theo sát là xong."

Thượng Bảo Khanh lên tiếng :

"Muôn tâu, một trăm nàng sao chỉ cần chín mươi chín nùi giẻ ?"

Vua mỉm cười :

"Còn một nàng cho chú giám Bùi Sung Mãn đây mà ! "

Trong chốc lát nụ cười hiếm hoi của vua tắt ngay, rồi quay về phía thái giám đang kinh ngạc, ân cần :

"Khi đoàn nữ ấy xuất, cho phép ngươi đứng ngay chính giữa cửa thành, đốt đèn cầy lên soi vào mặt từng người, ưa ai cho giữ lại mà làm vợ. Nếu không ăn nằm với nhau tới bến tới bờ như người thường, thì lúc tối lửa tắt đèn qua quýt cũng bớt phần cô quạnh."

Vua mới dứt lời thì Bùi thái giám đã vập đầu xuống đất, lạy như cóc lạy trời :

"Xin bệ hạ tha cho con! Tha cho con !"

"Ngươi buồn ngủ trẫm đích thân trải cho chiếu manh. Ngươi đói trẫm đơm xôi gấc đặt kề bên miệng, còn đòi chi nữa mà bày chuyện ?"

Ấp úng một hồi, Bùi thái giám mới dám đạo đạt :

"Muôn vạn tri ân hoàng thượng chiếu cố, nhưng xin cho con xin được... được..."

Vua thúc :

"Được chi, cứ nói."

"Con có để tâm thương nhớ một người, chỉ người nớ thôi."

"Người nào, nói cho trẫm nghe, công chúa Diên Hạ hay Mai Lâm, hả ?"

"Muôn tâu, không phải, xin cho con được kết cỏ ngậm vành với...với ... Hoàng Hoa tân-giai-phi ! "

Mặt nóng bừng, Vua phản bác ngay :

"Không được. Một người đã nằm trong ngục thì coi như hồn ma bóng quế, không thể chung chạ với người sống. Trẫm còn nhiều việc đại sự cần giải quyết cấp bách, ngươi không được phép đùa."

Bùi thái giám tuyệt vọng, bò tới níu chân Vua :

"Muôn tâu, suốt đời con chưa khi mô dám nói đùa, nếu hoàng thượng không gia ân thì con xin về Lăng Xá Cồn, ở góa suốt đời. Từ hôm con cõng nàng, đến nay lưng con còn... nóng hổi."

Không nói gì nữa, Vua đứng dậy rời khỏi Nội Vụ Phủ. Khi đi ngang qua vườn Hạ Cơ, Vua chui vào giữa hai bụi trúc ngồi thở !

*

Tết. Cả hoàng cung rực rỡ hoa đăng. Từng chuyến xe thổ mộ chở hoa mai, hoa đào do bọn quan lại góp nhặt từ các thôn xóm về mừng tuổi vua để chậtních cả bãi cỏ trống trước cửa Ngọ Môn. Đám nghệ nhân đảm trách trang trí nội triều làm việc quần quật ngày đêm từ khi mới lập đông, chờ cho các đại thần làm lễ Phất Thức, mở cửa hầm kho báu sau điện Cần Chánh lau chùi, hong phơi vàng bạc, ngọc ngà, châu báu và các phẩm vật qúy giá của tiên vương để lại xong, là treo lên các ngọn cây trong hoàng thành những chiếc lồng đèn khổng lồ muôn màu muôn vẻ. Trong hồ Kim Thủy, các ông hoàng bà chúa ra ở phủ riêng cũng mang từng đàn thiên nga còn tơ, thả vào bơi lội chen chúc giữa những cánh hoa sen còi của mùa thu cũ còn lác đác sót lại. Năm đó, do sáng kiến của bà phi đang thời sủng ái họ Hồ, dòng họ thân phụ bà là Phước Quốc Công đem nhau xuống vùng Hà Tiên, Rạch Giá đặt mua hàng chục cần xé chim én đem về, rang gạo nếp than cho ăn no mấy tuần, lấy phẩm vàng bôi lên lông cánh, rồi cho đò chở ra kinh đô, chờ đến lúc

cây nêu trước điện Thái Hòa dựng xong, mang lên Ngũ Phụng Lâu thả cho bầy chim bay vàng trời.

Trong lúc cả hoàng cung tưng bừng mở hội, chỉ có nơi ngục thất vẫn tăm tối u tịch như ngày thường. Khác chăng, người cai ngục, đêm ba mươi, tay ôm chặt một chiếc lồng ấp để chờ lúc giao thừa, quan nội thị thay mặt Vua đến ban cho một đốm lửa, gọi là ân tứ hơ ấm tận cõi nhân quần nguội lạnh, không bỏ sót một ai.

Nhưng năm ấy người đem lửa không đến. Mà một người khác đến.

Người ấy mặc áo dạ hành, đeo mặt nạ, chỉ chừa hai lỗ nhõ để mắt nhìn thấy. Trời tối đen như mực, gã lần mò bươn qua những bờ đá nhọn nhấp nhô, những lùm cây gai chằng chịt, rồi bất thần xỏa vào đám lính gác một lớp bụi thuốc mê, cạy cửa ngục bước vào.

Hoàng Hoa tân-giai-phi nửa tỉnh nửa thức, nằm thiêm thiếp giữa ổ rơm xó tường, nghe tiếng động gượng dậy, trước mặt nàng một khối đen lù lù tiến tới, qùy xuống trước chân nàng, lên tiếng :

"Nàng ơi ! Đêm trừ tịch, xiết bao nhớ nhung, ta đến thăm nàng đây, xa cách nhau đã lâu. Nàng có bao giờ chạnh nhớ đến ta không ? "

Tâm trí Hoàng Hoa lảo đảo trong trạng thái hôn mê, không biết xử sự thế nào, tiếng nói ấy vẫn vang vọng bên tai :

"Nàng có nghe tiếng pháo nổ râm ran đó không. Phải, bên kia bốn bức vách giam hãm nàng đây, mùa xuân rộn rã về. Cả thiên hạ đang đoàn viên. Chỉ có một mình nàng với mùa đông rét mướt đeo đẳng. Lương thì mỹ cảnh của đất trời không phải riêng ai, cớ sao nàng cam chịu, một mình. Đêm trường quạnh vắng, đến đây, có cho phép ta được ủi an nàng trong chốc lát không ? "

Chốn lao lung, một câu nói ân tình như thế đưa Hoàng Hoa dần dần thức tỉnh, nàng nói, tựa hồ trong cơn mộng du :

"Nhà ngươi là ai? Có phải là Tùng đó không? Từ bờ sông Lợi Nông, hoàng tử không nề hà gian nguy, lặn lội lên thăm thiếp, ơn ấy xin minh tâm khắc cốt. Từ hôm làm lễ khánh Chín Đỉnh đến nay, lòng thiếp vẫn tưởng nhớ hoàng tử không nguôi, đôi mắt đa tình mà hoàng tử gửi gắm thiếp chẳng khác chi lời thề non hẹn biển. Hoàng tử có làm thêm bài thơ nào tặng riêng cho thiếp không ? Chao ôi, giữa chốn nầy mà tai được nghe lời vàng ngọc, thì dù mai kia thiếp xuống tuyền đài cũng yên vui... Kìa, sao ngươi lặng thinh như gỗ đá thế. Không phải ư ? Hay là Bùi giám quan đến thăm thiếp đây ? Phải, Bùi tiên sinh cũng là nhà thơ, những bài thơ của tiên sinh bọn cung nữ khắc vào mo cau thả nhờ dòng nước cuốn đi mất tăm, thì thiếp chạm vào lòng, ở lại. Dễ dầu chi thiếp quên những nụ hôn thắm thiết mà chàng vội vã lén lút trao cho thiếp chiều nào đi tảo mộ đạp thanh trên đồi Từ Hiếu. Chàng ơi, cả vạn năm sau, dù đá nát vàng phai, em không quên được cái lúc chàng cõng em

đi. Đường hoàng cung phẳng phui mà bước như giữa chốn chập chùng. Cả chàng và em đều níu kéo giây phút gắn bó ngắn ngủi bên nhau. Cho đến khi xa, trên lưng thiếp vẫn còn hơi hám nồng nàn của chàng..."

Bóng đen lên tiếng, giọng lạc đi :

"Cả hai người, nàng vừa nhắc đến đều không phải. Ta là...là...ta đây! Nàng không nhớ chăng ? "

Bỗng Hoàng Hoa toàn thân co rút như lên cơn kinh phong, hốt hoảng :

"Ngươi là... là Vua? Đường đường một đấng quân vương tiền hô hậu ủng, sao ngài phải cải trang cho lấm thân. Giữa đêm khuya, ngài ngự đến chốn nấy để làm chi ? "

Vua cầm lấy đôi bàn chân ẩm ướt của tân-giai-phi, thều thào :

"Trong lúc năm cùng tháng tận, trẫm càng thấy mình lao đao giữa cõi bọt bèo. Chung quanh trẫm bu quanh một đám rong rêu cũ càng của hồ ao vẩn đục. Tính khí trẫm, cha sinh mẹ đẻ lại không thích lặn hụp trong lối mòn quen thuộc. Những tưởng rằng, lấy nghĩa chung mà phụ tình riêng, không ngờ ... Hoàng Hoa tân-giai-phi, nàng ơi ! Chính nàng là một hạt sương còn lại trong cuộc đổi thay mịt mùng của trời đất, giữa bể dâu vạn vật chìm lấp, chỉ mình nàng còn lại, kết tinh thành đóa ngọc chủng Lam Điền sáng ngời trong lòng trẫm. Kìa, nàng có nghe không, tiếng pháo nổ râm ran. Cả thiên hạ đều đón xuân về. Riêng trẫm, xa nàng, mùa đông ảm đạm lại kéo đến, bóng xuân còn xa tít ngoài chân mây. Những tưởng rằng, lấy câu phũ phàng đường đột tiễn biệt nhau, ngờ đâu... ngờ đâu ..."

Vua nói thêm gì tân-giai-phi không nghe nữa, nàng sợ hãi bưng kín hai tai, mắt nhắm nghiền, gục đầu vào bức tường giá buốt. Không khóc, nước mắt trào ra !

Khối đen càng lúc càng áp tới. Chỉ có gián chuột lắng nghe. Giam cầm ức hiếp đã lâu ngày sao thần sắc ái khanh vẫn chói lòa, ăn uống cơ cực đã lắm phen sao thân thể ái khanh vẫn đơm hoa kết trái. Xiêm áo mòn rách tả tơi như thế lại càng lộ bày ra trước mắt ta lồng lộng cả một dãy non sông gấm vóc. Mái tóc ái khanh rối bù không cần tắm gội, chải chuốt còn thơm lừng hơn vạn đóa hoa nguyệt quế góp lại. Ổ rơm ái khanh nằm mốc meo mối đùn kiến đậu sao mịn màng ấm áp hơn cả trăm giường thất bảo. Hoàng Hoa, nàng ơi ! Cho trẫm được một lần diễm phúc. Gia sản ky cóp cả một đời của hai thằng Tùng, thằng Mãn cũng không bằng trẫm thốt ra nửa lời. Cả sinh mạng chúng nó giờ đây như ngàn cân treo sợi tóc. Hoàng Hoa ơi ! Hoa-vạn-hạt-đầu-mùa của lòng trẫm ơi ! Cho trẫm được một lần nếm cái thú hoan lạc trong đau thương ngang trái, một lần thôi, đúng lúc giao mùa cỏ cây đâm chồi nẩy lộc, cho dương khí hưng vượng bền lâu... Ối ! Ngươi dám cào cấu ta đến nỗi trầy da xước thịt thế nầy sao ? Ngươi dám tống mười ngón chân móng nhọn hoắc nầy vào mặt rồng sao ? A, con nhà quê nầy lại dám húc đầu đầu

gối vào... của đấng con Trời nữa sao? Cai ngục đâu, lính gác đâu ? Đã tỉnh lại chưa? Đốt đuốc lên, đốt đuốc lên ...

Chẳng có ai nghe tiếng Vua. Đàn thiên nga trong hồ Kim Thủy suốt ngày bị thúc bơi lội quá mỏi mệt đã ngủ từ lâu. Gió xuân thổi xuyên qua những ô cần xé trống kêu vèo vèo.ĩ

HỒ MINH DŨNG



NGUYỄN MẠNH TRINH

gửi S.

Mười lăm năm, một giấc mơ
nhìn nhau, thoảng chợt tình cờ rất quen
con mắt liếc, ánh đèn nghiêng
tay xôn xao nhịp muộn phiền đêm nay
khuya chớm thu, giọt heo may
choàng muôn bấc lạnh khoác đầy đôi vai
Mười lăm năm, ai nhớ ai
xưa ghềnh đá hạt mưa bay ngang đầu
đục trong bước lỡ qua cầu
dấu rêu xanh đã nhạt màu thời gian
em - con chim núi hoang mang
đầu môi nụ tấc nắng vàng hoang phơi
Mười lăm năm, giọng hát người
dang tay, trở bước lại thời xưa xa
có trời đất, có cỏ hoa
có mơ ước, có ngọc ngà nỗi vui
Mười lăm năm, có ngậm ngùi
này em, buồn có về xuôi dặm trường

Em, con chim núi dễ thương...

NGUYỄN MẠNH TRINH
Tháng 10, 1995



HOÀNG LỘC

hạnh phúc trăng lên

ai nghĩ chân trời, đường viền không có thật
anh đến chân trời đây - ngày đã tắt
buồn không em - chút nắng sau cùng

anh suốt đời tìm, cuối đời bắt gặp
mắt em nhòa đêm đen
giọt lệ thầm vương ngọn tóc
giọt lệ thầm chưa quen
gửi nhau niềm cơ cực

em nửa đời chờ anh
dù chưa tin chân trời có thật
tiếng reo từ bình minh
tới hoàng hôn giá buốt
không reo thì không đành

ta có nhau khi đã vắng mặt trời
môi thì thầm dạ khúc
sương đêm chìm những vai

ngó về biển xa - đừng em, đừng bật khóc
công anh một đời tìm
em nửa đời mỏi mắt
rưng rưng vầng trăng lên...

HOÀNG LỘC



NGUYỄN NHƯ MÂY

bài hát yêu đời

Biết đời chẳng có gì đâu
ngoài cây nến thắp hai đầu áo quan
và đôi mắt khép muộn màng
sau khi đã gặp trăm ngàn đắng cay
nhưng tôi vẫn cứ dang tay
đón trời đất, đón đêm ngày thế gian
có khi nước mắt đã vàng
vẫn cười gượng để dấu ngàn nỗi đau
vẫn nhìn lên cõi trăng sao
nghĩ suy thân phận mà đau một mình!
(và khi hiểu được lòng Em
trái tim mòn mỏi đã im lặng rồi!)
nhưng tôi vẫn cứ yêu đời
mặc cho thiên hạ, đất trời đổi thay
miễn sao dù chỉ một ngày
từ trong cát bụi tôi bay vào đời!

trăng trên sông mường mán

Trên sông Mường Mán, tôi về
neo thuyền ngủ với đêm hè đầy trăng
hai bên bờ gió lang thang
rủ tôi uống chút trăng vàng rồi say
lúc sương khuya đã đầy vai
tôi và sông chẳng biết ai thấm buồn.

không đề

Suốt đêm, tôi với dòng sông
đi sâu vào cõi bềnh bồng của nhau
sông tình cờ gặp chiêm bao
còn tôi, để mặc thuyền vào Bến Không.

NGUYỄN NHƯ MÂY
(Phan Thiết)



PHẠM CHI LAN

đoạn rời

Sở Làm



Tuyết càng lúc càng xuống nhanh. Nhìn tuyết xuống mù mịt ở ngoài trời, tôi cảm thấy tù túng và bứt rứt không yên. Tôi muốn làm một điều gì. Điều tôi muốn làm không phải ngồi vào bàn giấy và trả lời một lô điện thoại, hay quay sang bên cạnh gõ vào cái keyboard hoặc nhìn trừng vào cái màn ảnh vô hồn trước mặt. Tôi muốn làm một cái gì để bật tung điều gì đó đang dồn ứ trong đầu tôi. Bây giờ đang là giờ nghỉ trưa, tôi có thể cầm chìa khóa xách bóp đi ra ngoài một vòng cho đầu óc thảnh thơi đôi chút. Nhưng ra ngoài giờ này, với thời tiết thế này thì có ích lợi gì. Lái xe quanh quẩn một lúc cũng phải quay trở lại, và lòng thì vẫn nặng nề những gì chưa thể giải tỏa. Tôi cảm thấy điều gì đó hành hạ tôi nhiều hơn mọi khi. Ngoài giờ làm việc, tôi thường mang tâm trạng mông lung xa vắng, một nỗi ray rứt bồi hồi khó tả. Trong giờ làm việc, tôi có thể bình tâm làm việc đúng với nguyên tắc, y như một cái máy đã được sắp sẵn những gì phải làm trong đầu.

Những bông tuyết càng xuống mau. Cảnh vật mang một mầu trắng mờ đục như bị bao phủ bởi một bức màn trắng lờ mờ. Phải thu tầm nhìn thật gần mới nhìn thấy những bông tuyết mỏng nhẹ bay lượn phía bên ngoài. Phía bên ngoài cửa kính, những cánh tuyết mỏng lao nhanh vào mặt kính rồi tan tác rơi xuống phía dưới, đọng thành những hạt nước li ti thấm nhanh vào mặt đất, như những đốm nước mưa thấm ướt trên sân trong những cơn mưa phùn.

Tôi ra đứng sát bên cửa kính nhìn xuyên qua màn tuyết trắng, tôi không

cảm thấy vẻ đẹp như mọi khi, mà chỉ cảm thấy một sự trống rỗng hoang vắng đến vô tận. Vào ngồi lại bàn, tôi cầm bút viết xuống tờ giấy mở trước mặt những giòng chữ. Rồi thẫn thờ buông bút, tôi nhìn giòng chữ trước mặt không hiểu những gì mình vừa viết xong.

Tuổi Thơ

Nhẫn không chịu cho tôi mượn con búp bê biết chớp mắt của nó mặc dù tôi đã năn nỉ gần khóc. Nó bảo tôi không biết chăm sóc con nít, dù là con-nít-búp-bê. Nó sợ tôi làm đau em của nó. Điều này làm tôi đau khổ cùng cực. Lúc trước, tôi cũng có một con búp bê Hồng Kông tóc nâu biết chớp mắt như búp bê của Nhẫn, tôi biết may áo đầm và quàng khăn cho nó mỗi khi trời trở lạnh. Nếu không có kẻ ăn cắp mất búp bê của tôi...Buổi tối tôi nằm quay mặt vào tường âm thầm khóc. Búp bê của Nhẫn không xinh như búp bê của tôi, nhưng được cái có thân hình cân đối đẹp với mái tóc bạch kim óng mướt. Cặp chân thon dài và những đường cong lồi lõm y như thân hình một người kiểu mẫu. Một lần tôi thấy Nhẫn lột trần truồng búp bê của nó rồi đem tắm rửa cẩn thận. Những đường cong con gái và khuôn ngực đầy đặn nhọn hoắt của con búp bê làm tôi đỏ mặt ngượng ngùng. Tôi mới mười một tuổi, thân thể tôi còn con nít chưa phát triển đầy đủ, vậy mà tôi đã nghĩ đến và hình dung một thân thể dậy thì của con gái.

Nhẫn biết búp bê của nó đẹp, Nhẫn biết tôi thích búp bê của nó nên nó càng chọc tôi bằng cách trưng bày đồ chơi của nó trước mắt tôi. Tôi hứa với lòng sau này khi lớn, khi tôi có nhiều tiền, tôi sẽ mua một con búp bê thật đẹp, đẹp hơn cả búp bê của Nhẫn bây giờ.

Nghĩa Trang

Ở phía sau sát cạnh hàng rào nghĩa trang, có một tấm bia bằng đá trắng thật thấp gần như chìm xuống mặt đất. Tấm bia nhỏ đơn sơ, xấu nhất trong hàng bia mộ lẻ loi nằm cạnh bờ rào. Những ngôi mộ chung quanh dựng bia bằng đá cẩm thạch bóng loáng, có những bình hoa nylon để cạnh. Chiều nào đi làm ngang qua đây tôi cũng dừng xe lại đến ngồi cạnh ngôi mộ này. Người đàn ông da đen lái chiếc xe truck cũ kỹ mầu trắng ngang qua chỗ tôi ngồi giơ tay chào, kèm theo một nụ cười. Chiều nào vào giờ này tôi cũng gặp ông ta. Có lẽ ông là người giữ vườn chăm sóc nghĩa trang. Tôi bắt được nụ cười thân thiện của ông, cảm động giơ tay chào lại, nhưng tôi không thể đáp lại nụ cười tươi trắng của người đàn ông. Tôi có thể cười, nhưng nụ cười của tôi là một nụ cười méo. Lần đầu nhìn thấy tôi ngồi ở đây, ông ta cho xe chạy chậm lại, ông không cười mà ngả mũ chào. Có thể ông tưởng tôi là người thân của kẻ chết đến thăm viếng mộ, nên ông ta tỏ cử chỉ trang nghiêm tôn trọng nỗi buồn. Người đàn ông thật là lịch sự.

Tôi đến đây không phải để cầu nguyện, hay thương khóc hay nói chuyện với người nằm dưới đất. Tôi đến để chờ đợi. Tôi chờ đợi một sự tình cờ để biết rõ người nằm dưới mộ là ai.

Thiếu Nữ

Người đàn ông làm khổ tôi là người tôi tin tưởng và yêu thương chân thành. Chỉ có những người tôi yêu thương thật lòng mới có thể làm cho tôi đau đớn. Họ là những người tôi nghĩ đến và quí trọng nhiều nhất, những người liên hệ với tôi một cách khác thường.

Có thể nào gọi đó là một sự an bài? Chuyện ấy xảy ra lần đầu trong đời, khi tôi cắn trái táo đầu tiên của vườn địa đàng. Mùi vị không ngọt ngào mà cay đắng đến tím ruột. Lúc đó, tôi không khóc hay xúc động, tôi chỉ buồn man mác và cảm thấy có điều gì đổ vỡ trong lòng. Đây là sự thiêng liêng, là cái đẹp hòa hợp của tình yêu mà tôi vẫn hình dung tôn trọng đây chăng. Cái đau của thể xác và nỗi khổ tâm dằn vặt, cùng với sự hoang mang trong lòng khiến đầu óc tôi tê dại, tôi không nhớ rõ cảm xúc mình lúc ấy. Sau đó, khi vào buồng tắm, khi nhìn những giọt máu còn tươi, tôi bật khóc và không hiểu tại sao những giọt nước mắt lại đổ ra. Tình yêu kết thúc hay bắt đầu từ đây, hay đã bước qua một giai đoạn khốc liệt. Tôi vừa đánh mất chính tôi hay tôi vừa tìm thấy chính tôi. Ngẩng mặt nhìn vào trong gương, tôi thấy tôi lạ lẫm không còn nhận ra được chính mình. Từ thiếu nữ bước sang đàn bà chỉ đánh dấu bằng những giọt máu không giống máu chu kỳ của con gái.

Ngồi Trong Bóng Tối

Từ lúc nào không nhớ, tôi chợt sinh thói quen ngồi trong bóng tối. Thói quen kỳ quặc có thể là cố tật di truyền trong dòng máu những người trong gia đình tôi. Tại sao cha tôi thích ngồi trong bóng tối, rồi bây giờ đến phiên tôi?

Ngồi trong bóng tối, tôi có thể nhìn rõ hơn vào ánh sáng. Ở trong bóng tối, tôi cảm thấy yên ổn và bình an trong lòng. Trong bóng tối, tôi có thể nhìn rõ hơn vào những suy nghĩ của tôi. Trong bóng tối vây quanh, tôi cảm thấy tự nhiên, tôi yên tâm thưởng thức sự cô độc không còn mang nhiều mặc cảm như khi tôi ở ngoài ánh sáng. Bóng tối chấp cánh cho tôi bay ra khỏi thực tại.

Cha tôi cũng thích ngồi trong bóng tối. Ông có cảm giác thế nào khi chìm đắm trong vùng bóng tối, tôi không rõ. Ông suy nghĩ về những điều gì tôi không thể nào biết được. Cha tôi mang một vẻ mặt bình an phẳng lặng. Chỉ có điều, khi bắt gặp cha tôi ngồi cô đơn trong bóng đêm, tôi tức giận vô cớ và bực bội một cách vô lý. Đời sống cha tôi êm đềm phẳng lặng, cha tôi có việc gì phải thao thức suy nghĩ mới được chứ. Cha tôi thường ngồi cho đến thật khuya, khi không còn một tiếng động nào chung quanh, ngay cả tiếng còi xe lửa từ xa vọng lại. Những chuyến tầu chở hàng xuyên bang đi qua mỗi

đêm, vào đúng hai giờ sáng, một còi tàu rú lên lanh lảnh. Tôi đã quen thuộc với những tiếng động ban đêm ở khu vực này.

Lần đầu gặp cha ngồi trên ghế nhìn vào bóng tối, tôi ngạc nhiên và thắc mắc. Tại sao ông không vào giường ngủ như mọi người. Cả nhà đã yên giấc từ lâu, cha tôi có việc gì bận tâm mà ông phải hành xác như thế. Lúc đó, tôi muốn gây gổ với cha tôi, tôi muốn biết điều gì làm ông suy nghĩ trong bóng tối. Tôi không chịu được hình ảnh cha tôi cô độc ngồi trong bóng đêm. Nhưng tôi tôn trọng sự cô độc và những điều riêng tư của cha, tôi mặc ông ngồi trong bóng tối gần gũi quen thuộc của ông.

Và bây giờ khi chính tôi cũng đang ngồi trong bóng tối, tôi chợt hiểu, và tôi thấy thương cha tôi vô cùng.

Tuổi Thơ

Hai hôm rồi tôi không thấy Nhẫn.

Sáng nay trong giờ kinh sớm, tôi thấy sơ Ann cúi mặt khóc. Cả ngày đầu óc tôi bị ám ảnh bởi hình ảnh khuôn mặt buồn bã của sơ. Sơ có chuyện gì buồn đến vậy. Còn Nhẫn, nó biến đâu mất rồi. Tôi không nhớ Nhẫn, tôi chỉ thấy thiếu vắng cái gì trong mấy bữa nay.

Tôi đi xưng tội với cha Pierre, cha kiên nhẫn nghe tôi thổ lộ sự giận hờn và ganh ghét của tôi. Tôi kể chuyện gây gổ của tôi với Nhẫn. Nó gây sự với tôi trước, nó đổ thừa cho tôi tội mà tôi không làm. Tôi cãi nhau với nó. Tôi gọi Nhẫn là đồ du côn, là đồ "tàn nhẫn", nó gọi tôi là đồ tàn ác. Tôi tự ái tức giận chộp quyển vở của nó xé toạc. Thế là cuộc ẩu đả xảy ra. Nó nhào tới cào vào mặt tôi rướm máu, tôi nắm được dúm tóc của nó giật mạnh. Cái áo mầu trắng đứt một cái cúc văng đâu mất tìm không thấy. Tôi cảm thấy như địa ngục ở chung quanh tôi. Tôi cảm thấy tôi đang mang trong lòng một khối đá nặng và những cơn nhức nhối trong tim. Cha Pierre đã làm phép hòa giải, sao lòng tôi vẫn còn nặng nề và trống vắng vô cùng. Sơ Ann, tại sao sơ khóc, sơ có tâm sự đau khổ gì? Khuôn mặt đẹp của sơ buồn thảm não nùng với đôi mắt rưng rưng mọng ướt.

Những Giấc Mơ

Phàm những giấc mơ cho tôi cảm giác lâng lâng sung sướng khi tỉnh giấc, tôi gọi là những cơn mộng đẹp. Còn những giấc mơ làm tôi sợ hãi khiến trong giấc mơ tôi cầu xin: "xin cho đây chỉ là một giấc mơ," tôi gọi đó là những cơn ác mộng.

Có những đêm tôi mơ thấy Nhẫn, đó là những cơn mộng đẹp. Có những đêm tôi mơ thấy ông ta, đó là những cơn mộng không lành. Tôi trăn trở với cảm giác đau nhức trong tim. Tôi ước ao xóa được những hình ảnh và làm tê liệt mọi cảm xúc.

Có ai có bao giờ mơ thấy tôi? Tôi là ác mộng hay là một cơn mơ đẹp?

Tuổi Thơ

Cơn nóng sốt làm tôi vật vã, cổ họng bỏng rát và đầu nóng như một cục than hồng. Souer Ann đổ thuốc và cháo trắng vào miệng, dục tôi ngậm miệng cố nuốt trôi xuống. Tôi lại chìm vào những cơn mê. Trong cơn mê, tôi mê sảng réo gọi mẹ cha tôi và tên tất cả những người thân thuộc trong gia đình. Tôi nhớ tôi đã lảm nhảm những lời ngây dại:

"Mẹ ơi cứu con với. Quỉ nó muốn bắt con...Chúa ơi, Trời ơi...Nóng quá!"

Chung quanh tôi đồ vật, cảnh vật quay mòng. Mặt soeur Ann gần sát, bàn tay soeur mát rượi đặt trên trán tôi dò nhiệt độ. Giữa lúc đầu óc mê dại, tôi nhìn thấy giọt nước mắt lăn từ khóe mắt của Nhẫn đang đứng cạnh đầu giường, tay ôm con búp bê mà tôi vẫn thèm khát ao ước. Tôi chợt có ý nghĩ tôi sắp chết nên Nhẫn khóc thương xót tôi. Nhưng tôi không cần Nhẫn thương hại. Nhớ đến hôm hai đứa cãi nhau kịch liệt, tôi chưa quên cơn hờn giận khuôn mặt dữ tợn của nó.

Tôi thiếp đi lúc nào không hay, mang theo hình ảnh giọt nước mắt long lanh nơi tròng mắt của Nhẫn.

Nghĩa Trang

Tôi lẻn ra khỏi sở làm sớm. Từ vô thức có gì khiến tôi lái xe đến đậu ở nghĩa trang này. Ở đây yên tịnh lắng đọng. Thế giới của người khuất không có những tiếng động. Không có cả những chiếc lá xao xác lìa cành. Tất cả đều đã thật sự nghỉ yên.

Cuối cùng tôi biết được tên người giữ vườn nghĩa trang. Ông ta tên Joe, làm việc cho Restland cemetery đã từ lâu. Tại sao ông Joe chịu làm công việc nhàm chán ở một nơi hoang vắng thui thủi một mình. Nghĩa trang mênh mông, có những khu vẫn còn để trống chỉ là một bãi cỏ xanh rì. Trong khu đất thánh có những hàng liễu và sồi im lìm buồn tẻ, có những con đường trải nhựa cho xe chạy, có những chiếc ghế đá cho kẻ bộ hành dừng chân. Ở đây sạch sẽ, thoáng và bình yên. Người chết phải may mắn mới được yên nghỉ ở đây. Nhưng may mắn phải dành cho người còn sống thì đúng hơn. Người chết có còn biết gì đến sinh phần của họ. Chỉ có người sống cảm thấy thoải mái khi đến viếng một chút còn lại của kẻ qua đời, ở một nơi bình yên và sạch sẽ thế này.

Người đàn ông giữ vườn lái chiếc xe truck ngang qua. Chiếc xe chậm lại rồi ngừng phía bên kia đường. Joe giơ tay chào như mọi lần, khuôn mặt bừng sáng với nụ cười tự nhiên.

"Hi Miss. Hôm nay trời khô ráo đẹp quá phải không? How are you?"

"Cám ơn Joe tôi bình thường."

"Nhà cô ở gần đây?"

"Không, tôi làm việc ở gần đây. A, cho tôi hỏi cái này. Ai là người nằm trong mộ đây?" Joe nhìn tôi một cách kỳ lạ, tưởng tôi nổi hứng muốn đùa cợt cho vui.

"Mộ chôn khoảng vài năm. Không thấy ai đến viếng bao giờ trừ cô là người duy nhất. Có lẽ là một người chết không có thân nhân."

Joe chào tôi chúc một ngày đẹp trời vui vẻ. Tôi thẫn thờ ngồi nhìn chung quanh đếm những hàng bia mộ. Có khoảng hai trăm tấm bia trong khu này. Những tấm bia mộ thẳng tắp từng hàng ngay ngắn. Người chết đầu đội hướng đông, chân đạp phía tây, mặt ngửa nhìn về phía trời cao. Luôn luôn người chết được chôn nằm ngửa, mà không nằm úp mặt hay nằm nghiêng. Có phải vì con người luôn hướng thượng muốn tìm về những cái cao đẹp vượt ra khỏi thế giới trần tục. Trên cao ấy chắc có nhiều cái đẹp.

Tuổi Thơ

Tôi chỉ cho Nhẫn xem vết máu nơi quần với nỗi lo sợ, xấu hổ và hồi hộp. Nhẫn ôm tôi trấn an. Nó bảo "hề gì, tao cũng bị như vậy thường." Nhẫn kéo tôi vào phòng tắm chỉ dẫn cách giữ gìn vệ sinh con gái. Hôm ấy, tôi cố gắng can đảm không khóc, còn Nhẫn thấy tôi buồn bã, nó rơm rớm nước mắt thương xót tôi. Tối hôm ấy, Nhẫn qua giường tôi ngủ chung. Tôi hỏi Nhẫn có ghét tôi vì tôi dơ dáy không. Nó lắc đầu nói tội nghiệp cho những đứa phải làm con gái.

Cơn chấn động tâm lý lần đầu của tôi, Nhẫn biết rõ. Còn của Nhẫn thế nào, có từ bao giờ thì tôi không biết. Nhẫn can đảm và kín đáo hơn tôi. Thời kỳ biến đổi trở thành thiếu nữ, tôi buồn xa vắng và mang mặc cảm của người phạm tội bị trừng phạt. Tôi có cảm tưởng tôi tội lỗi không còn trong sạch nữa. Tôi thường chìm đắm trong suy nghĩ, tôi biến đổi tôi sau lần đầu thấy máu. Không ai có thể hiểu hay chia sẻ nỗi lo âu ray rứt trong tôi. Nhẫn có thể hiểu tôi, nhưng làm sao Nhẫn có thể buồn thay cho tôi.

Ước Mơ

Tôi không có những mơ ước to tát, tôi chỉ có những mơ ước con con vừa đủ với sức mình vì sức tôi chẳng có bao nhiêu. Tôi cũng không phải là người có nhiều tham vọng. Tôi không kể cho ai nghe những giấc mơ nho nhỏ của tôi, vì tôi sợ bị người ta cười. Một lần tôi cao hứng bộc lộ những mơ ước của tôi với một người bạn tôi cho là thân, người bạn lặng im không nói gì, rồi lẳng lặng chuyển đề tài một cách khéo léo tế nhị. Tôi đau nhói trong tim cảm thấy vừa bị chạm vào nỗi buồn của số kiếp. Từ đó, tôi không còn nói về những giấc mơ. Tôi chỉ còn giữ chúng trong lòng và nghĩ về chúng một cách tuyệt vọng. Giấc mơ không được chia sẻ, giấc mơ thui chột hẳn trong lòng tôi.

Tôi vẫn thường nghĩ đến một ngọn đồi có nhiều hoa dại đủ mầu, có thể có cả hoa poppy mà tôi không biết đến hình dáng, nở rộ trên đồi trên những cánh đồng xanh rì mùa xuân. Ở một vùng cao nguyên trên quê hương. Ở nơi đó, tôi có một đời sống chìm lặng và bình yên. Chỉ có một người rất thân ở kề cận và chia sẻ cuộc sống bên tôi. Tôi muốn đời sống qua đi một cách bình thản, với cảm xúc của một đứa trẻ con.

Nghĩa Trang

Tôi ngồi nhìn thật lâu vào tấm bia trước mặt, vì chẳng có gì khác để nhìn. Hàng chữ trên tấm bia tôi đọc đã bao nhiêu lần mà sao vẫn không thể hiểu. Tấm bia đơn giản:

PHAMNHAN
? - 1985

Người nằm đây tên là Pham Nhan. Tên không bỏ dấu, viết theo lối Việt họ trước tên sau, khác với truyền thống của người bản xứ. Tôi bỏ dấu cho chữ NHAN, ghép thành tất cả những tên có thể có trong tiếng Việt: Nhàn, Nhạn, Nhan, Nhân, Nhẫn...Tại sao người ta không bỏ thêm một cái dấu đúng tên của người chết thì đỡ cho tôi biết mấy. Ngay cả năm sinh cũng không có, chỉ mơ hồ một cái dấu hỏi. Y hệt cái móc của Captain Hooke đang đâm khoét não tôi. Người nằm đây là ai? đàn ông hay đàn bà, bao nhiêu tuổi.

Tôi không có câu trả lời. Tôi vẫn đến đây chờ đợi.

Sở Làm

Tôi là người không thích lắm chuyện nhiều lời, đừng đòi hỏi tôi phải bộc lộ phơi bày rõ tâm can. Tôi không thích dài dòng, tôi không ưa kể lể. Đầu óc tôi suy nghĩ lộn xộn, mâu thuẫn và phức tạp. Tôi là kẻ khó đến gần, một người đã nói vào mặt tôi thế. Khi nghe lời phê bình thẳng thắn đó, tôi về nhà nhìn tôi ở trong gương. Tôi thấy chán ghét khuôn mặt trang nghiêm lạnh lùng trước mặt. Phải chi tôi bị cùi hủi người ta đem tôi vào trại cùi, chắc tôi cũng có thể thân thiện gần gũi với những người đồng bệnh. Đằng này, tôi không mang bệnh truyền nhiễm, nhưng không ai có thể gần tôi. Tại sao?

Chuông điện thoại reo, cái nút mầu đỏ nhấp nháy. Tôi bốc phone áp vào tai. Giọng Sarah khàn khàn ở đầu giây.

"Hey, mày muốn đi công tác nơi này không, tao đề nghị cho mày đi?"

"Nơi nào?"

"Cheyenne, Wyoming. Thành phố nhỏ của người da đỏ. Tao nghĩ mày sẽ thích khung cảnh ở đấy. Ưng không, tao nhường mày đi kỳ này nhé?"

"Tại sao tao lại thích nơi đó? Không phải ở đó họ có việc gì cần đến tao?"

"Đương nhiên. Việc dễ dàng lắm. Nhưng tao không thích đến đó buồn chết được. Tao nghĩ mày thích hợp hơn."

"OK!"

"Cám ơn nghe, honey."

"OK."

"Cái gì cũng okay!"

Tôi đang nghĩ tới đâu rồi. À, khuôn mặt của tôi trong gương (trong văn phòng không có một cái gương nhỏ hay vật gì có thể phản chiếu khuôn mặt tôi lúc này.) Dường như tôi không đẹp, tôi chỉ có nét buồn. Chung quanh tôi bao phủ một lớp sương mù. Lớp sương này dày đặc lắm khiến chính tôi cũng chơi vơi lạc lõng trong đó. Lớp sương ngăn cản chia cách tôi với những kẻ chung quanh. Tôi thù ghét lớp sương lạnh lùng này. Nhưng đôi khi tôi cũng mang ơn nó, vì nó bảo vệ tôi yên thân trong nỗi cô độc của tôi.

Hoa Anh Túc

Tôi nói với chàng, người đàn ông tôi yêu thương lúc bấy giờ, rằng em ưu tiên dành cho anh tất cả những cái lần đầu. Sự rung động lần đầu , nụ hôn say đắm lần đầu, chuyện thiêng liêng trọng đại ấy lần đầu. Lần đầu. Có gì đặc biệt ở lần đầu chứ. Có gì khác biệt giữa lần đầu và lần thứ ngàn lẻ một. Đàn ông họ nghĩ thế nào về cái lần đầu của họ, của người đàn bà cho họ? Sự khác biệt của hai phái giống: Đàn ông không quan tâm lắm đến cái lần đầu. Người con gái: không thể quên được lần đầu. You have no second chance to make the first impression.

Hôm đó ở trên đồi xuân đang nở ngát, tôi hái những cánh poppy mầu hồng nhạt bó thành một bó nhỏ. Tôi cầm gượng nhẹ sợ làm nát những cánh hoa mỏng manh. Người đàn ông bất chợt ôm ghì tôi vào lòng. Cái ôm quá chặt và nụ hôn quá lâu làm những cánh hoa rời khỏi tay tôi rớt xuống đất lúc nào không hay.

Bóng Tối

Những con đom đóm lạc loài quanh quẩn chung quanh tôi, chúng mang trong mình một thứ ánh sáng yếu ớt không thắp sáng được vùng bóng tối. Chúng là hiện thân của sự tuyệt vọng, nên chúng lao mình vào ánh sáng. Ở trong bóng tối chúng cảm thấy bất an và lo sợ. Tội nghiệp những con thiêu thân.

Tôi không thể ngồi yên được nữa. Đã đến lúc tôi phải làm một cái gì. Tôi quyết định: Phải từ giã bóng tối, hoặc đi tìm một vùng bóng tối . Tôi không thể ngồi nhìn ánh sáng với những thắc mắc và hoang mang, với cảm giác bơ vơ và bất an, những câu hỏi mà tôi không có câu trả lời. Bóng tối đem cho tôi

sự bình yên, và biết đâu chừng bóng tối trả lời cho tôi những câu hỏi...

Chủ Nhật

Đời sống tôi không có mầu sắc và âm thanh. Đời sống tôi là một bức tranh tĩnh vật với những nét vẽ dở dang, lem nhem chưa hoàn tất. Một tiếng động trong cõi tĩnh mịch. Tôi đang sống đấy, mà sao tôi tưởng tôi chỉ có thở và hô hấp như một sinh vật trên mặt đất. Tôi không có khả năng hưởng thụ, ngay cả những cảm giác êm ái của thể xác. Mà thật sự không biết có bao giờ tôi trải qua những cảm giác ấy chưa.

Những ngày chủ nhật, đời sống tôi trống rỗng tàn bạo. Tôi chẳng làm gì cả ngoài quanh quẩn đi ra đi vào như một con chó bị nhốt trong cũi. Tôi không bị cầm tù mà sao có cảm giác như đang bị ở tù. Tôi là kẻ tội đồ bị giam hãm ngay trong chính thân xác của mình.

Có một đàn quạ đen từ đâu bay xà xuống đậu trên bãi cỏ khô trắng ở ngoài sân. Những con chim đen tíu tít gục đầu mổ xuống cỏ lia lịa. Chúng tìm thấy gì trong đám cỏ khô đó. Một con bay vụt lên kêu quang quác, cả đàn bỏ sân cỏ bay theo đậu đen cả ngọn cây khô gần đấy. Bầy chim đậu làm dơ cả những cành cây khô. Những chấm đen lấm tấm như những mụt ghẻ giữa cảnh vật vắng lặng xám ngắt của mùa đông.

Phạm Nhan. Phạm Nhan. Người là ai?

Kính Mát

Không biết ở đâu mà Nhẫn có cặp kiếng mát mầu đen bóng lộn. Lúc Nhẫn nhìn tôi với hai tròng mắt đen ngòm, tôi nhìn thấy hình tôi trong hai mắt Nhẫn. Trông nó lạ lẫm ngổ ngáo giống một con nhỏ bụi đời. Tôi muốn bật cười. Nhẫn có vẻ thích chí với món đồ chơi mới này. Nó hỏi tôi trông nó có "ngầu" không. Tôi nói trông mày giống người lớn, có vẻ bí mật và ngang tàng lắm. Người lớn có thế giới bí mật và lôi cuốn lạ lùng. Nhẫn nói nó muốn làm người lớn, rồi kéo tôi vào một góc vắng nói nhỏ vào tai:

"Mày muốn nghe chuyện này không, nhưng hứa là không được kể cho ai nghe cơ."

"Tao hứa. Nhưng chuyện gì vậy?"

"Sơ An có bồ. Ông lính phi công hôm nọ đem hoa vào nhà nguyện đó nhớ không?"

Tôi ngạc nhiên nhìn Nhẫn.

"Người đó là anh bà con của sơ. Mày đừng có nói bậy bạ." Tôi nhăn mặt với Nhẫn. "Tao không có nghĩ bậy. Hôm qua tao nhìn thấy họ hôn nhau ngoài vườn hoa chỗ nhà nguyện lộ thiên. Tao bị sai ra vườn hái rau tình cờ đi ngang qua đó. Nhưng ai cản họ yêu nhau...Chúa bảo người ta phải thương yêu nhau mà."

Tôi không tin điều tôi vừa nghe. Tôi thấy lòng mình hoang mang. Nhưng

Nhẫn không thể bịa chuyện hoặc nhìn lầm. Tự dưng tôi thấy buồn ghê gớm. Dường như tôi vừa mất một cái gì đẹp.

"Tại sao mày đeo kính đen lúc sáng nay ở nhà ăn hở Nhẫn?"

"Mày hiểu rồi, đừng có hỏi tại sao." Nhẫn chợt bẳn với tôi.

"Có những cái đừng nên biết sự thật. Đừng tìm hiểu về thế giới của người lớn Nhẫn à..." Tôi nói nhỏ như chỉ đủ cho mình tôi nghe.

Nhẫn chợt phá ra cười, rồi im bặt vì nhận ra giọng cười của nó vô duyên. Nó đưa tay gỡ cặp kính dụi mắt. Tôi thấy mắt nó đỏ hoe. Khuôn mặt nó bỗng đầy bóng tối.

Hai Giờ Sáng

Tôi thức giấc bởi một điều gì không rõ. Nằm trong bóng đêm, tôi chợt cảm thấy lạnh. Tiếng con chim cú mèo rúc từng hồi ở cánh rừng phía sau nhà, nghe rõ mồn một như sát bên tai. Ở đầu giường bên cạnh, tiếng tích tắc của cái đồng hồ báo thức như những tiếng đập của tim tôi. Tôi nằm im giữa hai thứ tiếng động, cảm thấy rõ ràng sự trơ trọi của mình trong đời sống. Chung quanh tôi mọi vật im lặng chìm trong bóng tối.

Tôi nghi ngờ sự hiện hữu của chính tôi.

Sở Làm

Người bạn đồng nghiệp có lần buột miệng hỏi tại sao tôi cứ im lìm không nói năng gì, sao tôi có vẻ khép kín như một cái quan tài biết đi lại, tôi có nỗi niềm tâm sự gì không. Tôi vội vàng chối, không, tao không có nỗi niềm gì cả, tại bản chất con người, I can't help it. Sarah sẵn đà đi luôn vào đời sống của tôi.

"Mày làm gì cuối tuần, có đi outing không?"

"Tao chẳng biết làm gì..."

"Tại sao mày đến nơi này? tại sao mày chọn thành phố này?"

Tôi muốn nói thẳng là tại cái goddamn job này, chứ tôi đâu có ưa chốn này chút nào. Còn tại sao tôi đến sinh sống ở xứ này, xin làm ơn hỏi mấy nhà lãnh đạo ở xứ sở mà tôi bỏ đi.

"Tại công việc. Ai cũng cần có đồng tiền để sinh sống."

"Đúng đó. Riêng tao còn cần tiền hơn bất cứ ai. Bà già tao tật nguyền không thể sống một mình không người trông nom. Mỗi tháng tao phải trả công người ta săn sóc má tao bằng nửa tiền lương của tao. Phải cái tao không thể chính tay săn sóc bà già..."

"Mày không thấy gần gũi với gia đình?"

"Không hẳn thế. Tao không có can đảm nhìn thân thể teo quắt của mẹ tao, tao có cảm giác như chạm vào cái chết, chạm vào cái điều mà cuộc sống sa thải. Tao sợ đời sống ở giai đoạn cuối cùng."

Trông Sarah như đang cố gắng nuốt cục gì cứng ngắt đắng chát trong cổ. Mắt nó xa vắng như đang nhìn tận đâu đâu. Nhìn khuôn mặt mông lung của

nó, tôi thấy dường như nó đang tranh đấu dữ dội trong lòng. Chiều hôm đó tan sở ra về đầu óc tôi vướng bận ý nghĩ không biết đến bao giờ người ta mới đem chôn cái quan tài biết đi lại.

Tuổi Thơ

Buổi chiều giữa giờ sinh hoạt thường lệ, mẹ Rosa cho người gọi sơ Ann đến gặp mẹ có chuyện gấp. Mặt sơ chợt tái đi, vội vã theo chị lao công lên nhà trên gặp mẹ nhất. Nhẫn ngồi ở góc phòng đưa mắt nhìn tôi dò hỏi. Tôi im lặng cúi đầu, lòng thắc mắc ngổn ngang. Nhẫn có vẻ nao núng không yên.

Cơm chiều có cá chiên dầm nước mắm chanh ớt, món Nhẫn vẫn thích. Tôi thấy nó thờ ơ không thèm lấy phần của mình. Tôi nhắc nó, nó lắc đầu bảo không đói.

Bảy giờ tối, giờ giáo lý của sơ Ann. Không thấy sơ đâu dù đã bảy giờ mười lăm phút. Bọn con nít nghịch phá la hét như cái chợ. Sơ Agnes xuất hiện ngoài sự trông chờ của chúng tôi. Lũ con nít im bặt. Sơ bắt đầu giờ đọc kinh, một vài đứa xui xẻo bị gọi trúng. Mặt con Thư xanh nhợt lúc bị sơ bắt đọc mười điều răn đức chúa trời và sáu điều luật giáo hội. Nó ấp úng ở điều răn thứ năm. Sơ Agnes nhéo tai nó đỏ nhừ, nó đau điếng nhưng bậm môi không khóc. Tôi phục con Thư gan lì. Mặt Nhẫn lạnh như một khối chì. Nhìn mắt nó, tôi biết hồn nó đang để ở đâu. "Đến ngày Phán Xét, loài người ta sẽ sống lại. Kẻ lành lên thiên đàng, kẻ dữ xuống hỏa ngục. Tội phúc sẽ được phân minh. Không còn đau khổ, sẽ có lằn ranh rõ ràng giữa đau khổ và hạnh phúc mãi mãi, thiên đàng và hỏa ngục..." Giọng sơ Agnes đều đều giống một cái máy phát thanh đang mở. Bàn tay tròn mập của sơ giơ lên làm dấu thánh giá, lũ con nít đồng loạt giơ tay phải lên ngoan ngoãn làm dấu.

Chúng tôi vào giường tắt đèn. Mới có chín giờ ba mươi. Nếu có sơ An, chúng tôi có thể chơi cho đến mười giờ hơn. Nhẫn chui vào giường đẩy tôi sang một bên, giường nhỏ xíu hai đứa nằm khít rịt. Nhẫn nói thật nhỏ bên tai, nghe như một tiếng thở dài.

-"Sơ Ann bị phạt rồi, chắc bị cấm cung. Tại tao cả, tội tao thật lớn...Tao để quên thư của ông K. gửi sơ trong cuốn tập bài kiểm, sơ Agnes bắt được đem nộp cho mẹ nhất sáng nay." Giọng Nhẫn nghẹn ngào. Tôi nắm lấy cổ tay nó, trấn an.

-"Lỡ rồi, thôi đừng có khóc. Sáng mai đi lễ mình cầu nguyện cho sơ."

- "Cầu nguyện? cầu nguyện có được điều mình muốn không? Tao quên không biết hôm qua tao cầu xin cái gì. Tao cầu xin hoài một điều mà không bao giờ được."

-"Mày xin cái gì?"

-"Xin cho tao tìm được những gì đã mất. Nếu không, xin cho tao khỏi làm người..."

Tôi thấy xót xa ở câu cuối cùng. Tôi muốn ứa nước mắt.

"Mày phải tin sẽ có ngày mày gặp lại tất cả những cái đã mất, mày sẽ gặp lại gia đình mày. Ngày Phán Xét mọi người sẽ gặp lại nhau. Bài thánh thư sáng nay có nói như vậy..."

"Ngày Phán Xét là ngày nào? là ngày tận thế à? nếu vậy tao xin bây giờ là tận thế."

Nghĩa Trang

Tôi đến đây để chờ đợi. Tôi chờ đợi ngày phán xét cuối cùng. Ngày phán xét sẽ đến bất cứ lúc nào. The judgement day. Nấm mộ sẽ không còn nằm im lìm trước mặt tôi tàn nhẫn như thế. Mọi người chết sẽ trỗi dậy, những nấm mồ sẽ đứng lên. Người sống và kẻ-chết-hồn-nhập-xác sẽ đối diện với sự phán xét phân xử riêng. Và đấng tối cao, thượng đế sẽ nghiêm trang đối xử công bằng với tôi, hơn bất cứ một người nào đã đối xử với tôi trong đời.

Luồng Điện

Sarah gọi tôi ở nhà, số điện thoại riêng của tôi. Tôi chưa kịp hết ngạc nhiên đã nghe giọng nó sũng ướt.

-"Tao không thể đi làm hôm nay, không biết đến hôm nào mới đi làm lại được. Mẹ tao...sáng nay..."

Nó chưa kịp nói hết câu, cũng không cần phải nói hết câu, vì tôi đã hiểu. Giống như luồng điện phát từ tim lên thẳng vô đầu, nơi tiếp nhận mọi cảm xúc của đau đớn. Luồng điện phát từ tim Sarah. Tôi hiểu. Sarah nó cũng có trái tim như một người bình thường. Tim tôi ướt sũng những giọt nước.

Trắc Nghiệm Tình Yêu

Chàng không còn nói yêu tôi như thuở nào. Chàng không còn bộc lộ bản chất lãng mạn của chàng. Chuyện tình chúng tôi đã bước qua khỏi thời kỳ lý thú nhất của tình yêu. Hai thời kỳ lý thú nhất của một quá trình yêu: thời gian tìm hiểu và thời gian đã qúa hiểu. Khoảng thời gian ở giữa, chỉ là hạnh phúc và đau khổ tương đối. Tôi đang ở thời kỳ thứ ba, có lẽ.

Thời kỳ thứ nhất, chúng tôi dành cho nhau tất cả những cái đẹp của tâm hồn (và thể xác). Chàng yêu là yêu tâm hồn tôi. Chúng tôi vẽ ra những huyền thoại của tình yêu, cho nhau. Chúng tôi nhận và trao đầy đủ. Hạnh phúc cho những kẻ yêu nhau ở giai đoạn đầu, mãi mãi. Đừng bao giờ bước qua giai đoạn chuyển tiếp.

Tôi đã hứa với lòng, tôi chỉ yêu ai có tâm hồn bao dung, đón nhận tôi và nhân gian, đến với tôi và nhân gian, với tấm lòng rộng như biển. Tôi khát yêu thương và được yêu thương. Chàng đến. Chàng có tấm lòng của biển, làm sao tôi có thể kháng cự. Lý tưởng của tôi là một lập luận đơn giản: Ai làm cho tôi không còn cô độc, đó là người yêu lý tưởng của tôi. Tôi không sợ những sự

"không giống ai", tôi không cần biết đến những tiêu chuẩn của một đối tượng. Đi tìm đối tượng nghĩa là xem tình yêu như một phương tiện cho sự ích kỷ của chính mình. Tôi sẵn sàng yêu và sẵn sàng mù quáng với một tình yêu "có thật".

TẬN NGÔN

Thôi tôi không ngược xuôi với thời gian nữa, tôi xin nói rõ những đoạn rời. Tôi là đứa con gái có vấn đề với đời sống. Tôi cho rằng tôi bất hạnh vì không ai thương yêu tôi thật lòng, hoặc tôi đòi hỏi người ta thương yêu tôi theo kiểu tôi mong muốn. Những người đàn ông nói yêu thương tôi, sau một thời gian họ bảo họ không hiểu nổi tôi. Tôi là người khó gần gũi tâm hồn mặc dù có thể gần gũi thể xác. Hai cái gần gũi này chẳng có gì liên quan với nhau, đối với quan niệm của đàn ông. Tôi có những cái đau đớn của thể xác và tinh thần. Tôi hít thở không khí của hiện tại nhưng sống với thời gian của quá khứ. Tôi không biết đến tương lai hoặc tương lai không có trong tôi. Hai thì quá khứ và hiện tại lẫn lộn ở trong tôi.

Thì quá khứ: Hồi đó, có một người thương và hiểu tôi trọn lòng. Người ấy chỉ bằng nửa tuổi tôi bây giờ, nhưng lém lỉnh và thông minh, nhưng bao dung và tử tế vô cùng. Nhẫn đó. Tôi mất Nhẫn khi tôi rời ký túc xá vào ngày cuối năm về ăn tết với gia đình. Lúc nhỏ gia đình gửi tôi vào ký túc xá cho mấy ma soeurs trông coi. Nơi đó có những đứa trẻ con nhà tử tế, hoặc những đứa ngỗ ngược không người chăm sóc, hoặc những đứa mồ côi chẳng có thân nhân. Nhẫn thuộc loại này. Nó mất cả cha mẹ trong chiến tranh. Anh em nó tứ tán không biết ở đâu. Người ta nhặt được nó lem luốc đứng khóc ngoài đường trên đường tản cư, họ đem nó vào gửi cho mấy soeurs dòng bác ái. Tôi thân nó vì bản tính ngang ngược của nó, vì nó độc lập, vì nó có lòng thương người, vì nó luôn bênh vực và an ủi giúp đỡ tôi, vì nó có con búp bê xinh đẹp của hội từ thiện tặng. Trước khi tôi thân và thương nó như ruột thịt, tôi ghét nó tận tim gan. Nó giống như cỏ dại mọc không người chăm nom săn sóc, ngang tàng và bất cần. Tôi gây lộn và đánh nhau với nó một lần chỉ vì nó đổ thừa tôi ăn cắp búp bê của nó. Nó cào xước mặt tôi chảy máu. Sau lần cãi nhau chí tử, tôi bị một trận ốm nặng. Trong khi tôi ốm mê man, Nhẫn tìm thấy búp bê của nó. Nó thui thủi chơi búp bê một mình cảm thấy chán vì thiếu vắng cái nhìn thèm thuồng khao khát của tôi. Hôm tôi mê dại gần chết, Nhẫn đến khóc bên giường tôi, rồi đặt con búp bê của nó bên cạnh. Nhờ tình thương của nó và sự chăm sóc dịu dàng của sơ An, tôi khỏi bệnh và thề sẽ nhớ nó trọn đời.

Tháng tư bảy lăm, tôi theo gia đình di tản sang Mỹ định cư. Không bao giờ tôi có dịp trở về lại trường ký túc ấy nữa.

Thì hiện tại: Tôi không thấy vui vẻ gì trong cuộc sống. Người đàn ông tôi

thương yêu đã bỏ tôi vì cho rằng tôi nhàm chán. Tôi khổ vì tình, tôi lụy vì tình. Nhớ lúc xưa khi bắt đầu trổ mã trở thành thiếu nữ, Nhẫn chỉ dạy tôi những căn bản thường thức của một người con gái (nó lớn hơn tôi vài tuổi.) Nó nói một câu thật sáo làm ra vẻ người lớn: làm con gái nhưng không nên khổ vì con trai, có khổ thì chỉ nên khổ vì hoàn cảnh. Nhẫn mười ba tuổi mà đã biết yêu ai. Chẳng qua nó hay nghe chuyện kể của người lớn và biết rõ mối tình vụng trộm ngang trái của sơ An. Về sau sơ An xuất tu lấy chồng, nhưng sơ không lấy người phi công hay đem tặng hoa trong nhà thờ dạo ấy.

Tôi sống những ngày tháng hiện tại mông lung và bơ vơ. Hôm ấy tôi buồn đời đi lang thang ngang qua một nghĩa trang, thấy có tấm bia mộ khắc tên Việt, đúng tên họ của Nhẫn nhưng thiếu năm sinh. Lẽ nào Nhẫn cũng sang Mỹ và đã chết. Lão Joe giữ vườn nói người chết không có thân nhân. Nhẫn cũng không có thân nhân. Nghĩa trang và tấm bia mộ ám ảnh tôi qua những năm tháng. Chỉ có một người thương yêu tôi thật lòng, người ấy không biết bây giờ ở đâu, hay đang nằm dưới nấm mộ mơ hồ kia.

Tôi đang loay hoay với rất nhiều đoạn rời, và vẫn gần gũi với bóng tối.

PHẠM CHI LAN



DU TỬ LÊ

giống thú lớn hiếm hoi dần. tuyệt chủng?

và, m.thảo, kh.trường, tt.yên,...

gốc cây hát bài chia tay quen thuộc
nắng gióng hàng nghe lá điểm danh
chiều /chấp chới/ đôi mắt gần cận thị
gió bảo ta: - loài bò sát ươn hèn

đất ôm bụng: cười nhân gian hờ hởi
sống cũng chui mà, chết cũng chui! (?.)
từng băng đảng tiễn nhau vào tịch mịch
hết thảy điều bỏ lại vẫn ui, ui

không gian /mẻ/ vết răng tiền sử, lở
bình minh /cong/, một tấm gương, lồi? (.!)
chim kết án sau nhiều ngày hội thảo
- bọn bay ngồi /ôi/ những xác ôi

trưa rách, rớt hình /thơm/ muôn giấy kẹo
ta vinh quang thua một tế bào
đừng chắc mẩm. Khoan em. - Đời sống khác? (.!)
mỗi tinh trùng một mệnh lãng quên, sâu

con chữ chết còn /phơi/ căng/ biểu ngữ
đầu điếc câm. Tay vẫn múa liên hồi
giống thú lớn hiếm hoi dần. - Tuyệt chủng? (.!)
rừng tự thiêu, khỏi gặp con người

than, củi gọi ngày, đêm xương, máu, rợn
trí căng căng; tâm gõ nẩy bong bong
thuở mông muội thiêng liêng từng cỗ đá
mỗi tiếng kêu: nóng hổi một linh hồn. (!,)

đời âm, nghiệt nghiến ta thành vẩy, mún
nổi vật vờ trên mặt váng hư vô
đất thân ái chỉ ta về ngõ bạn
chúng ta còn dăm đứa: - ráng tri hô

quay chậm mấy vẫn vòng quay kiệt, kiệt
chẻ bóng mình; lục lạo ấu thơ
sông ở mắt. Núi dựng, lên tim, óc
biển nơi chân: - khốn nỗi thủy triều

mưa bí mật dắt ta về thánh địa
chỉ: góc hầm, mái dột, miếng sân, trơn
bàn ái ngại bảo ta ngồi xuống ghế
trang sách bầm nổi dập, xóa tên, em

thắp nến thả /đêm/ trôi ngoài vũ trụ
nhìn xuống ta: ta mốc tịch liêu, son.
Sept., 1995

truy tầm lý lịch: người không bóng

vai lay /bụi/ xuống bàn tay đất
xương thở lên trời hạt cát khô
sầu ta khuyết nốt vầng trăng, khuyết
tự thuở người đi địu đá về

vết thương mưng, tấy da mưa, nắng
cá bỏ luồng nghe lá bỏ cây
tâm treo /yết thị/ tờ tróc nã
kẻ khứng tên ta từng qua đây

tấm gương /tiền kiếp/ soi không thấu
mỗi loài chim /một cách bay riêng/
đôi khi đồng loạt va vô núi
từ chối đời kia cách thản nhiên

còn ta mất tích đang khi sống
vẫn sống! Không hề cật vấn chi
hỏi đâu tên, họ? - Đây tên, họ
nhưng của ai kìa. Không của ta

truy tầm lý lịch: người không bóng
ta gặp ta: nhìn ta bỏ ta.

hoán vị 2

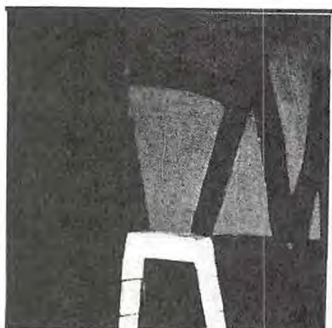
tôi yêu tôi: trong tôi /người/
chuyến xe song mã chỗ ngồi: đâu lưng
tôi yêu tôi: trong tôi /nguồn/
vai nghiêng mái biển /chân/ lần, khăn, /chia/
tôi yêu tôi: trong tôi /về/
tới ngang khúc quẹo tâm lìa, biệt, đi.
tôi yêu tôi: trong tôi /quỳ/
dưới chân Đức Phật em vừa /quy y/.

DU TỬ LÊ



SONG THAO

người con gái mê michael chang



Không biết tôi nhìn thấy gì trước nơi dáng người ngon như một chiếc kẹo sữa ngồi cách bảy hàng ghế ở phía trước. Nắng vung vãi tứ phía có dư thừa nội lực của một chiếc lò sưởi hồng hào khỏe mạnh làm người tôi hừng hực cháy bỏng. Phải chi bây giờ mà được ngồi trong một nhà hàng có máy điều hòa không khí nhấm nháp vài ly la de ướp lạnh thì mát lòng mát dạ biết mấy. Đầu vừa tê đi trong hình ảnh dịu dàng thì mắt đã chạm phải cái mượt mà trước mặt. Có lẽ tôi đã nhìn thấy trước hết hạt nốt ruồi son tròn như một giọt mực đỏ nằm vất vưởng bên cạnh chiếc quai áo đen mảnh mai ơ hờ trên bờ lưng. Mà cũng có thể tôi đã nhìn thấy đầu tiên chiếc gáy trắng như một giò thủy tiên vừa tắm xong còn giữ lại những hạt nước lăn tăn ngơ ngác xúm xít đứng cạnh nhau. Nhưng có lẽ thực ra tôi đã nhìn thấy ngay tức thì một túm tóc vắt vẻo chui ra khỏi cái lỗ hổng phía sau chiếc mũ kênh kiệu nhún nhảy như đuôi của một chú sóc nghịch ngợm leo trèo.

Tiếng banh vọng lên nghe chắc nịch. Một bên sân là Washington đen mù mịt và rắn như một cây cột gỗ lim. Bên kia là Wilander đã toan về già nhưng lại khởi sắc bất ngờ. Hai ông thợ kéo cưa đưa banh qua lại nghe phát mệt. Cái nóng của đất trời nung nấu lòng người sôi sùng sục. Ai cũng ưa những đường banh mạnh bạo dứt khoát lấy cái hào hứng bao che nỗi khó chịu trong người. Vậy mà hai ông cứ cà kê đẩy banh qua lại. Làm chi không chán! Nhưng tôi thì không chán chút nào. Cái đuôi con sóc ngoe nguẩy trước mặt theo cái đầu lắc lư nhìn qua nhìn lại đuổi bám trái banh mang chút duyên

dáng bắt chặt cặp mắt thú vị của tôi. Lại thêm cơn gió thông minh tới đúng lúc nhẹ nhàng thổi xôn xao mấy sợi tóc lẻ loi vây quanh chiếc đuôi sóc phất phơ qua lại. Mắt tôi cách chi mà lơ là nổi. Đâu còn góc mắt nào cho hai ông Washington và Wilander đang tranh dành nhau trái banh ở phía dưới kia.

Ánh nắng sỗ sàng nặn ra những hạt mồ hôi lóng lánh trên chiếc lưng trần ửng đỏ. Bàn tay giơ lên quệt ngang nhòe nhoẹt. Tôi ngẩn người trước những ngón tay đầy đặn có những vảy móng tay màu hồng bóng bẩy thuôn thuôn quí phái. Bàn tay trước mắt tôi nhẹ nhàng xếp gọn chiếc khăn trắng che lên chiếc lưng chắc đã thấm cái nắng đổ lửa.

Tiếng vỗ tay vang rền làm hụt tầm nhìn của tôi. Trận đấu dưới sân đã kết thúc. Khán giả đua nhau đứng dậy. Người thì hăng say vỗ tay cổ võ đấu thủ thắng cuộc. Người thì vặn mình cho giãn gân giãn cốt. Giữa những chiếc vai nhấp nhô tôi thấy bóng người con gái lướt vội ra khỏi hàng ghế bước thấp bước cao thả người trên từng bậc thang tìm đường đi xuống. Chiếc áo đen xẻ dọc phía trước thành hai tà áo hờ hững buông xuống gần đầu gối đang cuống quít ôm lấy chiếc quần đen bó sát cặp chân thon dài khó nhọc đặt từng bước dò dẫm trên lối đi kín người.

Trang hích vai tôi nói lớn

- Đi xuống kiếm chút gì uống chứ!

Tôi thẫn thờ đáp:

- Mày xuống đi. Uống xong xách cho tao một chai gì lên cũng được. Tao lười đi quá.

Gân cổ Trang nổi lên từng cục:

- Sư mày! Lại đổ đốn rồi. Tao biết đi với mày là phải hầu hạ mày mà sao tao cứ đi. Số trời thiệt!

Nói cho đã miệng xong Trang lầm lũi đi. Chưa đầy một giây bóng hắn đã bị nuốt trong làn sóng người di chuyển ào ạt như nước lũ. Chiều cao của hắn đâu có bao lăm. Lấy gì mà nhấp nhô với người ta. Tôi ngồi mắt đăm đăm về phía trước hăm hở chờ chụp bóng chiếc áo đen. Chung quanh tôi nhộn nhịp nhốn nháo. Người đi lên kẻ đi xuống. Ăn uống ồn ào. Nói cười oang oang. Chiếc loa phóng thanh ở phía trên đầu lải nhải những gì chẳng biết. Tôi cầm tờ chương trình quạt lia lịa. Nóng thật. Vừa nóng người vừa nóng lòng. Oang oang từ đầu sân tới cuối sân tiếng người xướng ngôn viên loan báo các đấu thủ của trận đấu thứ hai đang trên đường ra sân đấu. Mọi cặp mắt đều đổ dồn về phía lối vào sân của các tay vợt. Một hàng người tụ tập dài như một con trăn khổng lồ bên lối đi. Tôi nhìn thấy chiếc áo đen đang len lỏi giữa rừng người tìm một chỗ đứng tốt. Hàng người nhúc nhích mạnh. Vài chiếc áo đỏ của đám bảo vệ xuất hiện ở cuối đường đi. Chiếc áo đen của tôi tay cầm máy hình lăng xăng chen lấn. Dáng người cao cao của Korda đi giữa đám bảo vệ. Khán giả quanh tôi đứng dậy vỗ tay. Cái đầu tóc đen của Chang thấp thoáng

khi ẩn khi hiện trong đám áo đỏ. Đám đông xôn xao chuyển động. Chiếc áo đen nhoài người chụp lia lịa. Hai đấu thủ đã vào tới sân đang giơ tay vẫy chào khán giả. Con trăn khổng lồ bỗng chốc tan ra thành từng mảnh vụn túa lên khán đài.

Hai ly la de trên tay Trang sóng sánh trên từng bước đi chậm chạp. Miệng hắn toét ra hả hê:

- La de chùa đấy. Uống cho đã đi!

Bọt la de trắng đóng vòng trên môi Trang trông khó chịu lạ. Chắc cu cậu nốc cũng khá rồi. Hắn nhăn nhở khoe:

- Mày biết không? La de quảng cáo xếp đầy chiếc bàn lớn. Tao thấy tụi Tây đứng vòng trong vòng ngoài uống lia lịa tao cũng chui vào làm ít ly. Hai ly này dành cho mày đấy. Tao đã rồi!

Mùi la de theo giọng nói của Trang thoát ra nồng nặc. Tôi kê nhẹ:

- Bữa nay lời rồi còn gì nữa. Gỡ đủ tiền vé không?

Trang hệch miệng ra cười. Chẳng bao giờ hắn giận vì những câu châm chọc kiểu này. Hắn có một triết lý rất thực dụng: không bao giờ bỏ qua những gì người ta cung cấp miễn phí cho mình. Có bao giờ hắn làm lơ được những chiếc bàn cho ăn uống để quảng cáo trong các siêu thị đâu. Mỗi chỗ một chút. Miếng *pizza* bằng đầu ngón tay, mẩu bánh ngọt bỏ lọt thỏm trong miệng, chút nước cam trong ly giấy nhỏ xíu... Không thứ gì thoát khỏi cái miệng chăm chỉ của hắn. Ra khỏi cửa siêu thị hắn vỗ bụng phát ngôn sảng khoái. Năng nhặt chặt bụng mà tụi bay. Chặt bụng đã đành. Chặt đầu hắn cũng chẳng sợ. Một bữa hắn đọc được cái quảng cáo trên báo của một trường dạy hớt tóc. Hớt tóc không tiền. Hắn cười ré lên xé mẩu báo đút túi. Buổi chiều hắn trở về trình diện một bộ mặt điêu linh dưới chiếc mũ kéo sụp xuống tận mắt. Chiếc mũ không rời đầu hắn cho tới buổi tối. Mấy thằng bạn ở chung nhà lấy làm lạ đưa mắt nhìn nhau rồi hè nhau xông vào lột mũ. Chúng ôm bụng cười lăn lộn khi chiếc đầu không giống con giáp nào nằm tênh hênh trên giường. Hắn ngoác miệng ra chửi mấy thằng thợ học việc vụng về. Đành phải cạo trọc cho khỏi phiền tới chiếc mũ. Hắn chưa hết buồn vì chiếc đầu dưa muối thì một hôm ti vi chạy cái quảng cáo mới của hãng giầy thể thao Nike trong đó Agassi, thần tượng của hắn, cũng cất phăng mớ tóc dài rừng rú để thay đổi thành cái đầu bóng không thua gì đầu hắn. Thay đổi. Agassi nói độc nhất một chữ trong khúc phim quảng cáo. *Change.* Bạn bè bèn tặng hắn cái tên Trang *Change*. Hắn hiên ngang xoa đầu tự hào giống thần tượng Agassi. Mà hắn cũng giống Agassi thật. Giống cái dáng đi vòng dây! Nay tóc hắn đã dài mà vẫn chết với cái tên *Change*.

Hai vạt áo đen õm ờ khép mở trước mắt tôi. Tôi ngây người nhìn lên. Cặp kiếng đen che hết nửa khuôn mặt thanh thoát dưới chiếc mũ lưỡi trai bán gây quỹ cho đoàn lực sĩ Canada dự Thế Vận Hội của tiệm Mc Donald có chữ At-

lanta 1996 chạy bằng chỉ vàng. Đôi môi hồng hào mỏng manh nhếch lên cười. Chúa ơi, nụ cười gửi thẳng cho tôi. Tôi luống cuống chao đảo hai ly la de trên tay. Làm sao bây giờ? Tôi chưa biết làm sao thì Trang đã làm được nhiều thứ. Hắn toét miệng cười, ngoắc tay rối rít, miệng la bai bải:

- Diễm! Diễm! Lên đây ngồi cho vui.

Tôi nhìn sang Trang với ánh mắt khâm phục vô bờ bến. Cái thằng Agassi dỏm này thế mà cũng có lúc được việc. Tôi vội hỏi trước khi có mặt chiếc áo đen:

- *Change,* quen hả?

Đúng là một câu hỏi sảng. Cười nói vẫy tay hùng hổ như vậy thì quen đứt đi rồi chứ còn gì nữa. Trang khinh thị tôi ra mặt. Hắn không thèm trả lời mà ra lệnh:

- Ngồi xích qua bên kia đi!

Người con gái ngồi lọt thỏm giữa Trang và tôi uể oải vứt cái túi đeo lưng xuống dưới chân. Trang giới thiệu:

- Diễm! Đạt!

Diễm giơ tay cho tôi bắt. Tôi như vớ được thần linh. Bàn tay kiêu sa tôi chiêm ngưỡng chỉ mấy phút trước đang nằm gọn trong tay tôi. Run là cái chắc. Cái miệng đóng băng của tôi lâu lắm mới mở ra được:

- Trông Diễm quen quá. Hình như gặp ở đâu rồi.

Mắt Diễm không rời hai đấu thủ đang khởi động trên sân. Miệng Diễm lạnh tanh:

- Tán kiểu thế kỷ thứ mười tám chăng? Xưa quá rồi!

Tôi ngượng chín người. Nào tôi có định tán đâu. Tôi thấy khuôn mặt Diễm quen thật. Nhất định đã gặp ở đâu rồi. Thành thực đến thế mà bị nguyên cái tủ kê vào miệng. Nhất định không nói nữa. Tôi không nói thì Diễm nói:

- Cũng có thể quen thật.

Chiếc cờ trong bụng tôi mở toang ra vẫy phành phạch. Tôi cố nhớ xem đã gặp Diễm ở đâu. Chịu! Đầu óc nhiều khi chơi khăm chẳng chịu hợp tác với mình. Diễm quay sang tôi cười, nụ cười sao mà mát rười rượi:

- Anh nhớ ra chưa? Hồi đó anh với tôi nằm chung phòng trong nhà bảo sanh. Cả ngày anh ngoác miệng ra khóc làm tôi không ngủ được. Tôi quên sao được mặt anh.

Diễm hất mặt lên nhếch miệng tủm tỉm cười. Bộ mặt chanh chua lẽ ra phải đáng ghét lắm chứ, thế mà sao tôi ghét không nổi. Tôi đâm ra muốn cà khịa với cái mặt phởn phơ như thầm rủa đáng kiếp mày của Trang đang xấc xược nhìn tôi. Quả thật tôi không được nhanh nhẩu lắm. Tôi chưa tìm ra cách móc lò Trang thì Diễm đã kéo chiếc túi đeo lưng lên đùi cúi mặt xuống lục lọi. Khuôn mặt thanh tú của Diễm che lấp cái bản mặt dễ giận của Trang.

Cứ như trên màn ảnh xi nê người ta đổi cảnh này qua cảnh khác. Mắt tôi bận bịu với khuôn mặt Diễm làm cả đầu cả miệng tôi làm biếng gây sự với Trang.

Diễm rút trong túi ra một cặp ống nhòm đưa lên mắt chiếu xuống sân đấu. Chang đang chạy như bay khắp sân đón đỡ các đường banh bắn sang như mưa. Tiếng giầy của Chang nghe lạch bạch nặng nề. Khán giả nín thở theo dõi trận đấu đang lúc gay cấn. Korda bất ngờ bỏ nhỏ một trái banh sát lưới. Chang vác vợt từ cuối sân phóng người lên nhoài ra nâng trái banh sát mặt sân qua lưới chéo tay Korda. Korda quay người lại vứt chiếc vợt theo trái banh một cách tuyệt vọng. Tiếng vỗ tay vang rền khắp bốn phía. Diễm đứng phắt dậy buông chiếc ống nhòm toòng teng trên cổ vừa la hét vừa vỗ tay như điên. Tôi cũng đứng dậy và được hưởng ké một chút niềm vui. Diễm quay sang tôi mắt rực lên thích thú giơ bàn tay ra. Tôi hăng hái xòe tay theo. Hai bàn tay đập vào nhau nghe chát một cái. Số dách! Tiếng của trọng tài trên chiếc ghế cao lênh khênh yêu cầu mọi người giữ yên lặng. Khán giả lục tục ngồi xuống. Tôi thừa lúc Diễm đang hứng chí nhỏ nhẹ hỏi:

- Diễm cổ võ cho Chang dữ hè?

- Dĩ nhiên! Đánh hay như vậy ai mà không thích.

Trang chen vào:

- Hay đâu bằng Agassi.

Tôi chưa thấy trên trần đời này có tên nào vô duyên như thằng bạn gàn dở của tôi bây giờ. Diễm quay ngoắt sang phía Trang dấm dẳn:

- Sẽ có lúc Agassi thân bại danh liệt dưới tay Chang cho anh coi.

Câu nói của Diễm như một câu dự đoán thời tiết với rất nhiều tình cảm nằm ở bên trong. Vậy mà tôi nhắm mắt trước sự thật để đứng về phía Diễm:

- Có ai ngon lành bằng Chang không? Mười bảy tuổi đã thắng giải *French Open*. Đấu thủ trẻ nhất thắng giải lớn đó đấy bạn! Agassi có được như vậy không?

Tôi nháy mắt kiếm điểm với Diễm. Nàng phát cho tôi một nụ cười trước khi với tay xuống ngực nhấc cặp ống nhòm lên. Diễm say sưa bỏ cặp mắt vào hai cái lỗ đen xì. Tôi mặc sức há miệng uống khuôn mặt Diễm. Diễm bỗng đập tay vào đầu gối tôi nói rối rít:

- Trông Chang kìa! Khuôn mặt căng lên đầy nghị lực. Còn cặp mắt nữa chứ. Như toát ra vẻ cương quyết rợn người. Anh thấy không?

Sân đấu nằm tít tận phía dưới. Chỗ tôi ngồi là chỗ có giá vé dễ chịu nhất nên cao ngang với một tòa nhà lầu chục tầng. Mặt Chang trông nhỏ xíu. Nhìn ra được hình dáng của khuôn mặt đã là quí lắm rồi. Nói chi tới nét mặt với ánh mắt. Vậy mà tôi chẳng thể nào bỏ Diễm bơ vơ với nỗi say sưa một mình. Miệng tôi phụ họa như máy:

- Thấy chứ. Diễm tinh thật.

Giọng nói của tôi chắc có mùi nịnh đầm lộ liễu nên Diễm buông thõng

chiếc ống nhòm, nheo nheo đôi mắt trần nhìn xuống dưới sân rồi quay sang tôi chất vấn:

- Bộ anh có mắt thần sao mà nhìn thấy mặt Chang được? Tôi không ưa những người nói vuốt đuôi.

Nếu có đuôi chắc đuôi tôi phải cụp dữ lắm. Hai tai tôi đỏ bừng. Miệng tôi không nhúc nhích gì được. Tôi nào có ưa những người con gái ngang tàng lúc nào cũng muốn bóp nát mặt người khác. Vậy mà sao tôi ngơ ngẩn trước đôi mắt nóng bổng như hai cục than hồng đang đốt khuôn mặt tôi. Diễm hứ một cái quay mặt đi tiếp tục chôn đôi mắt trong chiếc ống nhòm. Làn gió nhẹ của cái đầu quay đổi hướng phả vào mũi tôi một mùi thơm nhẹ nhàng ấm áp. Tôi quên hết mọi sự một cách nhanh chóng. Mắt tôi dõi theo những động tác mạnh bạo quyết liệt của đôi tay Chang. Tiếng banh vọng lên chát chúa. Chang nhoài sang trái, quật về phía phải chăm chỉ với từng đường banh quái ác. Hai tay Diễm nắm chặt chiếc ống nhòm, giọng nàng vọng sang tôi:

- Anh thấy cái nhẫn nại của Chang không? Đường banh nào cũng nhào tới. Khó khăn tới đâu cũng nhất định không bỏ. Chỉ có dân Á Đông mình mới chịu khó như vậy. Chắt chiu một cách tội nghiệp. Anh thấy như vậy không?

Tôi phân vân không biết trả lời ra sao. Chắc ăn nhất là vuốt theo. Nhưng vuốt có khi lại ăn đạn nữa thì chuế quá. Đầu óc tôi còn đang nghiêng ngả thì Diễm rời ống nhòm dịu dàng hỏi:

- Sao không thấy anh nói gì vậy? Đồng ý hay không thì cũng lên tiếng một cái cho lịch sự với phái nữ chứ.

Thật dễ tức trước miệng lưỡi của người con gái quá quắt này. Tôi nuốt ực một cái cho cái tức trôi tuột xuống dạ dày. Ông thợ vuốt trong tôi nhổm dậy làm việc:

- Diễm nói thì làm sao sai được. Chang nhẫn nại số một.

Diễm ưỡn ngực lên thở dài:

- Nói chuyện với anh thật chán mớ đời. Ý kiến của anh tròn như hòn bi. Nhưng thôi thông cảm cho anh. Tôi nói đúng như vậy thì làm sao anh nói khác được.

Nếu ghét được Diễm thì tôi đã bảo con nhỏ này mát nặng, nhưng không ghét được nên tôi đành cứ trơ cái mặt được bọc bằng một lớp da dày cộm ra. Trang thừa cơ hội bồi cho tôi một cú đá hậu:

- Thằng phổi bò đó thì ý kiến ý cọt cái khỉ mốc gì!

Tiếng vỗ tay ồn ào quanh sân cứu tôi ra khỏi lúc ngặt nghèo. Chang vừa vuốt một đường banh đẹp kết thúc một hồi giao trả ngoạn mục treo đứng tim khán giả. Diễm la hét vỗ tay nghe giòn tan. Chang đang say sưa diễn tả nỗi vui mừng. Hai tay giật giật, một chân co lên đá vào khoảng không, đầu gật gù, cầm bạnh ra, miệng nói lảm nhảm một mình. Diễm ngưng vỗ bấm mấy ngón tay mát lạnh vào cánh tay tôi hỏi:

- Anh có nghe thấy Chang nói gì không?

Thật tôi chẳng biết trả lời ra sao. Chang đứng xa tít phía dưới lại thêm tiếng ồn ào cổ võ chung quanh muốn bể màng tang cách gì mà tiếng Chang lọt vào tai tôi được. Tôi nhìn sang Diễm. Mặt nàng như có điều giận dữ. Diễm nói mà như không mở miệng:

- Vậy mà có lần thằng cha bình luận trên ti vi dám phụ đề bảo chắc Chang nói bằng tiếng Hoa. Đồ diễu dở!

Tôi thở phào nhẹ nhõm như một can phạm đứng trước vành móng ngựa nghe ông tòa tuyên bố vô tội. Sướng cách gì đâu! Nỗi sung sướng làm tôi nhìn thấy một vòng hào quang quanh Diễm. Diễm đang dịu dàng cúi người xuống lôi từ trong túi đeo lưng ra chiếc máy hình nhỏ xíu. Nàng nhìn tôi mỉm cười. Tôi thấy toàn trăng sao trên đôi môi ửng hồng mong manh. Người tôi như bị treo lửng lơ giữa bầu trời. Có cách gì cho tôi xuống được không. Giọng nói ngọt ngào của Diễm như những bậc thang mở ra trước mặt tôi:

- Anh cầm dùm Diễm chiếc máy hình một chút.

Nàng đưa ống nhòm lên mắt, tay cẩn trọng xoay nút điều chỉnh. Xong nàng ngoắc tay làm hiệu lấy lại chiếc máy hình. Nàng kê ống kính máy hình áp sát vào ống kính của ống nhòm, đưa lên mắt nhắm xuống Chang dưới sân bấm máy. Diễm hào hứng:

- Anh thấy ngon lành không? Không cần xài máy có *zoom* mà cũng như có *zoom*. Sáng kiến của Diễm đấy. Anh nghĩ có được không?

Tôi nhìn xuống dưới sân. Dàn máy chụp hình của các phóng viên chĩa ra tua tủa như những họng súng đại bác. Cái nào cái nấy dài cả cánh tay, ống kính to như chai *pepsi* loại hai lít có thêm một phần tư lít bonus. Tin tưởng gì được vào cái máy *zoom* loại sáng kiến của Diễm. Nhưng tôi chẳng có can đảm phơi ra những ý nghĩ trong cái đầu đang miệt mài tìm cách làm vui lòng cô gái chẳng dễ tính này. Tôi vận dụng tài né:

- Chắc cũng được chứ.

Cặp mắt Diễm bảo cho tôi biết là nàng chẳng vừa ý:

- Sao nghe anh nói yếu xìu vậy? Cho anh biết là hình Diễm chụp chắc chắn sẽ không thua hình này bao nhiêu đâu à!

Diễm giơ ra trước mắt tôi tấm hình Chang phát không dưới quầy vé. Cha mẹ ơi! Chắc người ta phải lựa cả trăm kiểu hình mới chọn được kiểu đẹp nhất mang ra in làm hình chính thức cho cuộc tranh giải. Mà toàn là hình chụp bằng những khẩu đại bác đang hùng dũng vươn ra dưới kia. Chắc gan Diễm phải là gan rồng. Tôi ngượng ngập chẳng biết vuốt làm sao cho phải đạo. Đành ngậm câm. Cũng may Diễm không hạch hỏi gì thêm. Nàng đang có điều muốn khoe với tôi:

- Anh thấy chữ ký của Chang ở phía dưới hình không? Bữa hôm kia Diễm phải chen đến ná thở mới xin được chữ ký đó. Mà anh biết không, Chang mới

đánh xong mình mẩy còn ướt đẫm mồ hôi, thế mà vẫn nhẫn nại đứng ký cho mọi người vây quanh không chừa một ai. Thiệt là dễ thương. Mà không chỉ ký không thôi nghe. Còn viết nữa chứ. Anh có đọc thấy dòng chữ trước chữ ký không? *Jesus loves you*. Bao giờ trước khi ký Chang cũng chịu khó viết như vậy. Đã tài giỏi, dễ thương lại còn đạo hạnh nữa chứ!

Tiếng vỗ tay nổi lên ầm ĩ. Chang vừa đập được một cú *ace* dứt điểm thắng ván đầu. Mọi người lục tục đứng dậy. Diễm vơ chiếc túi đeo lưng nói với Trang:

- Em xuống dưới một chút.

Nàng nheo mắt với tôi rồi biến mất trong đám người hỗn độn di chuyển. Tôi quay sang Trang:

-*Change*, xuống kiếm chút la de nữa chăng?

Trang ngồi tỉnh bơ không coi tôi ra cái thớ gì. Một lúc hắn mới bĩu môi khích bác tôi:

- Nhác nhớm như mày mà cũng mở miệng rủ tao đi nữa à? Bày đặt! Nói chuyện chưa đã sao mà còn kiếm cớ đi theo? Cho mày biết, thứ dữ đấy. Đừng tưởng bở nghe con!

Nói xong Trang lại ngồi vác mặt lên trời như bận bịu với đám mây đang lững thững trôi trên cao. Chưa bao giờ tôi thấy mặt Trang lại xứng đáng với một cái tát đến như vậy. Tôi hằn học ngồi đợi cho tới lúc chiếc cổ ngắn ngủn của Trang gãy gục xuống mang theo chiếc mặt khó thương trở về với hạ giới. Khốn nỗi cổ Trang lại là loại cổ vững chãi. Biết đến bao giờ ước nguyện của tôi mới viên mãn? Bắt không được tha làm phúc, tôi đành đi nước dưới:

- Này *Change*, chút về đi ăn phở không? Tao bao.

Phở là một thứ thần dược trị bệnh cứng cổ. Vừa nghe được tiếng phở cộng với tiếng bao mặt Trang bỗng mềm hẳn ra. Chiếc cổ đang gân guốc bỗng như một thỏi sáp gặp lửa. Giọng nói có phần xôn xao:

- Ít khi tao nghe mày nói được một câu dễ thương như vậy. Bụng dạ nào mà từ chối được.

Sư anh! Còn màu mè. Ăn uống chùa thì có bao giờ vắng mặt anh. Bụng tôi nghĩ như vậy nhưng miệng tôi lại dẻo quẹo:

- Thì lâu lâu vui một bữa. Này, rủ Diễm đi luôn cho vui được không? Mà mày với Diễm là thế nào vậy?

Trang dấm dẳn:

- Mày có cần phải biết không?

Tôi nhích người qua:

- Thì cũng phải biết để cư xử cho hợp đạo trời chứ

Trang cười nhạt:

- Đèn xanh đó. Tha hồ mà nhấn chân ga. Diễm là con nhỏ hàng xóm của tao ngày trước. Chẳng biết có phải bố mẹ nó có cái thú cãi nhau hay sao mà

hai ông bà cãi nhau tối ngày. Mày biết đó cãi nhau ngày một thì chỉ có hoặc vì tiền bạc hoặc vì ghen tuông. Cả hai ông bà đều ham nhảy. Nhảy rồi ghen. Tao thấy mấy ông bà qua đây hình như đều có vấn đề cả. Thật chán! Khi bố mẹ cãi nhau thì con Diễm lại chạy qua nhà tao tị nạn. Nó cứ than vãn chán cảnh gia đình hoài. Ba mẹ tao thương nó như con nên vẫn an ủi nó. Vậy mà tới lúc chán quá nó cũng bỏ nhà ra đi. Lúc đó nó chưa học xong trung học. Chẳng biết nó đi ở lây lất với bạn bè ở đâu. Bố mẹ nó ở nhà lại càng cãi lộn, đánh lộn nhau dữ hơn. Người nọ đổ lỗi cho người kia. Cuối cùng hai ông bà xa nhau. Gia đình có ba người thì mỗi người một nơi. Một bữa đi trên đường Sainte Catherine tao tình cờ thấy Diễm tụ tập với một lũ *hippy* trai có gái có, mặt mũi đứa nào đứa nấy trông ngầu dễ sợ. Con nhỏ định chạy tránh mặt tao nhưng tao lớn tiếng kêu. Chẳng biết nghĩ sao nó đứng lại chăm chăm nhìn tao. Mắt nó đỏ lên như muốn khóc. Đã bao giờ mày thấy một con nhỏ quần da áo da, người thì đeo vắt vẻo đủ thứ dây nhợ, đôi kính đen gác lên trên mái tóc cắt thẳng đứng như cái bờm ngựa nhuộm lổ chổ đủ màu đứng khóc không ra tiếng chưa? Thấy thảm lắm!

Tôi cắt lời Trang:

- Tao nhớ ra rồi. Hồi nãy tao thấy ngờ ngợ mà không nghĩ ra. Tao trông thấy Diễm đứng với tụi băng đảng trên đường Sainte Catherine nhiều lần lắm. Tao cứ tức anh ách không biết con cái nhà ai mặt mũi xinh xắn như vậy mà đi hoang cho uổng cuộc đời. Hóa ra là Diễm. Rồi sao mà Diễm lại... hiền lại vậy?

Trang trợn mắt:

- Ở đó mà hiền! Mày thử đụng tới nó coi. Dù sao được như bây giờ đã là cả một phép lạ. Nó không nói gì nhiều với tao. Những chuyện buồn ngày cũ và những chai đá của những ngày đi bụi đã khiến con nhỏ làm biếng nói năng. Đại khái nó chỉ bảo là có những lúc buồn chán quá độ nó chỉ muốn uống một lọ thuốc ngủ nằm yên cho xong chuyện, nhưng nó không có can đảm tự kết liễu đời mình. Chết không được nhưng sống cũng như chết. Cuộc sống bít bùng như trong một cái chai nút kín. Diễm nói với tao là trong một lúc ngập ngụa với rượu và khói cần sa nó bỗng cảm thấy hết cái trống rỗng và chán chường của cuộc sống. Và chẳng hiểu do một nghị lực phi thường nào đó bất chợt ào tới nó đã tự nâng mình đứng dậy. Bỏ đám bụi đời, tự tạo cho mình một cuộc sống riêng vừa làm vừa học. Ý chí sắt đá đẩy nó phăng phăng đi tới. Bây giờ nó đang học luật đấy.

Tôi ngỡ ngàng trước những lời nói của Trang. Có ai ngờ người con gái tưởng mảnh mai như dáng liễu mà lại vững vàng như tàng thông. Tôi hỏi mà nghe như không phải mình hỏi:

- Học luật à?

Trang tựa khuỷu tay vào hai đầu gối thả đôi bàn tay nắm chặt trước mặt

trả lời bằng cái giọng tàng tàng:

- Ừ, con gái mà học luật nghe cứng ngắc. Hỏi thì nó bảo học luật để đấu nhau với cảnh sát. Chắc nhỏ này đã có nhiều ân oán với cảnh sát lắm.

Tôi nhói người khi nghĩ tới những bất hạnh trùm kín đời Diễm. Tôi thấy thương cái dáng người đang leo lên những bậc thang. Chiếc túi đeo lưng ơ hờ quàng vào một bên vai, chiếc mũ lưỡi trai kéo sụp xuống sát đôi kính râm to bản, cả khuôn mặt chỉ còn cái miệng đang mút que kem nâu có những vẩy đậu phọng nằm san sát bên nhau. Nụ cười mát như que kem đang bốc khói vương vất trên môi:

- Định mua kem cho hai anh nhưng nghĩ hai cái miệng uống la de mà ăn kem thì phí cả la de lẫn kem nên mua tạm cho mỗi anh một gói *chip* nhai cho đỡ buồn đây.

Diễm mở túi lấy ra hai gói *chip* thảy vào tay tôi và Trang rồi tiện tay quơ cái ống nhòm đưa lên mắt. Một tay cầm ống nhòm, một tay giữ que kem, chiếc miệng cắn gượng nhẹ từng miếng kem bốc khói, Diễm đảo một vòng nhìn quanh sân. Hai đấu thủ đang ngồi nghỉ dưới hai chiếc dù lớn. Mấy cô cậu nhặt banh giờ đây đã đổi *job* thành một đám hầu cận vây quanh hai ông vua trên sân đấu. Đứa cầm dù, đứa đưa khăn, đứa lấy nước, đứa đứng nghiêm trước mặt chờ sai bảo. Diễm cất tiếng cười khan:

- Trông Chang đã chưa! Một đám Tây con vây quanh hầu hạ, đứa nào đứa nấy mặt mũi vừa nghiêm trang vừa hớn hở. Mình cũng thấy đã nữa phải không anh? Một tên da vàng mũi tẹt trông oai vệ phát khiếp. Lọt vào hàng ngũ mười cao thủ quần vợt thế giới chứ ít sao. Từ trước tới giờ đã có dân Á Đông nào lọt được vào chốn cao sang đó đâu. Chang là người đầu tiên và cũng là người duy nhất làm được việc này. Phải có một ý chí sắt đá, một nghị lực phi thường mới làm nổi như vậy. Anh có thấy gia đình Chang ngồi kia không?

Diễm không chờ câu trả lời. Nàng đưa cặp ống nhòm cho tôi. Đôi tay tôi giữ vững ống nhòm trên mắt lúng túng chưa nhìn rõ được gì. Tiếng Diễm thoảng bên tai:

- Phía góc phải trong *loge* thứ hai đó.

Dãy *loge* chung quanh sân được phủ bằng vải đỏ chói chang làm mắt tôi hoa lên vụng về tìm kiếm. Diễm chừng như đoán được sự lúng túng của tôi. Nàng đặt tay lên cánh tay tôi kéo về phía phải. Những khuôn mặt lấp loáng chạy nhanh trong hai ống kính chập chờn khiến mắt tôi phát mệt. Bàn tay Diễm giữ tay tôi cứng ngắc với câu hỏi cũng cứng cỏi không kém:

- Thấy chưa?

May phước cho tôi, ba khuôn mặt Á Đông ló có chút xíu lên khỏi khung vải đỏ in hình trên ống nhòm. Ông bố của Chang chồm người ra phía trước đôi mắt bất động nhìn thẳng như thôi miên trái banh đang lồng lộn dưới sân. Mẹ Chang vẻ mặt căng thẳng hồi hộp ngồi nhấp nhổm không yên. Cặp kính

đen to bản của ông anh Chang như muốn che lấp những tính toán của một ông bầu đang cố giữ bình tĩnh bằng cái miệng nhóp nhép nhai kẹo cao su không ngừng nghỉ.

Diễm kéo tay tôi:

- Anh thấy ông bố có vẻ là một người ưa dùng roi vọt với con cái không?

Lại cái gì nữa đây? Diễm quả là một người làm tôi hụt hơi không theo kịp cái đầu nàng. Tướng mặt ra sao là tướng có dính dáng đến cây roi? Tôi có bao giờ là thầy tướng đâu mà biết. Nhưng mấy ông phong kiến Trung Hoa chẳng biết đâu mà nói. Cũng dám chơi trò nhịp nhịp chiếc roi mỗi lần dậy dỗ con cái lắm. Cái đầu tôi chẳng thể loanh quanh được. Chỉ có mỗi một đường là xếp hàng đi theo cái đầu của Diễm cho chắc ăn. Tôi mở miệng như một nhà phát minh vừa nảy ra một ý tưởng mới lạ:

- Trông mặt cũng có vẻ gian lắm!

Diễm bằng lòng ra mặt:

- Lúc nhỏ chắc anh chàng Chang có cái vụ trốn học đi chơi quần vợt và nhận được vô số đòn phạt của ông bố. Cha mẹ Á Đông mình ai cũng trọng việc học muốn thúc đẩy con cái học thành tài chứ đâu có muốn con chơi cái trò đổ mồ hôi này. Nhưng Chang cứ trì chí thực hiện mộng ước của mình, cái mộng viển vông hầu như chẳng có cách nào thành được. Thế mà cuối cùng Chang đã thành công chen vai thích cánh leo lên ngôi vị chỉ có người Âu Mỹ nắm giữ được từ trước tới giờ.Số dách thiệt!

- Diễm nghe ở đâu chuyện thiếu thời của Chang vậy?

Mặt Diễm đỏ lên:

- Có ai nói đâu! Đấy là Diễm tưởng tượng ra như vậy đó chứ. Mà chắc đúng anh ạ. Mình có ý chí, có kiên nhẫn chắc chắn mình sẽ thành công phải không anh?

Tôi chợt hiểu tâm trạng Diễm. Nàng đã chui từ dưới hầm lên và đang cố trèo lên những bậc thang đời. Cái đích của nàng còn nằm trên cao. Cuộc leo trèo vất vả cần nhiều ý chí và nghị lực. Nàng sợ bị hụt hơi. Nàng thấy nơi Chang một tấm gương để nàng vững bước đi tới. Tôi nhìn sang Diễm. Dáng ngồi co rút của nàng trông thật ái ngại. Giọng Diễm chậm rãi rời rạc:

- Dù sao Chang còn có một gia đình để chia xẻ những phút giây huy hoàng.

Tôi nhìn thấy nét thảng thốt bối rối trong mắt Diễm. Lòng tôi chùng xuống. Nếu có một giọt nước mắt ứa ra từ đôi mắt ơ hờ kia có lẽ sẽ làm tôi dễ chịu hơn. Nỗi buồn tủi bị cuộn lại bên trong mang cái vẻ tức tưởi khó chịu. Người tôi nhàu nát xốn xang.

Tiếng vỗ tay vang dội như một sợi dây kéo tôi ra khỏi đám mây muộn phiền. Korda vừa cứu được trái banh chót của trận đấu. Trọng tài lại yêu cầu mọi người giữ yên lặng. Chang ưỡn người lên cắn răng giao banh. Korda như con thú bị dồn tới đường cùng mặt căng lên thách thức. Anh trả banh hóc

hiểm tới hai góc sân làm Chang nháo nhào bổ sang trái sang phải như một cái máy. Cả chục ngàn khán giả ngồi yên lặng treo tim lên theo dõi những giây phút sôi động cuối cùng của trận đấu. Trái banh như một đường đạn xẹt qua xẹt lại nhanh đến chóng mặt. Diễm lặng thinh ôm cứng chiếc ống nhòm đảo qua đảo lại, đôi môi mím chặt như muốn nhốt cơn hồi hộp trong người. Tiếng kêu tiếc rẻ vụt ra từ cả chục ngàn cái miệng tạo thành một âm thanh trầm buồn khi đường banh của Korda mắc vào lưới. Mọi người hăng hái đứng dậy vỗ tay khen ngợi Chang. Diễm nhảy cẫng lên vỗ tay lia lịa như muốn trút tất cả nỗi mừng vui ra ngoài. Nàng xòe bàn tay sang tôi chờ đợi chia xẻ nỗi thích thú. Tôi giơ tay lên đập vào tay Diễm. Diễm chồm lên ôm lấy tôi rồi vội vàng quay ngược lại ôm Trang.

Dưới sân Chang đứng giơ hai tay lên trời quay vòng quanh sân gửi niềm vui lên khán giả. Ánh đèn *flash* chớp lia lịa quanh Chang như những ánh đèn chớp tắt của một ngày hội. Diễm đưa cho tôi cặp ống nhòm:

- Anh nhìn cặp chân của Chang coi có thấy đã không?

Cặp chân to như cặp chân voi u lên từng bắp thịt hiện rõ trước mắt tôi. Cặp chân đã giúp Chang chạy ngược xuôi khắp nửa sân trong suốt ba giờ thi đấu. Tôi nghĩ thành công của Chang có lẽ nằm trong đôi chân chạy không biết mệt này. Diễm ngẩng mặt chờ câu trả lời của tôi. Chiếc nốt ruồi son bên bờ quai áo mỏng manh cuốn chặt cặp mắt tôi. Tôi như chết mê chết mệt với ý nghĩ làm sao vuốt nhẹ được giọt mực đỏ quyến rũ. Mắt tôi dại đi. Tôi mơ hồ nghe tiếng Diễm dục dã:

- Thấy đã không anh?

Câu hỏi lập lại của Diễm bóp thắt tim tôi. Tôi nhìn sâu vào mắt Diễm. Trong cái đầu xinh xắn này có cặp giò của Chang ngổn ngang bít kín sao? Tôi bỗng đâm ra ghét ngang cặp chân cục mịch u nần. Tôi cười nhạt :

- Hóa ra Diễm mê cặp chân của Chang à?

Mặt Diễm bừng đỏ. Cả người nàng run lên giận dữ. Đôi tay nàng bóp chặt như muốn bay lên mặt tôi. Chết cha! Sao tôi lại u mê ám chướng đến như vậy. Biết làm sao để cứu vãn tình thế đây. Diễm gằn giọng như một chính khách đọc tuyên ngôn:

- Anh mà biết cái gì! Cho anh hay là cái đầu tôi đi xa hơn đầu anh nhiều. Tôi thấy trong cặp chân Chang tất cả cái bền bỉ của nghị lực để Chang đương đầu với cuộc đời.

Bản tuyên ngôn ngắn gọn chấm dứt bằng cái đuôi tóc ngoe nguẩy bỏ đi. Tôi vội bước theo Diễm xuống bậc thang. Trang đeo sát tôi như thể người tôi đầy ắp mùi phở. Chen mờ người theo đoàn người ùn ùn kéo ra tới cửa, tôi chặn Diễm lại:

- Diễm! Cho anh xin lỗi!

Mắt Diễm đốt bỏng mắt tôi. Tôi cười cầu tài dụ dỗ:

- Đi ăn phở với tụi anh nghe!
- Cám ơn! Tôi không có dư thời giờ. Mà ai anh em với ông vậy?

Tôi lúng túng như một tên không biết bơi quờ quạng trên mặt nước. Làm sao giữ được Diễm bây giờ? Tôi nhìn sang Trang. Mặt hắn bơ bơ ngước nhìn hàng cờ đang uốn lượn trong gió. Nhờ cậy gì được hắn. Tôi hoảng hốt chạy theo Diễm. Em ơi, em như trái ớt xanh tươi nằm trên đĩa rau giá trong tiệm phở. Biết là ăn vào sẽ cay xé lưỡi nhưng không ăn thì làm sao mà chịu nổi. Còn nước còn tát. Tôi tát tới gầu nước cuối cùng:

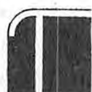
- Diễm cho anh số phôn của Diễm nghe!

Diễm dừng chân dõng dạc nói:

- Anh hãy về tập cho đôi chân rắn rỏi như chân Chang rồi hãy nói chuyện sau.

Tôi nhìn xuống cặp giò ngo ngoe khỏi ống quần ngắn. Thở dài!

SONG THAO



TRIỀU HOA ĐẠI

hạnh ngưu

Chưa lên, hỏi kịp
bình minh
đợi ngày
thoắt đã, rợn tình mây mưa
kìa em
nhật nguyệt chia lìa
về thôi liễu úa
ngăm chia mặn nồng
ngang đây
ta hỏi dòng sông
ghe xuôi, thuyền ngược
buồn lòng
Hạnh Ngưu

TRIỀU HOA ĐẠI



TÂM MINH

khu rừng cõi xa



Sau khi tiễn khách ra cửa, tôi bồi hồi mở gói quà mẹ tôi vừa gửi từ Việt Nam qua, chẳng có gì ngoài một ít trà cho H, một bịch mứt hạt sen cho tôi, còn chiếc bánh tét (mẹ tôi không biết gói bánh chưng) thì người khách cho biết đã bị vứt trong sọt rác ở phi trường. Cuối cùng trong chiếc phong bì kèm theo lá thư thăm hỏi là một bộ cúc bằng bạc.

Bộ cúc này tôi đã cố tình bỏ quên lại nhà khi thu xếp ít đồ tế nhuyễn để qua đây đoàn tụ với H. Hôm tôi đi khám sức khỏe lần đầu, nghĩa là ngày đi cũng gần kề với những bịn rịn bắt đầu nhen nhúm trong lòng kẻ sắp ra đi và những người thân ở lại. Tối đó tôi đã ngủ lại với mẹ và cùng bà nghe cuộn băng hát bằng tiếng Thái của bà bạn mẹ tôi gởi từ Mỹ về. Chẳng còn ai chia xẻ với bà được bằng tôi trong đám con cái của bà. Mấy người em trai lớn lộc ngộc, bù đầu với những công việc cơm áo, tất ta tất tưởi chạy băng qua nỗi niềm cô đơn cùng những khát vọng của bà. Chỉ có tôi, với ý nghĩ đem lại một chút niềm vui cho mẹ lúc tuổi già, chịu khó lắng nghe tâm tư tình cảm của bà đối với tình tự quê hương dân tộc qua tiếng hát Thái này.

Lúc buổi cơm chiều, khi mẹ tôi còn bận tiếp thêm một món ăn dưới bếp, tôi đã được nghe các em tôi thì thào về chuyện mấy ngày nay trời nóng nực lại bị mẹ tôi "tra tấn" suốt ngày với cuộn băng hát Thái. Tôi và Đạt nhìn nhau cười. Cái cười của Đạt vẫn bao dung làm tôi ấm lòng. Có lẽ Thuận ấm ức nhất vì không được nghe nhạc Disco, lên tiếng:

- *Y như đám ma bà Phò.*

May mà tôi kịp "suỵt" một tiếng trước khi mẹ bước vào. Bà vừa tiếp thức

ăn cho tôi, vừa đề nghị tôi ngủ lại đêm nay với Bà. Tôi chưa kịp dặn các con sợ chúng mong nhưng nhìn những sợi gân tay to đùng đan dọc theo bàn tay đang run run làm sóng sánh hắt một vài giọt canh ra ngoài chén cơm của tôi. Tôi không nỡ từ chối.

Trong đêm, bên cạnh mùi hương ngai ngái quen thuộc của mẹ, bên tiếng ngân nga khi rền rĩ, khi thánh thót từ chiếc cassette bên gối, lời dịch thì thầm của mẹ bên tai đều đều làm tôi thiếp đi từng lúc. Tôi cố ầm ừ cho qua chuyện vì có lẽ cả ngày hôm đó tôi quá vất vả. Nhưng âm thanh và hơi hướm quen thuộc đã quyện vào cơn mê thiếp của tôi từng hồi đưa ký ức của tôi trở về thời con gái đi lần lần đến một cõi nào xa lắm của tuổi thơ...

Thật rõ ràng đâu đây chiếc bàn học, những đêm học khuya, nghe mẹ ngân nga nho nhỏ lúc ba vắng nhà. Trái bắp nướng vào một đêm hè oi bức, mẹ đem vào phòng cho tôi. Tôi nằm duỗi dài trên giường trong vùng tối, nhấy thật chậm những hạt bắp, ngắm nhìn gương mặt mẹ được rọi sáng bởi ánh hỏa châu. Chiến tranh đã đến hồi khốc liệt. Đêm đêm từ khung cửa sổ này vẫn rực sáng ánh hỏa châu được rải đầy từ xa, đâu như phía Đức Hòa, Đức Huệ. Tiếng pháo nổ vọng đến tận căn nhà ngoại ô của tôi sát miệt Ngã tư Bảy hiền. Cửa sổ của phòng tôi vì ngó ra một quãng đồng trống nên không được lồng khung sắt với những ô lập thể đẹp như những phòng khác. Chỉ là một khung cửa nhỏ với màng lưới B.40 được lắp vào tường. Đêm đó mẹ ngồi cuối giường, một tay víu vào lưới, mắt dõi nhìn thật xa xăm, mọi lần như vậy là lúc mẹ tôi ngồi thẫn thờ lo lắng cầu nguyện cho ba đang hành quân. Nhưng lần này, tôi biết mẹ đang thả hồn về tận Sơn La...

Câu chuyện kể của mẹ dắt tôi vào một rừng xanh núi thẳm với bạt ngàn hoa Ban trắng. Ở đó mẹ và các nàng sơn nữ đang rón rén từng đoàn lên rẫy. Đương nhiên là phải rón rén thôi, tôi nghĩ như vậy vì chiếc váy được quấn chặt quanh hông tạo dáng thần tiên cho các nàng, thì bước đi lên rẫy lên nương cũng sẽ nhịp nhàng uyển chuyển như vũ điệu cung đình. Chiếc gùi sau lưng các nàng được chứa đầy vải vụn và sợi chỉ đủ màu sắc, để những giờ nghỉ trưa, dưới tàn cây hoa Ban, các nàng ngồi thêu khăn và may quả Còn (trái banh vải có cả chục cái đuôi dài được nối bằng những đoạn vải đủ màu) sửa soạn cho ngày hội xuân. Hội của trai bản, gái làng có dịp gặp gỡ. Trên một đồi cỏ rộng, trai bản một bên, gái làng một bên. Họ tung và hứng những quả Còn, trai thua bị phạt rượu, gái thua đền khăn thêu, cứ thế hết vò rượu này đến vò rượu khác và từng chiếc khăn được trao. Từ đó tiếp đến những lời tỏ tình ve vãn bên suối, bên bếp lửa nhà sàn.

" Nàng ơi,
Bên bếp lửa ngồi thêu
Chỉ màu gì lên váy?
Ngửa bàn tay hoa nở

Úp bàn tay sao rơi... "

Một ánh hỏa châu thật gần hắt thẳng vào mắt mẹ tạo thành tia chớp rực rỡ lúc bà đang ngân nga, khiến tôi cảm thấy nóng trong người như ở kề một đống lửa và tôi có cảm tưởng bà sắp xé tan được màn lưới B.40 và chạy ra ngoài ô cửa - nơi đó núi đồi xanh thẳm đang mời gọi bà. Tiếng "khèn" như vang thật rõ bên tai. Bất giác tôi mở miệng ngân theo: *"Náng a à... Náng ơi ơi ới"*.

Tiếng ngân của tôi ngang phè và lạc cả giọng làm cả hai mẹ con bừng tỉnh và phá ra cười. Nhưng tia mắt của mẹ vẫn nồng ấm và say sưa. Mẹ trở vào phòng của bà, ôm đến giường tôi một cái hộp sắt tây cũ rỉ và mở ra lục lọi trong đống đồ lụn vụn nào vòng đá, hoa tai, xuyến bạc, lấy ra bộ cúc bạc hình con bướm xòe cánh được chạm trổ thật công phu. Bộ cúc bạc này được kết dính vào một cái áo bé tí mẹ vẫn thường cho tôi mặc đóng trò uốn éo với mẹ khi tôi còn bé, mỗi lần ba hành quân xa. Đến lúc ấy khi đã có một phần trí khôn, tôi mới được nhìn ngắm lại và hiểu được phần nào vì sao mẹ tôi lại yêu dân tộc Thái của bà đến thế. Tối đó, tôi hứa với mẹ là sẽ mặc một bộ đồ Thái với hàng cúc bướm bạc để mẹ tôi ngắm khi tôi lên xe hoa về nhà chồng.

Lúc xưa mẹ được ba cưới làm vợ sau lần đóng quân tại Sơn La ít tháng. Được đưa về sống ở Hà Nội và ba muốn mẹ hòa nhập với xã hội mới trước hết là từ cách ăn mặc, nên bộ cúc bạc này đã cất kỹ từ đó, chỉ được đem ra cho tôi đóng tuồng vào lúc ba xa nhà. Tôi lớn dần lên, trôi nổi theo ba khắp bốn vùng chiến thuật. Hết trường đầm lại trường Việt, cuộc sống cuốn hút tôi theo từng trào lưu, bộ cúc bạc tưởng chừng như mất tăm trong ký ức.

Dân tộc Thái chỉ còn hình thành trong tâm não tôi qua những lời nói tiếng Việt ngọng nghịu của bà, tôi vẫn sửa cho bà từng cách phát âm vì bà thường hay nói *"mớ"* thay vì *"mỡ"*. Dấu ngã của bà nói ra thành dấu sắc hết. Tôi còn khuyên bà nếu thảng thốt thì kêu "*trời ơi*" hoặc "*chết rồi*" là được, không cần phải kéo dài giọng *"chết thôi...lớ"*, "*pha...phà...ới*". Sau này khi không đủ thời giờ chăm cho chồng con, bà dẹp luôn việc nấu cơm nếp riêng cho bà, lúc ấy bên cạnh tủ ăn của nhà tôi mới không còn thấy treo toòng teng một cái giỏ xôi nếp nữa. Bà tự an ủi bằng câu: *"Nếp ở đây không giống nếp xứ Thái"*.

Thỉnh thoảng cũng có vài bà bạn Thái từ Tùng Nghĩa đến chơi. Nghe họ nói tiếng Thái líu lo như chim hót. Tôi nghĩ tới hình ảnh mẹ tôi khi ở trên máy bay nhìn xuống ánh đèn lập lòe dưới vùng trời Hà Nội đã thảng thốt hỏi ba tôi: *"Ối...con gì mà nhiều quá vậy?"* vừa buồn cười, vừa tội nghiệp.

Dẫu sao cũng có một chút gì đó dấy lên trong lòng khi tôi nghe bà ngân nga nho nhỏ điệu ru muôn thuở của bà. Một cái gì thật thân quen như thuở tôi còn nằm "*địu*" trên lưng bà. (Bà vẫn thường dỗ con ngủ theo cách ấy). Đã có lần tôi cắt bức tranh cô gái Thái đứng cạnh căn nhà sàn trong tờ báo Thế Giới Tự Do đem dán gần kế cửa sổ phòng mẹ. Những ngày ấy mẹ hạnh phúc

nhiều. Riêng tôi, tôi nghĩ như vậy cũng là để bù đắp một chút thiệt thòi của bà. Chỉ đơn giản thế thôi.

Tôi đã không chiều bà, vì bà không được nhìn thấy tôi lên xe hoa trong bộ đồ Thái với hàng cúc bạc. Em gái út tôi quá bé và sau này khi cô đi lấy chồng thì trong cảnh sống tối tăm đói khổ, mẹ tôi không còn tha thiết đến nhu cầu ấy nữa. Với lại em gái tôi hệch hạc vô tâm nên mẹ tôi không thể gởi gấm tâm tư tình cảm nhiều.

- Minh ơi, còn thức không con?

Tiếng gọi của mẹ làm tôi chợt bừng tỉnh:

- Dạ thức, bài hát hay quá mẹ nhỉ?

- Ừ, mẹ lấy bộ cúc bạc đưa con đem may áo nhé, lên máy bay mà mặc như vậy chắc đẹp lắm!

Tôi phân vân:

- Không biết phọọc người của con còn mặc được không? Phải eo thật thon mặc mới đẹp.

Bà không nói không rằng, chui ra khỏi mùng, bật điện và mở tủ lấy ra hộp sắt rỉ. Bà cầm chiếc áo nhỏ xíu ướm lên cổ tôi để ngắm hàng cúc bạc. Tôi như sống lại ngày nào thời lên năm và như mới vừa hôm qua thôi hình ảnh đêm hỏa châu nằm tâm sự với mẹ. Tôi thật sự cảm xúc reo lên "*đẹp quá!*" và không như một phụ nữ quá 40 tuổi đầu, tôi nhảy chân sáo đến rút tấm khăn trải bàn quấn chặt quanh lưng, rồi nghiêng người hỏi mẹ:

- Còn được chứ mẹ, đâu có mập mấy mẹ nhỉ?

- Được chứ, có thua gì con gái đâu?

Hai mẹ con dùng lưỡi lam cắt hết bộ cúc bạc ra khỏi chiếc áo cũ và gói vào tờ giấy, đem cất kỹ vào túi xách để vài ngày nữa tôi sẽ cho may vào bộ áo Thái mới. Sau đó chúng tôi tắt đèn và ngủ vùi thật sâu. Chắc mẹ mơ trôi về vùng Sơn La, còn tôi, một giấc ngủ thật êm y như thời con gái...

Tiếp đến là những ngày bộn bề với những thủ tục giấy tờ, toan tính sắp xếp. Tôi không có thì giờ để may một bộ đồ Thái. Nói đúng ra thì tôi ngại không muốn làm một *"Sơn nữ Phà Ca"* khi bước xuống phi trường Sydney. Một đôi lần mẹ nhắc, tôi ậm ừ cho qua. Ánh mắt mẹ thoáng buồn.

Ngày mẹ và tôi lên Đà-lạt chơi để thăm lại bà con trước khi rời quê hương. Mẹ ngồi bên tôi, cạnh cửa sổ, gió làm vài sợi tóc bạc dán chặt vào gương mặt đã sạm đen vì đồi mồi của mẹ. Tôi bùi ngùi nghĩ đến phút chia tay... Bỗng mắt mẹ ngời sáng, mẹ reo lên:

- Kìa, Minh ơi...con xem chân đồi kia giống y hệt chỗ mẹ dừng chân nghỉ mỗi lần đi tắm suối về. Nơi lưng đồi là ngã ba, một đi lên bản Mèo, một đi ra thác Nặm Giôc.

Xe chạy ào ào, gió vùn vụt nên tôi không nghe được gì thêm, chỉ thấy tiếng lục cục trong cổ bà. Với lại tôi không quan tâm đến lời bà kể. Qua ánh mắt

bà, tự nhiên tôi nhớ đến một truyện ngắn mà tôi đã đọc lâu lắm rồi. Chuyện kể về một con sói được người bắt đem nuôi từ nhỏ, được thuần hóa bằng những thức ăn nấu chín. Nó đã ngoan và dễ dạy như chó nhà. Nhưng một đêm mưa tuyết, khi chủ nhà đốt một chút củi để sưởi thì dưới ánh lửa bập bùng, không hiểu vì sao, dường như có tiếng réo gọi thiêng liêng từ nơi hoang dã, con sói cất cao tiếng hú gọi bầy và chạy vụt lao ra màn đêm giữa làn tuyết lạnh. Sự liên tưởng khiến tôi tự nhiên nắm chặt lấy tay bà, bàn tay ấy đang nóng rực.



Buổi tối ở phi trường Tân Sơn Nhứt. Trong tà áo dài màu vàng nhạt, tôi nghĩ đến ánh mắt H. Còn nửa vòng quay đồng hồ nữa, chúng tôi sẽ hạnh ngộ sau bao ngày xa cách. Tôi muốn H gặp lại nơi tôi những gì chàng yêu, chàng thích.

Trời lạnh, dù tôi đã khoác thêm áo len của tôi cho mẹ, mẹ vẫn run run trong vòng tay tôi. Không ngờ vai mẹ gầy đến thế. Tôi nghẹn ngào nhìn gương mặt của bà trong bóng tối được hắt bởi ánh đèn từ xa. Lấp lánh những lần nước mắt đan dọc ngang theo những nếp nhăn. Bà hiểu rõ tuổi già của bà và tâm trạng của tôi, một kẻ chối bỏ sau lưng tất cả để lao vụt về phía trước.

Lúc có một bàn tay gỡ rời hai mẹ con, tôi mới hoàn hồn lững thững đi theo từng thủ tục giấy tờ. Tất cả mọi cảm giác đều nhòa đi mờ nhạt như tấm phông trắng. Tôi bước vào phòng kính như bước vào một cơn mơ...

Tiếng gầm rú của máy bay đưa chúng tôi lên cao, đã vài lần đi máy bay nhưng lần này tôi có cảm giác rất lạ. Y như thân thể tôi được nhấc bổng lên, nhưng ruột gan thì bị kéo xuống. Nó tạo cảm giác rỗng tuếch trong cơ thể và buốt lạnh toàn thân. Tôi mở mắt nhìn trừng trừng xuống muôn triệu ánh đèn phía dưới. Tự nhiên hình ảnh mẹ trong bộ váy Thái bước xuống phi trường Gia Lâm Hà Nội ngày mới hoài thai tôi hiện lên thật rõ ràng... *Mẹ ơi, ngày nào mẹ xuống núi sanh con nơi đất nước này, cho con uống nước sông Hồng Hà, Cửu Long rồi cuối cùng hôm nay cũng từ đó con bị cuốn trôi đi, chặt phăng mọi gốc rễ.*

Khi tất cả phía dưới chỉ còn là một vùng tối với những mảng sáng mờ nhạt trông như một cánh rừng thâm u. Tôi nhắm mắt lại và tất cả những gương mặt thân quen hiện ra rất rõ ràng. Lần lượt từng khuôn mặt tiếp nối hiện ra trên màn ảnh là tấm phông trắng ký ức tôi. Khi khuôn mặt cô bạn thân Thanh Nhã hiện ra. Tự nhiên tôi thấy như tất cả mọi hình ảnh trước đều là những con vật nhảy múa quanh tôi trong một cơn cháy rừng và tôi như một con nhím bị thương, trụi lông bị hất văng ra khỏi khu rừng... Tôi đã bị ám bởi cái giọng triết lý gàn của Nhã đến như vậy sao?

Tôi gặp lại Thanh Nhã vào một buổi trưa hè nóng cháy cách đó không lâu. Tôi đang ngồi bán một sạp hàng dưới một tàn dù lấm tấm rách. Lúc

ngước mặt lên để nhìn người khách hàng, tôi bắt gặp ánh nhìn thật sâu như tìm kiếm ngờ ngợ một điều gì:

- Xin lỗi chị ngày xưa chị học ở...

Tôi hơi so vai nhíu mày chờ đợi, bà khách ngừng nói ngập ngừng giây lát chợt vỗ mạnh vào vai tôi:

- Minh đấy phải không? Vẫn cái kiểu ngẩn tò te như ngày nào...

Khỏi cần đợi tôi gật đầu, Thanh Nhã tiếp tục một lô một lốc những câu hỏi dồn dập.

Thanh Nhã đấy, cô bạn thân từ thời trung học. Bề ngoài nó đổi thay nhiều nhưng tính cách thì y như vậy.

- Mày thấy tao ra sao? Mày vẫn vậy, lúc nào cũng ngố như mán rừng.

- Ừ, mày thì thay đổi hẳn.

- Phải rồi, ngày xưa *thanh* mà không *nhã*. Bây giờ hoàn toàn chẳng *nhã* cũng không *thanh* phải không?

Tôi bật cười vì lối nói của Nhã. Ngày xưa trong lớp, cô học trò thông minh mang cái tên Thanh Nhã, biệt danh "Nhã Triết" luôn làm điên đầu các bà giáo vì cái tật ồn ào hay nói chuyện. Điểm hạnh kiểm bị trừ hoài không làm giảm đi cái khả năng gây ồn và xách động những cơn nghịch của lũ chúng tôi. Ngày nào vắng nó là lớp học lắng hẳn lại nhưng mất vui.

Theo lời yêu cầu của Nhã, tôi dẹp hàng để đưa nó về thăm các con tôi và sẽ dành cho nhau suốt buổi chiều này vì hôm nay Nhã rảnh rỗi.

Chúng tôi nằm lăn trên sàn gỗ nơi tôi nới rộng thêm ra trong căn phòng tận lầu ba chung cư, phía dưới sàn nơi chúng tôi nằm là dãy cầu thang phụ bỏ hoang và mùi khói bếp từ dưới xông lên mang theo mùi đồ ăn sực nức.

Chiều nay tôi chẳng cần phải nấu nướng gì. Các con tôi đã được cô Nhã phát tiền nên vui vẻ rủ nhau ra quán. Còn lại tôi và Nhã, chúng tôi no nê với những kỷ niệm.

- Sao mày không tìm tao, tao không ngờ mày khổ đến thế này. Tao mong gặp mày ghê lắm. Bạn bè ai lại nỡ bỏ nhau.

- Tao biết, những thành công của mày lớn quá, làm sao tao không biết mày ở đâu. Nhưng mà tao và mày cùng thay đổi nhiều. Tao nào dám gõ cửa nhà mày, tao đã mất mát nhiều.

Nhã móc bóp rút ra một điếu thuốc mời tôi, tôi lắc đầu nhẹ, nó đưa lên môi, bật quẹt rồi xa vắng:

- Minh à, mày tưởng tao không mất mát nhiều sao? Mày thì mặt sa mày xám, còn tao để được như thế này, mập mạp béo tốt đi xe hơi ở nhà lầu, tao cũng phải mất mát nhiều lắm.

- Mày cũng giỏi ghê chứ, trong đám bạn bè, mày thành công nhất. Mày làm sao mà hay vậy?

Nhã chu mỏ thở ra một vòng khói tròn:

- Từ ngày Toàn bỏ xác ở trại tù Phú Khánh, tao làm gì để nuôi con? Điều đó dễ thôi. Mày biết Hồ Ly Tinh không? Mỗi một con đàn bà mình đều là một con Hồ Ly Tinh dễ biến hóa. Bất cứ một con đực nào, dẫu là sói, cọp, beo hoặc chồn cáo đều phải khuất phục trước giống cái của nó. Con Hồ Ly Tinh sẽ dễ dàng biến dạng để nắm đầu chúng nó. Bí quyết thành công của tao đơn giản thế thôi. Khi chồn cái, khi cáo cái, nếu cần thì cọp cái... Hôm nay tao làm thỏ cái với mày, khỉ à! Mày biết con thò lò sáu mặt không? Phải quay như thế mới sống nổi trong xã hội này.

- Vậy sao?

Tôi thẫn thờ nhìn theo vòng khói mà "Nhã triết" nhả ra... Vậy sao? Vậy sao? Tôi đã quên đi cái bản năng Hồ Ly Tinh trong tôi. Tôi đã là con gì để sinh tồn bấy lâu nay? Con nai què chân hay con hươu với sừng tê giác? Con lạc đà đầu lừa hay con thỏ lông nhím? Tôi có giống một con giáp nào không? Và thằng con trai ốm yếu của tôi có phải là con thỏ non đã chết vì thiếu cỏ?

Tôi ứa nước mắt nghĩ đến H. Ngày anh ra đi, dáng anh khập khiễng như con ngựa què... Anh nói, *nếu đắm tàu thì coi như chết khỏi lo chạy tiền mua hòm chôn!* như... một giải thoát cho tôi mặc tình bay nhảy...

Tôi lịm đi và mệt mỏi đến độ không đi ăn tiệm được cùng Nhã. Nó bỏ lại dưới gối một xấp tiền rồi ra về. Từ đó tôi cứ lẩn thẩn hoài với mớ triết lý vụn của nó và mong chóng tới ngày gặp lại H như mong tìm gặp lại chính bản thân mình.

•

Cơn mê cháy rừng ru tôi vào một giấc ngủ thật đỏ rực. Và tôi bước xuống phi trường Sydney với một hình ảnh thật rõ ràng còn xót lại sau cơn mộng - mẹ tôi là con mèo già nằm vùi bên đống tro tàn lạnh.

Đám tro tàn ấy thực sự tan biến hết khi tôi gặp lại H. Niềm vui đoàn tụ tràn ngập làm tiêu tan hết những mệt mỏi chán chường. Bên cạnh H, với bó hoa cầm trên tay, tôi lâng lâng bước với một niềm vui khó tả. Không giống như ngày đầu tiên về nhà chồng vì khi xưa lúc ấy tôi làm mất tôi trong tìm kiếm hạnh phúc với H. Bây giờ tôi tìm lại được tôi và H cùng trong một hạnh phúc này.

Những nồng nàn của tình yêu làm hạnh phúc chúng tôi được nhân lên từng ngày. Tôi chân thành đón nhận tất cả những gì H đem đến cho tôi để bù lại những ngày xa cách thống khổ. Nhưng lạ thay... con tim tôi vẫn còn lạnh giá như một cục chì mới được lấy ra từ một lò rèn và ngâm ngay vào thau nước lạnh. Hạnh phúc này không làm nóng nổi một xác thân với con tim bằng chì và ruột gan đã bị đốt cháy hay sao, mà tôi lại thấy quanh tôi một làn hơi lạnh đến rợn người. Một màu thật buồn làm nền cho bức tranh đời tôi với đốm lửa hạnh phúc cháy sáng nhỏ nhoi ở một góc vẫn không tạo được một sắc màu nóng cho bức tranh được hài hòa tươi đẹp. Tôi nhớ đến những ngày

cùng H vất vả vật lộn với cuộc sống bên nhà. Những ưu tư lo nghĩ làm đôi lúc chúng tôi chẳng muốn nhìn nhau. Những đêm tôi ôm gối quay mặt vào vách giận hờn sau những chạy trốn của H vào từng cơn say rượu. H đã thở dài than thở: *"Tại sao chúng mình lại không tìm được hạnh phúc ngay trên chính quê hương mình?"*.

Những lúc ấy cơn khát vọng yêu đương trong chúng tôi cho dù đang bùng cháy mãnh liệt, đều bị chúng tôi thẳng tay dập tắt không thương tiếc vì nỗi ẩn ức từ những thất bại trước cuộc sống. Cho đến ngày H chấp nhận bỏ lại tôi và các con để đi tìm kiếm hạnh phúc cho chúng tôi với một niềm hy vọng mơ hồ cùng với ý nghĩ chấp nhận một cái chết.

Giờ đây, nỗ lực của H khi bù đắp cho hạnh phúc của chúng tôi vẫn không lấp đầy một khoảng trống vô hình trong lòng tôi. Tôi vẫn không ăn không ngủ được và cách tốt nhất là đổ thừa cho khí hậu. Tôi không quen khí hậu. Một buổi kia tự dưng tôi buột miệng trả lời H: *"Em không ăn được vì cơm ở đây khác cơm Việt Nam"*. Tôi đã vô tình lập lại câu nói của mẹ tôi thuở trước!

H thường nói là vì tôi vượt biên bằng máy bay, không trải qua những tháng ngày trong trại tỵ nạn nên không hiểu hết giá trị của hai tiếng Tự Do.

Thì ra thế! H không hiểu là tôi đã mất gì, cũng như ngày trước tôi không hiểu tại sao mẹ tôi lại suốt ngày hoài niệm về quá khứ rừng xanh của bà đến vậy. Những thờ ơ của tôi với niềm đau và khát vọng của bà trước kia thì nay được trả giá bằng sự lập lại nơi tâm tư tôi. Một sự lập lại nguyên vẹn và đau đớn hơn là ở tôi lại không còn một sự hoài niệm nào, vì rừng xanh của tôi đã bị bốc cháy. Nó đã đỏ rực ở dưới chân, ngày tôi bị hất văng ra khỏi. Sự xa cách không phải chỉ tính bằng cây số ngàn theo vật lý. Mà là sự xa cách muôn trùng diệu vợi chẳng đo được bằng cả không gian lẫn thời gian...

Bao nhiêu lâu nữa rừng xanh tôi mới sống lại... Hoài niệm của tôi về chốn ấy có bị những tháng năm mang mặt nạ sinh tồn làm lệch lạc méo mó đi những kỷ niệm, những ký ức và những con người hay không?

Bao giờ thì những con đường thân quen hiện hình nguyên vẹn những hàng cây. Góc phố cũ, nguyên vẹn âm thanh cũ, và bạn bè xưa mãi mãi vẫn là những người xưa, muôn thuở vẫn là những ngây thơ, những trong sáng và tràn ngập niềm tin... Bao giờ mặt nạ chồn cáo sẽ được bỏ xuống và không còn ngổn ngang những xác thỏ con chết gục vì thiếu cỏ...



Tôi nắm chặt bộ cúc bạc trong tay. Bộ cúc bạc tôi cố tình chối bỏ mà mẹ vẫn gửi cho tôi. Gia tài của mẹ cho, hôm nay tôi mới thấy quý giá vô ngần, tôi còn gì để lại cho con tôi? Những cái đó có nguyên vẹn và tốt đẹp như bộ cúc bạc này? Và các con tôi có nhận không? Hay phủi tay chối bỏ?

Nỗi đau đớn làm quặn lòng và tôi cảm thấy đau nơi tay, thì ra một cánh bướm sắc cạnh đã làm tay tôi rướm máu. Tôi rên nhỏ trong cuống họng và

hình như đâu đây từ trong sâu thẳm nơi tiềm thức vọng lại - tiếng hú của loài sói gọi đàn.

Rừng xanh tôi đâu???....

TÂM MINH
(Sydney - Tháng 3.1995)



LÊ THÁNH THƯ

nhật tụng

Trước loài hoa vô sinh
phủ trắng màu huyết dụ
ai ru lời cầu siêu xanh lá
có thể em
có thể không em

Ai khăm lụa ghé nhà
cười động bóng chim
ngực ngát khuya
run rẩy rơm vàng
để lại trong gió hơi hám đàn ông

Ngày riết róng mang đi
gương mặt ai
ẩn hiện lá non
vạch đường chân trời ngược sáng

Ngày cuồng chân
đá biếc đường đi
chẳng thấy gì ngoài mây trắng tượng hình
có thể em
có thể không em...

LÊ THÁNH THƯ
(Sàigòn)



LÊ BI

đọc thơ

Cả một tập thơ đôi khi nên đọc vài bài
thậm chí mỗi bài chỉ vài câu
chỗ còn lại là khoảng trống
đừng tới nữa
bạn mới đọc dòng đầu
thì ở dòng sau, người làm thơ đã đi rồi, đi xa, đi mất.

con số lẻ

Trái đất có chừng 4, 5 tỉ năm
từ khỉ vượn thành người, tuổi nhân loại chỉ là con số lẻ

Nhân loại có chừng vài triệu năm
từ thuở vua Hùng, cả dân tộc cũng chỉ 4 ngàn năm có lẻ
nên thời đại tôi bao dâu bể
trăm ngàn cuộc đổi đời
cũng chỉ là con số lẻ

Thế hệ tôi đã có bao người đã ngã xuống vì thù hận, niềm tin
kẻ sống sót, quá nhiều nửa điên nửa tỉnh
tôi và anh có vượt những lần ranh
cùng quay đầu liếm hết vết thương cho mẹ
cũng chỉ là con số lẻ

Nên có lấy tuổi đời trải lên trang giấy
có đọc ra hạnh phúc hay nỗi đau cách mấy
thơ tôi cũng chỉ là con số lẻ, thế thôi.

cái khát

Trên mặt đất lúc nào cũng có cái mất đi cái sinh ra,
tựu trung đã chật
anh càng ngày càng khát

đào chiếc giếng sâu lòng mình
mà không thể sống với bóng mình
muốn cắt từng chữ ra để tìm ra cái thật
cởi hết đời ra, đôi lúc bắt gặp, cái khát là em.

chỗ khởi đầu

Thời gian cho tôi tuổi nhưng thời gian không có tuổi
trong đôi mắt em, cho tôi nhiều điều mới,
nhưng không có chỗ khởi đầu
các dòng thơ tôi chỉ nhớ về chỗ cuối
để những câu hỏi ban đầu vẫn lấn cấn ở mai sau.

bước ở trên trời sàigòn

Lúc tôi nhớ ra trên không gian, người ta không thể kẻ ra
những con đường thẳng
sự thật cũng biến mất, cùng em
tôi đầu thai lại thành một người già, mò mẫn
tuổi thơ mình giữa một thành phố đã đổi tên.

điếu văn

Những bài thơ tôi viết ra
nhưng cũng là những bài thơ đã đẻ ra tôi
nghĩa, nghĩa
cả một thế giới mở ra
sức hút của những hạnh phúc khổ đau
thúc tôi bước tới.

Tôi bắt đầu biết sợ hãi
ngôn ngữ là một trái cấm
có khi là mật ngọt
có khi là lưỡi rắn
cắn môi vào những chỗ bất ngờ.

Tôi bắt đầu biết thèm một chỗ ở
ngôn ngữ là một màu cờ
tôi nói nhiều về mẹ
mà không thể tìm cho mình

một căn cước.

Tôi bắt đầu biết nhớ
ngôn ngữ cũng là khí trời
những chiếc bóng chồng chất lên nhau
tôi bắt đầu ngạt thở
trên từng trang giấy cũ.

Những bài thơ tôi viết ra nhưng cũng là
những bài thơ đã giết tôi
chìm lỉm
tôi muốn vượt cao hơn cả thơ mình
đuổi theo những năm ánh sáng
và mâu thuẫn
núp bóng dã tràng.

Tôi bắt đầu biết khát
ngôn ngữ là chiếc giếng sâu
đào mãi
mỗi tấc đất đều thành huyền thoại
nở ra cả bề mặt bề sâu.

Tôi bắt đầu biết mất mát
ngôn ngữ cũng là máu thịt
cắt ra từng chữ từng câu
trang giấy nát nhầu
mà vẫn không thể chia xẻ cho ai sự thật.

Tôi bắt đầu biết khổ đau
ngôn ngữ cũng là trang kinh
đầy vết cắn đời thường
tôi vẫn bị thôi thúc làm thơ rao giảng
giữa ngã ba đường.

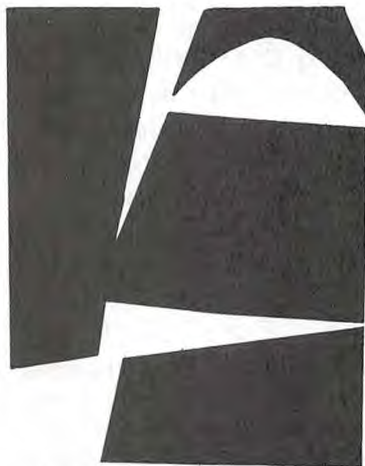
Những bài thơ tôi viết ra chẳng khác bản thân mình
thế thôi
trang giấy nằm sẵn như cỗ áo quan
đợi những dấu chấm lúc nào cũng có thể rớt xuống
nên tất cả những bài thơ tôi cũng giống điếu văn viết sẵn
cho mình.

LÊ BI



NGÔ THẾ VINH

hòa bình không sớm hơn



Khung cảnh là mênh mông rừng già cao nguyên. Thời gian là những năm đầu 70 với chập chững từng bước chuẩn bị Việt Nam hóa cuộc chiến. Cũng là giai đoạn các toán Biệt kích phát hiện con đường mòn Hồ Chí Minh rộng như một xa lộ, chuyển vận ngày đêm chạy xuyên suốt tới vùng Tam Biên: đã như một mũi dao đâm thẳng vào cuống họng vùng địa đầu chiến lược cao nguyên này... Tân Cảnh 1971.

*

Bảy ngày rồi, chứ phải ít đâu. Sáu đêm cả đại đội thất lạc trong hoang vu của rừng già, cạn lương thực, thiếu nước mà vẫn không sao tìm ra một hố bom hay con suối. Chỉ có những vũng sương núi đọng trên các tấm poncho qua đêm giúp chúng tôi khỏi chết khát. Đâu phải là không quen với chiến tranh của rừng rú, thứ trận địa mà chúng tôi đã dạn dày và lớn lên. Nhưng rõ ràng là hiện giờ chúng tôi đang bị lạc hướng. Mà nguyên do bởi tại nhóm phi hành đoàn Mỹ không nhiều cam đảm và thiếu kinh nghiệm đã trút cả Đại đội chúng tôi xuống lầm bãi, cách xa tọa độ dự kiến nhiều cây số. Cũng không trách được vì bọn họ còn quá trẻ, lần đầu tiên làm quen với một cuộc hành quân vô quy ước được mệnh danh là *Diều Hâu Thám Sát.*

Ở những lúc, cả thể xác và tinh thần suy sụp, tôi thường có những điều để

tự khuyến dụ mình. Phải giữ tinh thần tấn công - *to maintain your offensive spirit*. Như là điều đã nhập tâm kể từ ngày tôi chọn Võ Bị Đà Lạt và tình nguyện gia nhập binh chủng Mũ xanh. Rằng trong bất kỳ hoàn cảnh nào, nếu không muốn thất trận (chữ này không có trong tự điển Võ Bị chúng tôi) - thì lúc nào cũng ở vị thế tấn công. Vẫn những chữ sắc cạnh ấy như hằn in trong óc.

Ngay từ đầu, lệnh hành quân rất rõ ràng là thả một Đại đội Thám sát vào rừng lúc hoàng hôn, không xa mục tiêu quá hai cây số. Hổ Xám, là tôi (cái tên cúng cơm bọn nó đặt cho tôi khi mới về toán Thám sát có lẽ vì nhiều đặc điểm: không phải chỉ có tính gan lì trong trận mạc, mà tôi có nước da bánh mật đen như người Thượng và tài đi rừng nhanh thoăn thoắt không thua gì họ). Tôi sẽ hướng dẫn Đại đội di chuyển ngay trong đêm, tiến sát gần mục tiêu - mà chúng tôi được biết trước là một trạm giao liên rất quan trọng của Sư đoàn Sao Vàng - mai phục nằm chờ và đúng giờ G, toàn Đại đội sẽ xung phong thanh toán căn cứ địch trước chạng vạng sáng. Trang bị tối tân với hỏa lực cực mạnh nhưng gọn nhẹ, kế hoạch hành quân táo bạo, ước tính thành công là dựa trên sự bất ngờ và chớp nhoáng. Cũng vẫn theo kế hoạch hành quân, trong mọi tình huống bằng mọi giá, chúng tôi phải được bốc ra khỏi vùng địch sau 48 tiếng. Vậy mà bước sang ngày thứ ba, cũng vẫn chưa tới được mục tiêu, lại thêm có dấu hiệu bị địch bám sát và theo dõi. Không giống với các đơn vị tác chiến khác, vùng hoạt động của chúng tôi nằm ngoài tầm yểm trợ của pháo binh. Và lúc này tôi biết rất rõ cái giá thiệt hại sẽ phải trả là thế nào ở một chiến trường trong lòng địch mà chỉ có chúng tôi là mục tiêu lộ diện.

Rừng già hai lớp, tầng trên với rất nhiều cây cao không dưới ba mươi thước, từng dưới là cả một rừng mây giăng mắc chằng chịt. Trong khi chúng tôi vẫn phải cố tránh xa những đường mòn, vén từng bụi rậm len lách chui rúc mà đi. Ở xa trông chúng tôi không khác một đàn kiến. Thật ngại ngùng khi phải vượt qua trảng, là một cánh đồng tranh đầy bọ vắt, thật khó mà đánh lạc hướng địch cho dù đã cố ngu tạo những dấu vết. Bảy ngày chỉ có rừng xanh và mùi lá úa ẩm mục, không có một bóng dáng của thú dữ, cho dù trước đây thời Pháp vốn nổi tiếng là vùng săn bắn. Thú dữ nếu không bị chết vì chất da cam, thì súng đạn cũng đã khiến chúng phải bỏ đi. Ở hoàn cảnh này mới thật thấm thía câu nói của một nhà văn nào đó rằng thời đại này con người không còn sợ hãi thú dữ nhưng lại rất sợ chính ngay đồng loại của mình - với chúng tôi bây giờ là đồng loại người Việt. Chỉ một tiếng chim lạ hót lảnh trong đêm, hay vài âm thanh xao xác trên nền lá cũng đủ khiến cho những người lính hồi hộp thao thức...

Khi còn ở toán Thám sát tôi không thể nào quên được thứ kinh nghiệm đó trong một cuộc hành quân ở thung lũng Ashao. Nhiệm vụ của Toán lúc

đó thật rõ ràng: lùng kiếm địch, theo dõi dấu vết để khám phá các kho tàng và nếu có thể thì bắt sống tù binh Bắc Việt để về khai thác. Không phải lần đầu tiên lãnh nhiệm vụ đó; tôi đã trải qua một thời gian dài được huấn luyện và đã có kinh nghiệm quen thuộc với loại hoạt động như vậy. Trái với điều tôi nghĩ trước đây rằng can đảm chỉ là một thói quen; nhưng ngược lại càng vào rừng nhiều lần thì thói quen vẫn không đủ giúp chúng tôi bớt sợ hãi. Thành thật với chính mình thì tôi phải thú nhận là có sợ hãi, cho dù lúc nào đối với những người lính họ chỉ thấy ở tôi cái hình ảnh xông xáo lầm lì của một thứ hổ xám; có đứa còn dị đoan tin là tôi có cả bùa phép. Cũng không cần phải đính chính nếu điều đó đem lại sự an tâm hơn ở những người lính. Riêng tôi thì tự hiểu rằng cái hành vi dũng cảm kia đôi khi chỉ là một cố gắng đàn áp , một phản ứng tự ái của cấp chỉ huy phải có... Khi đó tôi đang dẫn toán tới khúc quẹo của một con đường mòn và cũng là vị trí toán nằm phục kích. Tôi thật chưa có chuẩn bị tâm trạng để chạm địch ngay lúc đó, dù đang ở những bước lùng kiếm. Thật bất ngờ trong khoảnh khắc tôi chạm mặt hắn trong tầm cận chiến không đầy ba thước. Cả hai đều có vũ khí trên tay, không phảI súng M16 mà là AK và AK và dĩ nhiên đều lên đạn. Nhưng thật kỳ lạ và cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao khi ánh mắt vừa giao nhau, cả hai đều khựng lại bất động; sợ đến nghẹn thở khiến tôi và cả hắn nữa, cả hai cùng quay lưng cắm cổ bỏ chạy, với tấm trạng mừng rỡ thoát nạn một cách thật phi lý. Ánh mắt kẻ thù trước mặt và cả trong tôi, giữa hai con người đã có gì chứa đựng đến phải gây sợ hãi nhau khiến trí tuệ bị tê liệt. Cho đến bây giờ tôi cũng không biết nữa. Chắc chắn tôi không phải là người thiếu can đảm, quá khứ đủ bảo đảm hiện tại; ngay từ những người lính đến chính cấp chỉ huy cũng luôn luôn đánh giá tôi như vậy.. .

Mặt trời càng lên cao, đoàn quân di chuyển chậm hẳn lại. Không cần đợi lệnh đã có đứa nằm qu xuống, miệng há và thở dốc. Tôi hiểu rằng đám lính của tôi đã thật sự kiệt quệ, không còn chút khả năng chiến đấu. Tôi gọi máy về bộ chỉ huy là bằng mọi giá phải cho triệt xuất đạI đội ra hôm nay. Bổn phận của tôi bây giờ là tìm bãi. Địa hình chập chùng những đồi núi này đâu dễ tìm ra một bãi đáp thẳng mà không phải dùng đến thang dây. Với một phi hành đoàn trực thăng Mỹ thiếu kinh nghiệm, muốn được triệt xuất chỉ có cách làm theo ý tụi nó.

Lại có tiếng nài nỉ của viên cố vấn xin được tạm dừng nghỉ chân. Hắn to như hộ pháp, là một trung sĩ xuất thân gốc Mũ Xanh, đây là lần thứ ba hắn tình nguyện trở lại Việt nam. Tôi đã từng biết hắn trong thời gian còn là một trưởng trại lẫy lừng ở gần ngã ba biên giới. Xuất thân từ Fort Bragg, nhiều năm dạn dày chiến trường Tây nguyên, chắc chắn hắn không phảI là gà chết. Vậy mà lúc này trông hắn thật thảm hại: mặt đỏ gay, môi khô se, miệng há thở dốc. Đâu phải chỉ có hắn là mỏi mệt, cả tôi và đám lính tráng cũng cần

được nghỉ ngơi. Nhưng không thể được. Không thể nào dừng quân lúc này cho tới khi tìm được một bãi đáp. Phải tiếp tục đi mới hy vọng tránh được tổn thất, mới giữ được tinh thần đám lính tráng đang rất xuống. Trong quyết định đó cũng có một chút gì nhẫn tâm và với một chút mai mỉa tôi bảo nếu cần sẽ cho tụi lính khiêng cáng hắn. Bị chạm tự ái, hắn lại đứng dậy phì phò với những bước nặng nề đi lết tới. Rồi lại nhìn sang đám lính tráng đang tơi tả, tôi không tránh được nụ cười gằn. Cái sự thể mà các đại đội phải liên tiếp vào rừng lúc này một phần cũng bởi do áp lực của tụi nó. Viên Đại tá cố vấn trưởng với cặp mắt như cú vọ luôn luôn thúc đẩy chúng tôi phải xử dụng tối đa những đại đội tham chiến. Hắn bảo theo quan điểm cá nhân hắn mà cũng là quan điểm của MACV, Bộ Tư Lệnh Viện trợ Mỹ, thì người Mỹ không thể quan niệm nổi mức độ tổn thấp ở một đơn vị được mệnh danh là xung kích và thám sát. Một cách để hiểu ý họ là đơn vị chúng tôi phải biểu tỏ tinh thần chiến đấu bằng những con số tổn thất nhân mạng lớn ở những cuộc hành quân liên tiếp sắp tới. Nếu không, thì MACV chẳng còn lý do gì để phải tiếp tục tài trợ cho sự tồn tại của một đơn vị tổng trừ bị với nhiều tốn kém đến như thế. Điều này thể hiện khá rõ ràng quan niệm mà ông Nixon mệnh danh là Việt nam hóa cuộc chiến - the so-called Vietnamization. Và báo chí Mỹ đã mỉa gọi đó là “một nỗ lực thay đổi màu da trên xác chết”. Đến lúc này tôi mới hiểu cái thế lưỡng nan của ông Trung tá. Ông là cấp chỉ huy khá tư cách và cuộc sống đạm bạc. Dĩ nhiên là ông phải có trách nhiệm và cả tự ái để không bao giờ lính của ông phải chết chóc ngoài ý niệm điều quân của mình. Nhưng ông cũng tự hiểu rằng một sự trái ý bướng bỉnh nào đó với viên cố vấn sẽ xô đẩy đơn vị ông tới những khó khăn vô số. Từ bản chất một con người rất trầm tĩnh trong mọi hoàn cảnh gian khó phải đối phó, nhưng ở lần này ông đã không giữ được sự bình tĩnh nổi nóng đập bàn đuổi viên Đại tá Mỹ ra khỏi hầm chỉ huy hành quân trước sự hoạnh họe rất cao ngạo và trịch thượng của hắn. Hắn đã áp đảo và thành công nhiều lần qua trung gian của ông Tướng Vùng. Một ông Tướng với nhiều nhem nhuốc chỉ muốn được thỏa hiệp cho yên thân bất kể điều gì sẽ xảy ra cho các đơn vị thuộc cấp. Tự ái của tôi cũng được phần nào ve vãn với một cấp chỉ huy đủ cứng cỏi như như ông Trung tá. Nhưng rồi sao nữa? Ngoài cái tự ái nhất thời, còn lại những vấn đề thực tế mà chúng tôi phải đối phó. Làm sao chúng tôi có thể có tiếng nói mạnh được khi mỗi người lính từ A tới Z phải lệ thuộc vào người Mỹ. Rồi cũng phải tự hỏi tại sao những thế hệ tiền nhân không có ngoại viện, ông cha chúng ta vẫn tạo được một quân đội hùng mạnh để chống ngoại sâm.

Khi chọn Võ bị, tôi tin tưởng ở sứ mạng của một quân đội trưởng thành trong vai trò bảo vệ độc lập và xây dựng đất nước. Nhà trường chỉ có khả năng biến chúng tôi thành những chuyên viên quân sự nhưng lại thiếu những sửa soạn để chúng tôi có thể đối phó với một hoàn cảnh chính trị phức tạp

như hiện giờ. Từ một quan niệm hết sức đơn giản, phục vụ tổ quốc bằng cái chủ nghĩa kỳ cùng, khắc phục mọi khó khăn gian khổ, tôi đã không thể quan niệm có chính trị trong tập thể quân đội và hoàn không muốn dính dáng đến nó. Nhưng dần dà, với dạn dày những chung đụng, tôi thấm thía hiểu rằng không phải chỉ có cầm súng, nhưng chúng tôi còn đang bị xô đẩy vào những hoàn cảnh lắt léo của một thứ chính trị vây bủa. Đã tới lúc người lính phải xác định cái vị trí hoàn cảnh của mình và tự hỏi tại sao lại đang phải chịu rất nhiều hy sinh và tiếp tục cầm súng chiến đấu.

Lại có tiếng gọi trong máy. Tiểu đội tiền sát báo tin có đụng địch nhưng chưa rõ quân số. Tôi tự hỏi đơn vị sẽ làm ăn được gì với những tên lính kiệt sức và bết bát như hômnay. Những tiếng súng đã làm thúc dậy bản năng tự vệ, khiến đám binh lính trở lại năng động. Và khi điều động được đại đội tới nơi thì chẳng phải bắn thêm một phát súng nào. Chỉ có những hầm gạo và kho lương phải nhanh chóng được tiêu huỷ. Kiểm điểm lạ thì chỉ có một tên lính Bắc Việt bị thương ở loạt đạn giao tranh đầu tiên với toán thám sát. Đây là chiến công nhỏ đầu tiên của đại đội ở kỳ hành quân này - mà lại do mấy tên lính phá phách và nghiện hút đang bị đầy ải lập thành tích. Đúng ra khi bắt sống được tù binh địch tụi nó đương nhiên mỗi đứa sẽ được 30 ngày phép, chưa kể món tiền thưởng và huy chương. Nhưng điều mà tụi nó chỉ xin tôi lúc này là ở kỳ về hậu cứ, tha giam chúng nó trong những thùng sắt Conex nóng như thiêu, với lời hứa xin chừa hẳn chích choác và phá phách. Tôi chỉ mỉm cười, không hứa hẹn điều gì, trong lòng thì đầy mến thương cái bản tính hồn nhiên và rất can đảm của tụi nó. "Ai mà tin được miệng lưỡi tụi bay .. ." Hơn một lần tụi nó lấy cả danh dự ra để xin cai nhưng rồi vẫn chứng nào tật đó. Riêng trường hợp thằng Lâm Chuột, cho trực thăng thả xuống giữa căn cứ hoả lực vùng kiểm soát của Việt cộng, chỉ với 10 trái lựu đạn và lương khô; vậy mà năm ngày sau đã thấy nó lù lù trở về căn cứ mặt cười nhăn. Không nói ra, là cấp chỉ huy tôi cũng phải thầm phục nó.

Khi tôi gặp người tù binh thì hắn vẫn còn tỉnh táo khiến tôi phỏng đoán rằng vết thương rất nhẹ. Đạn tuy xuyên mông nhưng chắc không trúng động mạch lớn. Thượng sĩ Tụng y tá mau chóng băng bó cầm máu cho nó. Lệnh bộ chỉ huy là phải ưu tiên đưa tù binh ra bãi triệt xuất. Gã tù binh còn rất trẻ, tuy ốm xanh xao nhưng khuôn mặt lanh lợi và ánh mắt thì say đắm. Hắn gợi cho tôi hình ảnh đứa em trai tử trận cũng trên vùng thảo nguyên này cách đây không bao lâu. Lòng tôi như sôi lên một tình cảm rất khó diễn tả: vừa giận dữ vừa xen lẫn thương cảm. Nhưng rồi cái khuôn mặt trẻ thơ dễ thương ấy đã khiến lòng tôi nguôi ngay lại. Không biểu lộ nhiều sợ hãi, hắn có ngay thái độ hợp tác. Kinh nghiệm đối với những tù binh chính quy Bắc Việt đều như vậy. Út Hiền sĩ quan ban Hai tới khai thác làm việc ngay với nó. Rất vắn tắt, hắn gốc người Thanh Hóa, xâm nhập vào Nam được 4 năm, tham dự

nhiều trận đánh. Hiện đơn vị hắn đang hành quân dưới đồng bằng từ ba hôm. Hắn bị bỏ lại hậu cứ vì đang lên cơn sốt rét ác tính cùng với toán hậu cần. Toán này cũng vừa vội vã rút đi vì không muốn đụng với thứ dữ là đám Biệt kích. Tôi cố dằn nỗi xúc động mạnh mẽ về cái chi tiết địa danh Thanh hóa, hắn là kẻ đồng hương với tôi. Đã có một sợi dây liên đới vô hình ràng buộc tôi xích gần lại với hắn. Không phải chỉ vì nhu cầu nguồn tin tức cần khai thác, mà thật giản dị tôi tự thấy có bổn phận phải săn sóc và cứu sống nó. Ánh mắt nó nhìn tôi tin cậy. Không còn vẻ sợ hãi, nó nói chuyện hỏi han huyên thuyên như một đứa trẻ. Tôi giao cho y tá Tụng theo dõi chăm sóc hắn. Tôi rất quan tâm khi thấy máu đỏ vẫn thấm qua làn vải băng. Tôi hỏi Tụng, hắn nói. Mạch vẫn đập tốt, thưa Trung úy. Hắn được chích thêm thuốc trợ tim và cầm máu, và cả truyền thêm nước biển khi huyết áp hơi xuống thấp. Không có gì phải e ngại cho tới khi chúng tôi tìm ra bãi khả dĩ để triệt xuất.

Có chiến công đám lính tráng quên hết mệt nhọc, đứa nào cũng có vẻ phấn chấn. Bộ chỉ huy ở nhà nhất là Ban hai trên Quân đoàn có vẻ nôn nóng về nhu cầu tin tức. Trên chiếc trực thăng C&C, cùng với ông Trung tá, ông bác sĩ yêu cầu chính tôi cho biết tình trạng vết thương của người tù binh , để nếu cần thì cho di tản hắn trước bằng thang dây với loại trực thăng có máy kéo. Tôi thì vẫn thành thật tin tưởng rằng hắn sẽ không sao cho tới khi cùng đại đội về đến căn cứ. Vả lại trong thâm tâm tôi muốn được có mặt, tham dự trong cách đối xử mà tôi nghĩ sẽ khác hơn riêng đối với hắn. Tính phương giác trên bản đồ, tôi cho lệnh đại đội tiếp tục đi theo hướng nam - một khoảng không xa lắm để có một bãi triệt xuất tốt. Nhưng ngay lúc đó tên tù binh đã can gián tôi rằng theo hướng nam có thể đụng với đơn vị hành quân từđồng bằng trở về. Tôi rất tự tin ở trực giác bén nhạy của mình. Chỉ qua thoáng nhìn trong ánh mắt hắn, tôi nghe theo lời khuyên của hắn không do dự và cho lệnh đại đội di chuyển về hướng đông bắc. Mặc dù sẽ vất vả hơn với một địa hình nhiều trắc trở và phải vượt qua những con dốc. Phải mất gần một trung đội luân phiên nhau cáng võng hắn. Do những chuyển động va chạm khi leo dốc tôi thấy hắn cố kìm hãm nét chịu đựng đau đớn. Máu tuy vẫn thấm băng nhưng mạch vẫn nhảy tốt. Rồi cũng phải hơn hai giờ đồng hồ sau chúng tôi mới tìm được bãi đáp khả dĩ. . Tôi huy động đám lính tráng mau chóng dọn dẹp bãi. Bọn phi hành đoàn Mỹ cho dù có nhát tới đâu cũng không có lý do gì để mà từ chối đáp xuống bãi. Vả lại họ biết rất rõ là vẫn còn một người Mỹ cùng đi với chúng tôi. Để bảo đảm phương tiện không vận cho toàn đơn vị, tôi định rằng viên cố vấn sẽ cùng với tôi là những người cuối cùng được bốc ra khỏi bãi.

Tên tù binh được đặt nằm dài trên lớp cỏ mịn. Hắn xanh xao cố mỉm cười khi

nhìn tôi bước tới. Tôi muốn có phút chuyện vãn và làm một cử chỉ chăm sóc hắn. Có tiếng reo mừng của đám lính tráng khi nghe đoàn trực thăng từ xa tới . Ngay lúc đó không hiểu sao bỗng dưng tên tù binh ngồi bật dậy và hốt hoảng kêu la. Có một cái gì đó khiến hắn trừng mắt ngạc nhiên và đầy vẻ sợ hãi. Như không thấy, hắn chỉ kịp quơ tay về phía trước níu lấy tôi kêu thất thanh một tiếng "Anh" rồi ngã rũ xuống và chết tốt. Tôi bàng hoàng kêu ngay y tá "Tụng ơi, tại sao vậy nè!". Tụng và cả chính tôi đã làm mọi điều để cấp cứu hồi sinh hắn nhưng vô hiệu. Tôi vẫn nghĩ rằng vết thương đó không đủ làm hắn chết mau như thế. Tụng y tá thì tìm cách giải thích là tên tù binh đã chết vì bị kích xúc. Thêm một danh từ chuyên môn cũng chẳng giải thích được gì thêm về cái chết bất ngờ và vô lý đó. Tôi để ý là khi nghe tiếng vỗ cánh của của đoàn trực thăng xà trên bãi thì vẻ mặt hắn biến sắc và để lộ một vẻ sợ khủng khiếp. Hình như đó là một thứ phản xạ điều kiện của tột cùng sợ hãi của một người suốt bốn năm sống trong rừng sâu mà nỗi ám ảnh đe dọa thường xuyên là các toán biệt kích với chiến dịch diều hâu trực thăng vận. Trong khi cũng thứ âm thanh của những cánh quạt gió ấy thì đang khiến đám lính tráng đói khát của tôi nhảy tưng lên như điên vì mừng rỡ sung sướng. Đoàn trực thăng chỉ có bốn chiếc. Phần còn lại của phi đoàn bất ngờ bị điều động xuống tăng viện cho mặt trận ở đồng bằng. ít ra phải cần mười hai phi vụ trực thăng để triệt xuất hết toàn đại đội.

Thời tiết đã lại có dấu hiệu xấu, tin ở nhà cho biết có thể mưa bão to vào buổi chiều. Theo thông lệ tôi và bộ phận chỉ huy bao giờ cũng xuống bãi đầu tiên và rời bãi ở chuyến bay sau cùng. Tôi giao việc sắp xếp cho thiếu úy Lực viên sĩ quan phụ tá. Ngồi bệt xuống đất bên xác hắn, người tôi nặng trĩu mỏi mệt. Tôi đưa tay vuốt mắt hắn, mi mắt còn ấm nóng khép lại dễ dàng. Một cử chỉ mà tôi đã không thể làm cho thằng em khi nó bị tử trận ở Pleime, xác gói Poncho đưa về những năm ngày sau đã thối rình nhưng vẫn được mẹ tôi ôm chầm lấy mà khóc. Chợt nhìn xuống hai bàn tay người tù binh trầy rách vấy máu vì những bụi gai mây cào xước, tôi không thể không cảm thấy nỗi sót sa mà nghĩ rằng cái đau bây giờ vẫn còn thấm sâu mãi vào trong tấm thân thể mất dần hơi ấm ấy. Thôi ngủ đi. Tôi nhủ thầm dịu dàng và chưa bao giờ lại thấy gần gũi thân thuộc với cái chết đến như thế. Chẳng còn thứ nhãn hiệu nào để mà gắn lên cái xác chết trẻ trung ấy. Dù là hắn hay thằng em tôi, thì cũng chỉ còn thấy đó là xác những người Việt nam đã chết rồi. Liệu có cách nào để gia đình hắn bên bờ sông Mã biết được tin hắn chết. Tôi đã từng nghe nói đến đài Mẹ Việt nam do người Mỹ thiết lập, với những buổi phát thanh ra Bắc rất hiệu quả bằng cách cho đọc những bức thư bắt được từ các cán binh Sinh Bắc tử Nam. Nhưng tôi lại trạnh nghĩ hay cứ để cho bà mẹ già và đàn em hắn lúc nào cũng còn nuôi những hy vọng mong ngóng. Bức thư hắn viết dở dang buổi sáng nay chắc không bao giờ được gửi về. Trong đó hắn

nhắc tới bà mẹ già, tới đứa em nhỏ, tới huyện Vĩnh lộc làng Bồng Trung bên giòng sông Mã bên lở bên bồi. Và nó nhắc tới phần mộ người cha nằm phía trên cánh đồng chiêm dưới chân ngọn núi Đa bút. Hắn đã chớp nhoáng gợi lại cho tôi một quê hương mà cả hai cùng thất lạc. Cổ họng như đau thắt, tâm hồn tê mỏi nhưng tôi chẳng thể nào có được một giọt nước mắt để khóc. Trong thâm tâm tôi rất muốn được khóc.

Lệnh nhà cho biết phải bỏ lại xác người tù binh mới chết tại bãi. Ông Trung tá vốn dị đoan, cả với xác chiến hữu cũng không được ông cho phép đưa về bộ chỉ huy hành quân. Cái giai thoại trước cuộc hành quân ông thường phải tự dọn mình, tránh cả không gần gũi vợ mà ông cho là xui. Ông bao giờ cũng muốn tránh tối đa tổn thất cho những người lính. Lúc này, riêng tôi thấy là nhẫn tâm khi phải bỏ xác hắn tại bãi. Khi tôi là người cuối cùng bước lên trực thăng, con tàu vội vã bốc vọt lên trên một nền trời ủ dột đang vần vũ kéo tới những đám mây bão. Nhìn xuống bãi, gã tù binh vẫn bất động nằm yên như im ngủ, phủ trên mình thay cho lá cờ chỉ là một chiếc võng xanh xao. Cũng đành để hắn ở lại với rừng núi quạnh hiu, và riêng mang theo trong tôi cái tình cảm day dứt khó tả. Phải chi còn đủ thời gian để đào xong một chiếc huyệt cho dù chỉ đủ vùi nông thân xác hắn.

Gió lộng từ những cánh quạt trực thăng, tạt những cụm mây đầy hơi ẩm vào da mặt tôi buốt rát. Da thịt tê dại, cả tâm hồn cũng tê dại, gần như vô cảm, tôi không còn suy nghĩ hay phản ứng được gì. Ngồi bên tôi và luôn luôn di động là gã xạ thủ đại liên mắt thật xanh, bỗng dưng như một tên khùng, hắn chĩa mũi súng đại liên xả đạn như mưa xuống bãi cho dù chẳng có một dấu hiệu nghi ngờ nào của địch quân. Mùi thuốc súng khét lẹt với những âm thanh nhức nhối và chát chúa.

Khi đoàn trực thăng đã thực sự rời xa bãi, tên trung sĩ cận vệ thân tín lên tiếng nhắc tôi và cố nói to :"Em thấy là Hổ xám quên.. ."" Không, lần này không phải là tao quên". Nó nhắc tôi việc gài một trái lựu đạn rút kíp dưới xác người tù binh mới chết phải bỏ lại dưới bãi. Hơn một lần địch đã hành động như vậy và gây cho chúng tôi tổn thất. Nhưng ở lần này thì tôi lại nghĩ rằng cho dù có làm thêm một cạm bẫy xác nữa, gây thêm được một vài chết chóc, không vì thế mà ngày mai Hoà bình sẽ trở lại sớm hơn.

NGÔ THẾ VINH



CHÂN PHƯƠNG

một sáng thứ bảy

quartier latin
bất chợt mùa hè
tôi lái xe dọc sông seine
trời mù phố vắng

quán sớm chưa có khách
ngoài đôi vợ chồng già
có lẽ du khách phương xa

gọi cà phê đen đậm
lẩm nhẩm ít câu apollinaire
nhìn theo mấy hạt nước rơi

chợt nhớ mới hôm qua

đàn bà con gái paris
trưa nồng áo mỏng trễ vai
hơ hớ ngực trần nhễ nhại

một đêm ở marseille

khách sạn bình dân
gần vieux port

ngồi giữa lobby
lặng lẽ đối diện tấm gương to

thảm lót cáu bẩn
đèn trần cái hư cái mất

hút tẩu mấy hôm khô cổ
khai trương một điếu gitane

quá nửa đời lưu lạc

núi thấp núi cao
biển lớn biển nhỏ

provence có ba mươi hai loại gió

tôi đẩy cửa ra đường
đế giày lại kết bạn với bàn chân

ghé một làng biển bretagne

biển tối ám
nhà thờ đá xám

mưa nặng hạt
nghĩa trang làng

biết đâu tiền kiếp tôi
là một nắm đất nằm kia?

gió xé toạt thinh không
đại tây dương gầm rống

pointe du raz

sóng vỡ
đá chởm chở

nơi đây mục rã
một tuồng tích

những đeo đuổi những dở dang
vỏ sò vỏ ốc ngổn ngang

gió lồng lộn
trước phút hạ màn

le lói vầng dương sân khấu

thăm lại menhir ở champ dolent

khối đá kia
theo truyền thuyết

cứ nghìn năm
lại lún thêm một thước
còn tôi

ngày nào sẽ biệt tăm
giữa trang di cảo?

CHÂN PHƯƠNG
(Bretagne hè 1995)



PAUL CELAN

DIỄM CHÂU dịch

cho một người anh em ở á châu

Những cổ đại pháo
tự hiển linh rạng rỡ
bốc lên trời

mười
oanh tạc cơ ngáp,

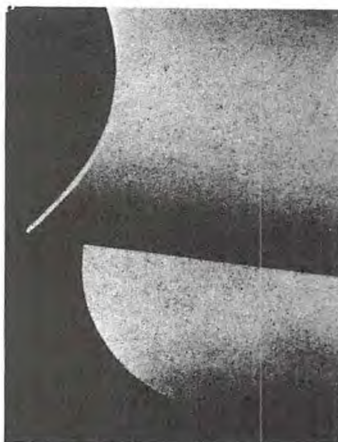
một loạt đạn lia mau nở rộ
chắc chắn như hòa bình,

một nạm thóc
trút hơi thở tàn như bạn anh.

PAUL CELAN



SÔNG PHỐ
Không đề



1. Bình đã trở về.

Anh đã bỏ nhà đi tuần trước. Khi tôi nhận xét anh toàn là chúi mũi vào chuyện thế giới bao đồng. Tôi có cái nhận xét quái gở đó khi lái xe trên đường về từ sở làm. Từ cái chỗ tôi vừa có một cuộc cãi lộn với người đàn bà da trắng. Bà ta là xếp của tôi. Cãi về cái gì tôi đã quên phứt, nhưng hôm đó tôi thấy mệt mỏi như tất cả những bực bội buồn phiền của hai mươi năm sống trên xứ người bỗng đổ ụp xuống đầu tôi. Chúng là những tảng đá vẫn đè nặng lên lồng ngực tô. Chúng làm tôi tức thở đêm ngày. Giá mà Bình hỏi: "Hôm nay công việc ở sở thế nào?" Chắc là tôi đã không có cái nhận xét lãng xẹt đó. Nhưng anh đón chào tôi dồn dập với những câu "Cả thế giới nhốn nháo lên! Tiêu rồi! Liên xô sụp đổ rồi!" Phải, tôi muốn mọi thứ: Liên Xô, Mỹ Pháp... Tất cả thế giới này hãy sụp đổ đi để người ta có thể làm lại từ đầu. Biết đâu trái đất nầy sẽ có nhiều người hạnh phúc hơn. Biết đâu em sẽ yêu anh trở lại đó Bình!

2. Bình vẫn chưa trở về.

Tôi nhớ anh nói "Tôi sẽ không bao giờ bước chân qua ngưỡng cửa nầy nữa". Và tiện tay anh hất bữa cơm chiều xuống đất. Tôi bịt tai lại trước những âm thanh quái quỉ của tiếng ly chén rơi trên nền gạch. Như giọng cười tan quái đản của lũ quỷ vô hình. Anh nhìn tôi bằng đôi mắt nẩy lửa, rồi quay lưng đóng rầm cửa lại. Anh đã đi xa lắm rồi mà tim tôi vẫn còn đập hoảng loạn trong lồng ngực. Hai tay tôi rịn ướt mồ hôi. Tôi phải làm gì đây? Ma xui quỷ

khiến cho tôi dám đối đầu với anh. Người đàn ông không chịu đựng được sự đối đầu nào, dù là nhỏ mọn. Nỗi mệt mỏi đã làm tôi buông lơi vai trò mình vẫn đóng. Chị tôi bảo: "Đàn ông họ tự ái như ông trời. Tốt hơn hết là em bớt sâu sắc đi. Hãy làm người đàn bà khờ khạo để giữ lấy hạnh phúc...". Má tôi nói: "Đàn ông không thể chịu thua đàn bà. Con có hơn người ta cũng đừng để người ta thấy điều đó...". Tôi nói: "Con không thể sống giả dối mãi được. Không thể khen hay mãi một câu chuyện được kể đi, kể lại...".

Giờ tôi bỗng thấy hối hận. Bức ảnh cưới treo trên tường nhìn xuống tôi cười như chế diễu. Trong ảnh anh cười toét miệng. Tôi tựa đầu vao vai anh, mắt tràn đầy hạnh phúc. Bây giờ mắt tôi đầy nước mắt. Chung quanh tôi tĩnh lặng quá. Những căn phòng trong chung cư đều đóng cửa im ỉm. Tình yêu của tôi vừa xách gói ra đi cũng không ai hé cửa ra nhìn. Tôi uống mấy viên thuốc, vào giường đắp chăn ngủ. Trong giấc mơ anh lại trở về, mới mẻ như một chàng trai vừa vỡ tiếng. Và tôi như cô thiếu nữ thanh tân ngày nào...

3. Bình vẫn chưa trở về.

Thứ bảy Điềm rủ tôi đi biển. Điềm là người đàn ông Việt Nam đầu tiên tôi gặp ở xứ người. Anh đã có vợ, một người đàn bà Mỹ đẹp, ít nói đến lạnh lùng. Lần đầu gặp bà chỉ cúi chào nói hello khi Điềm giới thiệu tôi với bà. Những lần sau bà ngồi im lặng hút thuốc mặc cho chúng tôi nói chuyện với nhau. "Vợ anh chắc khó chịu vì mình toàn nói chuyện xứ sở mình". Điềm nhìn vào mặt vợ dài, lâu như nhìn ngắm một pho tượng. Anh nói: "Đừng bận tâm. Bà ấy vẫn vậy. Đã chán phải nghe nhau lắm rồi..."

Sau ngày tôi lập gia đình, Điềm không lui tới nữa. Vậy mà không biết làm sao anh cũng biết tin Bình bỏ tôi đi.

- Thành phố này không nhỏ. Nhưng cộng đồng Việt Nam thì bằng cái lỗ mũi. Cô hắc xì là ai cũng biết.

- Thế anh có biết về sự không hạnh phúc của tôi không?

Mùa Thu. Mặt trời lặn sớm. Một nửa vòng tròn như một quả bóng đỏ bồng bềnh nhấp nhô ở chân trời. Bãi biển vắng ngắt. Vài cặp tình nhân ngồi trong những quán ăn có cửa kính nhìn xuống biển. Tôi tháo giày dầm chân dưới nước. Lạnh. Biển lạnh quá đi anh. Tôi nói, tránh nhìn Điềm. Hình như hôm nay anh ít nói quá. Cái nhìn anh hơi khác thường. Tôi ngượng ngịu. Không biết anh có coi tôi là một người đàn bà cùng đường, nhẹ dạ không?

4. Bình vẫn chưa trở về.

Điềm vẫn chăm chỉ làm bổn phận một người bạn tốt. Nhiều buổi tối anh đến ngồi lặng lẽ nghe tôi kể lể về Bình. Anh nói:

- Vợ chồng nào không có những sóng gió. Phải biết hy sinh cho nhau thôi... anh cười chua chát- Nhưng nói thì dễ chứ mấy ai làm được.

- Hãy kể cho tôi nghe vài cơn sóng gió của anh đi. Một lần tôi hỏi anh thách đố. Đùa cợt. Nhưng Điềm hắng giọng và anh kể:

- Tôi yêu Pat vì không có người con gái Việt Nam nào bên cạnh tôi lúc đó. Ban đầu tôi nghĩ tình yêu sẽ lấp đầy tất cả những khác biệt về phong tục, văn hóa, xã hội... Người ta đã bảo tình yêi là anh mù mà. Chỉ tiếc là sự mù quáng trong tình yêu rất ngắn ngủi. Dần dà sinh hoạt đời thường cứ mỗi ngày mỗi bày ra những sự th6ạt chướng mắt. Tôi vẫn cổ hủ lắm cô ạ. Tôi vẫn thèm được sự săn sóc chiều chuộng của người đàn bà. Hình ảnh của những người phụ nữ Việt Nam tần tảo, hy sinh mà mẹ tôi là một điển hình- đã làm cho Pat trong mắt tôi là một bức tranh đẹp nhưng chưa hoàn tất. Một bản tình ca chưa hết lời. Tôi sống trong sự ao ước âm thầm. Và Pat không phải là người đàn bà tầm thường. Cô đã thấy điều đó. Cô bắt đầu lạnh nhạt với tôi. Cô trừng phạt tôi bằng sự câm lặng lạnh lùng...

- Anh tàn nhẫn quá. Tại sao anh có thể yêu cô ấy lúc đầu?

- Vâng, tôi có lỗi. Tôi cũng cố gắng. Cố gắng đến tuyệt vọng. Nhưng cô không hiểu nổi đâu trừ phi cô kết hôn với một người ngoại quốc... Có những lúc tình cờ nghe tiếng mưa, tôi nhớ đến khắc khoải tiếng mưa trên mái lá nhà xưa... Nhớ những bong bóng nước tôi và chúng bạn từng đùa giỡn, tung tóe... Có những buổi chiều lộng gió. Tôi nhớ một cánh diều. Những cánh diều tôi vẫn thả trên cánh đồng tuổi trẻ của mình... Những lúc đó tơi ao ước Pat là người phụ nữ Việt Nam. Tôi muốn Pat không chỉ nghe mà còn cảm được, hình dung được những điều tôi nói... Như bây giờ khi tôi nhắc đến những điều đó, tôi thấy trong đôi mắt cô ánh lên vẻ vui, cô hiểu... Cô nhận ra. Pat không bao giờ nhận ra những kỷ niệm đã là một phần đời sống của tôi...i. Trời ơ, cô hiểu tôi muốn nói gì mà...

Điềm kêu lên tuyệt vọng. Tiếng kêu làm tôi nhói tim... Anh ôm chầm tay tôi, úp mặt vào đó. Những giọt nước mắt ấm trong lòng bàn tay tôi. Tôi vuốt tóc anh, kêu thầm: Bình ơi, hãy mau trở về.

5. Bình vẫn chưa trở về.

Tôi xấu hổ quá. Bắt gặp mình đang trông chờ tiếng kèn xe quen thuộc của Điềm ngoài cổng. Thứ ba, thứ năm đã thành những ngày trong tuần anh dành cho tôi. Anh đến dùng cơm chiều với tôi trước khi về nhà. Anh nói anh thèm những món ăn Việt Nam Pat không thể nấu.

- Pat có nghi ngờ gì không? Tôi hỏi áy náy như một người đàn bà ngoại tình. Có tội lỗi không khi tôi chỉ vay mượn anh. Chúng tôi vay mượn ký ức của nhau về một vùng đất chung. Chúng tôi bù đắp cho nhau những thiếu

sót. Anh vẫn ngồi ở chiếc ghế đối diện. Chúng tôi vẫn giữ một khoảng cách. Dầu trong gian phòng nhỏ đó không có ai ngoài tôi và anh. Không có ai ngoài lương tâm của chúng tôi.

Lần gặp trước tôi bảo Điềm:

- Thôi anh đừng đến nữa.

- Tại sao? Bình trở về à?

- Không. Không phải Bình. Mà lương tâm của em. Lương tâm em không cho phép em gặp anh nữa. Chúng ta đang tham dự một trò đùa nguy hiểm quá. Có lẽ em đã bị thương. Em sợ... Em sợ thói quen có anh bên cạnh... Có lẽ tốt hơn chúng ta nên chấm dứt...

Điềm về. Vậy mà cả tuần rồi tôi sống trong sự đợi chờ khắc khoải. Đã bao nhiêu lần tôi quay số điện thoại anh rồi vội vã để xuống trước khi nghe giọng nói anh ở đầu giây bên kia. Tôi giống như một con lật đật lăn qua lăn lại giữa sự giục giã hay buông thả của con tim và tiếng cảnh cáo nhắc nhở của lương tâm...

Có tiếng gỏ cửa. Tôi hồi hộp chạy ra. Điềm đến rồi. Tôi sẽ nói với anh tôi không cần gì nữa. Tôi bất chấp tất cả. Tôi cần anh. Tôi không thể thiếu anh. Tôi sẽ...

Bình đứng ở cửa. Anh nhìn tôi ngượng ngập hỏi:

- Vào được không?

Không biết tôi có trả lời không, nhưng Bình đã vào nhà. Anh mở giày để vào chỗ để quen thuộc. Anh vào buồng. Lúc trở ra đã thoải mái trong bộ đồ mặc ở nhà. Suốt thời gian đó tôi quay mặt vào bếp. Mở lửa. Tắt lửa. Đun lại ấm nước sôi mấy bận. Bình lại bàn ăn. Anh cúi nhìn những đĩa thức ăn bày biện trên bàn:

- Có khách phải không? Em có... hẹn?

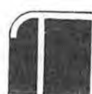
- Không... Không có khách nào cả... Em mệt... Chưa muốn ăn thôi.

- Có đủ cho anh không? Bình hỏi giả lả.

- Dĩ nhiên là đủ... Tôi trả lời. Đặt hai cái chén lên bàn. Cất đi cái tách uống trà. Bình không có thói quen uống trà trong buổi ăn.

Chúng tôi ngồi vào bàn.

SÔNG PHỐ



HOÀNG NGỌC BIÊN

lục bát

chiến tranh đã hôm qua

Lạnh rừng đốt lửa liên hoan
chuyền nhau chén rượu gian nan của người
đạn bom đội suốt một thời
nửa đường nghe tiếc cuộc đời đã qua

khuya trời trăng lạnh sao êm
kênh đào thái mỹ những đêm chong đèn
nỗi buồn không gọi được tên
mai về nhớ lại trở lên với người

tay đo cái nắng xuống gần
đất này đã thấm những lần máu ai
thấm xương thấm máu con người
cỏ cây có tiếc những thời vàng sao

đạp xe giữa phố đông người
tìm quanh quẩn một nụ cười thân quen
nắng in một góc vai mềm
một vùng tóc những đường viền trời mây

bọn ta năm bảy con người
áo quần thộng thệnh ghế ngồi ba chân
rượu ly tay chuyển trăm lần
đứng một bên khỏi nợ nần cuộc vui

đảo xa cắt một đường dài
trở về thành phố nhớ hoài màu xanh
biển ơi xin cứ để dành
cho ta muôn vạn thác ghềnh hợp lưu

đèn đêm phố lạ bồi hồi
nhớ con hẻm nhỏ quán ngồi ghế khuya
bình minh những buổi đi về
ôm trong tim một lời thề vu vơ

đường xa tuyết trắng mịt mù
độc huyền xuống giọng điệu ru quê nhà

một mình với cái buồn ta
bổng trầm vọng cổ lời ca miệt vườn

dạo quanh quẩn ở diêm hồ
mặt trời rụng giữa hai bờ lau tươi
chôn dưới cỏ những tên người
bỗng nghe có tiếng cuộc đời gọi ta

mảnh trăng xa lạnh một trời
ruổi rong xa lộ nhớ lời huy miên
xứ xa vẫn có bạn hiền
xung phong một thuở những miền hoang vu

trở về phố bụi mù tung
cây xanh vườn hút sâu rung tiếng đàn
đốt hoài ngọn lửa gian nan
mai lên đường lại cưu mang nỗi buồn

mây viền núi núi viền mây
một đường ẻo lả bàn tay của trời
con người có những gì đây
chẳng qua sợi khói lam bay giữa đời

dạt bèo trôi nước mây trời
đi thêm những đoạn cuộc đời trao cho
ngựa lồng nóng một giấc mơ
mỗi ngày qua khép trang thơ của người

đường xa lộ nhạc văn cao
sông lô bát ngát tiếng gào quân ca
cung thương những khúc mượt mà
mênh mông một cõi chiều tà trương chi

hương xa còn lại tháng ngày
núi đồi tiếp những bóng mây chập chùng
cuộc đời bỗng thấy lạ lùng
đất trời có những nghìn trùng cách xa

người xa ta ta xa người
phần tư thế kỷ cuộc đời kể chi
sờn vai áo có nghĩa gì
vết đau cắt giữa chuyến đi ngược dòng

HOÀNG NGỌC BIÊN



BÙI HOÀNG VỊ

nghiệp



Cái Bồn tọa lạc cuối một hẻm cụt. Nó xuất hiện bao giờ, cách cụ thể, không mấy ai kịp lưu tâm, chỉ biết, song song với những trào lưu văn thể mỹ, những nỗ lực không mỏi mệt nhằm hoàn thiện con người, đã khai sinh hàng loạt những điều lớn lao, và những cái bồn như thế này đã nghiễm nhiên trở nên một nhu cầu nghiêm túc, thậm chí không thể thay thế, một đặc sản của văn minh, đồng thời, một biểu tượng thâm trầm, độc quyền cho những đô thị nhiều sao.

Gã đứng dầm cả hai chân vào bồn, cúi mình, cặm cụi bới lượm. Không chỉ có gã: Quanh đấy còn bao người, có tuổi cũng như chưa có tuổi, thuộc phái không đẹp cũng như không thuộc phái khọng đẹp, ra dáng không có học cũng như không ra dáng không có học, -thẩy đều cặm cụi bới lượm, vẻ kiên trì vô hạn. Cái bồn thì nát nhừ. Ở một góc, có đứa bé gái đứng, bấu tay vào tường, lặng lẽ ói...

Lũ ruồi, không đếm được. Lũ ruồi, không ra thường trú, không ra tạm trú, song hiển nhiên là có thật, chẳng việc gì phải mặc lấy cái ý nghĩa đỏng đảnh vờ vịt như trong một vở tuồng hiện sinh nọ, thuộc nửa đầu thế kỷ, cũng đỏng đảnh và vờ vịt; ở đây, chúng thật sự tham gia và, cứ ào ào như sôi, tấp nập hạ cánh, cất cánh, tỏ ra bận bịu suốt.

Thế, cái bồn, người ta, và lũ ruồi. Giữa ngần ấy thứ, nom gã lù đù nhất. Khó có thể tưởng tượng, vào một khoảnh khắc đong đưa nào đó, tại một địa chỉ tối ám và ẩm ướt, một môi trường giàu chất kiềm toan nào đó, gã đã chiến thắng vẻ vang trong một đợt olympiade nước rút sinh tử của hàng trăm triệu cá thể đồng chủng. Dù sao, sự kiện gã có mặt bằng xương bằng thịt thế này buộc phải thừa nhận điều ấy, và gã hoàn toàn có quyền được xem bình đẳng

với ngần ấy thứ tồn tại.

Điều gì đã đưa gã đến đây?

Giòng giõi bên nội gã, như bởi một lời nguyền thiêng liêng trọng đại nào, đã chung thân tự nguyện se duyên với một thói tật di căn: Tật làm ra rác. Chỉ tính đến thế hệ của những kẻ thân sinh ra kẻ thân sinh ra gã, cũng đã kịp làm ngập lụt trong rác rưởi một nửa những gì được mệnh danh là gấm vóc tổ tiên. Thế hệ tiếp theo, lẽ tự nhiên, không tìm thấy lý do nào để phải đi chệch hướng, từ chối hoàn tất cái công trình dở dang. Gã còn nhớ, ngay từ thuở bé đã quen đi lại suốt ngày, suốt tháng, quanh năm, giữa một mê cung rác rưởi, ngập ngụa đến tận đầu gối. Thì đã đành, thuở ấy chẳng làm gì có được những cái bồn như của gã bây giờ.

Miêu duệ bên ngoại gã, trái lại, đặc biệt sợ hãi bẩn thỉu, sợ hãi bộn bề. Gã cũng còn nhớ, bà cụ thân sinh rất mực yêu dấu của gã, dẫu muôn đời còm cõi và bé tí hon, lúc nào cũng ra sức dọn dẹp, ra sức quét quáy, loay hoay giữa một bể oan khiên. Dù sao, mọi cố gắng khốn khổ của bà vẫn chẳng đem lại được lấy dù chỉ một phân vuông ngăn nắp hạnh phúc. Tệ hơn thế, ngày càng còm cõi, ngày càng bé tí hon, cho đến bận kia bà đột nhiên mất tích dưới một đợt thủy triều phế liệu mà hai cha con gã đã cao hứng trút xuống từ mặt bàn ăn. Dù ngay sau đấy cả hai đã mất trọn một ngày trời để tìm kiếm, bà vẫn tuyệt vô âm tín, dấu vết duy nhất còn sót lại chỉ vỏn vẹn là một chiếc hài, vừa vặn bằng cái vỏ hạt dẻ, từ đâu nổi trôi ra tận ngõ. Nỗi buồn lẻ bóng của ông cụ thân sinh gã mới ghê gớm làm sao: Nó chỉ được kết thúc với những núi rác, bị làm cho dền lên bởi nước mắt cùng nhớt mũi của một kẻ thật lòng thống hối, đồng thời cũng khiến chôn vùi luôn cả cái kẻ ấy theo một thể. Còn gã, thì bỗng dưng hóa mồ côi.

Trong khi toàn thể dòng họ gã vẫn tiếp tục cuộc hôn phối mê man với cái thói tật di căn, thì gã, như bị mất đà, phải loạng choạng ngừng lại. Một phần, có lẽ, bởi âm hưởng lòng thống hối phụ thân; phần khác, cũng có lẽ nữa, bởi luật nhân quả bù trừ, gã âm thầm xoay ngược hành trình, trở lại cặm cụi bới lượm giữa mớ di sản thứ cấp của tiền nhân, sẵn lòng khiêm tốn chấp nhận bất kể món gì tìm thấy, miễn sao giúp gia hạn được cho tồn tại của gã trên đời. Đấy, khởi đầu cho con đường đưa gã đến với sự nghiệp hôm nay.

Cái bồn thì nát nhừ.

Gã không cô độc: Trước khi gã đến với nó, đã sẵn bao kẻ ở đấy, cặm cụi bới lượm, những kẻ, dẫu thuộc nhiều phạm trù đa tạp khác nhau, song chỉ cần trải qua một giai đoạn cộc lốc mà những yêu cầu lịch sử kinh tế chính trị xã hội buộc phải lột nhiều lớp vỏ, đã mau mắn tự hiển hiện nguyên vẹn là một loài thụ tạo mà tồn tại nhất thiết phải được gắn liền với những cái bồn như thế này.

Với cái bồn, gã phát hiện ra cuộc đấu tranh để duy trì điều vẫn gọi là tồn

tại nọ sao mà cam go. Theo một nghĩa nào đó, cái địa chỉ thường trú hiện thời của gã cũng có kém gì cái môi trường tối ám và ẩm ướt, giầu chất kiềm toan ngày nào? Và chính nơi đây cũng lại đang, một lần nữa, tiến hành một đợt oympiade nước rút sinh tử khác. Có kém chăng, phen này gã chẳng được hứa hẹn một chiến thắng vẻ vang nào hết: Mọi kẻ đều bình đẳng, và cái noãn sào bí ẩn của Sự Sống mà ai nấy vẫn đang trực chỉ ở đây xem ra chẳng tiện để phô trương: hễ nắng lên, sẽ nồng nã cái hương vị của một tử thi chết héo, và mưa xuống, một tử thi chết sình, còn thường trực, kinh niên, siêu việt lên trên mọi tiết mùa, là lũ ruồi lúc nào cũng ào ào như sôi, tấp nập hạ cánh, cất cánh, tỏ ra bận bịu suốt...

Dù sao, gã vẫn không giống hẳn ai trong số đây. Không phải chỉ vì nom gã lù đù nhất. Thây kệ mọi người, có khuynh hướng đạt đến trung tâm của cái bồn, với niềm tin tưởng ngây thơ và quyết liệt rằng ở đấy thế nào cũng đem lại may mắn, thế nào cũng hứa hẹn một mật độ lớn những của rơi quý hóa hiếm hoi, gã hầu như chỉ chôn chân một chỗ, không mơ tưởng, không hy vọng, không thất vọng, gã, kẻ chẳng may, ngay từ thủa bé, đã biết quá rõ cái nội dung của mớ di sản thứ cấp của con người, ở đâu cũng thế thôi.

Cách cái bồn một con lạch đen quạch là ngôi trường mầu vàng khè, cách ngôi trường vàng khè là khu triển lãm mỹ thuật mầu đỏ hoét, cách khu triển lãm đỏ hoét là viện hàn lâm triết học mầu xám xịt, cách viện hàn lâm xám xịt là bãi tha ma mầu trắng toát, cách bãi tha ma trắng toát là giáo đường trong vắt và cao vút,... Bận bịu với việc bới lượm, vẫn có kẻ đôi lúc chạnh nhìn sang hướng ấy, vẻ buồn hẳn. Đấy, những kẻ chưa thể an cái phận hiện tại của mình, -những kẻ bất hạng. Gã thì không thế. Các gène thuần chủng thừa hưởng được từ bên nội đã phần nào giúp ngăn ngừa gã khỏi những ước mơ xa xỉ, những khát khao chỉ tổ dày vò con người, đầy đọa cái thần hồn của nó, dẫu là một cách sang trọng.

Sẽ tìm thấy là vô ích, nếu ai đó có ý định phủ dụ gã điều tiết trở lại một chút tiêu cự mắt để nhận được ra, chẳng hạn, bên kia miếng ăn còn là cái gì khác nữa, bên kia cái gì khác nữa ấy còn là cái Đẹp, bên kia cái Đẹp còn là ý nghĩa, bên kia ý nghĩa còn là sự rỗng không, bên kia sự rỗng không còn là lời giải đáp bất khả tư nghị...

Cũng như sẽ chỉ là hoài công, nếu có cười gã rằng dốt. Không hiểu từ những thế hệ nào, bên nội gã đã tâm đắc một điều sở chứng tai hại này, ấy là, trong cõi người ta, sự dốt nát đã từng là một mode phổ quát ngay từ những thế kỷ đầu tiên, nếu không muốn nói trước nữa; chỉ mãi đến thế kỷ thứ X nó mới bị quan niệm như là tầm thường, và tệ dần, như là démodé, vào thế kỷ XI; là lạc hậu, vào thế kỷ XII; lập dị, vào thế kỷ XIII; đáng xấu hổ, vào thế kỷ XIV; quái thai, vào thế kỷ XV; phạm thượng, phải ném đá, vào thế kỷ XVI; song đến thế kỷ XVII, giá trị đã bất ngờ phục hồi, -được xem là thái độ

độc đáo, có cá tính, rồi càng lúc càng khá hơn: tôn là kỳ quan, vào thế kỷ XVIII; tuyên xưng là mầu nhiệm, vào thế kỷ XIX, và bây giờ, cuối thế kỷ XX, liệt vào hàng quốc bửu. Thế, có nghĩa cả một giòng giõi gã đã ngấm ngầm trở thành một thứ tài sản quý hiếm của...

Có điều, gã chẳng cần được bảo vệ bằng biện pháp nào hết. Cứ việc lù đù ở đây, và thế này, cặm cụi bới lượm, cho đến tận thế, cái bồn thì nát nhừ...

*

Đứa bé gái vẫn đứng ở một góc, bấu tay vào tường, lặng lẽ ói.

Dễ thường nó đã đứng và ói thế, ngay từ phút đầu tiên có mặt. Chà, nếu đã từng tồn tại một điều gì đó, khiến được gã chia trí, thì ấy chỉ có thể duy nhất là nó, con bé. Vâng, sao mà nom nó hệt bà cụ thân sinh rất mực yêu dấu của gã ngày nào: Cũng còm cõi, cũng bé tí hon, cũng hoàn toàn bất lực và khốn khổ thế, giữa một bể oan khiên, và, có lạ không!, một chân còn xỏ chiếc hài, vừa vặn bằng cái vỏ hạt dẻ, chẳng khác nào chính bà cụ đã bị xô dạt đến tận đây, xô dạt vào cái góc này, và không còn đủ sức để làm gì được hơn là ói, ói, và ói...

Đã vậy có lần. lâu lắm rồi, con bé đột nhập vào một giấc mơ hiếm hoi giữa ngày, hay muốn gọi là một thị kiến thì cũng thế, của gã. Không hiểu nên giải thích thế nào! Đứng dầm cả hai chân vào cái bồn, cúi mình, và cặm cụi bới lượm như gã, mà cũng được ơn thị kiến, hiển nhiên là một kinh nghiệm chưa từng gặt hái trong lịch sử tiên tri. Song, mọi thứ đều khả hữu dưới vòm trời này, bất chấp có thể bị dèm xiểm như là kỳ quặc, và gã, lần ấy, đã thật sự lọt thỏm vào một giấc mơ ngày, một thị kiến, cũng kỳ quặc, hơn nữa, thật hồ đồ, như thế này:

Bấy giờ là giữa trưa, nắng đứng, mồ hôi thì mặn xót trong mắt cũng như trong mồm người ta. Riêng với gã, mọi thứ bỗng trở nên lóng lánh như ảo giác, và trong phút chốc cái bồn của gã vụt hóa bao la vô ngạn như thể cả một Sodome, cái xứ sở phạm thượng nào đấy của thời thượng cổ, đang còn nồng nã cái hương vị của một tử thi chết héo, trên đó bọn người nom như những con giòi, còn lũ ruồi thì thình lình hiện nguyên hình là một đạo binh các thiên thần đồng phục đen, mặc dầu cố nhiên cứ ào ào như sôi, tấp nập hạ cánh, cất cánh, tỏ ra bận bịu suốt. Thế rồi gã thấy đất như rung chuyển, các tầng trời như mở ra, và kìa, một Hữu Thể Chói Lóa ngự xuống giữa những tiếng thanh la cùng não bạt, đàn đá lẫn đàn t'rưng, tất cả đều réo rắt, làm nền cho một bản choral ngũ âm bẩy bẩy bốn chín bè, hợp xướng bởi đạo binh các thiên thần mặc đồng phục đen. Trong khi gã cùng với bọn người cơ hồ muốn lăn ra vì khiếp hãi thì, có thể tưởng tượng không, nó, con bé, bỗng

hết ói, hơn nữa, lại ngửng phắt lên, nom chững chạc hẳn, chẳng khác một ái nữ của Abraham, cái lão già nào đấy, cũng thời thượng cổ, tổ phụ của những kẻ ăn ở sạch sẽ, ngăn nắp, và không làm ra rác. Vâng, và gã nghe rõ tiếng Hữu Thể Chói Lóa đang phán cùng con bé, cũng như tiếng nó thưa lại. Cuộc đối thoại sao mà hệt cuộc mặc cả, ngày ấy đã diễn ra ở Mambré, cái thung lũng nào đấy, cũng lại nữa thời thượng cổ:

- Há ta nỡ dấu ngươi việc ta sắp làm sao, hỡi con gái của một giòng giõi không chịu nổi bẩn thỉu và bộn bề! Tiếng ai oán của cái kinh thành năm sao này càng lúc càng thái quá, và mùi tử thi của nó càng lúc càng phạm thượng. Ta xuống xem hư thực thế nào, nếu quả vậy, sẽ tiện thể cho nó thẩy trở về với tro bụi.

- Thế, Chúa nỡ trừ khử người ở sạch cùng một trật với kẻ làm ra rác sao? Nếu như trong thành có năm mươi người như thế, họ cũng sẽ bị hủy diệt hết thẩy sao? Há Chúa chẳng tha thứ cho cả thành vì có năm mươi người sạch sẽ ở trong đó sao? Có lý nào Chúa lại xử vậy, sát hại người sạch cùng với kẻ bẩn, khiến cho sạch bẩn hóa như nhau? Đâu thể thế được, hỡi Đấng Phán Xét Cả Thế Gian, đâu Ngài lại đánh đồng một cặp phạm trù thế được?

- A, giả sử tìm thấy năm mươi kẻ không làm ra rác, vì họ ta sẽ tha thứ cho cả thành.

- Mặc dù phận tôi là rác rưởi, tôi cũng cả gan xin thưa lại cùng Chúa: Vậy nếu trong năm mươi người ở sạch, nhỡ thiếu đi năm, thì Chúa có vì bốn mươi lăm người kia mà tha hủy diệt cả thành không?

- Có. Nếu gặp được bốn mươi lăm người đó, ta sẽ tha.

- Nhưng ngộ chỉ có bốn mươi thôi, Chúa xử thế nào?

- Vì bốn mươi thôi, ta cũng không diệt.

- Lậy Chúa, xin thứ lỗi cho tôi lần nữa, nhưng nếu chỉ tìm thấy có ba mươi người thì sao?

.....

Cuộc mặc cả kỳ quặc đã tiếp tục và cuối cùng chỉ dừng lại ở con số năm. Một lần nữa, trong phút chốc, mọi thứ đều biến hóa. Gã không còn thấy Hữu Thể Chói Lóa đâu, cũng không còn nghe bản choral bốn chín bè ngũ âm, được đệm réo rắt bởi những thanh la cùng não bạt, đàn đá lẫn đàn t'rưng; Ruồi lại hoàn ruồi, người lại hoàn người, cái bồn lại hoàn cái bồn, và con bé lại đứng, bấu tay vào tường, ở một góc, lặng lẽ ói...

Kể từ ấy, gã có những lúc bỗng dưng chia trí hẳn. Nhưng chỉ thế thôi, chia trí. Còn lại, mọi sự hầu vẫn nguyên vẹn. Sự thật, cho đến nay, cũng chẳng có dấu hiệu nào siêu tự nhiên, có ý nghĩa đe dọa đối với tồn tại của bất cứ ai hay bất cứ điều gì hết. Cái đô thị nhiều sao này của gã, rất có thể, đã kịp tìm được cho nó đủ năm người.

BÙI HOÀNG VỊ



NGUYỄN QUYẾN

người đúc chuông

Thức dậy
Những vòm cây những quả chuông
Những bầu vú đất đai
Những chiếcc váy những quả chuông
Những ngôi sao nhiệt đới
Những sa mạc những quả chuông
Những căn nhà trống rỗng
Những con sóng những quả chuông
Những cái miệng của cát
Những lông chim những quả chuông
Những miền trời hoang sơ
Những hoang đảo những quả chuông
Những đêm ướt áo
Những ngọn cỏ những quả chuông
Những đám trẻ con
Những chiếc giường những quả chuông
Những nhịp điệu cuối cùng
Những đám mây những quả chuông
Những chiếc áo choàng thất trận
Những chiến tranh những quả chuông
Những con chim không mọc cánh
Những hòa bình những quả chuông
Những cơn mơ tự rụng
Những ban mai những quả chuông
Những con đường chết gục
Những gương mặt những quả chuông
Những cổ dài khoang trắng
Những quả chuông những nỗi đau
Những quả chuông
Những quả chuông trên mỗi cơ thể không gian
Trên mỗi lớp váy
Trên mỗi mầm cây
Trên mỗi đám rêu
Trên mỗi mặt nạ
Trên mỗi chiếc chuông mọc chân vươn dài như chân nhện
Con Người

NGUYỄN QUYẾN



NGUYỄN VĨNH LONG

cánh cửa giao mùa

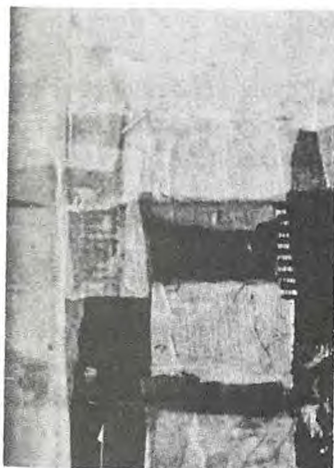
Và mùa đi, nhịp thở đất trời
Chiếc áo nắng hoa sau mùa lá rửa
Mỗi nụ cười là niềm vui một nửa
Nước mắt nơi nào cũng mặn như nhau
Hạnh phúc ơi, mặt trái niềm đau
Chiếc cầu vồng sau ngày mưa tạnh
Nụ hôn, lưỡi dao sắc cạnh
Chảy máu mặt đời này
Lại cắt đi phần nấm độc, lành vết thương kia
Những thành phố chiều cao đâm vỡ ánh sao khuya
Em thao thức trong đêm, mặt trần nhà vô tội
Lòng đời cuốn hôm nay cho ngày mai đến vội
Lòng người hờ hững tình người
Đến giả dối cũng thành quen
Thế kỷ này điện toán cả trái tim
Nhịp sống phải có đủ đầy dữ kiện
Hai mươi năm trước đây,
Lịch sử quê tôi là chuyện dòng sông vĩ tuyến
Lấp bao nhiêu bom đạn
Bao nhiêu ước mơ tuổi trẻ cũng không đầy
Hôm nay vẫn là lịch sử những vòng dây
Trói chặt, cắt chia từng nhóm người có chung nguồn gốc
Họ hận thù nhau để dành lòng yêu tổ quốc
Nơi em sinh ra, nơi tôi sinh ra trên phần trái đất
Định mệnh đặt tên và mang cả màu da
Hoa hướng dương nơi nào cũng vẫn là hoa
Sao khoác chi sắc màu oan nghiệt
Nụ hôn dẫu có nhiều dị biệt
Trên môi tôi là quá khứ đắng môi đời
Trên môi em là cả trái tim cười
cánh cửa mở buổi giao mùa rất lạ
Tôi yêu em dù phải là thân lá
Có vàng khô, rơi rụng buổi chiều tàn
Là ngày mai thân mọc những chồi non...

NGUYỄN VĨNH LONG
(Tháng 01-1996)



ISABEL ALLENDE

hai chữ



Lời dịch giả: *Ngôn ngữ - chữ viết, lời nói hay tư tưởng - từ trước tới nay và ở đâu cũng vậy thường là mối đe dọa đáng sợ đối với các nhà độc tài, nhất là trong thời đại chúng t,a khi phương tiện truyền thông trở nên phong phú, mau lẹ lạ thường. Vì ngôn ngữ, qua hình thái phô diễn khác nhau, trực tiếp hay gián tiếp, tùy nơi tùy lúc, ở tư thế đương đầu, thách đố, trước sau vẫn là thành trì cuối cùng đương cự với bạo quyền nhằm bảo vệ sinh tồn của dân tộc, tự do của con người, tuy đơn sơ nhưng ngoan cường, người cầm quyền chuyên chính dù rất muốn cũng không sao khắc phục, khoan nói chinh phục. Không những thế ngôn ngữ, trong tình huống đặc biệt, lại còn trở thành đối thủ vô hình có tác dụng quyết liệt, ảnh hưởng ghê gớm, sức mạnh khôn lường khiến kẻ tham quyền cố vị ngày đêm lo sợ, thậm chí mất ăn mất ngủ.*

Đêm 11 tháng 9 năm 1973 tướng Pinochet âm mưu đảo chính lật đổ chính quyền dân cử của Tổng thống mác-xít Salvador Allende Gossens thuộc đảng xã hội, rồi thiết lập chế độ quân phiệt "quản lý" nhân dân Chí Lợi chặt chẽ về mọi mặt. Tập đoàn mới áp dụng chính sách "lãnh đạo" kìm kẹp rất khắt khe; họ kiểm soát dân chúng gắt gao, giam cầm nhà văn, đốt sách báo xét ra không có lợi cho chế độ; họ còn bịt miệng nhân dân, kiểm duyệt báo chí và mọi phương tiện thông tin hàng ngày. Nước Chí Lợi (Chile) nằm dưới Pêru, bên cạnh Bôlivi và A Căn Đình, phía Đông dựa lưng vào dãy trường sơn Ande, phía Tây chạy dài 4200km dọc theo Thái bình dương đến tận cực Nam châu Mỹ, chiều rộng trung bình 160km và chỗ rộng nhất 400km, dân số khoảng 10 triệu, bỗng dưng trở thành nhà tù khổng lồ không tên.

Khi hay tin chú bị phe đảo chánh sát hại trong dinh, thân bằng quyến thuộc

bị lùng bắt, Isabel Allende (sinh năm 1942) liền tìm đường vượt biên lưu vong qua Venezuela. Lúc biệt xứ ra đi, bà chỉ đem theo hai thứ: nắm đất quê hương và ý định viết văn. Đất mang tới xứ người bà dùng trồng hoa còn ý định viết văn bà thực hiện trong sáng tác, về quê hương, dân tộc, nhất là những đau khổ đang bao trùm khắp nơi. Sáng tác nóng bỏng: tập bút ký kể lại tình trạng đất nước hưng vong qua tầm mắt ba thế hệ phụ nữ bất hạnh cùng hồn ma day dứt của họ. Tiểu thuyết đầu tay "Nhà Có Ma" (1985) đưa tên tuổi bà lên hàng văn gia quốc tế. Tiếp theo là "Tình Yêu và Bóng Tối" (1987), rồi "Eva Luna" (1990). Hiện nay bà định cư ở Hoa Kỳ. Và cách đây mấy tháng bà lại vừa xuất bản cuốn truyện tình cảm ghi đậm nỗi đau đớn của mình đối với đứa con gái đầu lòng bất hạnh vĩnh biệt cõi đời. Tình cảm ấy "càng chia càng lớn" đúng như Victor Hugo có lần viết "Plus on le divise, plus il se multiplie" trong bài thơ miêu tả tình mẫu tử.

Isabel sinh ra và lớn lên trong xã hội Nam Mỹ trong đó hố sâu ngăn cách kẻ giàu người nghèo thật sâu rộng, chính quyền độc tài, nhân dân đói khổ, người cầm quyền lộng hành, công lý là trò ảo thuật, con người sống kiếp giun dế, trong gia đình đàn ông làm chủ tất cả, đàn bà chỉ giữ vai phụ, thứ yếu. Trong xã hội đó, từ trước tới nay, nữ sĩ nhận thấy nữ giới không những bị hiếp đáp mà còn phải gánh nhiều trách nhiệm hơn nam giới, nhưng không có quyền hành, không được vui chơi hay hưởng tự do như phụ nữ nhiều nước trên thế giới. Đó là sự thực hiển nhiên và sự thật ấy quả thật đau lòng. Mặt khác, nữ sĩ cũng nhận thấy, với nhãn quan xuyên suốt của người cầm bút, sau cuộc đảo chính đẫm máu, dân tộc và tổ quốc đang đi xuống cõi âm ti qua roi vọt liên hồi của tên phù thủy lầm lì. Nữ sĩ đưa nhận thức thầm kín vào sáng tác. "Hai Chữ" (Dos Palabras) trích từ "Eva Luna" là chứng cớ cụ thể và mang nặng tính thời đại, đồng thời là tiếng nói ý nghĩa, tuy mộc mạc song đanh thép, của người phụ nữ cảm thấy bản thân cũng mang nỗi buồn dân tộc, do vậy cần phải nói lên, phản ánh thực tế não nề mình đã kinh qua. Hai chữ ấy là gì? - tùy bạn đọc suy đoán.

Đỗ Khánh Hoan.

*

Tên nàng là Belisa Crepusculario. Nàng mang tên ấy không phải từ hôm nhận lễ rửa tội hay vì mẹ nghĩ mãi mới ra mà do chính nàng lựa chọn, vì thấy Belisa (Đẹp) và Crepusculario (Hoàng hôn) nghe thật thơ, đắn đo cân nhắc rồi mới khoác lên mình. Làm nghề bán chữ, nàng đi khắp nước, từ vùng cao nguyên qua vùng giá lạnh tới vùng bờ biển nóng bỏng. Tới chợ vùng quê hay hội chợ thành thị nàng thường dựng lều hành nghề, lều gồm bốn cọc và miếng vải làm màn che mưa chắn nắng để tiếp khách cho thoải mái. Vì đã đi khá nhiều nơi nàng không cần quảng cáo, và nhờ đi đó đi đây nên ai cũng biết. Có nhiều người phải chờ hết năm này qua tháng khác, và khi nàng tới làng,

tay cắp gói đồ nghề người ta liền xếp hàng chầu chực ngay cửa hàng. Giá hàng của nàng lúc nào cũng phải chăng, không đắt mà cũng không rẻ. Nhận năm *centavo*, nàng làm ngay bài thơ rồi trao cho khách. Khách đọc xong là thuộc liền. Cầm bảy *centavo* trong tay, nàng sẽ chuốt lời tô thắm giấc mơ. Khách đưa chín centavo, nàng sẽ phóng bút viết bức thư tình, và với mười hai *centavo* nàng sẽ sáng tác bài văn đả kích, thóa mạ kẻ thù bất cộng đái thiên. Ngoài việc bán chữ nàng còn bán truyện. Truyện của nàng không phải tiểu thuyết mà là lịch sử vừa dài vừa thực nàng đọc làu làu từ đầu chí cuối không sót chữ nào cho khách nghe. Cứ như thế nàng bán hàng, bán hết làng này tới làng kia. Đôi khi người ta còn trả thêm và yêu cầu nàng thêm vài dòng. Chẳng hạn như cháu X chào đời, ông bà Y mãn phần, lễ thành hôn của con chúng tôi, hỏa hoạn trong mùa gặt... Tới đâu khi nàng sắp sửa rao hàng người ta thường bu quanh, rồi ngồi lắng nghe. Nhờ thế người ta biết chuyện về người khác, về bà con thân thuộc ở xa, về tình hình phức tạp hiện tại của cuộc nội chiến. Người nào trả năm mươi centavo để mua hàng, nàng sẽ riêng tặng một chữ bí mật; chữ này sẽ xua đuổi khỏi tâm tư nỗi lo lắng, buồn rầu. Dĩ nhiên, không phải chỉ có một chữ cho tất cả khách hàng. Nếu vậy người này sẽ lộn với người kia. Mỗi khách hàng chỉ nhận một chữ. Như vậy là tránh không để người khác ở trong vũ trụ hay thế giới bên kia cọ thể dùng chữ đó làm riêng của mình.

Belisa sinh ra trong gia đình nghèo. Nghèo đến độ cha mẹ không có cả tên để đặt cho con. Nàng sinh ra lớn lên trong vùng độc địa, khô cằn nhất nước, có năm mưa lũ dầm dề cuốn trôi hết cả, có năm chẳng có hột mưa nào, mặt trời thui dốt xứ sở trở nên sa mạc. Đến năm hai mươi tuổi vẫn ốm yếu và không có nghề trong tay để mưu sinh cho qua cảnh nghèo đói dày vò hàng thế kỷ. Trong vụ hạn hán khủng khiếp kéo dài hầu như bất tận nàng phải chôn bốn đứa em vừa trai vừa gái, và khi biết đến sắp lượt mình, nàng quyết định bỏ làng ra đi băng qua đồng bằng tới bờ biển. Trên đường đi, nàng tự nhủ bằng mọi giá phải thoát chết. Đất lở, mặt đất nứt sâu, đá nằm ngổn ngang, cây cối bụi rậm gãy đổ nằm kín hố, xương súc vật khô queo dưới ánh nắng thiêu đố. Thỉnh thoảng nàng gặp một số gia đình cũng như nàng xuôi Nam chờ phép lạ mưa rơi. Có gia đình ra đi từ trước đeo đủ thứ trên lưng hoặc bỏ vào xe kéo, nhưng đến lúc không thể nào vác nổi thân mình chỉ còn da bọc xương đàng vất tất cả. Họ bước đi thân xác đau nhừ, da teo lại như da thằn lằn, mắt đỏ ngầu vì ánh nắng chói chan. Gặp họ nàng vẫy tay chào hỏi, nhưng không ngừng bước vì không còn sức để biểu lộ lòng thương cảm. Nhiều người gục ngã bên đường, song nàng phải sống cho qua cảnh địa ngục để cuối cùng đưa tay với giọt nước đầu tiên, tia nước hầu như vô hình tuyệt đẹp từng nuôi sống cỏ cây và xa hơn nữa ở phía dưới mở rộng thăng dòng suối nhỏ hay đầm lầy.

Không những tự cứu mạng mà do tình cờ còn học được cách viết chữ. Lúc nàng tới ngôi làng gần bờ biển, gió mạnh khủng khiếp. Trang báo bay vút lên cao rồi rơi xuống ngay chân. Nàng cúi nhặt mảnh giấy vàng nhợt, đứng im một lúc nhìn mà chẳng biết dùng để làm gì. Nhưng lát sau do tò mò nàng không còn e thẹn nữa. Nàng trở lại chỗ người đàn ông đang tắm cho ngựa hỏi xem thế nào. Đúng chỗ nước đục ngầu ban nãy để dằn cơn khát nàng đã uống ừng ực.

- Cái này là cái gì thế hở ông? Nàng cất tiếng hỏi.

- Báo, trang thể thao.

Người đàn ông trả lời mà không hay nàng mù chữ. Lời đáp khiến nàng ngạc nhiên. Dẫu vậy, nàng không muốn tỏ ra mình có vẻ quê mùa. Nàng hỏi ông chân ruồi nhỏ li ti vẽ trên báo là gì vậy.

- Chữ đấy, nhỏ ơi! Đây này, đọc mà xem. hàng chữ ghi Fulgencio Barba noóc-ao đối thủ da đen Tiznao ở hiệp ba.

Từ hôm đó Belisa Crepusculario bắt đầu nhận ra sự thật: chữ bay tự do, không ai có thể chiếm độc quyền, và người nào có chút tài mọn là có thể sử dụng làm của riêng rồi từ đó khởi nghiệp làm ăn. Suy nghĩ về hoàn cảnh bản thân, nàng nhận thấy thay vì làm gái mãi dâm hay làm đầy tớ cho nhà giàu sang lo việc cơm nước chợ búa, mình có thể tự kiếm việc làm mưu sinh. Bán chữ đối với nàng có vẻ là lối thoát dễ chịu. Từ đó nàng hì hục học nghề. Nàng sẽ bám chặt nghề này và không chọn nghề khác. Mới đầu chào hàng còn lúng túng nàng chưa biết chữ có thể viết ở bất kỳ chỗ nào chứ không nhất thiết chỉ ở trên báo. Khi biết sự thể, nàng tìm cách thực hiện chương trình làm ăn thật tỉ mỉ. DO chắt chiu dành dụm có chút tiền còm nàng trả linh mục 20 *peso* để ông dạy nàng đọc và viết, ba mươi *peso* còn lại do chắt tìm mua cuốn từ điển. Có cuốn sách trong tay, lúc rảnh rỗi, nàng lần giở từng trang, nghiền ngẫm từ chữ A đến Z. Sau đó, nàng ném cuốn sách xuống biển, vì không muốn lấy tiền mà lại đem chữ tiền chế cứng ngắc bán cho khách hàng.

Một sớm mùa thu nấy năm sau, đang ngồi dưới tấm bạt căng lên làm mái hiên ngay giữa chợ, lúc đó đông đảo, ồn ào, và đang hí hoáy bán chữ về công lý cho cụ già đã hai mươi năm nạp đơn xin trợ cấp hưu trí mà vẫn chưa được, bỗng dư ng nàng nghe có tiếng ngựa hí, vó nện dồn dfập. Ngừng tay viết, ngẩng mặt nhìn, nàng thấy thoạt tiên cột bụi bốc cao, rồi đến đoàn người cưỡi ngựa chạy xổ vào chợ. Bọn kỵ mã là lính của Đại tá do người da đen lai trắng cầm đầu. Khắp vùng ai cũng biết người này. Gã sử dụng dao găm rất thành thạo, và lúc nào cũng trung thành với Sếp. Cả hai - Đại tá và người da đen lai trắng - hăng say theo đuổi cuộc nội chiến; tên họ gắn chặt với tai họa và cướp bóc. Đám lính kéo tới thị trấn, đằng đằng sát khí, mồ hôi nhễ nhại, sau khi bỏ đi để lại không khí sợ hãi rùng rợn. Đàn gà tích hốt hoảng vỗ cánh chạy, bầy chó lủi trốn, đàn bà ôm con lẩn xa. Chợ vắng teo không còn ai, trừ Belisa

Crepusculario. Từ trước tới giờ nàng chưa hề biết mặt người da đen lai trắng và rất ngạc nhiên khi thấy gã sắp sửa lại gần.

- Đúng mày rồi.

Gã vừa quát to vừa cầm roi da cuốn chặt trong tay chỉ thẳng mặt thiếu nữ. Gã chưa dứt lời hai tên lính đã nhẩy xổ vào tóm chặt. Chúng đá sập lều, đập bể lọ mực, trói cả tay lẫn chân rồi mang nàng như xách ba-lô lính thủy đặt lên mông ngựa của người da đen lai trắng. Xong đâu đấy cả bọn phi nhanh về hướng nam.

Mấy giờ sau, lúc cảm thấy sắp tắt thở, ngực úp sấp xuống mặt cát phía dưới, vì con ngựa cứ lắc mạnh lồng lên, nàng mới biết bốn chúng đã dừng. Rồi bốn bàn tay vạm vỡ cầm nàng đặt xuống đất. Nàng muốn đứng dậy, ngẩng đầu hiên ngang nhìn, nhưng không còn sức. Nàng thở hổn hển, té xỉu, đoạn thiếp dần như ngủ say. Đêm tối rì rào trong sào huyệt. Mấy giờ sau nàng bừng tỉnh. Tuy nhiên, nàng không có thì giờ nhận định, phân biệt âm thanh, vì vừa mở mắt nàng thấy ngay tên da đen lai trắng đang quì bên cạnh trố mắt nhìn.

- Tỉnh rồi hả cô bé. Gã nói rồi đưa cho nàng chiếc lon bảo uống từ từ cho tỉnh hẳn, trong lon có rượu đế nhạt thếch pha thuốc súng.

Nàng hỏi tại sao bị hành hạ như thế, gã giải thích cho nàng hay Đại tá cần nàng làm một việc giúp ông. Gã bảo nàng đi rửa mặt. Sau đó gã dẫn thẳng nàng xuống cuối trại lính. Đến nơi nàng thấy con người khét tiếng cả nước ai cũng sợ đang nằm trên võng móc vào hai thân cây. Nàng không nhìn thấy rõ vì khuất sau lá cây rậm rạp, nhưng sau bao năm sống đời thảo khấu côn đồ khuôn mặt vẫn hiện lồ lộ. Nàng tưởng tượng mặt y trông ghê gớm lắm, vì tên da đen lai trắng nói với y nghe vô cùng kính cẩn. Y nói nhỏ nhẹ, dịu dàng nghe chẳng khác giọng người trí thức khiến nàng giật mình.

- Có phải cô làm nghề bán chữ không? Y nói.

- Dạ, thưa phải. Nàng vừa ấp úng trả lời vừa trợn tròn đôi mắt nhìn y cho rõ hơn trong bóng tối.

Đại tá rời võng đứng dậy quay thẳng về phía nàng. Nàng thấy làn da nâu sậm, cặp mắt cọp rừng hung dữ, và nàng nhận ra ngay hiện mình đang đứng trước con người cô đơn nhất thế giới.

- Ta muốn trở thành Tổng thống, y nói.

Y cho biết đã chán cảnh lê gót suốt dải đất khô cằn, chán cảnh đánh nhau liên miên, thất bại nặng nề và không muốn dùng mưu mẹo, mánh lới đạt thắng lợi. Tính đến nay, đã bao năm rồi, y thường ngủ ngoài trời mặc muỗi đốt và chỉ bắt trăn rừng, tắc kè nấu cháo ăn cho qua ngày. Dẫu vậy, bất lợi nhỏ vừa nói không phải lý do có thể thay đổi cuộc đời. Cái thực sự khiến y canh cánh trong lòng ấy là nỗi khiếp đảm hiện rõ trong mắt mọi người. Y muốn mỗi khi vào thị trtấn đi đến đâu cũng có cổng chào nghênh đón, cờ treo khắp nơi, hoa rắc đầy đường, dân chúng tụ tập hoan hô rồi đem trứng gà mới

để, bánh mì mới nướng dâng tặng. Y chán ngấy cảnh dân chúng chạy trốn khi y đến gần, đàn bà kinh sợ, con nít run rẩy. Vì cảnh này mà y muốn trở thành Tổng thống. Tên da đen lai trắng đề nghị cả bọn nên phi ngựa về thủ đô, chạy thẳng vào dinh cướp chính quyền. Làm đúng cách như chúng thường làm khi vơ vét biết bao thứ mà không cần hỏi ai. Nhưng Đại tá không muốn trở thành tên độc tài, vì từ trước tới giờ đã có khá nhiều kẻ độc tài rồi, và nếu vậy y làm sao có thể tranh thủ lòng dân. Y muốn được chọn qua cuộc bầu cử tổ chức vào tháng chạp.

- Muốn đạt điều đó ta cần ăn nói như ứng cử viên. Cô có thể bán chữ cho ta để làm thành bài diễn văn được không? Y hỏi Belisa Crepusculario.

Từ trước tới giờ nàng nhận biết bao người đặt hàng họ đều khác nhau, nhưng chưa thấy người nào đặt hàng như thế này. Biết vậy song nàng cảm thấy không dám từ chối vì sợ tên da đen lai trắng sẽ nổ súng tức thì bắn lòi mắt mình, hoặc tệ hơn nữa Đại tá sẽ òa khóc. Hơn thế, trong thâm tâm, nàng cũng cảm thấy phải giúp y vì da thịt bắt đầu nóng ran, và nàng muốn đưa tay sờ người trước mặt, sờ từ đầu xuống chân rồi ôm chặt trong tay.

Suốt đêm hôm ấy và gần hết ngày hôm sau, nàng ngồi moi móc đầu óc tìm chữ để viết bài diễn văn ứng cử viên Tổng thống sẽ đọc. Trong lúc đó tên da đen lai trắng lẳng lặng đứng canh. Mắt gã nhìn chằm chặp cặp giò nõn nà, chắc nịch vì đi bộ quá nhiều và bộ ngực trinh nữ căng phồng. Nàng lựa chữ cẩn thận, không dùng chữ không gợi ý, không gợi hình, chữ hoa hoét, rỗng tuếch do sử dụng quá nhiều, chữ tạo hứa hẹn viễn vông, chữ xa sự thật, chữ mù mờ, tối nghĩa và chỉ chọn chữ có sức mạnh đi thẳng vào tư tưởng cùng trực giác đàn ông cũng như đàn bà. Vận dụng khả năng viết văn phải bỏ hai mươi peso mua của linh mục, nàng viết thẳng một mạch bài diễn văn, lát sau ra hiệu bảo tên da đen lai trắng cởi dây trói cột chân mình vào gốc cây. Nàng được dẫn vào gặp Đại tá. Giáp mặt lần này, rồi lần nữa, lần nào nàng cũng cảm thấy sợ hết hồn y như chạm trán lần đầu. Nàng đưa cho y tờ giấy rồi chờ. Y chỉ đưa hai đầu ngón tay ra cầm, đoạn trố mắt nhìn.

- Diễn văn nói cái khỉ khô gì thế hở? Vừa cầm tờ giấy y liền hỏi.

- Đại tá không biết đọc hay sao?

- Cái ta biết ấy là đánh nhau. Y tiếp lời.

Nàng đọc to bài diễn văn. Đọc ba lần để y có thể thuộc lòng. Vừa dứt lời nàng nhận thấy bọn lính đứng nghe xúc động ra mặt, và nàng cũng nhận thấy cặp mắt vàng khè của Đại tá sáng rực hẳn lên vì khoái trí như chắc mẩm bài diễn văn chữ nghĩa như thế thế nào ghế Tổng thống cũng về tay mình.

- Thưa đại ca, tên da đen lai trắng chêm lời. Sau mấy lần nghe, tay em của mình vẫn há hốc miệng như vậy chứng tỏ món này đạt lắm đấy ạ.

- Cô em, làm xong việc như thế này tính ta bao nhiêu? Đại tá hỏi.

- Một *peso*, thưa Đại tá.

- Như vậy đâu có mắc. Nói rồi y mở túi đeo ở dây lưng trong đó đựng đủ thứ chiến lợi phẩm mới thu lượm.

- Một *peso* Đại tá còn được tăng thêm nữa cơ. Xin biếu Đại tá hai chữ bí mật khỏi trả tiền. Nàng nói tiếp.

- Để làm gì?

Nàng giải thích cho y nghe. Trả năm mươi *centavo* là khách được tặng thêm một chữ để dùng riêng khi cần. Y nhún vai, vì không thích điều nàng vừa nêu. Tuy nhiên, y không muốn tỏ ra thiếu nhã nhặn với người đã phục vụ mình chu đáo đến thế. Nàng bước lại gần chiếc ghế da y đang ngồi rồi vừa khom người vừa nhoài về phía y nói nhỏ hai chữ. Người đàn ông tức thời có cảm giác như ngửi thấy khí núi nhẹ nhàng toát ra trên da thịt nàng, hơi người ấm áp bốc lên từ cặp mông nàng, cảm giác rờn rợn tiết ra từ mớ tóc dài rậm khẽ chạm vào người mình, hơi thở thơm tho dồn dập khẽ rót vào tai mình hai chữ bí mật y sẽ đặc biệt dùng riêng.

- Thưa, hai chữ đó là của riêng Đại tá. Vừa nói nàng vừa lui về phía sau. Đại tá có thể sử dụng bất kỳ lúc nào, bất cứ chỗ nào. Càng nhiều càng tốt.

Tên da đen lai trắng dẫn nàng ra ngoài lộ, mắt nhìn như muốn năn nỉ, van lơn. Nhưng lúc gã đưa tay định sờ vào người, nàng liền thốt ra mấy lời nghe thật lạ tai bảo gã ngừng ngay. vừa bịa xong bảo gã dừng ngay. Những chữ ấy làm ước muốn trong gã tiêu tan, vì gã nghĩ bụng những chữ ấy nghe chẳng khác lời nguyền rủa độc địa.

Đại tá đọc diễn văn suốt tháng chín, tháng mười, tháng mười một. Giả như chữ dùng trong đó không bóng bẩy, không chính xác mà sử dụng nhiều lần như thế ắt hẳn bài diễn văn sẽ hỏng bét. Y đi khắp nước, y tới mọi miền, y vào thành phố, vẻ đắc thắng hiện rõ trên mặt. Y cũng dừng ở thôn xóm hẻo lánh - chỗ rác rưởi đầy người - để thuyết phục dân chúng bỏ phiếu cho mình. Trong lúc y đứng trên bục gỗ dựng ở giữa chợ để vận động, tên da đen lai trắng cùng đám tay em phát kẹo cho mọi người, rồi lấy vôi bột đỏ ối viết tên y trên tường. Không ai mảy may để ý cung cách quảng cáo như thế, nhưng khi nghe Đại tá đề nghị rõ ràng, lý luận bay bướm, minh bạch, tất cả đều ngỡ ngàng và khi nghe y nói rất muốn sửa đổi sai lầm diễn ra trong lịch sử, tất cả đề hưởng ứng và cảm thấy lần đầu tiên trong đời mình thật sung sướng. Sau bài diễn văn bọn tà lọt đốt pháo bông. Khi cả bọn đi rồi, đợt khói hy vọng mong manh vẫn vất ngang bầu trời mấy ngày liền không tan trông chẳng khác gì sao chổi vừa băng qua không gian. Chỉ trong thời gian ngắn Đại tá trở thành ứng cử viên nổi tiếng khắp nơi. Từ trước tới giờ chưa ai chứng kiến hiện tượng: con người xuất thân từ cuộc nội chiến, mặt mũi đầy sẹo, nói năng như giáo sư Đại học, tên tuổi lan tràn khắp nước, lôi cuốn cảm tình của nhân dân. Báo chí bắt đầu đăng tải. Từ xa phóng viên tới phỏng vấn, sau đó trích lời y đăng trên báo. Số người theo y gia tăng ngang với số người thù ghét.

- Thưa đại ca mọi việc diễn ra ngon lành. Sau tháng rưỡi hoạt động ta đạt thành công. Tên da đen lai trắng tâu trình.

Nhưng Ứng cử viên không để ý lời gã nói. Y bận lặp lại hai chữ bí mật của mình, và lúc này đang lặp lại liên hồi. Mỗi lần cảm giác nhớ nhà lén lút đi vào tâm tư, y nhắc lại hai chữ ấy. Trong lúc ngủ y thì thầm lẩm bẩm hai chữ ấy. Khi cưỡi ngựa đi đâu y mang theo mình hai chữ ấy. Trước giờ đọc diễn văn quan trọng y nhẩm tới nhẩm lui hai chữ ấy. Và những lúc thảnh thơi để tự thưởng y cũng nhâm nhi hai chữ ấy. Mỗi bận hai chữ ấy xuất hiện trong đầu y lại nghĩ tới Belisa Crepusculario, và giác quan lại bừng hồi tưởng hơi ấm phảng phất đâu đây, mùi da thịt âm ấm lan tỏa nhẹ nhàng, làn tóc khẽ cọ vào thân mình, hơi thở thơm tho hổn hển bay quanh. Rồi y cứ đi tới đi lui như người mộng du. Đám tay em nhận thấy đời y hầu như chấm dứt đến nơi trước khi đoạt ghế Tổng thống.

- Bẩm, Đại tá có chuyện gì không vui trong lòng không ạ?

Tên da đen lai trắng hỏi không biết mấy lần. Thế rồi, một hôm chẳng chịu nổi nữa y mới bộc lộ: vì hai chữ ghi tâm khắc cốt tâm trạng y đến nông nỗi này.

- Xin Đại tá cho em biết sự thực để xem có cách nào xua đuổi hai chữ ấy cho khỏi ám ảnh tâm tư. Viên phụ tá trung thành dài giọng nói, đoạn đứng im chờ.

- Không nói được. Hai chữ đó là của riêng ta. Y nói.

Nhìn Sếp sức khỏe hao mòn, thân hình tiều tụy như người bị tuyên án tử hình, lòng không sao chịu nổi, tên da đen lai trắng bèn khoác súng lên vai đi tìm Belisa Crepusculario. Gã theo gót nàng qua miền đồng bằng mênh mông. Cuối cùng gã thấy nàng ngồi dưới tấm bạt căng lên làm mái hiên đang thao thao nói chuyện. Gã tiến lại gần, hai chân rạng thẳng, tay lăm le khẩu súng.

- Đi theo tao. Gã ra lệnh.

Nàng làm theo lời đứng dậy chờ. Chộp vội lọ mực, gấp nhanh tấm bạt, vắt khăn lên vai rồi chẳng nói chẳng rằng nàng trèo lên lưng ngựa ngồi phía sau. Suốt cuộc hành trình hai người không nói với nhau một lời. Thay vì thèm muốn thân thể nàng, tên da đen lai trắng tỏ ra giận dữ. Nhưng vì sợ ngọn lưỡi của nàng nên gã không dám động tới chân lông. Trong trường hợp tương tự đối với người khác gã sẽ ăn sống nuốt thì. Gã không nói cho nàng hay sự thể trong cơn xúc động Đại tá thường đi tới đi lui, và những gì không đạt được trong bao năm chiến đấu bỗng dưng tiêu tan vì bùa ngải đã rót vào tai. Hai ngày sau hai người tới căn cứ. Gã đem ngay tù nhân tới gặp ứng cử viên trước mặt hàng quân.

- Trình Đại tá, em đem con phù thủy về đây để Đại tá trả lại nó những gì nó tặng Đại tá và để nó trả lại phong độ tráng niên của mình. Vừa nói gã vừa

chĩa mũi súng vào gáy người con gái.

Đại tá và Belisa Crepusculario nhìn nhau khá lâu. Hai bên đoán độ khoảng cách từ mình đến người đối diện. Đám tay em bây giờ mới hiểu Sếp chẳng bao giờ rũ sạch khỏi tâm can sức hút ma quái hai chữ độc địa ám ảnh. Vì vừa ngước nhìn chúng thấy cặp mắt khát máu của con cọp rừng dịu hẳn lúc người con gái bước tới nắm tay.

ĐỖ KHÁNH HOAN *dịch*



NGUYỄN VĂN PHỤNG

mưa xuân

mưa xuân, mưa xuân
mưa rắc bụi phấn lên mặt em
lên vai em
gió thổi mưa tới cho tôi
mưa ngọt ngào

những giàn hoa bên bờ rào rơi rụng
em đi qua
ngọn gió tình cờ thổi tóc em bay
những cánh hoa
trong trí nhớ ta

khi trở lại con phố cũ
âm vang ngày qua dội lại
lay động tâm hồn ta
và ta nhìn thấy em

mưa xuân
mưa phủ mờ mặt kính
những sợi tóc mềm ngủ quên
mưa thổi bụi phấn lên mặt em
mưa xuân

NGUYỄN VĂN PHỤNG



THƯƠNG NGUYÊN

trở về tương lai



Muốn giúp dân nghèo, bệnh tật, vân vân... đừng vẽ tranh. Nếu có vẽ, xin đừng biến nghệ thuật thành liều thuốc an thần, mặc dù quan niệm này hao hao giống hội họa là cái ghế dựa (arm chair) của Matisse. Tuy nhiên, hội họa để ngơi nghỉ nghe không ghê như nghệ thuật.. an trí. Một thời gian dài, cái ghế dựa khiến hội họa Matisse bị ngộ nhận, bị xếp vào loại tranh nhẹ, sau Picasso.

Bức Guernica là thuốc ngủ, hay cú đấm? Đừng lo!

Cái kỳ cục sẽ thành quen mắt. Cái đấm sẽ thành cái vuốt ve. Tranh Picasso đã xinh như vải hoa, giấy hoa rồi.

Với nghệ thuật, một cây cọ tài là đỉnh đuốc ngay. Mười cây cọ xoàng chụm lại là cái dở nhân mười. Nếu tình cảm cao thượng không làm văn hay, những ý nghĩ phát xuất từ lòng thành cũng không giúp người cầm cọ vẽ tranh đẹp.

Nghệ thuật cho cả dân tộc là chuyện không tưởng. Quê mùa, dốt nát đâu biết thưởng ngoạn nghệ thuật của người giàu sang, trí thức. Nghệ thuật làm sao chống lại bán con gái non cho bọn mê dâm (Tàu Nhật?) "lông lá đầy mình đầy mặt"? Bức Guernica vĩ đại, lẫy lừng, vẫn không ngăn chặn được chiến tranh kia mà!

Vân vân.

Từ lâu rồi văn nghệ đúng nghĩa đã thôi tải đạo. Một bức tranh vẽ gái lầu xanh "đanh đá" (Les demoiselles d'Avignon của Picasso) có thể là tuyệt tác.

Nhưng chân dung người em gái "dịu hiền", bởi một họa sĩ vô tài, sẽ vô giá trị. Với hội họa, hình thức quan trọng hơn nội dung. Bức tranh gái điếm không bênh, không bài nạn mãi dâm. Gái điếm chỉ là cái cớ, như quả táo, như cái ghế. Tranh vẽ đàn bà (Picasso hay Gia Trí) không giúp người xem hiểu đàn bà, mà chỉ cho thấy một quan điểm nghệ thuật và tâm trạng người họa sĩ trong giai đoạn sáng tác. Picasso đã lấy mặt ông nọ (Mặt nạ châu Phi) ghép mình ả kia, thể nghiệm lối tạo hình lập thể (Cubism).

Nếu lý thuyết suông, hội họa, họa sĩ ta phải này nọ, là đặt con trâu đúng chỗ, đằng sau cái giá vẽ. Nếu có nhà tù, trại cải tạo chờ đón, thì là tự do dân chủ. Hãy bố thí cho nghệ sĩ cái quyền độc tài tự định nghĩa lấy văn nghệ và cuộc đời, bằng tác phẩm và cung cách.

Có cần nhắc lại quan niệm về cái đẹp, cái nghệ thuật thay đổi theo không gian, thời gian? Vì vậy, càng ngày càng có thêm những nghệ sĩ phiêu lưu bỏ bố màu, sử dụng các chất liệu mới.

Ta có thể ví Cách mạng Com piu tơ hiện nay với Cách mạng kỹ nghệ hậu bán Thế kỷ 18. Cánh mạng kỹ nghệ đã biến đổi môi sinh, cảnh thổ, biến đổi cảm nghĩ con người, cộng thêm vài yếu tố khác, đưa đến cách mạng Nghệ thuật Hiện Đại (Modernism) vào đầu thế kỷ này. Tương tợ, các máy móc điện toán đang chi phối đời sống con người trên địa cầu. Do đó khó đoán biết nhân loại sống ra sao trong thế kỷ tới. Nghệ thuật, hiểu theo nghĩa hiện nay, có còn là nhu cầu nữa không? Com piu tơ biết vẽ tranh, soạn nhạc, đã thay đổi diện mạo điện ảnh rất nhiều.

Như vậy, triển vọng một nền nghệ thuật VN độc đáo về nguồn có phải là viễn mơ kiểu... back to the future? Và nếu làm được, nó có là đèn đóm cho ai không? Chẳng lẽ chưa vẽ được ma đã dọa con nít? Mà nghĩ cho cùng nó cũng chẳng mới mẻ gì, vì nghệ thuật XHCNVN cũng đã từng về nguồn. Gia tài đã được khai thác, có thể nói là khá tơi bời, nhưng Diego Riviera của ta đâu? Cũng xin thưa: Riviera đã trở về nguồn In ca qua ngả Âu châu.

Với thí dụ trên, tôi không muốn nói họa sĩ ta từ nay phải đoạn tuyệt cội nguồn. Tôi chỉ muốn nói: họa sĩ ta có thể tìm về / tìm tới *mọi* nguồn nghệ thuật của nhân loại. Hoặc chẳng cần nguồn nào cả, nếu như thiên tài có thể từ dưới đất nẻ trồi lên, không cần phải học hỏi, bắt chước.

Làm gì có nghệ thuật đại chúng. Kẻ thích hiện thực, người mê siêu thực. Ông ưa hiện đại, tôi khoái hiện ẩu. Nếu *mọi thứ* đều là "nghệ thuật", làm bằng chất liệu lấy từ trong rừng núi, ruộng đồng, đất đai cây lá của mình, dân ta sẽ ngộp chán.

Không phải các món đồ dùng làm bằng tay mới là nghệ thuật. Nếu cần, có thể kể mỹ thuật "design" Bauhaus. Không nên thi vị hóa các ngành tiểu công nghệ ở các nước chậm tiến, vì nghệ nhân phải lao lực mới đủ sống.

Pop Art đã khẳng định vẽ đẹp của đồ làm bằng may. Andy Warhol chẳng hạn, đã dùng kỹ thuật khung lụa (serigraphie) in lên bố hàng loạt các tấm

ảnh (Marilyn), các nhãn hiệu (Coca-Cola), các tờ giấy bạc (One Dollar Bill), vừa để ngợi ca, vừa để châm biếm nền văn minh tiêu thụ, máy móc.

Yêu nghệ thuật, làm nghệ thuật, đồng ý. Nhưng xin đừng trịnh trọng thái quá. Tại sao? Vì nghệ thuật ngày càng trở thành xa xí phẩm, không khiến ai sống ai chết. Trừ phi có độc tài.

Thay vì quỳ lạy trước bàn thờ, trò đùa của Duchamp - lấy ria ông nọ (Dali) cắm mép bà kia (Mona Lisa) - bổ ích nhiều hơn. Hành động phạm thượng của người nghệ sĩ có nhiều sáng kiến dị thường (như triển lãm bánh xe đạp, bồn tiểu) đã mở nhiều cánh cửa đưa nghệ thuật Tây phương tới những chân trời mới. Tất nhiên một trong những cánh cửa đó phải là cái hài hước. Tranh Picasso, Miro, Klee... đều có chất hài, có tính trẻ con. Trước đấy, Picasso thời xanh, thời hồng còn sướt mướt tình cảm, như đa số tranh ta bây giờ, nhất là các tranh thiếu nữ. Có thể nói Picasso cả đời đùa giỡn với nghệ thuật. Nhờ Duchamp, nàng Lisa đã lột da sống đời dưới thiên hình vạn trạng. Khi đeo kiếng mát. Khi cười toe toét. Khi mặc quần bò. Khi làm trò xiếc... Bao giờ nàng sẽ tới chơi Việt Nam, áo tứ thân yếm đào, khăn mỏ quạ nón quai thao, đi viếng chùa Hương chụp ảnh kỷ niệm?

Jasper Jones nói ông vẽ lá quốc kỳ Mỹ vì đã nằm mơ thấy mình vẽ một lá cờ hoa. Vậy thôi. Warhol bảo nghệ thuật là tiền, tiền là nghệ thuật, nên vẽ tiền bán lấy tiền cho nó nhanh. Nửa đùa nửa thật. Mập mờ, ú ớ, ừ hử, vậy hả, khi bị phỏng vấn, để tránh tuyên bố lăng nhăng. Muốn hiểu sao cũng được. Với Warhol vấn đề rất đơn giản: ai mua tranh tôi bán tranh cho. Khách mua, và nhà phê bình, có thể coi các tấm bố của Warhol như nghệ thuật hay không, tùy ý.

Warhol gọi xưởng vẽ của mình là The Factory. Nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Đen vì tiền thân nó là xưởng máy. Bóng vì tranh Warhol được "sản xuất" hàng loạt, như các món đồ kỹ nghệ.

Nếu Marcel Duchamp đã hạ bệ bức họa cao nhất của Tây phương, thì, ngược lại, ông cũng đã nâng lên hàng nghệ thuật, các món đồ của thời công nghiệp. Theo ông, người nghệ sĩ chỉ cần ký tên, để biến một món đồ có sẵn thành một nghệ phẩm giá trị. Ông gọi các nghệ phẩm này là những "ready made". Khi đặt chữ ký, người nghệ sĩ đã sở hữu chủ món đồ và giữ độc quyền tác gia. Chỉ riêng cái bánh xe đạp, cái bồn tiểu, cái giá sắt (để mắc vỏ chai) mang chữ ký Duchamp, mới là nghệ phẩm độc đáo. Chỉ riêng các chai Coca, lon súp gà Campbell, hộp sà bông Brillo, mang chữ ký Warhol mới là những nghệ phẩm đắt tiền. Đầu thập niên 70, cũng theo con đường đó, Carl Andre đã sắp xếp các viên gạch thành hai lớp, theo một hình chữ nhật, gọi tác phẩm là Equivalent VIII (?). Tác phẩm được Tate Gallery (bảo tàng hội họa hiện đại ở Luân Đôn) mua với giá 6000 Anh kim, tiền dân đóng thuế. Nhiều người đã phản đối, bảo gạch không thể là nghệ thuật.

Đại khái, nghệ thuật chỉ giá trị khi có người chịu bỏ tiền ra mua. Càng

nhiều càng tốt. Ngược lại, giả dụ chẳng còn ai muốn xuất tiền để mua tranh Renoir, tranh Van Gogh, chúng sẽ hết là nghệ thuật ngay.

Dĩ nhiên Duchamp đã dùng một phiên bản khi thêm ria. Nhưng nếu có nguyên tác, chắc hẳn ông ta cũng chẳng làm hại bức họa tột đỉnh. Noi gương nghệ sĩ đàn anh, nhưng xa hơn một bước vì trong thế dễ, Jackson Pollock lúc chưa nổi danh, đã mua một bức vẽ bút chì của William de Kooning tên tuổi đã lẫy lừng, tẩy sạch, ký tên mình vào và đặt tên cho tác phẩm mới là: Pollock xóa de Kooning. Các trò đùa tượng trưng này đều vô hại, chỉ có lợi cho nghệ thuật. Nhưng cũng nên đề phòng. Các cục tẩy, nếu quá khích, có thể trở thành vệ binh đỏ.

Khởi thủy từ nguồn Âu châu, hội họa Mỹ hậu bán thế kỷ 20 đã tách thành một dòng lớn, tiêu biểu cho một quốc gia, cho cả một thế kỷ. Warhol cũng vĩ đại như Picasso, cũng có bảo tàng riêng. Marilyn là Mona Lisa của thế kỷ này. Nhưng cũng nên nhớ, tranh hiện đại Mỹ thập niên 50-60 có hậu thuẫn của một nền kinh tế khổng lồ, và, theo các tiết lộ mới đây, có cả bàn tay CIA nhúng vào. CIA đã kín đáo tài trợ các cuộc triển lãm giới thiệu hội họa Mỹ ở Âu châu, dùng chúng làm lợi khí trong cuộc chiến tranh lạnh, văn hóa tự do chống lại văn hóa độc tài.

Trường hợp Warhol in tranh tiền làm sáng tỏ thêm vấn đề then chốt: nghệ thuật và kinh tế luôn luôn đi đôi. Tiền (ngoại) đông tranh (ta) nhiều. Hoặc: Dân (ta) giàu tranh (ta) mạnh. Và chót nhưng không chét: Tiền nào nghệ thuật nấy. Vài thí dụ: tranh mộc bản Nhật (thế kỷ 18-19) phát triển nhờ đồng tiền của giới Trôi Nổi ở Edo (Tokyo) và đã tàn suy theo nó. Tất nhiên loại tranh này đã phản ánh các thú tiêu khiển của giới phú thương mua tranh, qua các bức chân dung kép hát, chân dung gái điếm, cảnh nhà thổ, cảnh ân ái khuê phòng. Ca khúc trữ tình lãng mạn của ta đã cực thịnh nhờ đồng tiền chiến tranh, nhờ đồng đô la viện trợ. Nhạc rock Anh Mỹ, nhạc yé yé Pháp cho thị trường giới trẻ. Phim nghệ thuật, phim chưởng phục vụ những đồng tiền khác nhau. Vân vân.

Bỏ Tây bỏ Tàu, chui vào vỏ ốc gạo tu luyện vài năm sẽ thành thầy thiên hạ, là mơ nhiều quá chăng? Trên thực tế, chẳng những không nên bỏ, phải rước thêm thầy. Bế quan tỏa cảng là tự lưu đày xa nhân loại, trong khi một ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ lại. Mặt khác, ảnh hưởng ngoại xâm đã thấm nhập văn hóa ta, như những giọt máu lai, lan len qua nhiều thế hệ, không dễ gì gạn lọc. Cái nào là ngoại lai, cái nào là giao chỉ? Cái gì ta nên giữ lại, cái gì ta phải vất đi?

Ông tỷ phú HL bê bối dài dài. Để sót lỗi chính tả tùm lum. Nhờ vậy mà tớ được một trận cười: tác phẩm in sai thành tác... "phẩn". Cười, vì hai ông Gilbert & George vừa có một cuộc triển lãm mang tên là George và George Lõa thể Tranh hoa cứt người. Trong lô tranh mới này, có những đóa hoa nhân tạo bự và cao bằng đầu. Đúng là những tuyệt tác phẩm! Một bức được đặt

tên là: Flying Shits (Cứt bay / Cỡi cứt). Xin để độc giả tự hình dung lấy tác phẩn độc đáo này. Chỉ xin thưa ngày là nó chẳng đáng tởm tí nào cả. Và cũng xin phép bắn tin thêm cho các vị chưa rõ: G&G là một cặp "vợ chồng" nghệ sĩ nổi tiếng thế giới. Họ không dùng bố màu, chỉ lấy các tấm ảnh phóng đại ghép lại thành những "tranh" láng bóng, kích thước khổng lồ, kỹ thuật tinh vi. Tranh tô màu chói, xanh, hồng, đỏ, tím, vàng nâu như những khung cửa kính ngũ sắc (stained glass window). G&G luôn mặc suit cà vạt. NHưng thời gian gần đây họ thích dùng ảnh của mình, lõa thể và bán lõa thể, khi tòn teng mặt tiền, khi khuôn trăng mặt hậu, cộng thêm mấy đóa hoa nâu (không gọi hoa vàng như ta) hữu sắc nhưng vô hương, may thay cho người xem!

Người ảnh Mỹ Andres Serrano có ảnh Piss Christ (Đái Chúa) đã gây sóng gió. Tấm ảnh cho thấy một cây thập giá Chúa đóng đinh, ngâm trong nước tiểu sủi bọt đục ngầu của người ảnh. Hè này ở Edinburgh Festival (Scotland), Serrano đã bày ảnh chụp các thây ma trong nhà xác.

Helen Chadwick cũng đái. Nhưng người đẹp không đái lên mình Chúa. Người đẹp thì phải đái ra... hoa (Piss Flowers). Mùa đông gió lạnh lùng gió lanh lung, Helen C ra đồng ngồi sè sè. Tuyết tiêu, người đẹp dùng các lỗ làm khuôn đúc hoa. Chưa biết các hoa này được đúc bằng chất liệu gì. (Picasso cũng đã vẽ hiền thê Jacqueline sè sè nắm đất. Dubuffet cũng có nguệc ngoạc một hình nhân đái mé phải, với vòi nước tiểu và cái giống khổng lồ).

Một nghệ sĩ Lào sống ở Anh, đã dùng bảy tấn gạo và đèn ống hồng, tạo một cánh đồng lúa quê hương với những luống cày, nơi quê người (neon Rice Field).

Damien Hirst làm mắm cừu, mắm bò. Hirst (người Anh, còn trẻ) dùng chất hóa học ngâm xác một con cừu lông lá đầy mình đầy mặt, gọi tác phẩm đã vang danh này là: Away from the Flock (Lìa đàn). Cũng ngâm thuốc, nhưng trong hai cái bồn riêng đặt cạnh nhau, là phân nửa xác một con bò cái, và phân nửa xác một bê con, cưa theo chiều dài, với nửa bộ đồ lòng. Dĩ nhiên bê không bú bò. Bởi tên của tác phẩm này là: Mẹ và Con chia cắt (Mother And Child Divided). Tội nghiệp. Nên coi các tác phẩm này như những ẩn dụ khôi hài đen về tình yêu, ly biệt, sinh tử?...? Nghệ sĩ, hay kẻ nào ngu si như cừu muốn lìa đàn, sẽ bị...!

Mona Hatoum (di tản, gốc Palestine) cho cuống máy xuyên qua các lỗ trên trước sau vào người thám hiểm, vi đê ô, cái thân xác "xa lạ" của mình (Corps Étranger, Foreign Body). Phim chiếu ngay trên cái "dĩa" lớn đặt dưới đất, trong ca bin nhỏ ba vách, với tiếng nhạc đệm của tim đập. Nghe nói rất hấp dẫn. Mùa thu này, Mona H hoặc Daniel H có thể lãnh giải Turner hàng năm của Tate Gallery (20,000 Anh kim). G&G được trao tặng trễ cái giải thưởng này trong năm 1986, vì lúc ấy họ đã nổi tiếng, thừa tiền.

Hương hoa cho thế kỷ sắp tới? Hay tà hoa của thế kỷ đang tàn? Các tên tuổi kể trên đều là sao sáng, hoặc đang lên. Còn biết bao trò mới me nữa



Charles Simonds: One, Two, Three, 1993

không thể kể xiết. Trò nào cũng được khen, chửi không tiếc lời. Các nghệ sĩ "trưng bày" này (installation artist) đang xa lìa nghệ thuật cũ, tự coi mình là đuốc rồi. Chẳng đợi ta.

Các cánh cửa hậu hiện đại đã rộng mở. Tất cả đều có thể là nghệ thuật, nếu thuyết phục giỏi, nếu được hỗ trợ. Thiên tài đỉnh mũi muôn đời, hay nổi tiếng mười lăm phút cho mọi người, như Warhol đã tiên tri? Nên tiếp tục cặm cụi vẽ tranh, như ông lão ngồi đan rổ trong thơ, mai bán lấy vài xu? Hay nên bắt chước người, xắn tay bẻ cổ nghệ thuật cũ, có gan làm giàu?

Tiến tới quá khứ.

Trở về tương lai.

Trở lại chuyện chúng mình.

Phát Xít, Mác Lê, Pol Pot.

Có phải các giấc mơ tìm lại cội nguồn, phân chia chủng tộc, các giấc mơ thiên thai, thiên đường, dễ thành ác mộng?

Ai đã bảo tác phẩm là quê hương nghệ sĩ?

Vân vân.

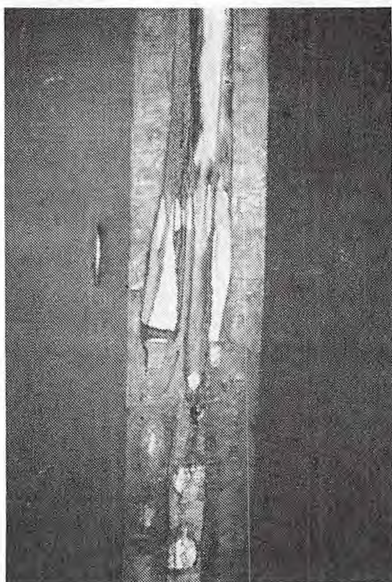
Và vân vân.

THƯƠNG NGUYÊN



JEFFREY HANTOVER
PHAN LANG dịch

những nẻo đường quê



Nguyễn Trung
Chùa 1, sơn dầu trên bố 55"X37. 2/5"

Jeffrey Hantover là một nhà sưu tập tranh và nghiên cứu nghệ thuật người Mỹ, hiện cư ngụ tại Hong Kong. Ông thường xuyên viếng Việt Nam tìm hiểu nền hội họa tại đây, và giao du rộng rãi với giới họa sĩ cả hai miền Nam Bắc. Sau đây là bài nhận định của ông về nền hội họa Việt Nam nhan đề "Report From Vietnam: The Road Through The Village" đăng trong tạp chí Art in America, số tháng ba năm 1995.

Họa sĩ Việt Nam đã thắng trong chiến tranh. Họ âm thầm kiên trì sáng tác trong thời nhà cầm quyền cấm đoán, áp chế, bắt cải tạo, bắt mặc thứ đồng phục ý thức hệ, bị bài bác chê bai. Nay đến lượt họ có thể thắng trong hòa bình hay không?

Trước thời kỳ đổi mới năm 1987, họa sĩ khó mà được phép vẽ theo ý họ muốn, được trưng bày tác phẩm cho quần chúng thưởng ngoạn một cách thoải mái và không e sợ. Đề tài trừu tượng, khỏa thân bị coi là loại tranh tư sản bạc nhược, đồi trụy. Nay những đề tài ấy không còn bị cấm kỵ.

Lịch sử hội họa xu hướng tây phương tại Việt Nam tuổi non một thế kỷ, mang một sắc thái đè nén, như nhìn xa qua làn kính viễn vọng. Bức tranh sơn dầu đầu tiên của một họa sĩ Việt Nam có niên đại 1898. Tranh của những

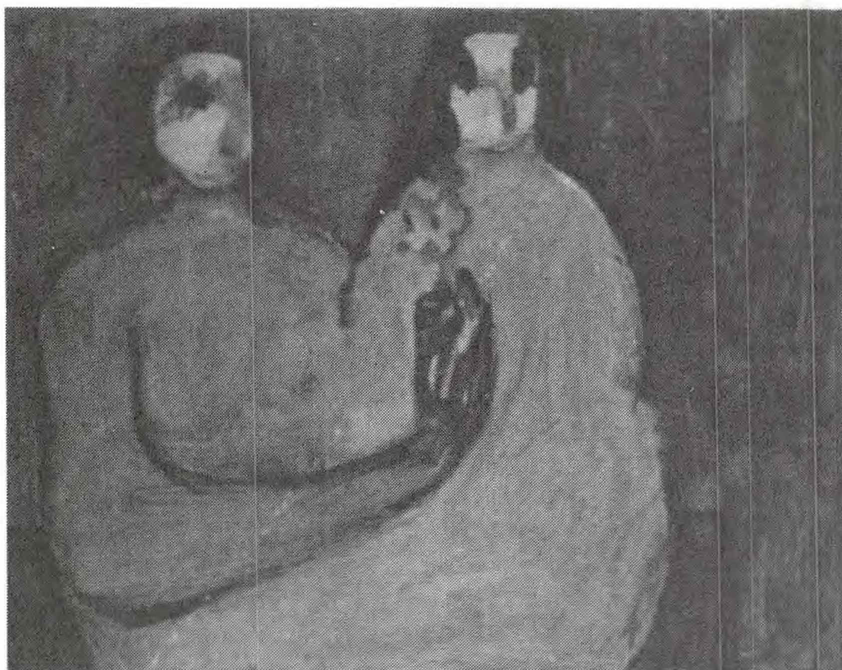
họa sĩ chuyên môn độc lập chỉ xuất hiện sau năm 1925 khi trường Mỹ Thuật Đông Dương do Pháp thành lập (là trường hội họa độc nhất tại Đông Nam Á vào thời kỳ thực dân thuộc địa). Phong trào lập thể khởi phát vào những năm 1930.

Con đường tiệm tiến vào nền nghệ thuật hiện đại Việt Nam bắt đầu đến ngã rẽ vào lúc cuộc cách mạng mùa thu 1945 với cuộc chiến tranh chống Pháp. Ngọn cờ phất lên bởi tầng lớp họa sĩ tiểu tư sản thành thị trong thập niên 1930 - nghệ thuật vị nghệ thuật - được xếp lại, không được trương ra suốt 40 năm. Cuộc triển lãm tranh khỏa thân đầu tiên sau cách mãng tháng tám là năm 1982. Phòng tranh đầu tiên được mở cửa sau ngày đất nước thống nhất là năm 1986. Cuộc triển lãm tranh cá nhân đầu tiên của Bùi Xuân Phái (1921-1988) là năm 1984 (gần 30 năm sau ngày ông bị nhà cầm quyền làm khó dễ vì tham gia vào phong trào đòi tự do sáng tác). Và đến tháng 5 năm 1992, cuộc triển lãm tranh trừu tượng lần đầu tiên được ra mắt. Cuộc trưng bày 80 tác phẩm của 40 họa sĩ này, được một họa sĩ và một nhà nghiên cứu mỹ thuật đứng ra tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh. Cho phép tổ chức, nhà cầm quyền chứng tỏ sự thay đổi trong lề lối suy nghĩ.

Chính sách đổi mới lan từ địa hạt văn nghệ sang địa hạt kinh tế, cho phép các phòng tranh thương mại hoạt động và làm họa sĩ tự kiếm sống được. Quan trọng hơn nữa, quần chúng được quyền diễn tả cảm xúc theo cá nhân. Lần đầu tiên tôi được dịp phỏng vấn họa sĩ Việt Nam vào năm 1991, tôi bắt gặp một mẫu số chung ở khắp các họa sĩ khác biệt về tuổi tác, trình độ, địa phương, xu hướng và chất liệu sáng tác là sự quyết tâm hướng về cái mới trong nghệ thuật. Rằng chức năng nghệ sĩ là phô bày những xúc cảm nội tâm. Họa sĩ khước từ xu hướng hiện thực trong nghệ thuật tạo hình, như đại diện cho cảm nghĩ của số đông họa sĩ Việt Nam trong vai trò sáng tác, Đặng Xuân Hòa phát biểu: "Tôi không vẽ những gì tôi thấy, tôi vẽ những gì tiềm ẩn bên trong cái tôi thấy." Năm 1992, nhà nước cho phép những diễn tả cá nhân không cần phải theo đường lối đảng và nhà nước (miễn không có hại tới "an ninh trật tự"). Nghệ thuật không còn thứ công cụ trong tay nhà nước, mà thuộc về cá nhân.

Họa sĩ vẽ trừu tượng Đào Minh Trí nói rằng: "Trong quá khứ, chúng tôi phí thì giờ vô ích bàn cãi "Cái đúng cái sai trong nghệ thuật", giờ đây chúng tôi đang tranh đua cho thứ nghệ thuật đẹp hay xấu." Nhưng cuộc tranh đấu ngày nay vẫn dính líu đến thành phần cố cựu "quay về dân tộc" vẫn khăng khăng chống lại nền nghệ thuật trừu tượng viễn mơ. Cả đến hôm nay, tại một đất nước còn bát ngát cánh đồng xanh này, một tác phẩm thiếu vắng hình ảnh thôn xóm làng quê, được coi là tác phẩm phi dân tộc.

Sau ba thập niên khép kín, các mô thức hình thái nghệ thuật vẫn còn hạn hẹp. Nghệ thuật nhiếp ảnh vẫn còn tính cách ảnh chụp thời sự. Ngành điêu



Trần Trung Tín: Linh hồn đôi, sơn dầu trên giấy ảnh, 8.2/3"X11"

khắc vẫn ở giai đoạn tạc tượng tưởng niệm anh hùng dân tộc và chân dung nhân vật, nền kịch nghệ mới chưa có, cuộc triển lãm duy nhất được mệnh danh là "Nghệ Thuật Kiến Tạo" (Installation Art) vào năm 1992 của một tay hí họa, dùng các con búp bê của đứa con gái mình để diễn tả những đề tài đả kích tham nhũng và lòng tham của lớp tư sản. Ngay cả những phòng tranh có trình độ như Mai Gallery, hay Ecole de Hanoi ở Hà Nội, hay Hồng Hạc tại thành phố HCM, tranh của mỗi một họa sĩ chất đầy từ sàn lên đến tận trần nhà (phòng tranh Espace NK - Art Contemporaine tại thành phố HCM, được một phần tài trợ bởi chính phủ Pháp trình bày sang trọng theo lối salon, nổi bật trong bối cảnh luộm thuộm ấy.)

NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI TẠI MIỀN BẮC

Nền nghệ thuật hiện tại dân tộc xuất phát từ miền Bắc, nơi thành trì của ảnh hưởng mạnh mẽ. Tinh thần dân tộc mang tính cách bài ngoại là vũ khí trong cuộc chiến tranh chống Pháp chống Mỹ. Đây chiếc nôi của truyền thống cho rằng có bốn ngàn năm văn hiến, rồi trải qua nền văn minh Đông

Sơn, và tồn tại hàng ngàn năm đô hộ giặc Hán. Quan điểm nghệ thuật miền Nam tìm sự hòa hợp giữa Đông Tây, bị xem như làm lũng đoạn sự đoàn kết ý chí dân tộc. Nghệ thuật Tây phương là nghệ thuật tư sản và bị cấm đoán từ năm 1954. Trong tình cảnh ấy, đường lối nghệ thuật hiện đại an toàn phi chính trị, có thể nói là, quay lại những nẻo đường quê chốn dân gian.

Khởi đầu giữa những năm 1950, Nguyễn Tư Nghiêm (sinh năm 1922) là họa sĩ miền Bắc đầu tiên ảnh hưởng trực tiếp lối nghệ thuật làng xóm, và Nghiêm được xem là cha đẻ nền nghệ thuật hiện đại miền Bắc. Nếu lớp họa sĩ hiện đại tiền phong ở Tây phương vượt ra ngoài lục địa, tiếp thu ảnh hưởng của nghệ thuật các bộ tộc Hải Đảo (Oceanic) và Phi Châu, để tách rời khỏi quan niệm và thẩm mỹ học truyền thống Phục Hưng (Renaissance) thì Nghiêm quay lại tìm cảm hứng nơi chính quê nhà, nơi những cột chạm khắc theo tục mai táng tại miền Tây Nguyên Trung Phần, ảnh tượng trong đình miếu chùa chiền cổ, và tranh mộc bản Đông Hồ. Điêu khắc đình làng thế kỷ 17 và 18, phù điêu trên bia đá, cột kèo gỗ, những đường nét trực chỉ, mạnh bạo, những hình thù đa dạng từ sinh hoạt hàng ngày ở làng xóm dân gian. Những kiểu chạm trổ này, với hình thể mộc mạc hồn nhiên như trẻ con trên những cọc mồ mả Tây Nguyên, trên những lọ sành sứ, trong tranh tết khắc gỗ dân dã màu sắc đối chọi tươi thắm, bất cần luật viễn cảnh và hình người đậm nét viền đen, hết thảy mang sắc thái rất gần gũi họ hàng với xu hướng nghệ thuật hiện đại tây phương. Thứ nghệ thuật vô thưởng vô phạt phi chính trị - thứ nghệ thuật bản địa, làng xã ca tụng đức tính cần cù và đời sống người nông dân. Trong hơn 40 năm, nghệ thuật của Nghiêm diễn tả những loài gia súc, những danh nhân trong truyền kỳ cổ tích Việt Nam, những vũ khúc ngày mùa dân tộc, trực tiếp, sinh động theo từng nhịp chân dồn dập. Với những hình ảnh này, làm cho ông là nhà nghệ sĩ biết quay về nguồn dân tộc vừa hiện đại mới mẻ, trong thời kỳ đất nước chiến tranh và dầy dẫy những ràng buộc khó khăn.

Hầu hết những nghệ sĩ dưới lứa tuổi 50 tại miền Bắc hiện đi theo con đường của Nghiêm. Rõ ràng là, đối với các họa sĩ dù Bắc hay Nam, hình ảnh, kiểu cách, và chất nghệ thuật dân gian ấy trở thành thứ mẫu mực không thể thiếu, cứ được lập đi lập lại như thứ ngôn ngữ quá nhàm tai. Ngoài sự kết hợp tầm thường như cảnh con trâu cày, bé mục đồng, đình miếu chùa chiền, hoa sen, bàn thờ Phật, chẳng thấy sự tưởng tượng nào mới lạ độc đáo.

Tuy nhiên, trong thể loại hiện đại ấy, cũng nổi bật lên một số tác phẩm của những cá nhân họa sĩ mang sắc thái khá đặc thù. Một nhóm số ít, nhưng con số mỗi lúc một đông, các hoạ sĩ thách đố với cái đường xưa lối cũ ấy. Nổi bật trong nhóm, là Nguyễn Quân (sinh năm 1948) và Đặng Xuân Hòa (sinh năm 1959) cảm hứng về đời sống làng xóm dân gian mang cách nhìn rất riêng tư và thi vị.

Quân, một người viết về nghệ thuật và là một họa sĩ, là một học trò đáng tiêu biểu nhất của nghệ thuật dân gian. Anh đã sáng tác một số lượng tác phẩm đáng kể với những rung động độc đáo phổ vào với đường nét và hình ảnh làng quê. Các sáng tác mới đây của anh về tĩnh vật và vẽ các tượng chạm trông đơn giản hơn với loại tranh của anh vào cuối thập niên 80 - Tiêu biểu là một tranh mới của anh, một không gian như giấc mộng huyền ảo, những vật thể tròn trĩnh như củ trái hoa quả nằm rời rạc bên những mảng sắc màu vung vãi.

Hòa, tuổi ở thế hệ trẻ hơn, thường giao du với nhóm họa sĩ được mệnh danh là "ngũ nhân bang" gồm Việt Dũng, Hà Trí Hiếu, Trần Lương và Phạm Quan Vinh. Họ thuộc lứa tuổi ba mươi và tốt nghiệp trường Mỹ Thuật Hà Nội, gây được nhiều tiếng vang trong một vài năm mới đây. Họ được nồng nhiệt cổ võ bởi Dương Tường, một dịch giả, nhà phê bình hội họa và chủ phòng tranh Mai Gallery. Trong cái mới, họ chất chứa những tài hoa và bản sắc đầy hứa hẹn.

Hòa sang Mỹ sáu tháng năm 1994 để tham dự vào dự án Nghệ Thuật Đông Dương tại Boston và triển lãm tại phòng tranh Đông Tây ở New York và Lillian Immig Gallery tại đại học Emmanuel. Tranh của anh, phóng khoáng và bay bướm trong loại màu gouache hơn là tranh sơn dầu, bằng sự bố cục có vẻ lộn xộn một cách tự nhiên, những con linh thú với những đồ vật thông dụng thường ngày, những món đồ cổ, ràng buộc với nhau trong một không gian nổi.

Hòa có lẽ là người nổi bật trong nhóm "ngũ nhân bang". Nhưng Lương (sinh năm 1960) mới là người có óc tưởng tượng phong phú độc đáo hơn cả. Ở Việt Nam, tranh đẹp nhiều hơn số họa sĩ khá, nhiều họa sĩ trẻ thỉnh thoảng lọt ra được một tác phẩm hay, trong bước đường đang thử nghiệm tìm kiếm bản sắc riêng hoặc đi tìm sự thành công thương mại. Lương xuất sắc trong một loạt tác phẩm có trình độ cao vẽ bằng sơn dầu và màu nước. Bức "Dưới Mặt Nước" vẽ những sinh vật kỳ lạ lượn lờ như gần biến thể thành trừu tượng. Tranh sơn dầu của anh phong phú hơn và chan hòa ánh sáng hơn sau khi anh đi Hòa Lan về năm 1993, ở đó anh trưng bày tác phẩm tại viện bảo tàng nghệ thuật Topenmuseum Amsterdam và làm việc một tháng với các họa sĩ Hòa Lan và các nghệ sĩ phái Kiến Tạo. Sau khi thử nghiệm với loại tranh hợp liệu (mixed-medium) và loại mỹ thuật Kiến tạo (Installation Art) Lương cảm thấy mình ví như "một chiến sĩ trang bị loại vũ khí mới."

Hai năm trước, Vinh (sinh năm 1960) cho thấy một tài năng hứa hẹn, nhưng nhìn chung, tranh của anh có vẻ mềm mại, nên thơ, hơi làm dáng, và quá vô tình đến độ phi nhân. Tác phẩm mới của anh - trừu tượng và bán trừu tượng - dùng màu nước trên giấy màu hồng hay mực Tàu trên giấy bìa cứng, có vẽ sôi động hơn, gấp gáp hơn. Tranh vẽ chó của anh để đón mừng năm

Tuất, mạnh bạo và dứt khoát, gợi nhớ đến tranh ngựa phi nước đại của Susan Pothenberg. Trong khi Dũng (sinh năm 1962) có lẽ về lâu dài không tạo ảnh hưởng như Hòa và Lương cho hướng đi hội họa Việt Nam, nhưng anh là một họa sĩ đầy tự tin, đang đào xới tìm được một mạch nguồn nhỏ bé. Tác phẩm của anh mô tả những ngõ đường vắng, những góc làng đìu hiu với những mảnh màu đối chọi như để khai thác nét lung linh của ánh sáng, bóng tối và hình thể.

Ngoài đám nghệ sĩ ngũ nhân bang này (được họa sĩ kiêm phê bình gia Hà Cẩm Thượng đề cao) Nguyễn Quốc Hợi và Đinh Quan đáng chú ý hơn cả. Hợi (sinh năm 1960) vẽ những hình nhân nhỏ bé bơ vơ, với cái đầu lớn lộ vẻ chán chường, đứng như những bóng ma gọi hồn từ cõi hư vô. Quan (sinh năm 1964) diễn tả một không gian lãng đãng mơ hồ, che mờ những đồ vật lạ.

Tuy nhiên, chỉ có mỗi một họa sĩ Hà Nội - kể cả toàn quốc - dám làm một sự thách đố ngay tại thành trì truyền thống cố cựu này, kẻ mạnh dạn phô bày những cảm tính thầm kín một cách cực kỳ táo bạo, là Trương Tân (sinh năm 1963), anh là họa sĩ đồng tính luyến ái tiêu biểu nhất Việt Nam, họa sĩ duy nhất dám đưa ám ảnh dục tính vào tranh - Tân là một trong số ít họa sĩ xử dụng chất liệu pha chế (mixed-medium) trong tác phẩm - bằng đủ thứ: ảnh chụp, dây nhợ, kiếng vỡ, giây xích, dao kéo bệnh viện còn dính máu khô. Anh là người độc nhất tập hợp những thứ ấy vào tranh, chơi giỡn với ngôn ngữ hội họa, đi tìm cái giá phải trả và hậu quả của sự áp chế xã hội. Sáng tác mới đây của Tân gây chấn động với hình ảnh đầu người giống dương vật biết nói, nếu anh không nhắm đến đề tài này, nếu giới họa sĩ Việt Nam có thể đọc được ý nghĩa tuyên ngôn tiềm ẩn trong tác phẩm anh, có lẽ anh là nhà làm nghệ thuật đưa tranh Việt Nam đến cõi bờ Hậu Hiện Đại (Postmodern)

NGHỆ THUẬT TRỪU TƯỢNG Ở MIỀN NAM

Sự khác biệt về địa dư, cơ cấu xã hội và cuộc tiếp xúc với tây phương đã chia cách tinh thần văn hóa Bắc Nam từ lâu trước thời kỳ 1954. Thập niên 60 và 70, giới họa sĩ Sài Gòn được hấp thụ các trào lưu quốc tế. Họ gần gũi với sách báo nghệ thuật tây phương, tham dự các cuộc triển lãm trong và ngoài nước, một nền hội họa phong phú đa dạng với những trường phái lập thể, trừu tượng và tân kỳ...

Cuộc di tản của giới họa sĩ và các nhà sưu tập tranh năm 1975 xảy ra cùng thời điểm nhà cầm quyền mở chiến dịch gắt gao đánh thứ "văn hóa đồi trụy ngoại bang", đã giết mất hội họa trừu tượng. Nó mới được hồi sinh từ bốn năm qua, việc các viện bảo tàng Nam và Bắc chịu bỏ tiền ra mua và trưng

bày tranh trừu tượng cho thấy thái độ của nhà cầm quyền tỏ vẻ đấu dịu với giới họa sĩ miền Nam và sự đóng góp của họ cho mỹ thuật trước ngày thống nhất đất nước.

Tuy là một xu hướng phụ, nhưng tranh trừu tượng là ưu điểm của các họa sĩ miền Nam. Đối với các họa sĩ miền Bắc, qua cuộc triển lãm năm 1992, họ có thử nghiệm lối vẽ trừu tượng rồi họ phải quay về với tranh tượng hình, phong cảnh, và biểu tượng nên thơ, nhường lãnh vực này cho họa sĩ miền Nam như Nguyễn Trung, Trịnh Cung, Trần văn Thảo, Đỗ Hoàng Tường, Nguyễn Tấn Cương và Đào Minh Trí.

Sang Pháp khoảng một năm 1990-91, Trung (sinh năm 1940), một họa sĩ hàng đầu trong làng hội họa Sài Gòn trước 75, đã sáng tác nhiều tác phẩm trừu tượng rất tinh tế và cẩn trọng. Những vệt mầu trắng và những đường mỏng nhỏ nhảy múa trên nền đen và nâu đậm, trông như nét chữ ngoằn ngoèo trên nền phim âm bản. Cảm hứng nhân một chuyến ra Bắc, hai năm qua Trung cố diễn tả lại hình ảnh tia nắng huyền ảo buông rơi trên những ngói đình miếu cổ, chỗ mái rêu phong, cột kèo cũ kỹ đượm "màu thời gian". Những ngôi nhà cổ phong sương giãi dầu làm tác giả rung động sáng tạo một loạt tranh mới đây, ghi lại "chất thơ của phế tích", nét thơ mộng của điêu tàn.

Thảo (sinh năm 1961) một trong những tài năng tới nhất phái trừu tượng, không tìm nguồn cảm hứng nơi ngoại cảnh, nhưng quay về với khoảnh khắc bất chợt trong nội tâm. Anh cho biết cuộc đời anh ngày càng rối ren và muộn phiền, đây là "giai đoạn u sầu" - thế nên tranh anh trước đây màu sắc vui tươi, nay chuyển thành tăm tối, tựa như nỗi buồn không làm vui người xem.

Giống như Thảo, họa sĩ Nguyễn Minh Phương (sinh năm 1964) chứng tỏ sức sáng tạo thông minh và xử dụng nhiều chất liệu khác nhau để ứng xử với những tư duy của bản thân và thẩm mỹ. Là một người vẽ tranh và làm gốm, đặt chân sang cả hai địa hạt trừu tượng và biểu tượng với tác phẩm mô tả khoảng không gian trong giải thiên hà của vũ trụ đen đầy tinh cầu, đó đây hiện lên lơ lửng những bộ mặt giống mặt hình chạm gỗ trên những bia mồ bộ tộc Tây Nguyên.

Có lẽ ở Việt Nam, một họa sĩ phái tả chân cỡ Đỗ Quang Em là người tách rời khỏi dòng nghệ thuật của đa số một cách triệt để. Em là một trong hai họa sĩ tả chân của cả hai miền Nam Bắc, trước đây anh là một trong những tài năng hàng đầu của Hội Họa Sĩ Trẻ ở Sài Gòn trước năm 75, mẹ, vợ và con anh hiện ở nước ngoài, nhưng anh còn ở lại, mong được du lịch thăm gia đình tại California. Với nhân sinh quan như một thiền gia, an nhiên tự tại chấp nhận cái hữu hạn của cuộc đời, điều đó thể hiện qua các họa phẩm tuyệt vời vẽ hình vợ và con gái trong ánh đèn dầu bi ai, hoặc vẽ những đồ vật tầm thường như chiếc chõng tre, cái ấm đất. Em cho rằng những triết lý nghệ

thuật cao siêu quá tầm tay anh, anh tự ví mình như con ếch ngồi đáy giếng, trung thành ghi chép chính xác những sự vật quanh mình, và nói "Dưới đáy giếng sâu, tôi cũng thấy niềm hạnh phúc".

Một họa sĩ ở miền Nam cũng tách khỏi dòng đa số nhưng nghịch hướng sáng tác với thế giới tỉ mỉ của Đỗ Quang Em là Trần Trung Tín (sinh năm 1933), có bút pháp bộc trực hồn nhiên như trẻ con theo xu hướng rất được ái mộ của Bùi Xuân Phái (một họa sĩ hiện đại tiền phong mất năm 88). Tín tự học vẽ hồi còn là một tài tử đóng phim năm 1969 ở Hà Nội. Sau năm 1975 anh vào Nam, giã từ đảng và phim trường, làm nghề xe đò và theo đuổi hội họa. Anh ngã bệnh nặng năm 1987 và mãi đến năm 1989 mới được triển lãm. Tín được người yêu tranh nước ngoài ưa thích với các bức tranh nhỏ, mộc mạc hồn nhiên mà pha rót vào chút buồn thảm cuộc sống, như thầm trách cứ và muốn vượt qua nỗi khó khăn trong đời sống xã hội.

Du khách Pháp, thoải mái thưởng thức hương vị cốc cà phê phin và bánh mì Tây, có mặt đầy dẫy ở Việt Nam. Các thương nhân nước ngoài trong bộ com lê sọc và Việt Kiều tiền bạc dư dã đổ về mỗi ngaỳ mỗi đông. Ai cũng muốn mua về món mỹ nghệ kỷ niệm chuyến thăm Việt Nam. Với họ tranh Việt Nam phải rặc chất Việt Nam: Cô gái Việt thướt tha trong tà áo dài, hay cánh đồng quê có bóng trâu cày, mái đình, người dân đội nón lá. Nghịch lý thay, niềm khao khát một nền nghệ thuật mang bản sắc Việt Nam được củng cố thêm bởi định kiến thị hiếu ấy của khách nước ngoài, khiến giới họa sĩ càng không có lối thoát. Người biết chơi tranh thì tìm cho được Phái hoặc Nghiêm. Rất ít người dám mua loại tranh quá táo bạo như tranh dương vật biết nói kia, hoặc lối tranh trừu tượng âm u, sắc mầu và đường nét chẳng ăn nhập gì dấu vết nghệ thuật của một quốc gia nào.

Ngoài sự tự trọng và lòng đam mê nghệ thuật, chẳng có gì khác giúp họ cưỡng lại được sự lôi cuốn vào con đường nghệ thuật thương mại: không có một trường ốc nghệ thuật nào lập rào cản, hoặc hội nghệ sĩ nào vạch lối đi, không một tổ chức chính thức nào cổ võ thành phong trào tranh mới avant-garde: chẳng ai màng hô hào trở lại con đường nghệ thuật Hiện Thực Xã Hội Chủ Nghĩa (vốn chưa hề gây được ảnh hưởng sâu sắc tại Việt Nam như ở Trung Quốc và Liên Sô). Tấm chăn đắp êm ấm của thứ mỹ thuật hiện đại dựa trên truyền thống dân dã cũ sẽ bị vất bỏ đi bởi các họa sĩ được dịp du hành ra nước ngoài học hỏi (họa sĩ Lương nói: "nghệ thuật trong nước có vẻ dễ dãi"), bị quẳng bỏ đi bởi các họa sĩ lòng náo nức quyết khai phá cho mình những chân trời mới khả dĩ diễn đạt được những thôi thúc thẩm mỹ, bởi những kẻ tách rời khỏi đám đông như Tân, như Tín và ngay cả Em, là những họa sĩ đang âm thầm sáng tạo, chỉ lắng nghe mỗi thứ ngôn ngữ sâu kín của nội tâm.

PHAN LANG *dịch*



NGUYỄN MẠNH TRINH

phỏng vấn nhà văn nguyễn xuân quang



NGUYỄN-XUÂN-QUANG sinh năm 1941 tại Đà Nẵng. Chánh quán Hưng Yên, Bắc Việt. Tốt nghiệp Y Khoa Saigon năm 1969. Quân Y khóa 16 hiện dịch. Tị nạn tại Hoa Kỳ năm 1975. Hành nghề y khoa tại Orange county từ năm 1978. Tốt nghiệp chuyên khọa Thận và Cao Máu năm 1986 và được bổ nhiệm làm Assistant Clinical Professor tại Đại Học Y Khoa Irvine, Orange County, California, USA.

Những tác phẩm đã in và đăng báo:

- *Trước năm 1975 tại Việt Nam:*
  - *-Thần Tượng, thơ (Tao Đàn xuất bản)*
  - *-Thượng Đế Đeo Kính (Truyện dài đăng từng kỳ trên nhật báo Hòa Bình)*
  - *-Chiếc Mặt Nạ Da Người, tập truyện (Trí Đăng xuất bản).*
- *Sau năm 1975 tạii Hoa Kỳ*
  - *-Tình Thù, tập truyện (Mai An xuất bản).*
  - *-Nay Tôi Mai Ai? truyện dài (đăng từng kỳ trên tuần báo Saigon, tại Orange county).*
  - *-Người Cầm Thù Ruồi, tập truyện (viết lại Chiếc Mặt Nạ Da Người, Người Việt xuất bản)*
  - *-Những Mảnh Đời Tị Nạn (Xuân Thu xuất bản)*
  - *- Đi, truyện ký (Á Mỹ xuất bản)*

Hiện là chủ nhiệm kiêm chủ bút nguyệt san Y Học Thường Thức tại Orange county.

*

- Anh đã bắt đầu nghiệp cầm bút từ lúc nào? Và nguyên do nào thúc đẩy anh làm công việc ấy?

- Thưa anh, anh dùng từ "nghiệp" với ý muốn nói là bài viết phổ biến cho người khác đọc phải không? Với nghĩa ấy thì đó truyện ngắn đầu tiên của tôi viết đăng trên tờ Bích Báo Xuân của trường hồi còn học lớp đệ lục vào khoảng năm 1956, 1957. Truyện đó mang tựa là Gác Nồi Bánh Chưng. Truyện đại khái mấy anh em chia phiên gác nồi bánh chưng nấu thâu đêm ba mươi. Đến lượt mình, buồn ngủ quá, nẩy ra một ý kiến rất thông minh là để cái pháo ở gốc củi, rồi quấn chăn nằm ngủ, chờ pháo nổ đánh thức dậy cho thêm mẻ củi khác vào bếp. Chẳng may gặp cái pháo thối, phào xì, nên kết quả sáng mồng một tết mấy anh em thức dậy với nồi bánh chưng sống nhăn.

Còn nguyên do nào thúc đẩy? Tôi viết rất sớm, theo tôi có lẽ một phần tôi sớm bị lạc lõng trong các thú vui chơi của các trẻ em cùng lứa tuổi lúc ấy. Tôi sinh ở Đà Nẵng nhưng chính quán ở Hưng Yên Bắc Việt. Lúc bốn năm tuổi chiến tranh bùng nổ, tôi theo mẹ về Bắc trở lại. Ông thân ở lại thu xếp nhà cửa bị kẹt lại miền Trung. Về quê tôi bị lạc lõng giữa đám trẻ trong làng, những trò chơi tay chân đánh đinh đánh đáo thấy không hợp với mình.... và có lẽ suốt tuổi trẻ lớn lên trong ly loạn...

- Tác phẩm đầu tay của anh là một tập thơ. Và sau này, thì anh chuyên viết truyện ngắn, truyện dài. Tại sao lại có sự kiện như vậy?

- Riêng về thơ, thật sự mà nói thì sự thay đổi này do cái sở trường và sở đoản của mình tạo ra.

Lên Trung học đệ nhị cấp tôi học ban toán, rồi qua trường Pháp, lên đại học học y khoa nên số từ ngữ "văn chương" Việt ngữ cần yếu cho thơ của tôi rất hạn hữu trong khi đó ý tưởng ngả nhiều về phân tích khoa học nên thơ của tôi viết có ý nhiều nhưng không đẹp về từ và âm điệu. Do đó sau này tôi chuyển qua viết thơ trào phúng. Loại thơ này không đòi hỏi những từ nên thơ và âm vận nhiều. Tôi vẫn làm thơ trào phúng vặt.

Còn giữa thơ và văn xuôi, dĩ nhiên nhiều lúc muốn diễn đạt một chuyện gì cho thỏa đáng như nói về cuộc chiến vừa qua chẳng hạn tôi nghĩ cần phải viết bằng một truyện trường thiên mới dễ truyền đạt hơn là trường thiên bằng thơ.

- Có người cho rằng thơ là phần tinh túy nhất của văn chương, theo anh điều đó đúng không?

- Có lẽ đúng nếu nhìn theo khía cạnh thuần túy và thuần túy văn chương.

Theo kinh nghiệm riêng tôi, thơ là nguồn sinh lực của nhà văn. Những lúc nguy khốn nhất trong đời bao giờ thơ cũng đến với nhà văn, nuôi dưỡng nhà văn sống còn. Hơi thở cuối cùng của nhà văn cũng có thể có thơ trong đó.

- Anh nghĩ ra sao về thơ có vần và thơ không vần? Hoặc thơ luật và thơ tự do? Anh thích loại nào? Và sáng tác loại nào?

- Cả hai chỉ có thể là thơ nếu quả thật người thi sĩ có thiên tài. Nếu là thơ của nhà thơ thiên tài thì loại nào cũng đem lại mê thích cả.

Còn sáng tác loại nào? Lúc trước tôi sáng tác nhiều theo thể tự do có vần vì hợp với sở trường sở đoản đã nói trên của mình.

- Khi còn trong nước và tham dự vào cuộc chiến trong vai trò người quân y sĩ, anh nghĩ ra sao về chiến tranh? và những suy tư ấy có xuất hiện trong các tác phẩm của anh không?

- Tôi đã vuốt mắt cho những người lính quốc gia và cán binh cộng sản. Tôi đã rạch lồng ngực người quốc gia và người theo cộng sản để thoa bóp trái tim làm hồi sinh. Ánh mắt hấp hối và trái tim thất thểu đập lúc đó không khác nhau, đều giống nhau ở điểm con người và con người mang dòng máu Việt Nam. Chiến tranh dù ở Việt Nam hay ở đâu đâu đi nữa cũng là một thảm họa của con người. Nội chiến lại càng đáng phỉ nhổ hơn.

Tác phẩm *Nay Tôi Mai Ai?* đã đăng từng kỳ trên báo Saigon trước đây ở quận Cam có phản ảnh chút ít về sự suy tư của tôi trong cuộc chiến vừa qua.

- Bây giờ, anh sống ở hải ngoại với cuộc chiến đã chấm dứt, anh có thay đổi những suy tư về cuộc chiến so với thời kỳ trước không? và có phản ảnh trong tác phẩm của anh không?

- Tôi vẫn coi chiến tranh là một thảm họa của con người. Những người để chiến tranh Việt Nam xẩy ra gồm cả các siêu cường quốc, những nhà lãnh đạo đôi bên đều là những tên tội phạm chiến tranh. Họ chỉ được tha thứ khi nào thực sự họ làm những gì để đem lại được tự do hạnh phúc ấm no cho nhân dân Việt Nam để chuộc tội.

Tôi đã có ý viết một trường thiên về suy tư của một người y sĩ sống trong cuộc chiến Việt Nam. Truyện viết khởi đầu từ lúc Pleiku thất thủ nhan đề là Trôi Nổi Nhưng Không Chìm. Truyện đã đăng một hai chương đầu trên báo Văn của Anh Mai Thảo. Tiếc là sau đó tôi trở lại học thêm chuyên khoa thận nên tạm gác và bây giờ vì có vài tác phẩm khác tôi cho là ưu tiên hơn phải hoàn tất trước nên hãy còn gác qua bên.

- Anh có nghĩ văn chương chuyên chở những suy tư thời thế? Và những biến cố của đất nước đã ảnh hưởng thế nào trong đời sống và trong văn chương của

anh?

- Dĩ nhiên con người và đời sống không thể tách rời ra được. Nhà văn lại càng phải sống để viết. Những bước đầu di cư tới Hoa Kỳ tôi viết Tình Thù, sau đó Những Mảnh Đời Tị Nạn sau khi cuộc đời ổn định viết Đi...

- Văn chương hải ngoại mang tính chất lưu vong. Theo anh suy nghĩ này có chính xác không?

- Trước hết tôi không mấy thích từ lưu vong. Nhiều kẻ đã lạm dụng từ lưu vong với mưu đồ chính trị nên nghe liên hệ với chính phủ lưu vong. Văn chương không chấp nhận có chính phủ điều hành nhất là văn chương hải ngoại không hề có chuyện đó.

Nếu chúng ta quan niệm rằng xa quê hương chưa phải là đã "vong" đã chết thì văn chương hải ngoại sẽ không hẳn là lưu vong. Nếu quan niệm ra đi là vong là chết thì chúng ta chẳng làm được gì cho văn học nói riêng và cho quê hương nói chung. Chúng ta ra đi để mở một chân trời mới cho đất nước. Phải sống mạnh ở hải ngoại mới mong học hỏi, thu thập được một cái gì đem về quê hương.

Các nhà văn thơ hải ngoại vẫn sáng tác nghĩa là tự mình nuôi dưỡng mình sống. Mình còn sống còn viết. Viết trước hết nuôi sống mình nuôi sống cộng đồng mình đang sống và cũng vẫn có thể phục vụ quê hương lìa xa hay hơn nữa sẽ đóng góp vào văn học xứ sở mình đang sống. Chúng ta vong vì chúng ta không có tài. Không có tài thì ngay trên quê hương mình cũng vẫn vong như thường. Còn nói rằng viết không có độc giả Việt coi như là cây bút chết. Hãy cố viết ra được một siêu tác phẩm trước đi đã, chắc chắn nó sẽ được dịch ra một trăm thứ tiếng. Lợi điểm của văn chương là lưu truyền lại được. Vài chục năm nữa biết đâu những điều chúng ta viết trong lúc lìa quê này sẽ có triệu người ở quê nhà say mê đọc?

Gần thì hãy nghĩ viết để sống còn và nuôi dưỡng cộng đồng mình đang sống cho lớn mạnh bám được vào với dòng sống chính.

- Viết một truyện ngắn, anh bắt đầu công việc như thế nào? Chọn đề tài, nhân vật bố cục, diễn tiến câu chuyện... như thế nào? Công việc nào theo anh quan trọng nhất?

- Khi viết truyện ngắn, thường khởi đầu bằng một gợi ý, nói một cách thông thường là hứng khởi từ cuộc sống. Đề tài, nhân vật, bố cục tôi coi là thứ yếu. Diễn tiến câu chuyện khá quan trọng, nhất là phần kết thúc. Quan trọng hơn nữa là cái ý mình muốn truyền đạt tới độc giả. Tôi hay dùng những kỹ thuật lôi cuốn độc giả khiến họ phải đọc đến đoạn kết, đọc một mạch . Họ phải đọc từng chữ, không thể đọc nhẩy bỏ nhiều hàng mà vẫn hiểu mình nói gì. Vì thế mỗi dòng viết phải chuyên chở một ý, phải là một cái gì thu hút...

Quan trọng nhất là truyện viết phải sống và động và phải là một sáng tạo, một khám phá.

- Anh có thói quen nào khi sáng tác?

- Khi suy nghĩ đúc kết trước khi viết thường là lúc làm vườn. Khi viết thường viết vào lúc sáng sớm để khỏi bị phá rầy. Khi đang viết thích nhâm nhi, ăn vặt một thứ gì như các hạt, bánh kẹo với trà... Viết xong thường bỏ đi nhiều hơn là thêm vào. Và rất lười gởi đi đăng báo. Có truyện bỏ quên luôn.

- Sự xung đột văn hóa trong đời sống những người tị nạn có ảnh hưởng thế nào trong tác phẩm của anh?

- Dĩ nhiên là có và thể hiện rõ trong tác phẩm *Những Mảnh Đời Tị nạn.*

- Có thể nào dung hòa hai nền văn hóa: một cổ truyền Việt Nam và một của xứ sở tạm dung lưu ngụ?

- Dung hòa là chuyện có thể được. Cả hai nền văn hóa đều cần chúng ta biến đổi đi để có thể dung hòa với nhau. Văn hóa Mỹ khuyến khích các văn hóa di dân duy trì lại chỉ biến đổi cho hợp luật lệ và đời sống Mỹ mà thôi. Chẳng hạn chúng ta vẫn có quyền nói tiếng Việt với nhau trong sở làm miễn là đừng đến độ lố bịch hay phiền hà khiêu khích người không hiểu tiếng Việt, người Ấn Độ Sikh vẫn đội cái khăn đóng như cái rế trên đầu đi làm việc...

Dung hòa không phải là đồng hóa. Vấn đề là chúng ta có khả năng dung hòa như thế nào mà thôi... Các nhà làm văn hóa có bổn phận phải hướng dẫn và thúc đẩy sự dung hòa này. Chúng ta phải sống còn trên sứ sở này. Chúng ta phải sống khỏe sống mạnh, phát triển lớn mạnh trên sứ sở này. Nếu không dung hòa sẽ co lại sống trong ghetto của mình. Hồi bẩy mươi lăm, phần lớn các nhà viết văn làm thơ đều sáng tác những tác phẩm âu sầu, ưu ất vì mất nước... Đây là chuyện tự nhiên và phải có. Nhưng dưới mắt thầy thuốc âu sầu, ưu uất quá một giới hạn nào đó trở thành bệnh tâm thần. Tôi đã thấy ngay điều đó và viết với tâm hồn của người thầy thuốc. Tác phẩm Tình Thù đầu tiên của tôi cũng như những bài viết khác về y học xã hội thời đó tôi đã cố viết thật chừng mực, hướng dẫn mọi người và viết về những chuyện mình lao mình vào xã hội Mỹ làm việc như bỏ báo, làm y công và sống..., viết cố ý để lôi cộng đồng ra khỏi depression. Anh Võ Đình, một người qua Mỹ từ trước khi viết về tác phẩm đó có câu " Ở Nguyễn Xuân Quang, sự nuối tiếc nhớ thương không đậm nét và tôi cho đó là một thành công..." (Võ Đình, viết về Tình Thù, Đất Mới, 20-5-1982, trang 18).

- Anh có chịu ảnh hưởng của một nhà văn nào không? Từ những nhà văn Việt Nam và những nhà văn quốc tế?

- Không.

- Nghề nghiệp chuyên môn có ảnh hưởng nào trong việc sáng tác của anh?

- Dĩ nhiên là có. Tôi đã yêu thích y khoa hơn viết văn. Y khoa ảnh hưởng từ tư tưởng đến cả kỹ thuật sáng tác.

- Anh có đọc A J Cronin, một y sĩ nhà văn? và đọc Tchekhov một y sĩ nhà văn khác? Cảm quan của anh thế nào về những nhà văn này?

- Tôi có đọc một vài truyện dịch bằng Việt ngữ và một vài bản Pháp văn của Cronin. Cả hai đều là những văn tài lỗi lạc, nhất là vào thời đại của họ.

- Có người nói văn chương của những y sĩ nhà văn này trác tuyệt bởi vì họ không hành nghề thầy thuốc như những văn sĩ khác? Theo anh điều này có xác đáng không?

- Xác đáng ở điểm không hành nghề y khoa thì không bị máu mủ hôi tanh dính vào người, không bị những bề trái của nghề nghiệp làm cằn cỗi, khô khan bớt tâm hồn. Không hành nghề y khoa không bị gọi đi chữa bệnh trong lúc đang có hứng viết, có dư thì giờ ngồi mơ màng, yêu đương thả dàn không bị đạo đức y nghiệp giới hạn...

Ngược lại có hành nghề y khoa viết sẽ sống thực hơn nhất là hiện nay kỹ thuật y khoa đã quá tiến, nếu viết sâu vào chuyên khoa mà không hành nghề chỉ viết được hời hợt bên ngoài thôi. Truyện ngắn Hái Thận nếu không hành nghề thận khoa tôi sẽ không viết được.

- Trong văn chương của anh thấy rõ những cung cách làm mới. Theo anh sự làm mới trong thi ca và văn xuôi phải như thế nào?

- Sự làm mới phải gồm cả tư tưởng và kỹ thuật.

Làm mới theo tư tưởng nghĩa là làm những cái gì mới lạ chưa ai làm tới, đó là sáng tạo. Sáng tạo, nhà văn nào cũng cần phải có sáng tạo...

Về kỹ thuật, cách viết cũng thay đổi, phải cập nhật hóa với đời sống hiện tại. Tại hải ngoại, độc giả sống quay cuồng, đọc trên xe buýt, trên xe điện ngầm thay vì mắc võng dưới gốc cây nằm đọc sách, người viết phải viết sao cho họ thấy có cuộc sống của họ trong đó. Xe điện, xe buýt di chuyển lắc lư mà người đọc vẫn lãnh hội và cảm xúc được... Độc giả đọc một trang sách mà không thấy có một cái gì mới lạ, họ sẽ tiếc thì giờ đã bỏ ra đọc sách...

- Có người bảo làm văn chương với những điều chưa ai đụng chạm đến một cách tự nhiên mới là cung cách làm mới. Còn cố tình làm cho khác mọi người thì chỉ là sự giả tạo thôi? Theo anh nên có nhận định nào?

- Làm mới một cách tự nhiên đó là một hình thức sáng tạo, khai phá. Người làm nghệ thuật nào cũng cần phải có sáng tạo, khai phá.

Còn cố ý làm cho khác thường gọi là lập dị, thành công hơi khó. Tuy nhiên cũng có vài trường hợp ngoại lệ, sự phê phán của những người phê bình đương thời vì đố kỵ ghen ghét hay người đương thời chưa đủ trình độ thưởng ngoạn, một vài tác giả bị gán cho là lập dị, một hai đời sau người đời mới nhận ra thật sự đó là thiên tài.

- Anh nghĩ thế là về tình yêu? Từ lúc còn trẻ đến lúc về già, có sự thay đổi nào không?

- Tình yêu là mặt trời của đời sống con người. Tình yêu là lẽ sống của con người.

Dĩ nhiên tình yêu thay đổi với tuổi tác. Lúc còn trẻ theo sinh lý của con người đi từ những mối tình học trò nhìn nhau, đón nhau ở cổng trường, góc phố đến những cuộc tình cháy dữ dội và nổ bùng. Đến tuổi lập thân tình yêu này mới là tình yêu chín tới, bền vững. Về già cũng theo sinh lý của cơ thể tàn nguội dần...

- Trong đời anh, đã có những mối tình đẹp? Ở ngoài đời? và trong văn chương? Và thế nào là một nhận vật "đẹp" trong truyện?

- Đối với tôi sự quan hệ giữa nam nữ đã thành tình yêu rồi đều đẹp cả. Nếu không đẹp thì chỉ là "si tình" hay "sì tình" (stink). Tôi nghĩ tôi có được mối tình đẹp trong cuộc sống. Còn trong văn chương chỉ là những cái bóng hay góc cạnh khác của ngoài đời. Thế nào là một nhân vật "đẹp" trong truyện? Khó trả lời. Người viết văn nào cũng cố ý tạo những nhân vật tuyệt tác kể cả những nhân vật gái chơi, trộm cướp, đẹp xấu khác nhau tùy độc giả.

- Còn về dục tính trong văn chương? Anh có hay đề cập đến khi sáng tác? Hay coi như một cấm kỵ né tránh?

- Dục tính là một phần đời sống con người. Tôi đã tiếp một cụ bà xin thuốc ngừa thai. Tôi đã gặp một cụ ông trên bẩy mươi tuổi xin chữa chứng liệt dương, tôi đã săn sóc một em gái mười lăm tuổi mang bầu... Không thể loại dục tính ra ngoài văn chương. Vấn đề là diễn đạt như thế nào cho hợp với "văn hóa" của đám đông chung quanh. Phải viết về tình dục có tính cách nghệ thuật và giáo dục nếu không sẽ trở thành "porno", dâm thư.

Dục tính trong thơ văn của tôi viết thường dựa vào những khám phá sâu thẳm nhất của thân xác con người, thường dựa vào sinh lý học, phân tâm học, tâm lý học, tình học đều mang sắc thái nghệ thuật và giáo dục.

Để soi sáng những điều nói trên tôi phải nói tới một nỗi ô nhục trong văn chương hải ngoại, một chuyện nhiều lúc tôi không muốn nhắc tới. Đó là vụ phỉ báng bôi bẩn cá nhân tôi do ông Nguyễn Đức Phúc Khôi và BS nguyễn Đức An trên tờ Việt Nam Tự Do trước đây. Ông An và ông Khôi đã dán cho

tôi cái nhãn "Nguyễn Xuân Quang, tên thợ viết dâm thư".

Một nhân vật trong quyển *Người Cầm Thù Ruồi* bị ung thư nơi bộ phận sinh dục. Để cho bệnh ung thư không lan chạy đi chỗ khác, bác sĩ đã cắt bỏ chỗ bị bệnh, biến con bệnh thành "Cậu Ấm Cụt Vòi" và gắn vào đó một cái ống thoát dẫn nước tiểu.

Nhân ngày sinh nhật, những người bệnh ung thư đang mang bản án tử hình chờ ngày chết, cùng ở trong trại bệnh với *Cậu Ấm Cụt Vòi*, tinh nghịch tặng hắn một món quà sinh nhật cắc cớ. Món quà sinh nhật là một cô gái điếm...

Tôi đã viết một đoạn dài giải thích những dằn vặt, đớn đau, bi thảm, thù hận, xót xa... của Cậu Ấm Cụt Vòi, lúc đó đang say mèm, ngồi nhìn món quà sinh nhật "cắc cớ" cuối cùng của đời mình. Sau đó mới viết tới đoạn "(Hắn) cố tưởng tượng sợi dây bây giờ là cái vòi của hắn, hắn tiến lại bên giường cầm đầu sợi dây cho nước nhểu xuống cái chỗ trũng của người con gái..." (NCTR, trang 60-61).

"Cao điểm" của ông An là đoạn trên để ông ta dán nhãn cho tôi là "Nguyễn Xuân Quang, tên thợ viết dâm thư" và viết truyện "bệnh hoạn".

Đoạn tả tính dục này tôi dựa vào một hiện tượng có thật nơi con người. Một dục tính rất thật của con người. Y học gọi hiện tượng này là Phantom limb syndrome ("hội chứng chi ma"; chi là tứ chi, tay hay chân). Một người bệnh bị cắt bỏ tay hay chân thường vẫn còn "thấy" phần chi đã bị cắt bỏ đi còn hiện hữu, còn tồn tại một thời gian sau khi cắt. Tôi đã viết một truyện ngắn về cánh tay ma này đăng trên Bách Khoa trước đây ở Saigon (không còn nhớ tên truyện và thư mục). Xin tóm tắt giải thích hiện tượng này. Sở dĩ có hiện tượng những phần thân thể bị "mất" đi rồi mà con bệnh vẫn còn cảm thấy hiện hữulà vì mỗi điểm trên thân người đều có một điểm tương ứng trên óc. Tóm lại trên óc có trọn cả một bóng hình người. Khi cắt bỏ phần thân thể đi, phần tương ứng trên não chưa xóa đi còn in hằn trên não nên người đó vẫn thấy hiện tượng phần thân thể đó còn hiện hữu (gọi là ma). Vì một lý do gì như nuối tiếc, tiếc thương, hội chứng chối từ (denial syndrome), vết hằn đó không chùi xóa mất đi nhanh chóng, hãy còn hằn sâu với năm tháng thì hiện tượng phần thân thể ma này còn kéo dài lâu, rất lâu. Ở đây Cậu Ấm Cụt Vòi vì bệnh tật còn nuối tiếc đời, cộng thêm hận thù người vợ bỏ đi lấy người cộng tác viên của hắn (ngay cả những người hoan hỉ cho thân nhân một trái thận theo ý muốn cũng có hội chứng ma này, huống chi là những phần thân thể mất đi với đầy hối tiếc). Hơn nữa cái ống nylon luồn vào thay thế phần cắt bỏ đi là hình ảnh và "gợi ý" cho hình bóng cái giống trên não còn tồn tại lâu dài. Như thế cái hành động coi cái ống là bộ phận sinh dục của *Cậu Ấm Cụt Vòi* có gì là bệnh hoạn là dâm đãng đâu? Tại sao ông An lại gán cho đó là bệnh hoạn? Ơ hay! Chết chửa! Con bệnh bị ung thư không bị bệnh thì bị

gì? Con bệnh bị bác sĩ thiến bỏ đi không bị "hoạn" thì bị gì? Rõ ràng con bệnh bị bệnh và bị hoạn. Thâm thúy như thế, khoa học như thế, giáo dục như thế tại sao lại bảo là dâm thư? là bệnh hoạn?

Hiện tượng chi ma này mấy trăm năm trước đây, dù không học y khoa, cụ Nguyễn Du cũng đã viết. Nàng Kiều sau bao năm lưu lạc vào ra lầu xanh khi gặp Kim Trọng vẫn hãnh diện và âu yếm nói:

Chữ trinh còn một chút này

Nàng Kiều vẫn yêu Kim Trọng, yêu Kim Trọng đến độ cho tới ngày gặp lại chàng Kim, cái màng trinh trên óc nàng còn in hằn chưa bị mất đi.

- Trước năm 1975 ở quê nhà, anh đã viết truyện từng kỳ đăng trên nhật báo? Anh đã viết như thế nào với thời gian bận rộn như thế?

- Vâng, đúng vậy. Tôi đã viết tuyện dài Thượng Đế Đeo Kính đăng từng kỳ trên nhật Báo Hòa Bình của cha Trần Du. Lúc đó tôi không phải là một cây bút ăn khách nên ông chủ bút muốn đọc cả truyện để xem có đăng được hay không, vì thế tôi phải hoàn tất bản thảo nháp cả quyển truyện. Khi được chọn đăng, tôi dựa vào bản nháp đó viết từng kỳ. Khi nào kẹt thì giờ quá lấy luôn phần nháp đưa đại.

- Nhiều nhà văn như Nguyễn Thị Thụy Vũ, Túy Hồng... đã than phiền rằng viết truyện từng kỳ đăng trên nhật báo đã giết chết văn chương của họ. Theo anh, điều này có chính xác không?

- Điều này rất đúng với các nhà văn viết từng kỳ chuyên nghiệp. Hồi đó tôi còn nhớ mỗi kỳ được trả nhuận bút năm trăm đồng. Có nhiều lần một trang viết nháp trong bản thảo tôi "kéo" dài ra thành hai trang. Nhưng chưa chuyên nghiệp nên không "kéo" được nhiều. Truyện của tôi chỉ đăng được hơn một năm là hết. Ngay cột trên, một tác giả chuyên nghiệp khác cũng viết từng kỳ như tôi. Khi truyện của tôi khởi đăng thì hai nhân vật nam nữ của ông ta bắt đầu tán tỉnh, tán tình nhau. Và khi truyện của tôi chấm dứt, cù cưa mãi, nhân vật nam của ông ta vẫn còn mò tìm đầu sợi dây giải rút quần người nữ.

- Anh viết truyện dài hay truyện ngắn thoải mái nhất? Và chuyên chở được nhiều suy tư của đời sống riêng mình nhất?

- Hồi còn ở Việt Nam tôi viết truyện dài. Từ khi hành nghề y khoa ở Mỹ tôi viết nhiều truyện ngắn để thích hợp thời gian có được ngoài việc làm và cũng như thích ứng với cuộc sống của người thầy thuốc ở Hoa kỳ. Hành nghề y ở Hoa Kỳ phải luôn luôn sẵn sàng hai mươi bốn giờ trên hai mươi bốn giờ mỗi ngày. Viết truyện ngắn công trình, khổ công hơn. Cả hai đều có thể chuyên chở được suy tư của mình. Viết truyện dài thong thả hơn về mặt kỹ

thuật. Tùy theo tầm vóc suy tư người viết phải chọn truyện ngắn hay truyện dài cho thích hợp.

- Có khi nào anh cắt một phần của truyện dài để tạo thành một truyện ngắn không?

- Có. Tôi đã cắt một đoạn trong *Nay Tôi Mai Ai?* và trong *Trôi Nổi Nhưng Không Chìm* làm truyện ngắn, ví dụ như truyện ngắn *Có Nàng Tô Thị* trong quyển *Đi* chẳng hạn.

- Trong các tác phẩm của anh, anh "thích" tác phẩm nào nhất?

- Thường là tác phẩm đang viết.

- Và "ghét" tác phẩm nào của mình nhất?

- Đó là những tác phẩm viết ra rồi mà không phổ biến.

- Trở lại về thời gian cầm bút đầu tiên, anh có kỷ niệm nào đặc biệt tới bây giờ còn ghi nhớ? Thí dụ như thơ tán đào chẳng hạn? hay viết truyện ngắn để khoe với người tình cho vui?

- Đáng nhớ là tập thơ chép tay khoảng năm trăm bài làm cho người tình và sau này người tình trở thành người bạn đời của tôi.

- Trong văn chương Việt Nam anh thích tác giả nào và tác phẩm nào nhất? (ở hải ngoại và văn học miền Nam 1954-1975).

- Thích thì có thích một vài, còn nhất thì chưa.

- Và ở văn chương quốc tế, anh thích tác giả nào và tác phẩm nào nhất?

- Tác phẩm văn chương quốc tế cũng như văn chưng Việt Nam, rất sợ bị mê thích một tác phẩm nào quá độ sẽ bị ảnh hưởng. Còn tác giả tôi yêu mến là Solzhenitsyn. Ông đã chống bạo tàn và ngu dốt nhằm xây dựng quê hương dân tộc dù cho bản thân có bị điêu đứng, thiệt thòi. Ông là một người cầm bút không hèn hạ vì giá áo túi cơm, danh tiếng.

- Anh có nhận định nào về văn học Việt Nam hải ngoại? Lạc quan, bi quan?

- Văn học hải ngoại Việt Nam cũng sẽ đi theo các diễn tiến của các dòng văn học di dân khác đến Hoa Kỳ . Chúng ta bất hạnh hơn là không có cộng đồng nói tiếng Việt lớn lao và trường tồn như các cây bút di dân Cuba, họ có cộng đồng nói tiếng Tây Ban Nha rộng lớn ngoài Cuba... Dòng văn học di dân đến Hoa Kỳ, khởi đầu là giai đoạn ưu sầu (depression) rồi ổn định, khám phá văn hóa đất mới và rồi phần lớn tan loãng.

- Tương lai của nền văn học hải ngoại ra sao trong những thập niên tới? Tự hủy diệt, nhập vào văn học bản xứ hoặc giao lưu với trong nước?

- Như tôi đã nói cuối cùng văn học Việt Nam hải ngoại phần lớn sẽ tan loãng. Những cây bút lão làng sẽ mai một đi. Những cây bút sinh tại Hoa Kỳ sẽ viết bằng Anh ngữ. Những cây bút "sống hai thế giới" trong những thập niên tới là nồng cốt của văn chương Việt hải ngoại. Lớp người này bám chốt được với dòng chính của quê hương thứ hai của họ. Sáng tác của họ có thể ghé vào được văn hóa bản xứ, nếu họ có đủ khả năng và có đủ tài.

Tự hủy diệt?

Nếu không chuyển hướng các cây bút hải ngoại sẽ tự hủy diệt. Hủy diệt vì thời gian. Hủy diệt vì không còn độc giả đồng điệu với mình đọc những điều mình viết ra. Càng ngày loại văn chương ưu sầu sẽ phai nhạt đi và không còn "ăn khách" ở hải ngoại.

Muốn không bị hủy diệt theo tôi nghĩ các cây bút hải ngoại nên sáng tác thành nhiều thể loại. Một loại cho chính mình và những người đồng lứa tuổi với mình, loại này nhằm phục vụ cộng đồng Việt hải ngoại của mình đang sống. Loại này cũng đòi hỏi các người cầm bút phải có hành trang của cuộc sống mới hải ngoại. Loại thứ hai hướng về văn học của quê hương, tôi muốn nói văn học muôn thuở không tùy thuộc vào lớp áo chính trị; loại này chuyên chở những sáng tạo, khai phá rút tỉa từ văn hóa nước ngoài, hữu ích cho nền văn học quê nhà. Thể loại thứ ba là sáng tác hướng vào văn chương thế giới. Loại này phải chú trọng đến sáng tạo, khai phá... có tầm vóc quốc tế, phải viết với mục đích là để chuyển dịch sang ngoại ngữ nghĩa là coi nhẹ phần văn chương hình thức. Viết đơn giản chú trọng hết vào nội dung để khi dịch ra ngoại ngữ mười phần mất ba cũng còn bẩy...

Nhập vào văn hóa bản xứ? Đây là việc dĩ nhiên của những nhà văn không có vốn liếng Việt ngữ nhiều. Các lớp "sống hai thế giới" đã bơi được trong dòng chính (main stream) họ sẽ nương theo dòng chính sống và viết.

Giao lưu với trong nước? Ngày nào người cầm bút trong nước và hải ngoại sống và nghĩ khác nhau khó có thể có được một giao lưu thuận dòng nước chẩy. Không cần có giao lưu nhưng nếu được phổ biến hai chiều, cả hai phía đều có thể gợi ý, gợi hứng cho nhau, rút tỉa học hỏi lẫn nhau trên phương diện con người và dân tộc không màu sắc chính trị...

- Anh có đọc các tác phẩm xuất bản trong nước? Và xin cho vài nhận xét? Có những tác giả và tác phẩm nào nổi bật?

- Có. Nhưng rất ít, một vài tác phẩm như của nhà văn nữ Dương Thu Hương chẳng hạn. Vì đọc quá ít nên không thể nhận định được.

- Anh có nghĩ rằng nhà văn phải vượt qua những biên giới ngăn cách như

chủng tộc, chính kiến...? Vậy, bây giờ ở thời điểm đã 20 mươi năm sau cuộc chiến tranh, anh có suy nghĩ thế nào?

- Tôi vẫn nghĩ nhà văn phải vượt qua biên giới chủng tộc hướng đến con Người như trong truyện *Pho* chẳng hạn, tôi đã viết "Thuyên có cảm tưởng như quê hương đất nước mình nới rộng ra, mở bung ra, quê hương giờ là thế giới, dân tộc giờ là nhân loại..."

Tôi ước ao quê hương đất nước mình được như nhiều nơi tôi đã đi qua, ngay cả ở Á châu và các hải đảo. Ao ước người Việt được sống như một con người đích thật. Tôi nhiều lúc van vái cầu mong xin có được một minh quân xuất hiện ra cho dân tộc Việt Nam...

Đi là tác phẩm tôi muốn kích thích mọi từng lớp người Việt phải đi khắp năm châu bốn biển, vượt qua biên giới chủng tộc...

- Anh có nghĩ những tác phẩm ở trong nước chuyển ra hải ngoại sẽ tạo ra tình trạng khởi sắc cho văn học hải ngoại bởi sự tranh đua? Hay sẽ tạo ra sự bế tắc sáng tác?

- Khởi sắc có thể có chút đỉnh. Như tôi nói ở trên vì có sự gợi ý, gợi hứng cho nhau, rút tỉa học hỏi lẫn nhau. Những tác phẩm ở hải ngoại nếu được phổ biến trong nước cũng vậy. Còn cạnh tranh thì không. Chúng ta và người trong nước sống, nghĩ và viết khác nhau không cùng một khuôn thước (nhất là các tiêu chuẩn do chính quyền đặt ra) nghĩa là không có đích để cạnh tranh. Chúng ta phải đặt mục tiêu là cạnh tranh với văn học thế giới. Được hay không là chuyện khác.

Dĩ nhiên, theo tôi nghĩ, không có sự bế tắc.

- Anh có mơ ước gì không? Trong văn chương cũng như ngoài đời?

- Dĩ nhiên là có. Và có rất nhiều. Trong văn chương tôi đang ao ước có thì giờ hoàn tất một vài tác phẩm mà tôi đã đọc và suy nghĩ gần mười năm qua. Để thực hành mơ ước này tôi đã phải dẹp phòng mạch để có thêm thì giờ rảnh cho văn chương. Ngoài đời, mơ ước một ngày được về Việt Nam sưu tầm một số tài liệu văn học và đi thăm viếng các địa danh cổ cần thiết cho những tác phẩm mà tôi muốn hoàn tất. Mơ ước một nước Việt Nam Tự DO Dân Chủ Ấm No. Càng đi càng thấy dân mình tang thương, tơi tả.

- Một ngày của nhà văn Nguyễn Xuân Quang?

- Anh muốn nói một ngày trong tuần hay cuối tuần? Một ngày đầu, giữa hay gần cuối tuần?

- Đại để thì một ngày 24 giờ sống kín hết không còn dư thừa quăng bỏ đi tí nào cả.

- Một ngày đi làm. Thường dậy từ 4 giờ sáng. Làm vệ sinh cá nhân. Đi bộ trên máy tập. Pha trà. Ngồi vào bàn viết. Viết những ý tưởng đã đến trong đầu của ngày hôm trước. Viết sáng sớm không bị quấy rầy. Trước khi đi làm bỏ củ khoai lang vào lò vi ba (microwave) (ăn khoai lang vừa bổ vừa có chất xơ), soạn túi ăn sáng và ăn trưa. Thay quần áo. Ra xe đi làm. Nếu ngày nào viết nhiều, không còn thì giờ, phóng xe trên xa lộ đến nhà thương cho kịp giờ. Ngày nào còn dư giờ lái xe trên đường phố để vừa lái vừa nghe nhạc, ăn khoai, vừa mơ màng được.

Đến sở. Ăn sáng. Đọc duyệt chương trình trong ngày. Làm nốt giấy tờ còn lại. Nếu là ngày đầu tháng, phải duyệt hết danh sách những cái gì mới lạ, những phát minh, khảo cứu, trị liệu mới và thay đổi trị liệu cũ trên khắp thế giới trong tháng qua trong ngành chuyên khoa của mình. Phải thu thập và đọc để cập nhật hóa kiến thức chuyên môn.

Đi round thăm bệnh. Làm những thủ thuật y khoa khẩn cấp hay đã định ngày giờ từ trước.

Mười một giờ về phòng riêng. Trả lời những lời nhắn qua điện thoại hay làm giấy tờ y khoa cần gấp trong ngày. Ăn trưa. Nghỉ trưa. Ngày nào có hội thảo trưa, mua thức ăn vào phòng họp vừa ăn vừa hội thảo.

Đi round xế trưa. Họp hành chánh.

Trước khi về, còn bao nhiêu thì giờ tiêu hết trong thư viện. Đây là giờ luyện tập trí óc (mental exercise).

Trên đường về ghé đón con ở nhà giữ trẻ (bà xã đang dành hết thì giờ học thi bar luật sư Cali). Nếu là chiều thứ sáu, không phải đón con thì đi chợ Việt Nam. Nếu là ngày bài báo Y Học Thường Thức đã đánh xong, ghé lại kiểm và chữa bài.

Về nhà. Thay quần áo xong dẫn con và con chó đi "walk" trong xóm (đây là chuyện bắt buộc, không dắt chó đi thì phải làm công việc hốt đồ dơ của chó). Đi bộ cũng tốt cho tim và có thì giờ mơ mơ màng màng với thiên nhiên. Nếu cả nhà đi học, đi làm chưa về, trước khi đi bấm nồi cơm điện National.

Còn thì giờ ra làm vườn.

Ăn cơm tối xong. Đọc thư và báo. Đọc bài vở cho tờ *Y Học Thường Thức*, nếu có. Coi tivi.

Mười giờ đi ngủ.

Đại để như vậy. Lúc nào cũng sống thiếu giờ và trước đây lúc nào cũng sẵn sàng để bị gọi vì nghề nghiệp.

- Nếu viết lại từ đầu anh sẽ chọn đề tài và thể loại nào để có những loại tâm đắc nhất?

- Tôi không bao giờ nghĩ là viết lại từ đầu nhưng năm bẩy năm gần đây tôi đã chuyển hướng viết. Tôi viết truyện ít đi. Tôi chuyển hướng viết sang thể loại khác, nghĩ rằng sẽ hữu ích cho văn học Việt Nam.

- Anh có dự trù gì cho tương lai của mình trong văn chương? Sẽ viết những gì và làm những công việc gì?

- Tôi đã khám ra được những điều mà tôi nghĩ hữu ích không những cho ngôn ngữ học Việt Nam mà cho cả ngôn ngữ học thế giới. Tôi đã đọc và đi khắp nơi sưu tầm tài liệu về ngôn ngữ học và cổ sử năm bẩy năm nay và ba năm trước đây đã quyết định hy sinh bớt sự hành nghề y khoa bằng cách đóng cửa phòng mạch chỉ làm nhà thương và trong đại học như một công chức để có thì giờ ngồi xuống viết. Tôi dự tính viết Những Eureka Trong Việt Ngữ, Sự Liên Hệ Giữa Việt Ngữ và Ấn Âu Ngữ, Việt Ngữ Một Chứng Tích Của Nguồn Gốc Ngôn Ngữ Nhân Loại? Cổ Sử Việt Nam, Tự Điển Tương Đồng Việt Anh (và Ấn Âu Ngữ), Tự Điển Tầm Nguyên Việt Ngữ (có phần đối chiếu với ngôn ngữ thế giới)... Hiện đang làm tờ nguyệt san Y Học Thường Thức để phổ biến những kiến thức y học và văn học...

- Anh có thể gửi đến độc giả những thông điệp nào ngoài văn chương của mình?

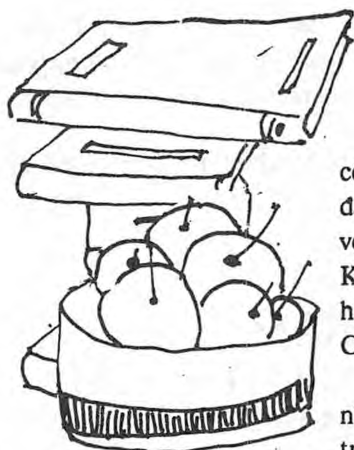
- Ngoài văn chương, tôi nghĩ tôi đã gửi tới độc giả những thông điệp qua một phần đời sống của tôi như lúc nào cũng muốn học hỏi, lúc nào cũng phấn đấu để sống, phấn đấu bảo vệ quyền làm người như qua vụ án của tôi với báo *Việt Nam Tự Do.*

NGUYỄN MẠNH TRINH *thực hiện*



PHAN TẤN HẢI
PHẠM VIỆT CƯỜNG
và NGU phụ trách

sinh hoạt văn học nghệ thuật



LÔI VŨ VÀ KỊCH ĐOÀN VIỆT NAM TRÊN SÂN KHẤU EBELL, SANTA ANA, QUẬN CAM

Một sinh hoạt nghệ thuật hiếm hoi của cộng đồng Việt Nam hải ngoại, kịch nghệ, đang được phục hồi với hướng tiến đầy triển vọng, qua kiệt tác của Tào Ngu: Lôi Vũ, do Kịch Đoàn Việt Nam vừa ra mắt khán giả tại hí viện Ebell, thành phố Santa Ana, Quận Cam.

Lôi Vũ ra đời cách đây non nửa thế kỷ, nhanh chóng trở thành tác phẩm kinh điển trên sân khấu thoại kịch Trung Hoa nói riêng, các quốc gia Á châu khác nói chung. Tại Việt Nam hơn bốn mươi năm trước, Lôi Vũ xuất hiện lần đầu tiên tại Nhà Hát Lớn Hà Nội, do ban kịch Tiền Phong dàn dựng. Từ ấy đến nay đã có nhiều kịch đoàn khác dựng lại. Tại hải ngoại, đây là lần đầu tiên.

Với thời gian chuẩn bị gấp rút, với phương tiện eo hẹp, những người từng biết đến quá trình hình thành Kịch Đoàn Việt Nam đều lo ngại Lôi Vũ sẽ không thực hiện được, hoặc nếu thực hiện được, cũng khó đạt đến tiêu chuẩn tương đối. Vì đa số đều nghĩ Lôi Vũ là một kiệt tác, từng được nhiều ban kịch danh tiếng ở nhiều quốc gia dàn dựng, nếu non tay, rất dễ hụt hơi.

Nhưng bằng nỗ lực không ngừng, bằng quyết tâm hiếm có, Lôi Vũ đã xuất

hiện. Điều ngạc nhiên hơn nữa, trái với mọi tiên đoán bi quan, sự thành công của vỡ diễn gần như vượt ngoài mong ước, có lẽ, của cả những người trực tiếp trách nhiệm.

Lôi Vũ, nguyên tác Hoa ngữ, được chuyển sang tiếng Việt do tác giả Hoàng Xuyên. Đạo diễn Nguyễn Minh Phương dựa vào bản dịch này, thu gọn lại, cho phù hợp với điều kiện chung, cùng với sự phụ lực của kịch tác gia Vũ Hạ. Các vai đều do những diễn viên chuyên nghiệp đảm trách. Tuy xuất thân từ nhiều "trường phái" và thời điểm khác nhau. Có người do năng khiếu bẩm sinh và kinh nghiệm tích lũy, có người xuất thân từ trường kịch nghệ trong nước, lại có người tốt nghiệp tại Hoa Kỳ. Và tuổi tác cũng khá chênh lệch, nhưng tất cả đều nhập vai trọn vẹn: Một Mai Phương có bài bản trường lớp; một Ngọc Phu già dặn, thoải mái; một Thanh Lan làm chủ được vai diễn, một Josep Hiếu rất nam tính tuy hơi cứng, một Trần Hùng với những dằng co nội tâm sâu sắc, một Anh Dũng vững vàng, và một Băng Châu đã thể hiện được chất "bi" của nhân vật do mình đảm trách, tuy vẫn chưa thoát được lối diễn "cải lương" cô từng xuất thân.

Bên cảnh những ưu điểm, một vài khuyết điểm cần lưu ý. Đó là ánh sáng, âm nhạc và nhất là cảnh trí. Có lẽ do người phụ trách ánh sáng là một... ông Mỹ, không đọc được kịch bản, không hiểu được kịch bản, nên đã không thể hiện được hiệu năng của ánh sáng, vốn được xem như yếu tố tối quan trọng, khả dĩ có thể cứu vãn được nhiều nhược điểm do kỹ thuật dàn dựng sân khấu không như ý, ngoại trừ tia chớp do sét đánh ở hồi chung cuộc. Thứ hai, nhạc nền tuy hay, nhưng âm thanh để quá nhỏ, không tạo được hiệu năng mong muốn. Và thứ ba, có lẽ do thời gian eo hẹp, và do tài chánh giới hạn, cảnh trí quá sơ sài, nhất là ở màn hai, làm ảnh hưởng không ít đến nội dung và vai trò của các diễn viên. Thứ tư, tất cả các vai đều... đẹp quá, từ nhân dáng đến trang phục. Những người trong gia đình họ Chu, được, vì họ thuộc giai cấp cự phú, nhưng các nhân vật khác, trang phục và hóa trang có lẽ nên làm cho... xấu đi, thì sẽ gần gũi với tính cách nhân vật hơn (đây là một nhược điểm... muôn đời của sân khấu cũng như phim ảnh Việt Nam, diễn viên khi xuất hiện trên sàn gỗ hay trên màn ảnh thảy đều muốn đẹp, kể cả một bà ăn mày! Nói cách khác, diễn viên không dám hy sinh nhan sắc của mình để nhập trọn vẹn vào vai. Chúng ta vẫn thường thấy có những anh lính vừa xông pha trậ n mạc trở về, với tóc tai láng cóng như kép... Hùng Cường, và quần áo thẳng nếp như vừa lọt ra từ một lò hấp tẩy...) . Tuy nhiên, trong hoàn cảnh quá đỗi khó khăn mà cô Hoàng Lan - giám đốc điều hành - đã tỏ bày cùng khán giả, làm được một đêm kịch như đã, là điều đáng khích lệ và tán dương.

Khán giả rất mong Lôi Vũ sẽ tái xuất hiện ở nhiều thời điểm khác, và sẽ có cơ hội hoàn chỉnh những khiếm khuyết. Khán giả cũng rất mong, bằng khởi hành vững vàng, Kịch Đoàn Việt Nam sẽ tiến xa hơn nữa, tiếp tục đưa

thoại kịch đến với quần chúng, mà hai mươi năm qua, do nhiều yếu tố khach quan, đã không có cơ hội tiếp cận.

TRANH CỦA HỌA SĨ NGUYỄN ĐẠI GIANG ĐƯỢC CHỌN VÀO ART COLLECTION

Một tổ chức sưu tập tranh của Hoa Kỳ, Art Comunication International, vừa tuyển chọn ba bức tranh của họa sĩ Nguyễn Đại Giang trong số hơn 4000 bức tranh của các họa sĩ nổi tiếng trên thế giới: Mỹ, Pháp, Nhật, Úc... vào bộ sưu tập tranh Art Collection CD, dưới tên gọi Virtuosity.

Ba tác phẩm này được vẽ theo một trường phái đặc biệt do chính tác giả khai sinh, được gọi là Upsidedown, gồm: *Seattle by Night, Night Club of Seattle* và *Driter Dirzhud Rahid.*

Kể từ lúc đặt chân đến vùng đất tự do Hoa Kỳ, trước đây ba năm, dù thiếu thốn mọi điều kiện, họa sĩ Nguyễn Đại Giang vẫn nỗ lực làm việc không ngừng, để có được thành quả của ngày hôm nay. Thành quả ấy là niềm hãnh diện, cho ông, nói riêng, và cho cộng đồng Việt Nam hải ngoại, nói chung.

PHÁP KỶ NIỆM 100 NĂM ĐIỆN ẢNH THẾ GIỚI

Một thế kỷ sau khi cuốn phim thương mại đầu tiên của thế giới ra đời, hôm thứ năm trước ngày qua năm mới, khu Tháp Eiffel đã trở thành một rạp hát ngoài trời để vinh danh vai trò nước Pháp trong việc hình thành kỹ nghệ phim ảnh.

Trên tấm màn ảnh 100-foot (30.5 mét), với hậu cảnh khuôn tháp Eiffel, khán giả được nhìn lại những thước phim thế kỷ 19 về các thành phố, sa mạc và kim tự tháp từ kho phim của Louis và Auguste Lumiere. Anh em nhà Lumiere được ghi công đã trình chiếu phim đầu tiên trên thế giới ngày 28.12.1985.

Chương trình hôm thứ năm gồm cả phần tri ân các nhà tiền phong phim ảnh Pháp bởi 40 đạo diễn đương đại, gồm cả nhiều đạo diễn Âu Châu và đạo diễn Mỹ James Ivory, người đã thực hiện phim "Howards End" và "The Remains of the Day."

Mỗi đạo diễn đã thực hiện một phim ngắn dưới 1 phút bằng chính ống kính máy quay thế kỷ 19, tương tự như của anh em nhà Lumiere.

BÉ GÁI VN TUỔI 13 Ở TEXAS XUẤT BẢN TIỂU THUYẾT ĐẦU TAY LÚC 11 TUỔI

Một cô bé Việt Nam 13 tuổi có tài viết tiểu thuyết đang làm ngạc nhiên nhiều người ở Texas. Sau đây là lược thuật của một bài trên nhật báo O.C. Register đăng lại của tờ Dallas Morning News:

Lịch sử không ghi chép ở tuổi nào thì cậu bé William Shakespeare viết vở

kịch đầu tay, cũng không cho biết ở tuổi nào thì Emily Dickinson, ngồi trong phòng ngủ trên gác ở Amherst, Mass., cầm bút viết bài thơ tuổi hoa niên đầu tiên của bà.

Nhưng chúng ta thì biết rằng Hồng Ngọc Hân đã viết cuốn tiểu thuyết đầu tay của em lúc 11 tuổi, trên một máy điện toán tại nhà em ở Austin, Texas. Và đến khi 13 tuổi em đã dọn nhà tới Plano, Texas, và đang viết cuốn tiểu thuyết thứ hai.

Đồng thời, cô học sinh lớp tám của Robinson Middle School ở Plano cũng đang bận rộn với nhiều chuyện khác. Ngoài những môn trong chương trình học của một thiếu nữ bình thường và thông minh ở tuổi 13, em còn là chủ tịch của hội đồng học sinh và em cũng là tay bơi lội có hạng trong hội COPS (City of Plano Swimmers). Cách đây hai năm về trước Hân cũng đã chơi baseball và thuộc đội cầu Balcones League All-Star Team ở Austin — một kinh nghiệm mà em đã đem vào cuốn tiểu thuyết đầu tiên của mình.

Em cũng là thành viên trẻ tuổi nhất của Hiệp Hội Nhà Văn Austin (Austin Writers' League), và cách đây một năm em là một trong 3 người vào chung kết của giải Violet Crown, giải thưởng văn chương cao nhất của thành phố Austin.

Cuốn sách của Hân, nhan đề "Then It Heals" (tạm dịch "Rồi Vết Thương Cũng Lành"), kể chuyện một cậu bé vượt qua cơn khủng hoảng do vụ li dị của cha mẹ bằng cách dồn sinh lực của cậu để chơi môn bóng chày baseball và vào mối tình thơ mộng đầu tiên của cậu với một cô bé ở gần nhà. Cuốn sách này tuy không được liệt vào những danh sách bán chạy nhất, nhưng nó cũng bán khá chạy, theo lời các quản lý của cả hai tiệm sách Barnes & Noble và Toad Hall Children's Bookstore ở Austin.

Là một thảo chương viên điện toán, ông Hồng N. Hòa thích xếp đặt cho các con, Hân và cậu em tên Sơn 11 tuổi, thỉnh thoảng thực hành một số dự án "do đó chúng có cơ hội tự thăng tiến để đạt tới tiềm năng của mình, để phát triển lên mức cao nhất mà chúng có thể đạt tới," theo lời ông Hòa.

Thật ra đối với Hân thì việc viết và đọc đã là một phần của đời em từ lâu trước khi cha em đề nghị em hãy viết một cuốn sách. Kệ sách trong phòng ngủ của em có khá nhiều những tác phẩm của các nhà văn như Stephen King và Dean Koontz ("tác giả cháu ưa thích").

Cha em cho biết: "Hồi nó đang lớn, trong tay nó lúc nào cũng có một cuốn sách. Đang xem TV nó cũng cầm một cuốn sách; đi coi một trận đấu baseball nó cũng cầm một cuốn sách."

Em Hân nói: "Cháu nghĩ rằng nhờ đọc nhiều nên cháu mới có thể viết. Nếu không đọc người ta không thể học được những lối hành văn khác nhau."

Cuốn tiểu thuyết kế tiếp của em — hiện đã được phác thảo trong máy điện toán — sẽ nói về "tình yêu cấm kị" trong một gia đình Việt Nam, theo

lời em.

Vậy chớ khi thành người lớn em muốn làm chuyện gì? Hân nói: "Một luật sư thành công trong nghề nghiệp." Còn chuyện viết lách thì sao? "Chỉ coi như để tiêu khiển mà thôi. Cháu luôn luôn muốn trở thành luật sư."

LIÊN BANG THI CA

"The United States of Poetry," (Liên Bang Thi Ca) một bộ phim năm tập về thi ca và điện ảnh được sản xuất và gây dựng bởi Joshua Blum và Bob Holman và đạo diễn bởi Mark Pellington, sẽ chiếu trên các đài truyền hình Public Broadcasting Service (PBS) bắt đầu từ tháng hai.

"Liên Bang Thi Ca" trình bày về 60 nhà thơ, cả những người nổi tiếng và chưa tên tuổi, hình thành các tác phẩm của họ tại khắp nơi trên nước Mỹ. Toán làm phim 15 người, gồm cả Holman và Pellington, đã mất 12 tuần lễ đi khắp Hoa Kỳ để gặp, hợp tác với, và quay phim về các nhà thơ tại ngay chính các không gian đã gợi hứng hay đóng góp vào các bài thơ của họ. Phần đầu "The Land and the People" (Đất và Người) sẽ nói lên toàn cảnh dự án khi máy quay đưa người xem tới Little and Big Horn Valleys để nghe nhà thơ Henry Real Bird của vùng Lakota hát bài "Driftwood Feelin" của anh, tới Hawaii để nghe bài "Boss of the Food" của Lois-Ann Yamanaka, tới các bờ suối Troublesome Creek ở Kentucky để nghe chàng James Still 88 tuổi đọc "Heritage," và tới các vỉa hè New York nơi nhà thơ hè phố Sparrow gào thét lên bài "A Testimonial" của anh.

Bốn tập phim sau được đặt nhan thứ tự là "A Day in the Life" (Một Ngày Trong Đời), "The American Dream" (Giấc Mơ Hoa Kỳ), "Love and Sex" (Tình Yêu và Tính Dục) và "The Word" (Chữ).

Từ các nhà thơ được giải Nobel như Joseph Brodsky và Derek Walcott tới các nhà thơ rock 'n' roll như Leonard Cohen và Lou Reed tới các nhà thơ cao bồi như Vess Quinlan và Sue Wallis, mỗi bài thơ được trình diễn trong kiểu một phim ngắn—những khoảnh khắc sống động của âm thanh, hình ảnh, chữ, tiết điệu và âm nhạc. Trong khi phẩm chất kỹ thuật tối tân có thể gợi người xem nhớ tới các băng video nhạc, Holman vạch rõ sự dị biệt: "Những thước phim này khác hẳn các video nhạc, thứ để trình bày một bản nhạc. Bài thơ là một hữu thể dịu dàng hơn nhiều. Chữ vận hành là để làm bật sáng lên bài thơ."

Chương trình này là sản phẩm của Washington Square Films Production, thực hiện cho Independent Television Service với tài trợ từ Corporation for Public Broadcasting, National Endowment for the Arts, Lannan Foundation, New York State Council for the Arts, và Greenwall Foundation. Holman, trong việc hợp tác với các nhà thơ góp mặt, giữ nhiệm vụ nhiều thách đố khi chuyển dịch các bài thơ ra phim ảnh. Chàng nói, "Chìa khóa là để cho

bài thơ được sáng tạo trong tâm người xem chứ không phải kiểu chìa-muỗng-đút-ăn."

QUỸ CỨU CẤP CHO NHÀ VĂN

Nếu bạn có khi nào đã hết cách để xoay sở một bữa ăn tối và một nơi ngủ qua đêm, thì bài dưới đây của nhà thơ Kenny Fries có thể giúp một số thông tin để xin hoặc mượn ít tiền từ các quỹ cứu cấp cho nhà văn. Bài này chủ yếu viết cho những người cầm bút Hoa Kỳ, và không nêu rõ về trường hợp những người sáng tác bằng tiếng Việt. Tuy nhiên, như nhiều người biết, nhà thơ Lưu Hy Lạc của chúng ta từ nhiều năm vẫn sống bằng quỹ cứu cấp của thành phố San Francisco, nghĩa là một số quỹ từ thiện này vẫn còn có chỗ cho người viết tiếng Việt.

Kenny Fries trước tiên kể rằng trong năm năm qua, vì những bất toàn có thể do bẩm sinh đã luôn luôn buộc ông sống bên mép bờ homeless. Không còn có thể sống nổi với việc điều hành công việc nghệ thuật và dạy viết văn không thường trực (freelance), ông cứ thấy sau mỗi khủng hoảng tài chánh này là lại tới một khủng hoảng khác. Và ông đã phải sống nhờ lòng từ bi của một số tổ chức, chịu cho vay không lãi và tặng các khoản trợ cấp nhỏ.

Từ năm 1958, PEN Writers Fund (Quỹ Nhà Văn của Văn Bút), điều hành bởi PEN American Center (Trung Tâm Văn Bút Hoa Kỳ), một tổ chức quốc tế các nhà văn với các trung tâm ở Âu Châu, Á Châu, Phi Châu, Úc và Mỹ Châu, đã trợ giúp những nhà văn bị nguy ngập tài chánh. Karen Hwa, người điều hợp quỹ này, nói, "Tùy hoàn cảnh, quỹ sẽ cấp tiền hoặc cho vay không lãi lên tới 1,000 đô la, mặc dù các khoản tiền 500 đô la hoặc nhiều hơn sẽ được cấp trong các trường hợp cực kỳ nguy cấp và khi có ngân khoản." Quỹ này chỉ dùng cho các trường hợp nguy cấp, không dùng để trợ cấp nghiên cứu hoặc giúp người viết hoàn thành tác phẩm.

Đơn nộp lên sẽ được giữ cực kỳ bí mật và đôi khi cho phép để vô danh. Hwa nói, "Hồi năm ngoái, theo yêu cầu của một nhà văn nộp đơn xin quỹ, tôi đã giữ tên người đó ở ngoài mẫu đơn." Ủy Ban năm người của Quỹ sẽ duyệt các đơn xin cứ mỗi sáu tuần lễ, và đòi hỏi kèm theo đơn một hoặc hai mẫu tác phẩm và sẽ được hoàn trả sau khi duyệt đơn.

PEN Writers Fund năm ngoái đã chấp thuận cấp khoản cứu cấp cho gần 100 người nộp đơn, trong này hơn phân nửa được vay không lãi.

Thêm một quỹ khác. Năm 1988, PEN đã thành lập PEN Fund for Writers and Editors with AIDS (Quỹ Văn Bút cho các nhà văn và biên tập bệnh AIDS) để cứu giúp những người cầm bút bị bệnh nan y này. Đơn sẽ được duyệt cứu mỗi sáu cho tới tám tuần lễ, và mức trợ cấp lên tới 1,000 đô la. Trong các trường hợp cực kỳ nguy cấp, có thể cấp ngay 200 đô la chỉ trong 24 giờ.

Tính tới tháng 4.1994, Quỹ Văn Bút cho nhà văn bệnh AIDS đã trợ cấp cho 183 trường hợp, thường là trong ngân khoản 600 đô la.

Tổ chức xưa cổ nhất cứu nguy nhà văn là Authors League Fund (Quỹ Hiệp Hội Các Tác Giả), nơi cung cấp các khoản vay không lãi cho người cầm bút nguy ngập tài chánh từ thập niên 1920. Tổ chức này chỉ cho vay, không trợ cấp.

Quỹ cứu nguy nhà văn khác là Carnegie Fund for Authors (Quỹ Carnegie cho các tác giả), sẽ tặng các khoản trợ cấp cho nhà văn trong cơn nguy tài chánh, như bệnh hoạn hay gặp các tai họa bất ngờ. Các ngân khoản trợ cấp từ quỹ này biến đổi tùy nhu cầu, thường thường trong khoảng 500 tới 1,000 đô la, tuy nhiên điều kiện phải là nhà văn có tác phẩm đã xuất bản.

Change, Inc. là một tổ chức khác cũng trợ giúp người cầm bút trong mọi lĩnh vực gặp khủng hoảng tài chánh. Tiền trợ cấp quỹ này trong khoảng 100 tới 500 đô la. Xui xẻo là chính quỹ này cũng bị khủng hoảng tài chánh và buộc ngưng cấp quỹ trong năm 1992 và 1993. Tới 1994 thì quỹ này hoạt động lại, và cấp quỹ cho các trường hợp đã được chấp thuận năm 1992, và chưa sẵn sàng nhận đơn mới.

Đối với các nhà văn tự do, không biên tập thường trực cho cơ quan truyền thông nào (freelance writer), thì American Society of Journalists and Authors Charitable Trust sẽ cứu nguy xuyên qua tổ chức Llewellyn Miller Fund. Ưu tiên cho những người viết nonfiction (không phải truyện hay tiểu thuyết). Quỹ này không xét đơn sinh viên hoặc người chưa có tác phẩm.

Một số quỹ khác thì lại không nhận đơn, chỉ cấp quỹ cứu nguy cho các trường hợp trong nội bộ tổ chức. Academy of American Poets (Viện Nhà Thơ Hoa Kỳ) từ 1985 đã cấp 32 khoản tiền cứu nguy, tổng cộng 27,255 đô la xuyên qua quỹ American Poets Fund (Quỹ Nhà Thơ Hoa Kỳ).

Fries viết rằng, ngay cả những nhà văn thành công nhất cũng gặp khủng hoảng tài chánh khi bị bệnh hoặc tai họa. Một nhà văn từng xuất bản năm cuốn tiểu thuyết kể với Fries rằng bà đã phải cần một khoản tiền vay khi món tiền ứng trước bị giữ lại vì nhà xuất bản của bà đang tái cấu trúc. Bà đã dùng tiền cứu nguy để trả tiền thuê nhà và đã lập tức trả lại tiền vay khi nhận được chi phiếu của nhà xuất bản. Một nhà văn khác, chỉ một năm sau khi ấn hành cuốn tiểu thuyết được nhiều người khen ngợi, đã kể rằng, "Mới năm ngoái thì quỹ cứu nguy đã làm tôi thoát cảnh vô gia cư và tiếp tục có một mái che trên đầu."

Các quỹ cứu nguy và điện thoại liên lạc: American Poets Fund (212) 274-0343; The Authors League Fund (212) 268-1208; Change, Inc. (212) 473-3742; The Llewellyn Miller Fund (212) 997-0947; PEN Fund for Writers and Editors With AIDS (212) 334-1660.

Chừng nào thì Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại có được một thứ

quỹ trợ cấp tương tự? Câu hỏi này e không bao giờ có giải đáp, vì hầu hết những "nhà văn, nhà thơ" hiện đang nắm giữ những chức vụ gọi là "chủ tịch" (thế giới hay vùng) đều thuộc loại.... vô tài bất tướng, có người chưa bao giờ có tác phẩm, cũng có người không viết nổi một dòng ra hồn, Vì thế những nhà văn nhà thơ thực sự thường không ai chịu gia nhập "trung tâm". Thậm chí có một nhà văn còn khẳng định "Phàm đã là người đàng hoàng, không ai dại gì đút đầu vào chốn rác rưởi ấy!". Có lẽ vìthế, tiền niên liễm hàng năm không đủ để mua... nước ngọt giải khát khi có họp hành, nói chi chuyện thành lập các qũy trợ cấp!

VIỆT NAM DƯỚI MẮT KÝ GIẢ WILLIAM PROCHNAU: NGÀY XƯA CUỘC CHIẾN MIỀN XA

William Prochnau là một ký giả chuyên nghiệp trẻ tuổi tham dự vào cuộc chiến ở miền Nam Việt nam ngay trong thời kỳ phôi thai. Trước khi bị các ký giả của đài truyền hình làm chủ tình thế về phương pháp truyền thông, thập niên 1960-1970 là thời điểm huy hoàng của các ký giả trong ngành báo chí. Cũng trong thời điểm này, các ký giả trẻ bị xem như là những người chống lại đường lối của chính quyền Hoa Kỳ và nôm na bị gọi là"đâm sau lưng chiến sĩ". Sau bao nhiêu năm cuộc chiến đã lắng đọng, gần đây nhiều nhân vật có liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến chiến tranh Việt Nam đã lên tiếng, viết sách về những điều phải và không phải của Hoa Kỳ và Việt Nam. *Ngày Xưa Cuộc Chiến Miền Xa* là một tác phẩm kể lại giai đoạn đầu tiên, khi chính quyền Hoa Kỳ quyết định đưa quân trú đóng ở miền Nam Việt Nam. Đây là một cuốn sách quan trọng vì nó đã đưa ra một góc nhìn khác biệt từ một người tự do không bị ràng buột bởi quyền lực chủ trị. Hơn nữa những ghi nhận khi phật giáo xuống đường trong tháng 8 năm 1963 và câu chuyện lật đổ chế độ đệ nhất cộng hòa trong tháng 11 cùng năm, cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và em của ông, Ngô Đình Nhu, là những thảm cảnh vượt lên khỏi phạm vi chính trị để chỉ còn là những bi kịch tan tác của nhân sinh: Lòng người, tình người, niềm tin, tôn giáo, những cách thức và lề lối chơi của những kẻ có quyền làm nên sự thật mệnh danh là lịch sử.

Trong tác phẩm này, Prochnau kể rằng, càng quan sát và phân tích những dữ kiện xẩy ra trong năm 1962, càng khiến người ta nghi ngờ cuộc chiến này có thể chiến thắng theo cách thức đang sử dụng. Ông nhận định: thứ nhất quân đội Việt Nam Cộng Hoà lúc ấy chỉ chú trọng việc bảo vệ sự tồn tại của họ và của Tổng Thống Ngô Đình Diệm hơn là chiến đấu chống lại quân thù. Thứ hai người Mỹ đã lầm lẫn đi ngược lại luật pháp Hoa Kỳ khi tham chiến thật sự thay vì giữ vai trò cố vấn. Nhiều ký giả lúc ấy đã cho rằng Việt Cộng sẽ làm chủ cuộc chiến này trong khi giới có thẩm quyền không nghĩ như vậy.

Ông cho rằng có một số phóng viên thời ấy đã sai lầm bởi những quan

niệm cỗ hủ từ những kinh nghiệm xưa cũ của thời đệ nhị thế chiến hoặc từ chiến tranh Triều Tiên, ông gọi họ là những cảnh vệ già, "Old guards", cố vệ sĩ, như Joseph Alsop của Washington, Richard Tregaskis, tác giả của *Guadalcanal Diary và Viet Nam Diary.*

Ông bênh vực cho những ký giả thời ấy, những người bị qui lỗi đã gây nên nhiều xáo trộn có lợi cho địch quân, ông viết: những ký giả trẻ với tinh thần độc lập viết về những gì họ thấy và chỉ diễn tả những gì họ chứng kiến, đã trở thành tai biến cho chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Ông cho rằng những người tham dự vào cuộc chiến không có lỗi chỉ tại chính sách có lỗi. Theo ông cuộc cách mạng ngày 2 tháng 11 năm 1963, lật đổ Ngô Đình Diệm chính là sự cam kết của Hoa Kỳ sẽ đóng quân lâu dài tại miền nam Việt Nam. (đưa đến sự thất bại về sau).

Once Upon A Distan War, sách dày 546 trang do Times Books / Random House xuất bản, giá $27.50. Tưởng cũng nên phân biệt hai loại truyền thông giữa báo chí và truyền hình khi đọc tác phẩm này. Ngoài ra cuộc chiến ở đây tuy ám chỉ toàn diện 20 năm chiến tranh nhưng tác giả đặt nặng trong thời điểm bắt đầu. Đúng hay sai cũng chỉ là quan niệm riêng tư của một khía cạnh. Thời gian sẽ chứng minh cho lịch sử.

THƠ VÀ THẢM CẢNH.

Tại thàng phố Miami và phía Nam của tiểu bang Florida, mọi sự việc bình thường hàng ngày ngưng đọng, dân chúng bận theo dõi cuộc đuổi bắt giữa một nhà thơ vô danh và lực lượng cảnh sát đặc biệt, cảnh tượng xẩy ra một phần giống như cảnh trong phim *Speed* đoạt giải điện ảnh năm 1994, một phần giống như cảnh đuổi chậm của O.J. Simpson trên xa lộ ở Nam California hơn một năm trước đây.

Catalino "Nick" Sang, dân tị nạn Cộng hòa Dominican, làm bồi bàn cho tiệm Cafe Beethoven và quán ăn Joe's Stone Crab, thường lẩm bẩm đọc thơ của thi sĩ Ralph Waldo Emerson, thích nhất là hai câu trong bài thơ Thành Công:

Hố thẳm tư tưởng hoặc đam mê ngủ lặng như địa lôi
Chờ khám phá bởi trí tuệ cao và con tim lớn

Sáng thứ Năm người ta thấy ông đến dự lễ như thường lệ, người gần bên thỉnh thoảng nghe ông đọc lớn tiếng: Xin Chúa thương xót con. Vào khoảng 8 giờ hơn Sang rời nhà thờ băng qua đường chận một chuyến xe buýt chở học sinh tật nguyền, ông bắt tài xế phải nghe lệnh ông nếu không sẽ cho bom nổ giết hết đám trẻ em. Vẫn không ai biết được Sang đòi hỏi chuyện gì. Cuộc rượt đuổi bắt đầu sau khi cảnh sát được tin báo của người qua đường. Cảnh

đuổi bắt vào khoảng 2 tiếng đồng hồ này được đài truyền hình truyền đi khắp nơi. Cuối cùng, khi chuyến xe buýt chạy đến bãi biển Miami, một trong những nơi đẹp nhất của nước Mỹ, nhân một thoáng mơ màng của thi nhân, người cảnh sát thuộc lực lượng đặc biệt đã nổ súng và viên đạn đã kết liễu cuộc đời của kẻ vô danh, cuối cùng cũng đã được nổi danh.

Catalino Sang chết đi để lại một vợ hai con, một đứa hiện là học sinh danh dự của một trường trung học và một món nợ thuế không đáng kể $15,639.39. Năm nay ông 42 tuổi. Tất cả người quen và chủ các nhà hàng nơi ông phục vụ đều đồng ý rằng ông là một người hiền lành, chịu khó làm việc và hay giúp đỡ người khác.

Thơ là một sản phẩm rất đẹp nhưng thông thường đến từ những cuộc đời tối tăm. Chữ Nghèo và chữ Văn Thơ đánh vần thật khác nhau xa, sao lại liên hệ mật thiết với nhau trong đời sống hàng ngày như thế?

AMY TAN VÀ TIỂU THUYẾT MA ĐÔI MẶT

Một lần nữa giới thưởng ngoạn và phê bình lại được thấy tài năng của Amy Tan trong tác phẩm *The Hundred Secret Senses*. Người ta gọi là cuốn sách đôi mặt vì lật mặt này, sẽ tìm thấy một cô bé Trung Hoa lai Mỹ đang dạo phố và vui chơi ở San Francisco, lật mặt kia là làng Trang Mỹ An (dịch âm từ Chang Mian) năm 1864 người Trung Hoa đang vào rừng lẩn trốn quân Mãn Thanh hung tợn.

Tan đã đưa người đọc vào thế giới xung đột giữa hiện tại và quá khứ của người Trung Hoa trong tác phẩm *The Joy Luck Club* năm 1989. Tác phẩm này đã gây nhiều xôn xao trong giới độc giả và phê bình sau đó là giới điện ảnh.

Cuốn thứ hai *The Kitchen God's wife* năm 1991 là một tác phẩm đẹp trên khía cạnh văn chương, một loại bi kịch êm dịu, không được thành công như cuốn trước. Nhiều người đọc băn khoăn rằng Amy Tan có thể đã cạn nguồn văn liệu từ những bối cảnh và kinh nghiệm của một người Hoa ở Hoa Kỳ. Có lẽ đã đến lúc bà nên bỏ lại quá khứ và tiến và con đường nào khác chăng?

Không hẳn như vậy, bà đã trả lời bằng tác phẩm *The Hundred Secret Senses*. Qua tác phẩm này bà lấy lại chẳng những sinh khí mà còn là chỗ ngồi mấy năm rồi hơi bị mờ nhạt. Giới phê bình cho rằng cách kể truyện của bà đã kho sắt hơn hai tác phẩm trước từ văn điệu lẫn truyện hướng.

Câu chuyện về Olivia, một đứa trẻ người Hoa lai Mỹ, một chuyển biến giữa lịch sử và hiện tại, một tâm lý khác thường, một tâm tư khắt khoải. Lúc lên tám, Olivia nhìn thấy ma lần đầu, đó là một cô bé Trung Hoa muốn đến giành chơi con búp bê. Người và ma từ đó có nhau. Khi Olovia lớn lên nàng đã sử dụng được những ẩn cảm như có người nói với nàng. Câu truyện dựa

trên những xung đột giữa trí óc và con tim trong đời sống thường nhật và khi Olivia trở về làng Trang Mỹ An để tìm kiếm thời thơ ấu của bé ma Kuan.

Những tác phẩm của nhà văn Trần Vủ và Nguyễn Huy Thiệp đem lịch sử vào hiện tại, đem hiện tại vào lịch sử, xóa thời gian không gian tiền định, cũng không kém về văn thuật, có lẽ sâu sắt hơn, tư tưởng hơn nhưng cũng hung tợn hơn. Con người cuối cùng vẫn là con người của tình cảm.

TÁC GIẢ VÀ XUẤT BẢN

Authors Guild vừa hoàn tất một thống kê về tác giả và nhà xuất bản tại Hoa Kỳ trong năm nay. Hơn một ngàn tác giả được phỏng vấn, kết quả cho biết cứ một trong sáu tác phẩm sau khi phát hành, tác giả đã không bằng lòng nhà xuất bản và cho biết sẽ không trở lại ký hợp đồng với các nhà xuất bản này nữa. Lý do lớn nhất vẫn là tiền. Ed Mc Coyd, luật sư đại diện cho Authors Guild phát biểu: "Trong khi đa số tác giả (75%) rất vừa ý về các " nhà chuẩn bút" (editor), ngược lại họ rất bất bình về nhà xuất bản vì những lý do như hợp đồng không được thoả hiệp đúng mức, tiền nhuận bút không giao đúng hạn".

Kết quả còn cho biết: những tác giả lảnh tiền cọc từ $100,000 trở lên, số bất mãn tăng lên 20%, những tác giả lảnh dưới $100,000 thông thường sẽ tìm nhà xuất bản khác cho tác phẩm kế tiếp.

Authors Guild là một tổ chức pháp lý để cung cấp tin tức và tài liệu cho những tác giả muốn tìm nhà xuất bản để in và phát hành tác phẩm của mình. Ngoài ra A.G. còn chỉ dẩn, khuyến cáo và trợ giúp về phương diện pháp luật.

Đây là một cơ quan mà người Việt có thể liên lạc để tìm hiểu thêm về những điều kiện nếu muốn tìm nhà xuất bản cho những tác phẩm bằng Anh ngữ.

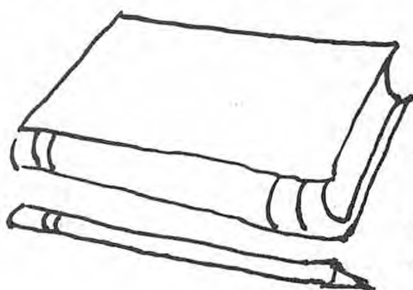
Nỗi bất bình, bất ý, bất lương tâm của xứ mạnh dân giàu quả có khác. Trong nước ta, ngoài hải ngoại, tác giả chẳng những không dám làm trái ý nhà xuất bản mà dù lảnh tiền cọc một đồng trở lên hoặc trở xuống vẫn vui vẻ xin in tác phẩm tiếp theo. Không bỏ tiền túi ra đã là may mắn.

P.T.HẢI, P.V.CƯỜNG *và* NGU *phụ trách*



KIM THI

ngày... tháng...



Ngày 3 tháng 12 năm 1995.

Vừa nhận thư một bạn văn. Thư viết:

"Hình như Kim Thi không được khỏe, thể chất lẫn tinh thần.

Yêu người tha thiết đi, take things easy đi, không chấp nhất bất cứ ai, bất cứ điều nhỏ mọn hay vĩ đại gì, nghỉ ngơi nhiều hơn, ăn uống điều độ đầy đủ hơn (nhớ ăn nhiều rau), mỉm cười (cười nhẹ nhàng, cười thoải mái, không phải cười khẩy, cười mũi, cười gằn...), hy vọng 60% là thấy đỡ hơn.

Chắc khối người khuyên như vậy, Kim Thi cũng khuyên mình như vậy, nên ta cũng khuyên anh ta như vậy, nhưng thêm ba chữ: "tích cực hơn!"

Cảm ơn, bạn hiền. Cảm ơn bài "Quốc văn giáo khoa thư" căn bản bạn hiền đã nhắc nhở hộ Kim Thi.

Những dòng chữ chí tình của bạn hiền khiến Kim Thi nhận ra một sự thật buồn bả: Năm năm nay, Kim Thi đang tự đánh mất mình một cách tiệm tăng!

Bạn hiền hẳn chẳng còn lạ gì tính tình Kim Thi: nóng nảy nhưng rất ... phổi bò. Giận ai, tìm gặp, la lối, và có thể... sử dụng vũ lực (thường thua, vì yếu). Xong, ngày hôm sau quên hết. Ngày hôm sau, gặp lại địch thủ, cười trừ, quàng vai bá cổ đi nhậu. Thuở còn trẻ thì thế, nay, già rồi (già, đi đôi với... bại, liệt!), Kim Thi chả còn dám sinh sự với ai, và để biện minh cho thái độ hèn nhát này, Kim Thi thường "triết lý" một cách rất... ba phải: Nhân vô thập toàn, chả ai tốt hơn ai, cũng chả ai xấu hơn ai, ta ghét người thì cũng có người ghét ta. Vậy biết thế nào là phải, trái? Và lấy quyền gì phê phán, chê bai người?

Từ lúc phát hiện ra "chân lý" ấy, Kim Thi "yêu người tha thiết, take things

easy, không chấp bất cứ ai, bất cứ điều nhỏ mọn hay vĩ đại gì...", đúng như lời bạn hiền vừa khuyên.

Nhưng... Nhưng... Bạn hiền ơi, khổ nỗi Kim Thi đang viết văn, làm báo. Viết văn, làm báo, như bạn hiền biết, là trực diện với cuộc đời, là đối đầu với thời cuộc, là trầm mình trong cõi nhân sinh. Để giúp độc giả có được những thông tin đúng, ngoài việc giới thiệu những áng văn chương tươi tốt, những dòng thơ mượt mà, Kim Thi không thể tránh né con người và thời cuộc. Cho nên, dù thâm tâm Kim Thi chẳng bao giờ muốn tham dự vào chuyện "đời thường" vốn dĩ lắm buồn vui ít, nhưng có cách nào khác hơn?

Đã rất nhiều lần Kim Thi muốn buông bỏ tất cả, trở lại với công việc "tay phải" của mình, là cọ sơn, khung bố. Trong thế giới màu sắc, con người tự do, độc lập tuyệt đối. Những hình thể, mảng màu, đường nét được ném ra ngoài cuộc đời, khách thưởng ngoạn thích, đứng lại nhìn, ngắm và chia xẻ. Không thích, lướt qua, và quên. Thế thôi, không ai làm phiền ai, càng không ai bắt bẻ ai.

Những năm trai trẻ, bao lần Kim Thi bàng hoàng đến tê liệt hồn, xác trước những công trình sáng tạo tuyệt vời. Nghĩ, cái thế giới muôn màu muôn vẻ ấy mới đẹp đẽ và cao nhã làm sao, sau này, cho dẫu vì bất cứ lý do gì, Kim Thi cũng sẽ không bao giờ xa rời nó. Nhưng định mệnh của mỗi người thường khi vẫn bị đưa đẩy bởi một lực riêng nào đó, không thể cưỡng chống. Do hoàn cảnh khách quan, Kim Thi rơi vào thế giới chữ nghĩa. Thoạt đầu Kim Thi vẫn tưởng, ngoài màu sắc, có thể xem văn chương như một thú tiêu khiển, một chọn lựa nghiệp dư. Còn thích, còn ở với nó, hết thích, bước ra, trở về với công việc chính. Kim Thi lầm. Kim Thi quên mất điều này: Một người cầm bút viết văn, không để cho ai đọc, ngoài mình, thì đúng là chuyện tiêu khiển. Nhưng khi những bản văn ấy xuất hiện trên sách, báo, phổ biến ngoài xã hội, thì vô hình chung hắn đã trở thành người của quần chúng. Điều hắn viết ra không còn của riêng hắn. Nói cách khác, dù muốn dù không, dù ít dù nhiều hắn đã tự buộc vào mình những trách nhiệm. Bởi tiếng nói của hắn, trong giới hạn nào đó, sẽ tác động trên một số người. Chính vì vậy, hắn dần dà mất hết tự do, hắn phải thường xuyên đối diện với chính mình, và luôn tự hỏi: những điều vừa trải xuống trang giấy có ảnh hưởng nào, đối với xã hội. Sẽ quá lớn, và phần nào ảo tưởng nếu cho rằng nhà văn là lương tri của nhân loại, nhưng cũng sẽ hời hợt, cẩu thả nếu bảo văn chương hoàn toàn vô ích đối với con người. Câu nói của Satre: "Trước một đứa bé sắp chết đói, cuốn "Buồn Nôn" không giá trị bằng một ổ bánh mì" chỉ đúng ở mặt nào đó, trong hoàn cảnh nào đó mà thôi.

Từ lúc lún sâu vào thế giới chữ nghĩa, và từ lúc nhìn thấy tác động của chữ nghĩa, Kim Thi đâm chùn tay, sợ. Cũng có nghĩa Kim Thi tự buộc mình phải cẩn trọng hơn trước khi viết. Vì cẩn trọng, Kim Thi không thể không quan

tâm đến những vấn đề của con người, của xã hội. Quan tâm đồng nghĩa với tách bạch điều trái lẽ phải, chuyện hay việc dở. Mặt nào đó, nếu nhà văn không là lương tri của nhân loại, thì ít nhất hắn cũng là chứng nhân của thời đại hắn đang sống.

Bạn hiền cũng là người cầm bút, hơn thế, đã có thời bạn hiền chịu trách nhiệm một tờ báo. Hãy nói thật với Kim Thi đi, khi cúi xuống trang giấy, hay ngồi trầm ngâm trước màn hình computer, bạn hiền cảm thấy tự do tuyệt đối, hay ít, nhiều gì cũng bị một lực kiểm soát vô hình nào đó làm cho ngòi bút trở nên đắn đo hơn? Chính sự đắn đo, cân nhắc ấy, theo Kim Thi, là nền móng đầu tiên của công việc sáng tạo. Chính sự đắn đo, căn nhắc ấy giúp cho những dòng chữ sẽ xuất hiện có được cái giá trị của luân lý, cái đúng của sự thật, cái tha thiết của ước mơ, cái huyền ảo của vẻ đẹp. Một người nào đó đã ví nhà văn như kiếp tằm, ăn dâu nhả tơ, tự rút ruột mình dệt lụa cho đời. Trong nghĩa này, nhà văn phải trầm mình vào cõi nhân sinh, phải sống và cảm nhận trọn vẹn những gai chông, triền phược, thì những con chữ hắn viết ra mới hy vọng có được sinh khí. Tác phẩm văn chương không khác gì thân xác một con người. Không thở, không hô hấp, "bình thịt xương" ấy chỉ còn là một cái xác, vô hồn. Như cỏ cây, như đất đá.

Cũngcó nghĩa, khi đã trầm mình vào cõi nhân sinh, hắn, nhà văn, không thể không thương yêu và thù ghé. Đâu đó, Kim Thi từng viết, muốn có tác phẩm tốt, người nghệ sĩ phải sống thực sự. Nghĩa là phải yêu thương mãnh l;iệt và thù ghét mãnh liệt. Tình cảm làng nhàng chỉ sản sinh những đứa con thiếu tháng.

Lại nữa. Kim Thi là một con người tầm thường, với tất cả những tầm thường của một con người. *"Take things easy, không chấp nhất bất cứ ai, bất cứ điều nhỏ mọn hay vĩ đại gì"* hình như chỉ có thể có được ở những thánh nhân, những hiền giả. Kim Thi không muốn và cũng không thể, nhất định không thể, trở thành những bậc á thánh ấy. Vì thế, hãy cứ cho Kim Thi được quyền yêu, được quyền ghét, mãnh liệt. Vấn đề không phải ở chỗ yêu và ghét. vấn đề ở chỗ yêu đúng, ghét đúng.

Ngày 20 tháng 12 năm 1995

Lại vừa nhận thư của một bạn văn khác gửi từ quê nhà:

"...

Mình bị bệnh ung thư cổ. Bên Tây y có vẻ bối rối, và dĩ nhiên đi nằm bệnh viện Ung Bứu là chuyện ngoài khả năng của mình, vì rất tốn kém.

Bằng tất cả nghị lực và niềm tin, mình đang chữa trị thuốc Đông y gia truyền. Vị thầy cao tuổi này hứa bệnh mình sẽ khỏi. Là một người làm thơ, dĩ nhiên mình hiểu một cách thâm thúy về cõi phù du và đạo vô thường của cuộc làm người. Nhưng dứt khoát phải chữa bệnh vì những cơn đau, cơn mệt và nhất là

phải làm việc. Bởi đứa con trai đầu lòng của mình còn quá nhỏ, trách nhiệm làm cha không cho phép mình phó mặc, ngồi nhìn con chết đói. Do đó từ cuộc chơi với định mệnh phải biến thành cuộc chiến đấu.

...

Mình biết bạn giao du rộng, xin nhắm giúp hộ mình những Bé Ký, Hồ Thành Đức, Nghiêu Đề, Hồ Minh Dũng, Trần Hoài Thư, Phan Nhật Nam, Nguyễn Mộng Giác, Hoàng Lộc, Thái Tú Hạp, Trùng Dương, Lê Uyên Phương, Đặng Thị Huệ... về tình trạng của mình: Phan Nhự Thức đang bị bệnh ung thư, và quá nghèo!

Đây không phải là một sự cầu cạnh, xấu hổ và tủi nhục lắm. Đây chỉ là lời chân thật của một người từng có thời cùng các bạn góp mặt trên các diễn đàn văn học. Mình rất cần tiền nhưng cũng rất cần sự thanh thản, và cần hơn nữa lòng tự trọng không bị hoen ố. Nếu những điều mình viết có làm các bạn khó chịu, thì mong bỏ qua cho, và quên hộ..."

Lá thư dài, Kim Thi chỉ trích vài đoạn chủ yếu. Lá thư làm Kim Thi bứt rứt cả ngày hôm nay. Nghĩ đến bạn, nghĩ đến khuôn mặt quắt héo, lưỡng quyền nhô cao, đôi mắt đục, mái tóc bù rối, hai hàm răng chỉ còn lợi, chiếc lưng còng, dáng người nhỏ thấp, khô đét. Rồi lại nghĩ đến căn nhà ở Bầu Cát, mái tranh, vách lá, mùa mưa vợ chồng con cái phải thức trắng, di chuyển hết góc này sang góc khác tránh dột, và gánh cơm bình dân ngoài đầu ngõ. Vợ xào nấu múc xới, chồng rửa chén lau bát. Quần quật cả ngày mà tiền lời không đủ để có thể dành dụm mua vài thiên lá, lợp lại cái mái nhà. Phan Nhự Thức, người làm thơ ấy, không lớn hơn Kim Thi bao nhiêu tuổi, vậy mà sau mười năm xa xứ, trở về, gặp lại, Kim Thi kinh ngạc: khuôn mặt ấy, dáng dấp ấy phải là của một ông già trên dưới sáu mươi! Thời gian hẳn không có khả năng tàn phá một con người hung bạo như thế, chỉ do đời sống. Cái đời sống nghiệt ngã, bởi tù tội, bởi đói nghèo, bởi lo toan, bởi khổ đau chồng chất. Cái đời sống lê thê hai mươi năm, từ điểm mốc tháng Tư 75, tuy chỉ non một phần ba đời người, nhưng luống cày của nó trên định mệnh một thân phận, quá sâu, đến nỗi ngay cả việc sống, tồn tại, có vợ, có con, nếu nhìn dưới góc cạnh nào đó, đã gần như phép lạ! Bây giờ, mầm ung thư bộc phát, người vợ lam lũ không nghề nghiệp chuyên môn, đứa con trai duy nhất phải có cái ăn cái mặc và dẫu thế nào cũng phải cắp sách đến trường, những gánh nặng nầy dứt khoát "quá tải" đối với người một người làm thơ, lại là một người làm thơ mà bạn bè gần gũi đã biết: thiếu hẳn khả năng bương chải, tháo vát!

Sáng nay, HMD đến chơi, tôi đưa thư bạn cho D đọc. Bằng chất giọng rất Huế và rất "thằng" của mình, anh nhận xét: "Hắn khổ rứa, không ung thư cổ thì cũng đã ung thư cả cuộc đời rồi, còn chi". Và D lắc đầu, cái lắc đầu thâu tóm trọng vẹn nỗi bứt rứt của anh, của Kim Thi, của những bằng hữu từng ít

nhiều quan hệ với Thức. Giúp đỡ bạn. Điều ấy dĩ nhiên. Nhưng được đến đâu? Khi mà, đời sống luôn luôn nghiệt ngã với bọn cầm bút, viết chữ, dù trong vòng rào quê hương sục sôi cơm áo, hay bên ngoài thế giới có vẻ thừa tiền dư của. Khi mà, trên vai người nào cũng chất chồng bao nhiêu gánh nặng. Khi mà, đa số anh em, ngoài khả năng cầm bút, cầm cọ (những công việc hoàn toàn"vô bổ", tuyệt đối không sản sinh một đồng nhỏ lợi tức), hình như chẳng biết làm việc gì khác, hoặc biết chăng, thì cũng chỉ những công việc rất khiêm nhường, "tay làm hàm nhai", giỏi lắm, chỉ đủ nuôi sống bản thân, vợ con và may ra, có thêm chút ít cho những hệ lụy cật ruột ở quê nhà.

"Dù giúp được mình hay không, cũng xin các bạn cho mình vài chữ. Tiếng nói của các bạn, vọng về từ nghìn trùng, dẫu sao cũng giúp mình ấm lòng." Lời nhắn sau cùng trước khi kết thúc bức thư, như mũi kim nhọn đâm nhói giữa ngực, khiến Kim Thi không thể không nghĩ đến những bằng hữu xa gần của Thức. Những người quen thân, những người chỉ biết nhau qua chữ nghĩa mà chưa từng gặp mặt. Có nên chăng, nhịn một bữa ăn sáng, thôi uống vài chai bia, nằm nhà một ngày cuối tuần thay vì dắt vợ con đi shopping, dành số tiền nhỏ ấy, gửi cho Thức? Để cái mái nhà của hắn có được vài "thiên" tranh, lợp lại, để đứa con trai chưa tròn mười tuổi của hắn có cơ hội cắp sách đến trường, và để hắn trả nổi phí khoản những thang thuốc Bắc của người thầy Đông y cao tuổi. Thay mặt Thức, Kim Thi mong lắm thay. Thư cho Thức, xin đề: Nguyễn Văn Minh, 1. 37 Chung Cư 2 Bàu Cát, Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. hoặc qua Hợp Lưu, Kim Thi sẽ chuyển.

Ngày 26 tháng 12 năm 1995

Ở Mỹ, sách vở như cây trên rừng, như nước dưới biển, mỗi ngày hàng ngàn nhan sách mới xuất hiện trên thị trường, không có thư viện nào đủ sức chứa hết lượng giấy khổng lồ ấy, người ta phải chụp vi phim, rồi thải bớt, để dành chỗ cho những mặt hàng mới. Nhờ thế, dân ghiền sách có được một thú vui rất "văn hóa": cuối tuần, đọc báo, tìm xem thư viện nào sale, bốc điện thoại rủ thêm vài ông bạn "đồng bệnh", cùng nhau đi "hốt". Sáng Thứ Bảy, sách cũ được bán với giá 50, 60% off, đa số thuộc loại quí. Chiều, giảm thêm 20, 30% nữa, để ngày Chủ Nhật, mọi thứ còn lại đồng hạng một đô la một túi ni lông, tha hồ muốn mua bao nhiêu túi mặc sức! Của rẻ tuy chẳng phải của ôi nhưng rẻ quá đâm gây phiền phức: sách gì cũng vơ, báo nào cũng hốt, có bữa chất đầy cả nửa xe truck vẫn còn... ham! Kết quả, cái garage đôi không còn chỗ đậu, xe phải nằm ngoài lề đường, mà sách thì đã... xâm lược đến tận hành lang, nhà bếp, phòng khách, buồng ngủ và cả... phòng vệ sinh!

Kim Thi không biết có bao nhiêu độc giả của *Hợp Lưu* mắc phải chứng mê sách quái ác ấy, và nó đã làm khổ quí vị ra sao. Riêng Kim Thi, từng có

lần tưởng... ra xơi đất ngoài nghĩa trang, chỉ vì lỡ dại đắm say thái quá! Kim Thi bị một căn bệnh tuy chẳng ghê gớm gì, nhưng buộc phải... xơi mỗi ngày tổng cộng... một tá thuốc, không được phép quên! Một bữa hết thuốc, trên đường đến pharmacy, ngang qua thư viện quận, thấy đang sale sách cũ, bèn ghé vào, định chỉ coi chơi. Quanh quẩn một vòng, mắt chạm phải cuốn sách hội họa rất ư sáng giá. Cầm lên xem, để rồi... bỏ xuống không đành. Nhưng dù sale 50%, vẫn gần bằng số tiền Kim Thi đang có trong túi dành mua thuốc! Bần thần đến năm mươi phút, suy đi tính lại, tự nhủ: cuốn sách này chẳng dễ tìm, ngày mai trở lại chắc gì còn, thôi thì cứ mua liều, tạm quên chuyện thuốc men một hai hôm, có lẽ cũng không sao. Thế là yên tâm bê cuốn sách về nhà, lật tới lật lui đến chán mới trịnh trọng xếp vào kệ, ngắm, lòng không nguôi tâm đắc. Nhưng một ngày qua đi, rồi một ngày nữa, ngày nữa... Xuôi xẻo làm sao, túi vẫn rỗng! Không tiền cơm hàng cháo chợ, chẳng sao, vì đã có thùng mì Đại Hàn dự trữ (mục này, Kim Thi với nhà văn già sát vách "chuyên trị". Hai anh em vẫn thường "vay" của nhau, những lúc người còn kẻ hết). Chỉ phiền, không có thuốc khai thông, mọi con đường dẫn vào trái tim quá khổ đều bị "đắp mô". Đến ngày thứ sáu, đang ngồi mổ cò bỗng xây xẩm. Bò lại giường, nằm. Năm phút, mười phút... càng lúc càng khó thở, mồm mở lớn tối đa vẫn không hớp kịp dưỡng khí! Mót tiểu, chổi dậy, chưa kịp vào phòng vệ sinh đã lảo đảo ngã chúi! Cũng may, một ông bạn tình cờ ghé chơi, thấy tình cảnh nguy cấp vội vàng chở ngay vào bệnh viện. Bác sĩ hỏi: "Có uống thuốc không?". "Thưa... quên!". "Quên?". Vị bác sĩ khả kính mở tròn hai mắt sau vòng kính cận. Kim Thi cảm thấy lúng túng quá, đành... cười trừ. Không cười, chả lẽ khai tại mê sách?

Mê sách! Quả còn hơn dân hít tô phe mê khói thuốc phiện. Đọc chẳng được bao nhiêu (thời giờ đâu mà đọc!) Vả, có đọc cũng chẳng "tiếp thu" gì nhiều. Đã dốt, đầu óc lại càng già càng u mê, người ta đọc một hiểu mười, Kim Thi đọc mười hiểu một! Thế mà chứng mê sách vẫn không thể bỏ. Những lúc vui anh vui em, Kim Thi thường đùa: "Có lẽ kiếp trước ta thuộc nòi đốt sách chôn học trò, vì thế kiếp này phải trả. Viết sách, mờ mắt gõ chữ, căng đầu bóp trán tìm ý đặt câu, được vài trăm trang, chạy tiền in ra, bán mãi hai ba năm không lấy lại đủ... một phần tư vốn liếng. Làm báo, kiêm từ mổ cò đến hốt rác... bốn năm năm dài vẫn hàng tháng chạy tiền bù lỗ. Thế mà sách vở của thiên hạ thì tuần nào cũng bê về cả núi, chất đấy từ cầu tiêu đến garage. Mỗi lần dọn nhà, ti vi tủ lạnh gường chõng... không màng, chỉ loay hoay với những thùng sách, đến hốc hác xanh xao, đến bỏ ăn quên ngủ! Thế, không bị quả báo thì thử hỏi tại làm sao?"

Tại làm sao? Có cái gì nằm trong những trang chữ đen ngòm kia tạo ra ma lực mạnh mẽ đến vậy?

Tiền bạc? Ở các nước tiên tiến, thừa ăn dư để, tác giả viết sách, nếu đã có

tên tuổi, quả có thể giàu được. Và người đọc khi lỡ bị căn bệnh mê sách nó ám, cũng không đến nỗi nào: so với các thú vui khác, thú mua sách được xem là thanh cao và chỉ tốn kém tương đối. Vậy tiền bạc, đối với họ tạm xem như một trong những động cơ.

Danh vọng? Cũng ở các nước tiên tiến, bọn viết chữ và đọc chữ đương nhiên được xếp vào giai cấp có chữ, được nể vì. Nhất là tác giả, khi đã "có name", sách được in hàng triệu bản, được dịch ra đủ mọi ngôn ngữ, cả thế giới tôn vinh, đến đâu cũng tiền hô hậu ủng. Danh giá nào thua vua chúa, tổng thống, giáo hoàng.

Riêng Việt Nam, hai món ấy (tiền bạc và danh vọng) tuy thiếu, nhưng viết chữ và đọc chữ cũng là một trong những công việc tao nhã, hoặc thích hoặc không thích, chẳng ai nỡ mắng mỏ. Dù sao, một anh nhà văn cũng... danh giá hơn, nếu so với ông ăn mày! (Trừ phi, một số người tự nhận mình là nhà văn, hoặc tưởng mình là nhà văn, hoặc đã là nhà văn thực thụ, nhưng tâm địa thâm hiểm, tư cách hèn hạ. Chữ, do hạng người này viết ra, thường được nhuộm đen bởi nọc rắn độc. Đọc phải loại sách ấy, "nhức mình" cả tháng).

Nhưng danh vọng, tiền bạc hình như cũng chẳng phải động cơ chính cho công việc viết chữ và đọc chữ. Phải có cái gì khác hơn, mới có thể buộc một con người, có khi dành trọn cuộc đời mình, để làm dày những chồng bản thảo có đến vài nghìn trang, vài chục nghìn trang. Trước mặt Kim Thi là bộ *The Story of Civilization*, gồm 11 cuốn, cuốn nào cũng trên bảy tám trăm trang, của vợ chồng hai sử gia Will & Ariel Durant. Chỉ nhìn chiều dày bộ sử này, Kim Thi đã xanh mặt, đừng nói chi phải đọc thiên kinh vạn quyển, phải rong ruổi đó đây trên khắp mặt địa cầu, phải tìm tòi, học hỏi, nghiên cứu, ghi chép, để rút tỉa, tổng hợp, rồi viết ra, thành hệ thống khúc chiết! Kim Thi tin rằng không phải vì tiền, cũng chẳng phải vì danh, mà ông bà Durant tự làm khổ mình đến vậy! Cũng trước mắt Kim Thi, là dọc dài những cuốn tiểu thuyết đồ sộ của Fyodor Dostoievski: *Lũ Người Quỷ Ám, Tội Ác Và Hình Phạt, Gã Khờ, Đầu Xanh Tuổi Trẻ, Anh Em Nhà Karamazov, Hồi Ký Viết Dưới Hầm, Con Bạc...* Dù công bằng mà nói, nhiều lúc Dos viết như chạy nước lụt, để kịp trả nợ cho chủ nợ, là các nhà xuất bản, từng cho ông vay trước, vì máu mê đỏ đen đã đốt của ông không biết bao nhiêu tiền, và vì đói. Nhưng Kim Thi cũng tin, chẳng phải bởi lý do ấy mà Dos chịu ngồi xuống trước những trang giấy, dưới ánh sáng vàng vọt của ngọn đèn dầu thông, để từng đêm, từng đêm, nhả ra, như tằm nhả tơ, những dòng chữ đầy trọng lượng kia. Và còn biết bao nhiêu người nữa, những Leon Tolstoi, Balzac, William Faulkner, Boris Pasternak, Ernest Hemingway, Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Nhất Linh, Khái Hưng, Mai Thảo, Bảo Ninh, Nguyễn Huy Thiệp... Đâu có phải lúc nào cũng vì tiền, vì danh?

Kim Thi ngờ rằng phải có một thứ gì khác, một động cơ nào khác nữa,

giúp họ, những nhà văn, có đủ nghị lực và kiên trì ném cả cuộc đời mình, cho những cuốn sách.

Cái gì khác, động cơ nào khác đó, phải chăng là ma lực của chữ, quyến rũ của chữ, sự màu nhiệm của chữ, khả năng mở ra, đến vô tận, của chữ. Những năm tuổi trẻ, khi tình cờ đọc được hai câu thơ của Tản Đà: *"Đêm nghe tiếng ếch bên tai / Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò"*, Kim Thi đã bàng hoàng. Hai câu thơ chẳng hiểu vì sao, đã mở ra trước mắt đứa trẻ sắp bước vài tuổi thanh niên cái thế giới hoang tịch, cô liêu, lạnh lẽo của kiếp người. Cảm giác bàng hoàng đó mãi đến hôm nay, vẫn còn bám mãi trong não trạng Kim Thi, để những lúc mỏi mệt, rã rời và buồn phiền nhất, nó bật lên, ngân vang, như tiếng chuông thu không giữa chiều tà, lúc đêm chưa lên, ngày chưa dứt. Rất sớm, Kim Thi hiểu ra cái lẽ vô thường của cuộc làm người, chỉ qua hai câu thơ, dường như chẳng liên hệ gì với suy nghĩ luận lý của mình. Và sau này, khi đã vào đời, có lúc Kim Thi tuyệt vọng tưởng chừng có thể tự hủy, thì lại một câu văn khác, của nhà văn Mai Thảo chợt đọc thấy, ở đâu đó, trở thành lực đẩy, giúa Kim Thi đủ can đảm vượt qua nghịch cảnh: *"Khi ta nằm xuống, cuộc đời là trái núi, hãy đứng dậy mà xem, cuộc đời sẽ nằm dưới chân ta"*.

Đối với người đọc, sự màu nhiệm của chữ nó hiệu năng là thế, thì đối với tác giả, việc "làm ra" những màu nhiệm ấy, hẳn sự quyến rũ phải mãnh liệt đến chừng nào.

Cuối cùng, lại cũng vẫn là lời của một nhà văn, khi tuổi tác đã bóng xế, nói với những người trẻ, những người đang "làm ra chữ, tạo ra nghĩa": *"Hãy ở với nó đi, ở với những trang văn, những cuốn sách, thủy chung và mãi mãi. Bởi vì những thứ ấy nó mới đẹp đẻ làm sao, tao nhã làm sao, và hiền lành làm sao. Nếu nó không giúp gì được cho anh, thì cũng chẳng bao giờ làm hại được anh"*.

Hóa ra, mê sách đâu phải là một cái tội, một căn bệnh. Phải không, thưa các độc giả thân mến?

Ngày 10 tháng 1, năm 1996

Trong một số báo *Newsweek*, ông Klaus Lampe, giám đốc Viện Nghiên Cứu Lúa Gạo Quốc Tế (IRRI), trước khi về hưu, đã trả lời câu hỏi: "*Ông có nói rằng lúa gạo là một mặt hàng mang tính chính trị, phải hiểu theo nghĩa nào?*" như sau: *"Rất lâu trước khi khoa kinh tế học được sáng lập, các hoàng đế La Mã đã biết rằng bánh mì và vui chơi giữ cho người dân sống trong hòa bình. Trò chơi hiện đại là chiếc máy ti vi. Đấy là một trò chơi nguy hiểm, bởi vì nó truyền đến mỗi làng mạc cái ảo tưởng về cuộc sống phồn vinh ở vùng đô thị, làm khơi dậy những niềm mong đợi mà trong phần lớn trường hợp không được đáp ứng. Người dân ngồi trước máy thu hình với một cái bụng chưa no: về lâu về dài, điều ấy, sẽ có tác dụng bất ổn về mặt chính trị"*.

Nhận xét trên hết sức sâu sắc. Tuy nhiên Kim Thi không phải là một kinh tế gia, lại càng không phải người làm chính trị, nên không dám lạm bàn về sự nguy hiểm xét ở hai diện kinh tế và chính trị do chiếc ti vi gây ra. Nhưng rõ ràng, ở lĩnh vực văn hóa, cái khung vuông phát hình hiện diện trong bất cứ gia đình nào ở Mỹ ấy, không phải không có những tác dụng "âm tính".

- Nó làm cho đầu óc của chúng ta trở nên nghèo đi, vì lười suy nghĩ: mọi thứ đã trưng bày sờ sờ ra đó, bằng hình ảnh, sống động như thật, còn gì nữa để mà suy nghĩ? Đạo diễn, diễn viên, chuyên viên thâu hình, âm thanh ba chiều cực tốt và màn ảnh cực rõ đã suy nghĩ hộ chúng ta, chu đáo đến không còn chỗ nào để chúng ta còn cơ hội "động não"! Thích thật. Nhưng về lâu về dài, chúng ta sẽ bị điều kiện hóa lúc nào không hay. Nghĩa là chúng ta không còn khả năng suy nghĩ độc lập, mà buộc phải dựa vào suy nghĩ của người khác, khi muốn giải quyết hoặc nhìn ngắm bất cứ sự kiện sự vật gì, chung quanh chúng ta! Kinh nghiệm này rõ nhất ở trẻ con: thức ăn chúng thích, y phục chúng mặc, cách đi, dáng đứng, lối nói, nét nhìn... nhất nhất đều được hướng dẫn, qua những show quảng cáo, và qua những hình ảnh chúng nhìn thấy hàng ngày, trên màn ảnh ti vi. Con người trở nên đồng dạng như được đúc ra từ một cái khuôn! Có thời Kim Thi luôn kinh ngạc mỗi khi bước ra đường, mọi đàn bà con gái đều giống nhau đến có thể lầm người này với kẻ nọ. Đó là kết quả của chiến dịch quảng cáo ồ ạt và hấp dẫn do các trung tâm sửa chữa sắc đẹp, thường được gọi là các viện thẩm mỹ trưng ra hàng ngày. Người ta đua nhau chi tiền để có được khuôn mặt khả ái dựa theo một kiểu mũi, kiểu miệng, kiểu mắt, kiểu tóc của nàng Mona Lisa, người đàn bà bất diệt do danh họa Leonardo Da Vinci tạo tác gần năm trăm năm trước! Hình thức còn bị điều kiện hóa như thế, huống chi tinh thần!

- Nó làm cho trí tưởng tượng của chúng ta mòn hẳn, vì từ người đến cảnh... đã được hình ảnh hóa hết rồi, còn chỗ nào cho trí tưởng tượng hoạt động? Đọc đoạn văn sau đây của Khái Hưng trong **Hồn Bướm Mơ Tiên:** *"Hai bên lề đường, lúa chiêm vàng ối. Từng bọn vừa đàn ông, đàn bà, con gái cúi khom lưng, cầm liềm nhỏ cắt lúa trông ra dáng vội vàng chăm chỉ lắm, như sợ trời sắp tối không đủ thì giờ gặt xong thửa ruộng. Một bọn nữa phần nhiều người lực lưỡng kẻ thì lấy sức rút dây lạt bó các lượm lúa lại thành từng bó, kẻ thì cầm đòn xóc xuống đất, đứng bắt chéo chân, nhìn vơ vẩn..."*, trong đầu Kim Thi liền hiện ra cảnh gặt lúa ấy, rất rõ ràng và rất chi tiết. Nhưng đó là hình ảnh gặt lúa *của Kim Thi*, hình ảnh dựa trên kinh nghiệm điền giả Kim Thi từng nhìn thấy, mấy mươi năm trước trên dãi đất miền Trung xơ xác. Nó sẽ khác lắm với cũng hình ảnh nọ, nhưng là của một độc giả nào đó, sinh trưởng và lớn lên ở miệt đồng bằng sông Cửu, hay cao nguyên Lâm Viên trùng điệp núi rừng. Văn chương làm nhiệm vụ trao cho chúng ta một số ký hiệu, tùy kinh nghiệm tích lũy cá nhân, mỗi người sẽ giải mã cách nào đó dựa trên những

ký hiệu này. Như thế, cũng với khung cảnh gặt lúa Khái Hưng mô tả, Kim Thi tin, một trăm, một nghìn độc giả, khi đọc, sẽ có cho mình một trăm, một nghìn hình ảnh khác nhau. Hiểu giản dị, văn chương có khả năng khơi động, đánh thức và mở rộng cánh cửa tưởng tượng ra muôn nghìn cảnh thổ. Nó khác lắm với cái màn ảnh ti vi nghèo nàn: chỉ cho chúng ta duy nhất một hình ảnh! Và do thế, đã vô hình trung khép lại của chúng ta cánh cửa tưởng tượng, vốn dĩ, là lối thoát cực kỳ thơ mộng, mà loài người xưa kia may mắn chưa bị cưỡng đoạt.

- Nó làm cho hiểu biết của chúng ta chỉ nông choẹt trên bề rộng mà không thăm thẳm ở chiều sâu. Cái gì chúng ta cũng biết, nhưng chỉ biết đại khái, mù mờ, tranh sáng tranh tối. Do yêu cầu lợi nhuận, một đài truyền hình muốn được nhiều khán giả xem (nhờ thế giá quảng cáo sẽ cao) ắt phải phong phú (hiểu theo nghĩa có thật nhiều tiết mục và phải tạo được thật nhiều tiếng cười, bất kể những mục chọc cười này thường vô duyên, dung tục đến phát ngượng!) Ngoài các màn chọc cười ra, người ta tránh đi vào các đề tài học thuật, văn chương, nghệ thuật... Hoặc nếu có thì cũng chỉ phơn phớt, vừa đủ để khán giả thỏa mãn trí tò mò, chứ không chủ tâm đào sâu(sẽ gây nhàm chán cho nhiều người khác, nếu họ không thích đề tài ấy) Thế là kiến thức của thính giả chỉ đạt đến trình độ phổ thông, để "nói phét" với nhau cho vui, được, nhưng để áp dụng vào thực tiễn e... bất khả thi.

Cho nên không lạ gì nếu hàng ngày chúng ta đụng đầu thường xuyên với một lớp người mới, cái lớp người tuy đã qua khỏi tuổi trưởng thành từ lâu, và bằng cấp thuộc hàng bậc thầy, nhưng ngoài nghiệp vụ chuyên môn, những hiểu biết khác đều rất giống với những trẻ vị thành niên!

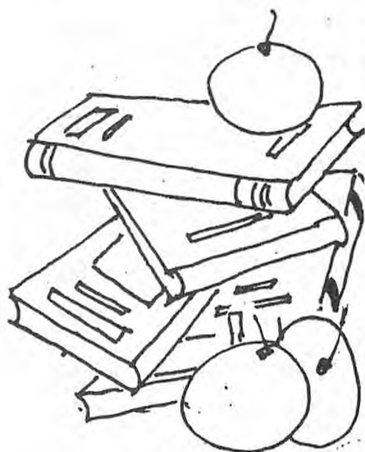
Trong muôn nghìn hội chứng của thời đại mới, nhân loại có thêm một hội chứng nữa: *hội chứng ti vi!*

KIM THI



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

giới thiệu sách mới



Một số thư viện ở các tiểu bang trong và ngoài nước Mỹ thường thư về tòa soạn: muốn mua vài tác phẩm Giáng Châu từng giới thiệu trong mục này nhưng không biết địa chỉ đặt mua. Xin trả lời chung: Tất cả các tác phẩm được giới thiệu đều ghi rõ giá bán và địa chỉ nhà xuất bản (trừ những nhà xuất bản quá quen thuộc như Văn Nghệ, Xuân Thu, Đại Nam). Tuy nhiên, trên nhiều tác phẩm khác, Giáng Châu không thấy ghi địa chỉ. Vì vậy, từ nay, nếu tác phẩm nào được giới thiệu mà không kèm theo địa chỉ, cũng có nghĩa Giáng Châu không biết. Mong các vị phụ trách ban Việt ngữ tại các thư viện cảm thông.

Trong tháng này thư viện Cornell University đã hỏi các tác phẩm sau đây: 1) THỤ NHÂN, số đặc biệt 1995 do Hội Ái Hữu Viện Đại Học Đà Lạt tại Houston, Texas thực hiện. 2) VIỆT NAM VÀ TÂM THỨC DÂN TỘC, Nguyễn Hữu Tấn, tác giả xuất bản. 3) SEN NỞ TRONG TÔI, thơ Bùi Duy Thuyết, Hoa Vàng xuất bản. 4) THỊ TRẤN HOA QUỲ VÀNG, tập truyện Trần Thùy Mai. Xin các tác giả hãy liên lạc trực tiếp với Quynh-Giao Vo, Vietnamese Library Assistant. Cornell University Libraries. 177 Kroch Library, Ithaca, N.Y 14853. USA.

*

HAI MƯƠI NĂM VĂN HỌC VIỆT NAM HẢI NGOẠI (1975-1995), 158

tác giả. Sách khổ lớn, bìa da, có bìa phụ bọc ngoài, dày 1600 trang, chia làm hai tập. Trương Đình Nho chủ trương. Khánh Trường trình bày bìa, tranh ảnh. Cao Xuân Huy đánh máy, lay-out bản văn. Trương Đình Luân sửa lỗi chính tả. Đại Nam xuất bản. Giá 60MK. Địa chị: Xem quảng cáo trang bìa sau.

Nếu chỉ tính số lượng tác giả tham dự, có thể khẳng định: bộ sách là một tập hợp đông nhất (dĩ nhiên chưa đủ) từ trước đến nay, tại hải ngoại. Chẳng những đông, bộ sách còn thể hiện một tinh thần hòa hợp tốt đẹp: nhiều thế hệ cầm bút, nhiều "trường phái", nhiều quan niệm văn học, nhiều chính kiến khác nhau đã đứng chung được với nhau, lần đầu tiên, trong cùng một tác phẩm.

Ngoài phần văn xuôi, biên khảo, bút ký, tùy bút, thơ... bộ sách còn có sự góp mặt của nhiều họa sĩ, điêu khắc gia, nhiếp ảnh gia, với bốn mươi tranh màu in full color trên giấy trắng láng, đẹp không thua gì tranh in trong các loại sách chuyên đề nghệ thuật của phương Tây.

Đây là một công trình "để đời" của nhà xuất bản Đại Nam. Trong tương lai, khi viết về văn học hải ngoại, các nhà nghiên cứu không thể không sử dụng tài liệu này.

Tuy nhiên, bên cạnh các ưu điểm: ấn loát công phu, tác giả đông đủ, giá bán lại rẻ nếu so với số trang và kỹ thuật in, đóng cắt... bộ sách cũng không tránh được nhiều khiếm khuyết đáng tiếc: nhiều trang bị nhòe, chân dung các tác giả phần lớn bị trầy sướt...

Nếu bộ sách được tái bản, đề nghị nhà Đại Nam lưu ý sửa chữa những khiếm khuyết trên.

VIETNAM, A TRAVELER'S LITERARY COMPANION, Tuyển tập truyện ngắn bằng Anh ngữ, gồm nhiều tác giả Việt Nam trong và ngoài nước, được in trong dạng sách bỏ túi cho du khách. Biên tập bởi John Balaban, đồng biên tập là Nguyễn Quí Đức. Nhà xuất bản Whereabouts Press, San Francisco. Dày 256 trang, sẽ phát hành vào tháng 2.1996, giá 12.95 đô la.

Sách chia làm tám chương, liệt kê theo thứ tự sau. Chương đầu gồm một bản đồ Việt Nam và Lời Nói Đầu của John Balaban. Chương Jungles (Rừng) gồm các truyện của Nguyễn Huy Thiệp và Dương Thu Hương. Chương Hanoi (Hà Nội) gồm truyện của Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái, Lê Minh Khuê. Chương Rivers (Sông Hồ) gồm truyện của Nguyễn Huy Thiệp, Doan Quốc Sỹ, Bảo Ninh. Chương Ho Chi Minh City (Sài Gòn) gồm truyện Nguyễn Quí Đức và Andrew Q. Lam. Chương Villages (Làng Xã) gồm truyện của Nguyễn Huy Thiệp, Thích Đức Thiện, Vũ Bảo. Chương Remembrance (Tưởng Nhớ) gồm truyện của Linh Bảo, Nguyễn Huy Thiệp, Quí Thể, Nguyễn Bá Trạc. Phần sau cùng là tiểu sử những nhà văn góp mặt.

Tổng cộng là 17 truyện ngắn của 14 nhà văn. Riêng Nguyễn Huy Thiệp có 4 truyện trong này. Thích Đức Thiện nguyên là phóng viên hồi hưu của báo *Tiền Phong*, hiện là một nhà sư ẩn dật.

Mặc dù tuyển dùng tập dùng giới thiệu văn chương Việt cho du khách đọc tiếng Anh, nhưng thực chất cũng là một hình thức giao lưu văn hóa giữa những nhà văn có quá khứ miền Nam và miền Bắc trong cuộc nội chiến qua (và bây giờ là nhà văn "hải ngoại" và "trong nước"). Nhìn theo nội dung này thì đây là tuyển tập giao lưu thứ nhì bằng Anh ngữ sau cuốn *The Other Side of Heaven* (Phía Bên Kia Thiên Đường).

Hai nhà văn viết trực tiếp trong tiếng Anh là Nguyễn Quí Đức và Andrew Q. Lâm. Truyện của các nhà văn khác được dịch từ Việt ra Anh văn.

RA BIỂN GỌI THẦM, tập truyện Trần Hoài Thư, bìa Nguyễn Quốc Tuấn, phụ bản Rừng, tác giả xuất bản, phát hành Minh Văn. Giá 12MK. Liên lạc: Trần Quí Sách, 719 Coolidge St., Plainfield, NJ 07062, USA. Điện thoại: (908) 769-8459.

Gồm hai mươi mốt truyện ngắn. Trong đó có 4 truyện đã in trên các tạp chí văn học tại Sàigòn trước 1975 và được viết lại: Quán Biên Thùy (Bách Khoa), Cánh Bướm Của Mùa Luân Lạc (Văn), Nhật Ký Hành Quân (Văn) và Khi Hoa Cà Phê Nở (Thời Tập). Các truyện còn lại viết trên đất Mỹ trong vòng 15 năm qua.

Trần Hoài Thư là một cây bút nổi tiếng tại quê nhà vào những thập niên 60, 70. Ngoài bốn tác phẩm đã xuất bản trước 1975: Nỗi Bơ Vơ Của Bầy Ngựa Hoang (Ý Thức), Những Vì Sao Vĩnh Biệt (Ý Thức), Ngọn Cỏ Ngậm Ngùi (Ý Thức) và Một Nơi Nào Để Nhớ (Con Đuông), ông còn thường xuyên cộng tác với các tạp chí văn chương uy tín: Văn, Bách Khoa, Vấn Đề, Trình Bày, Ý Thức, Khởi Hành, Thời Tập, Đời, Nghiên Cứu Văn Học... Ra hải ngoại, do học hành và sinh kế, nhịp sáng tác của ông tuy có chậm đi, nhưng những ai từng quan tâm đến sinh hoạt văn học, vẫn thỉnh thoảng nhìn thấy bút hiệu Trần Hoài Thư xuất hiện trên các tạp chí.

Nhẹ nhàng, trầm tĩnh, nhiều tự sự, Trần Hoài Thư tuy "không làm ra bão, không gây nên sóng", vẫn tạo được cho mình một cõi riêng. Cái cõi tràn đầy nhân ái và bao dung. Ông trăn trở, thiết tha đến con người Việt Nam, quê hương Việt Nam, cùng những kỷ niệm, những buồn vui, những còn mất đã kinh qua suốt thời niên thiếu, rồi thành niên, trung niên. Trần Hoài Thư đã để lại trong lòng người đọc, sau khi gấp tác phẩm của ông lại, một nỗi bâng khuâng, ngậm ngùi.

BỒ TÁT HUỲNH PHÚ SỔ & PHẬT GIÁO THỜI ĐẠI, Lê Hiếu Liêm. Phụ lục: "Đức Huỳnh Giáo Chủ Như Là Một Triết Gia Việt Nam", Phạm

Công Thiện, và "Huỳnh Phú Sổ Và Chúng Ta", tiến sĩ Lý Khôi Việt. Viện Tư Tưởng Việt Phật xuất bản. Dày 432 trang. Giá 16MK (ngoài Mỹ thêm 4MK cước phí). Liên lạc: P.O.Box 915 Danville, CA 94526. USA.

Theo tác giả, "Bồ tát Huỳnh Phú Sổ đã đưa lịch sử vượt qua tương lai, đã nối liền Đạo Phật với Dân Tộc, và đã đến hiện đại từ truyền thống. Ý thức mới trong văn hóa, tôn giáo và chính trị của ông vẫn còn rực sáng để đánh thức chúng ta, dẫn đường cho thời đại, cho sinh mệnh Việt Nam và tương lai Phật Giáo Việt Nam. Tất cả chúng ta, những ai vẫn còn mang trong trái tim truyền thống văn hóa và tâm linh của dân tộc, chính là hóa thân của Huỳnh Phú Sổ, của Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, của Khuông Việt, Vạn Hạnh, Lý Công Uẩn..."

BÙI GIÁNG, thơ, bìa tranh của tác giả. Bùi Văn Vịnh xuất bản. Giá 12MK. Liên lạc: 1055 Dewcrest Drive, Anaheim, CA 92808. USA.

Thi phẩm thứ ba của Bùi Giáng được in ở hải ngoại sau 1975. Cuốn đầu in tại Montréal, cuốn thứ hai do nhà xuất bản Thế Kỷ 21, và cuốn thứ ba này do chính em ruột của thi sĩ, ông Bùi Văn Vịnh đứng ra chịu trách nhiệm ấn loát.

Về Bùi Giáng, không người Việt Nam nào không biết đến tên tuổi. Đời ông gắn liền với thi ca. Có người đã nhận xét: Bùi Giáng làm thơ, hẳn nhiên, nhưng điều đáng nói: chính ông là một bài thơ, trường thiên, bất tận. Ông sống bằng thơ, hô hấp bằng thơ, bài tiết bằng thơ, khóc cười ăn ngủ với thơ. Thơ với họ Bùi là một nguyên thể, bất khả cách ly. Giáng Châu cho rằng nhận xét ấy thâu tóm đầy đủ nhất về con người Bùi Giáng. Ngày nay, và mai hậu, nếu nhắc đến văn học miền Nam sau 1954, và thi ca dân tộc, người ta có thể lãng quên nhiều người, nhưng Bùi Giáng thì chắc chắn không, cho dù dưới bất cứ thể chế chính trị nào. Bởi vì kích thước, công lao, sự nghiệp thi ca của họ Bùi đã bao trùm lên trên mọi thể chế chính trị.

VIETNAMOLOGICA, tập san phát huy Việt học, số 1, 1995, do Trung Tâm Việt Nam Học tại Canada chủ trương. Chủ nhiệm: Lê Hữu Mục. Chủ bút: Thái Công Phụng, Khiếu Đức Long, Ngô Văn Hoa. Tổng thư ký: Nguyễn Vy Khanh. Thư ký tòa soạn: Vũ Tiến Phúc. Địa chỉ: CP. 492 Succurasale E., Momtréal (QC) canada. H2T 3A9. Tél: (514) 739-5257.

Tập san gồm nhiều bài nghiên cứu giá trị viết bằng ba ngôn ngữ: Pháp, Việt và Anh. Bìa màu, giấy trắng, kích thước, số trang, cách đóng cắt như HL.

Với chủ trương duy trì và phát huy văn hóa Việt Nam, cũng như dung nạp, kết hợp những ưu điểm của các nền văn hóa khác, để làm giàu có thêm cho nền văn hóa dân tộc, tập san Việt Học là diễn đàn nghiên cứu không

những về nhiều đề tài liên quan đến khoa học nhân văn, xã hội mà còn đến khoa học thiên nhiên.

Vì muốn phổ biến rộng rãi và để cụ thể hóa gạch nối với các thế hệ trẻ, tập san đã sử dụng nhiều ngoại ngữ bên cạnh những khảo cứu bằng Việt ngữ.

Mặt nào đó, tạp san Vieinamologica cũng có một khuynh hướng khá gần gũi với tạp chí Hợp Lưu. Xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả, và cũng rất mong những vị nào có vốn ngoại ngữ tốt, hãy đặt mua tạp san này, như một cách tiếp tay (địa chỉ đã ghi trên), để duy trì một tiếng nói nghiêm chỉnh, hữu ích. Rất tiếc, không thấy đề giá bán và cũng không rõ tập san sẽ xuất bản mỗi năm bao nhiêu số.

THƯ GỬI BẠN TA, Bùi Bảo Trúc, tựa Nguyễn Xuân Hoàng, bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản 1995. Giá 16MK, ngoài Hoa Kỳ thêm 3MK. Liên lạc: địa chỉ nhà Văn Nghệ ở bìa 3 Hợp Lưu.

"Đây là một tác phẩm gồm những ghi nhận nóng bỏng đầy nghệ thuật về người và việc, phản ảnh một cách đầy đủ những gì đã xảy ra trong cuộc sống thường ngày của chúng ta.

"Tôi gọi *hư Gửi Bạn* là những *ghi nhận* chứ không phải là những *ghi chép* bởi vì Bùi Bảo Trúc mặc dù là người nhậy cảm với thời sự và thời cuộc, nhưng ông không hề (sao) chép chuyện người và việc vừa xảy ra đang nói đến, mà ông nhận (định) tại sao, cái gì, thế nào, ra sao, tới đâu... qua đó ông dẫn người đọc đến một khẳng định hay một nghi vấn khác không thời sự chút nào.

"Bởi vì đối với Bùi Bảo Trúc thời sự chẳng qua là một cái cớ (...)" (Tựa, Nguyễn Xuân Hoàng).

Những điều nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng vừa trình bày đã thu tóm khá đầy đủ nội dung của tác phẩm, người điểm sách thấy không cần phải bàn thêm, về một tác phẩm (mới) và một tác giả (cũ) mà có lẽ không người đọc nào ở hải ngoại không từng nghe đến tên tuổi

CHÂN TRỜI LAM NGỌC 2, Hồ Trường An. Bìa Đinh Cường. Minh Văn xuất bản. Giá 13MK. Địa chỉ: 2808 Graham Road, Falllịch sử Church, VA 22042. USA. Tel: 703-698-8490. Fax: 703-204-9239.

Đây là một cuốn ký sự (tập hai), ghi lại những kỷ niệm và những mối hệ lụy giữa tác giả với các nhà văn nhà thơ, không theo thứ tự sắp xếp nào, trong từng thời điểm và không gian, tình huống khác nhau.

Chúng ta sẽ gặp những tên tuổi quen thuộc (và không quen thuộc) như: Viên Linh, Phạm Thăng, Nguyễn Văn Ba, Lê Quang Xuân, Huỳnh Hữu Cửu, Nguyễn Tấn Hưng - Hồng Lan, Trương Anh Thụy, Mai Thảo, Trần Văn Tích, Trần Thị Nhật Hưng, Việt Phương, Bích Xuân, Hứa Hoành, Xuân Vũ và Thụy Khanh.

Hồ Trường An đã viết về các nhân vật trên bằng những nhận xét chủ quan của mình (có thể đúng, có thể sai). Vì thế, tác phẩm mang tính cách "lưu bút" nhiều hơn là những nhận định văn học.

KẺ ĐÀO MỒ, tập truyện Trần Long Hồ, tái bản lần thứ nhất. Bìa Đinh Cường, Minh Văn. Giá 13MK. Địa chỉ đã ghi ở trên.

Một tác giả khác, khi nói đến Kẻ Đào Mồ, đã viết: "Cảm tưởng của tôi sau khi đọc truyện ngắn thứ nhất, Kẻ Đào Mồ, là nỗi sững sờ không thể đặt tên. Đời sống, thì ra, còn biết bao nhiêu kẻ khốn cùng, những thứ miserables mà suốt đời không được ngửi một chút thoảng qua của mùi hương hạnh phúc. Anh viết khéo léo cách nào đó mà khi đọc xong, người đọc không thấy giận ghét những kẻ xấu trong truyện, mà chỉ thấy thương tất cả..." (Hoàng Chính).

BÓNG ĐÈN TÀ NGUYỆT, truyện dài Hồ Trường An. Bìa Đinh Cường, Minh văn xuất bản. Giá 16MK.

Trong một bài phỏng vấn đăng đâu đó, Hồ Trường An tâm sự, đại ý: ông sống thuần túy bàng ngòi bút. Đó là lý do trên dưới một thập niên vừa qua, sách của Hồ Trường An tràn ngập các hiệu sách tại hải ngoại. Như Xuân Vũ, năm nào Hồ Trường An cũng cho xuất hiện vài đầu sách mới. Có người phân vân: với tốc độ làm việc nhanh và nhiều đến thế, liệu những đứa con tinh thần ấy có đủ sức đứng vững với đời không? Để trả lời câu này, xin dẫn nhận xét của giám đốc một nhà xuất bản: Cùng với Nguyễn Ngọc Ngạn, Xuân Vũ và vài người nữa, sách của Hồ Trường An còn "ăn".

Đọc Hồ Trường An, là cách nào đó sống lại với những tâm tình, những buồn vui của "người miền Nam", trên một "thổ ngơi" bao la sông nước, được xem là trù phú bậc nhất của dải đất hình cong chữ S mang tên Việt Nam. Có lẽ đó là một trong những lý do khiến sách của Hồ Trường An vẫn còn "ăn": mỗi người Việt Nam khi bỏ nước ra đi, đều ít nhiều mang trong tim những vết thương, và họ muốn quên, muốn tìm về với những kỷ niệm êm đềm xưa cũ. Hồ Trường An đáp ứng được "yêu cầu" ấy. Sách của ông, như chiếc gối bông, độc giả có thể yên tâm ngã đầu ngơi nghỉ, sau một ngày dài vật lộn với sinh kế.

TRƯỚC CƠN GIÔNG TỐ, Trương Tiến Đạt, tác giả xuất bản. Địa chỉ liên lạc: P.O.Box 59039, San Jose, CA 95159. USA. Giá 10MK.

Cuốn sách có thể sẽ gây nhiều "giông tố" đối với các tín đồ Thiên Chúa Giáo.

TÌNH và **HÃY CHO TA SỐNG GIÙM ĐỜI NHAU**, thơ Ngu Yên, nhà Văn

Thơ Mới xuất bản. Phụ bản Khánh Trường, Liên lạc: (713) 524-6262.

Một tập thơ, theo lời tác giả, đúng là "không giống ai", từ hình thức đến nội dung.

Hình thức, tập thơ chia làm hai phần (hay hai cuốn, cũng đúng). Phần một (cuốn một): TÌNH. Phần hai (cuốn hai): HÃY CHO TA SỐNG GIÙM ĐỜI NHAU, được sắp... lộn ngược. Lật mặt bên này, là TÌNH, lật mặt bên kia, xoay đầu, là HÃY CHO TA..., với những phụ bản của Khánh Trường, gồm toàn tranh khỏa thân, và những hình chụp của chính tác giả, giữa mình với... vợ. Trông... nóng như phim chéo.

Nội dung, gồm những bài thơ thuộc các thể loại cũng..."không giống ai", từ "thơ hình thức", thơ "cụ thể" đến thơ tình dục. Thử đọc:

11 MẪU TỰ NIỆM: A M E X C P U D I L D

A mea
Di maxima
Đà culpa
A di mea
A di culpa
A di đà mea culpa
A pa
A pa
Mea maxima culpa adi đà

và

Thương cái ấy bao ngày xa nhau
Thương cái ấy đã vào thâm cung
Thương cái ấy theo em lấy chồng
Thương cái ấy mai rồi khô khan
(Cái Ấy, tr. 19)

Ngu Yên là một nhà thơ quen thuộc tại hải ngoại. Ông đã cho ra đời ba thi tập, và được xem như một trong những người thơ tiền phong của thế hệ làm thơ sau 1975 tại hải ngoại. Người đọc có thể không bằng lòng với "cách chơi" của Ngu Yên, nhưng không thể không công nhận: ông dám nghĩ, dám làm. Chỉ riêng yếu tố đó, trong văn học nghệ thuật, đã là một cần thiết.

THƠ PHẢN THƠ, Trần Mạnh Hảo. Chịu trách nhiệm xuất bản: Lữ Huy Nguyên. Biên tập: Nguyễn Văn Lưu. Trình bày bìa: tác giả. Nhà xuất bản Văn Học (Việt Nam). Giá 14.000$VN.

Tập hợp những bài viết được đăng rải rác trên các tạp chí trong nước. Tưởng cần nhắc lại: Trần Mạnh Hảo là tác giả tiểu thuyết "Ly Thân", tác

phẩm từng gây sóng gió cả trong lẫn ngoài nước vài năm trước. Độc giả hẳn sẽ rất ngạc nhiên: qua tác phẩm này, một chân dung khác, hoàn toàn ngược hẳn với chân dung cũ, của người thơ Trần Mạnh Hảo sẽ được ông "tự họa" qua từng trang viết. Hình như việc luận bàn về thơ chỉ là cái cớ, để ông "minh định" lại lập trường của mình với "đảng và nhà nước", và cũng chỉ là cái cớ, để ông xuống tay, rất nặng, với những đồng nghiệp khác, tại miền Nam, trước 1975, đến cả nước, sau 1975 và hải ngoại.

Nhưng hãy tạm bỏ qua việc "đổi mới tư duy" quá nhanh và quá bất ngờ khiến những kẻ "rộng lượng" nhất cũng cảm thấy sửng sốt, Giáng Châu xin có vài nhận xét về tác phẩm mới của Trần Mạnh Hảo: Từ lâu, Giáng Châu vẫn nghĩ ông là một người làm thơ "có hạng". Nhiều bài thơ của ông có khả năng đứng vững với thời gian. Nhưng có lẽ Trần Mạnh Hảo chỉ nên tự giới hạn trong lĩnh vực thi ca mà thôi, bước ba lãnh vực khác, ông hoàn toàn thất bại. Nhất là lãnh vực lý luận. Những điều ông viết không thuyết phục được ai, đã đành, còn để lộ một kiến thức hết sức nông cạn về mọi mặt, từ đó đi đến chỗ hồ đồ trong phê phán, chệch choạc trong lý luận, và nhuốm cái chất mỉa mai cay độc, vốn dĩ chỉ có thể dùng để viết phóng sự hoặc "phim" hàng ngày trên các nhật báo.

Giáng Châu từng quen biết nhà thơ Trần Mạnh Hảo, từ những ngày ông còn hàn vi, vẫn đèo vợ cọc cạch trên chiếc xe đạp, "giang hồ" khắp hang cùng ngõ hẹp trong thành phố Sàigòn. Thuở ấy, Trần Mạnh Hảo "rất thơ", và dĩ nhiên rất khác với một Trần Mạnh Hảo ở villa, đi "ô-tô" bây giờ. Phải chăng khi người ta "đổi đời" thì ngôn ngữ văn chương cũng đổi theo? Nếu quả có vậy thì thật đáng buồn cho thi ca, và cho chính Trần Mạnh Hảo. Buồn lắm, lắm lắm, bạn thân!

HOA THƠM CỎ LẠ, tuyển tập truyện ngắn dịch từ các tác giả Dame Ivy Comyton-Burnett, H.G. Well, Dame Daphne du Maurier, Katherine Mansfield, George Orwell, Somerset Maugham, Saki. Bìa Khánh Trường, An Tiêm xuất bản. Giá 12MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK. Địa chỉ: nhà xuất bản An Tiêm, 14 Villa des Acacias, 202 rue d'Épinay, 95360 Montmagny (France), hay nhà xuất bản Văn Nghệ, địa chỉ ở bìa 3 Hợp Lưu.

Tác phẩm thứ hai của Nguyễn Thị Chân Quỳnh, sau "Lối Xưa Xe Ngựa..." (biên khảo).

Đây là tuyển truyện gồm những sáng tác của những nhà văn lớn của nhân loại, mà tác phẩm của họ đã trở thành "kinh điển" đối với độc giả khắp mọi lục địa.

Chỉ riêng bảng hiệu An Tiêm, cùng tên tuổi dịch giả, chúng ta cũng đủ yên tâm khi tìm mua tác phẩm.

VIẾT CHO MẸ VÀ QUỐC HỘI, Nguyễn Văn Trấn, bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản. Giá 20MK. Ngoài Mỹ thêm 3MK.

Sách dày non 500 trang, được in trong nội địa nhưng chưa kịp phát hành đã bị tịch thu. Cuốn sách được dân chúng VN tìm mua với giá chợ đen (những 50 đô la một bản photocopy) và đã gây lắm sóng gió trong dư luận. Bị *"Nhóm cộng tác viên - số 5-B"*, một cơ quan của nhà nước Việt Nam báo cáo là *"dùng giọng văn khẩu thuật (cách nói dân dã Nam bộ) để đả kích cay độc Đảng ta và tác động mạnh mẽ (có tính kích động) tâm lý, tư tưởng của người đọc. Toàn bộ nội dung cuốn sách đả kích, lên án sự lãnh đạo và các đường lối, chính sách lớn của Đảng từ trước đến nay, đả kích vào một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng (như đồng chí Trường Chinh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt, Đỗ Mười), gọi hẳn những đồng chí này là bọn "Bắc Hà" dốt nát, "lái lợn" v.v..."*

Vài năm gần đây, một số những cán bộ cao cấp của nhà nước Cộng sản tự ly khai hoặc bị khai trừ, đã lần lượt lên tiếng, rất gắt gao, chỉ trích cái chế độ họ đã từng hiến dâng xương máu và cả tuổi trẻ của mình, như Hà Sĩ Phu, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiến Giang, Đỗ Trung Hiếu, Lữ Phương... Những tiếng nói ấy hẳn nhiên có tác động rất lớn trong quần chúng nội địa lẫn hải ngoại , góp phần đấu tranh cho một Việt Nam tự do và giàu mạnh mai hậu.

Chưa vội nói đến giá trị của những lời lên tiếng ấy, chỉ riêng lòng can đảm, ý chí bất khuất trước bạo quyền họ đã tỏ lộ, chúng ta không thể không nghiêng mình kính phục.

Một t cuốn sách phải tìm mua và phải đọc.

THƯ GỬI BẠN TA, của Bùi Bảo Trúc, bìa Khánh Trường, Văn Nghệ xuất bản, giá 16MK. Ngoài Mỹ thêm 3MK.

Gồm những bài viết dưới dạng thư, đăng từng kỳ trên hai nhật báo lớn tại Nam Bắc Cali, và được rất nhiều báo tờ báo khác trên khắp thế giới trích đăng, của một tác giả quen thuộc: ký mục gia Bùi Bảo Trúc.

Bằng kiến thức quảng bác, bằng ngôn ngữ báo chí đã nâng thành văn chương, bằng chất giọng dí dỏm, thông minh, những bài viết của Bùi Bảo Trúc là món ăn tinh thần không thể thiếu của số đông người Việt tại hải ngoại nhiều năm nay.

Đây là cuốn đầu trong toàn bộ rất nhiều cuốn sẽ ra đời trong tương lai, do chính tác giả tuyển chọn, sửa chữa.

Một cuốn sách phải đọc, để có được "360 nụcười (cho một năm), giúp các bắp thịt mặt hoạt động chăm chỉ, làm đầy các vết nhăn, đem lại nét trẻ đẹp cho người đọc mà không cần phải căng da mặt".

NGÕ THOÁT, truyện dài Vĩnh Hảo, bìa Phượng Hồng, Chiêu Hà xuất bản. giá 15MK, ngoài Mỹ thêm 2MK. Địa chỉ nhà xuấtbản: P.O.Box 2303. North Hills, CA 91393-0303. USA.

Tác phẩm thứ 9 của Vĩnh Hảo.

Nhiều lần chúng tôi từng nói: Vĩnh Hảo là một trong những nhà văn có sức sáng tác sung mãn nhất tại hải ngoại. Năm nào ông cũng cho ra vài đầu sách mới. Nhưng khác với phần đông những tác giả "viết nhiều" khác, Vĩnh Hảo không làm thương mại, đúng hơn, không sống thuần tuý bằng ngoài bút. Vì thế, sách của ông thoát được yêu cầu thị hiếu quần chúng. Cũng nhờ thế, mỗi tựa sách là những tác phẩm văn chương thực sự. Hay hay dở, đạt được tiêu chuẩn thẩm mỹ miên viễn hay không, là chuyện khác, cần thời gian kiểm nghiệm, chỉ riêng việc làm cẩn trọng, cần cù, say mê của ông, đối với văn chương, là điều nhiều nhà văn khác, cả trong lẫn ngoài nước, cần phải noi theo.

VĂN SỬ Y DƯỢC TRONG TRUYỆN CHƯỞNG KIM DUNG, biên khảo Trần văn Tích. Bìa Nguyễn Đồng, Thanh Văn xuất bản, giá 12MK. Liên lạc: Thanh Văn, P.O.Box 411723, Los Angeles, CA 90042. USA.

Qua những tác phẩm võ hiệp của Kim Dung, tác giả phân tích, lý giải, trưng dẫn sử liệu, y liệu và văn liệu mà Kim Dung đã dựa vào, đã sử dụng một cách tài ba, đầy biến hóa, khiến tiểu thuyết của nhà văn này, ngoài sự hấp dẫn của loại truyện giải trí, còn cung cấp cho độc giả nhiều kiến thức rất sâu sắc và quảng bác về các vấn đề vừa nêu trên.

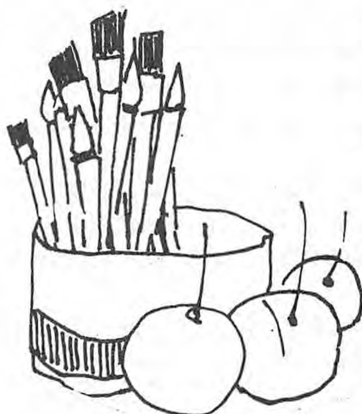
Đây là tác phẩm thứ năm của một y khoa bác sĩ, mà tên tuổi hẳn không xa lạ gì với bạn đọc hải ngoại.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



văn hữu và bạn đọc

THƯ VĂN HỮU VÀ BẠN ĐỌC



Nhắn tin một số độc giả cư ngụ tại miền Đông, Hoa Kỳ: Nhiều cuốn *Hợp Lưu số 26 (Xuân Bính Tý)* bị trả về, không bao bì. Có lẽ do mưa gió, bão tuyết trong thời gian vừa qua tại vùng này. Vì thế chúng tôi không rõ những số báo ấy thuộc quyền sở hữu của ai. Nếu độc nào chưa nhận được báo, xin điện thoại hoặc thư cho trị sự biết, để gửi bù.

Anh hùng thôi, đã quá đủ...

... Tôi đã mua HL được ba năm. Và sẽ còn mua cho đến ngày nào HL đình bản. Dĩ nhiên là tôi mong ngày đó không bao giờ xảy ra! Đối với một số đông người Việt Nam ở hải ngoại, HL là tờ báo "thiên Cộng" nhất, nhưng tôi không đồng ý với quan điểm đó, vì cái nhìn của tôi có thể xa hơn, rộng hơn, hòa đồng hơn. Tôi quí HL không phải vì những bài viết (thú thật có nhiều bài tôi không đọc được vì khác quan điểm hay cách viết) nhưng tôi quý HL ở cái TINH THẦN và CHỦ TRƯƠNG, cách dùng ngôn từ với lời lẽ lúc nào cũng khiên cung nhã nhặn, một điều cực kỳ khó kiếm trong làng báo hải ngoại. Hợp Lưu tự nó có những sắc thái đặc biệt mà độc giả như tôi khi cầm tập san mới gửi đến trên tay, dở vài trang ra nhìn, chỉ có thể cảm thấy trong tâm hồn nhưng không nói lên được một cách cụ thể. Đó là cảm nghĩ của riêng tôi.

Tôi rất thích những bài nhận định của Kim Thi. Bài về thi sĩ Nguyễn Chí Thiện rất hay. Kim Thi nói lên được tất cả những gì tôi muốn nói với Nguyễn Chí Thiện và còn hơn thế nữa. Tôi mong rằng ông ấy sẽ có dịp đọc số báo này. Đối với Nguyễn Chí Thiện, tôi xem ông như một anh hùng! Anh hùng thôi, đã quá đủ, đừng đi xa khỏi vị trí ấy, dễ thất lạc lắm! Và đối với tôi, đó là

lời khen không nhỏ dành cho ông. Những nhận định của Kim Thi tôi đọc mà có cảm tưởng đó là những nhận định của chính tôi viết! Và đây cũng là một lời khen không nhỏ đối với Kim Thi!

Năm mới, tôi mong rằng HL sẽ sống mạnh và sống mãi. Tôi biết đây là một điều ước khó thực hiện. Không nói đâu xa, chỉ ngay hai chữ Hợp Lưu tự nó đã gây nhiều ngộ nhận và đã gây nên trong lòng độc giả nhiều thắc mắc! Cho nên đến bây giờ HL còn tồn tại được tự nó đã là một phép lạ. Việc tôi mua dài hạn và đọc HL đối với tôi nó là một cách bày tỏ thái độ và ý kiến...

NHV (Chino Hills, CA)

Cảm ơn anh về những lời khen, từ tờ báo đến cá nhân Kim Thi. Kính mến.

... thẳng mà hơi ác

... Tôi thấy lối chọn bài của HL lạ ở chỗ HL thích những bài ý lạ, ngộ nghĩnh, ý tứ loanh quanh, phải đọc chăm chú như đang đọc nghiên cứu mới nắm được ý. Nắm được rồi thì thấy hay nhưng đọc không thoải mái. Đôi khi phải cho người đọc văn như thưởng trăng để chọn cái hay, cái dịu dàng, cái thấm đậm nó đến một cách tự nhiên.

Bài phỏng vấn KT của NMT đọc rất thích, nhưng riêng câu trả lời "*... Ngày nay tôi hèn nhát, hẹp hòi, nhỏ mọn, láu cá và thù vặt như một nhà văn!*" thì tôi thấy KT thẳng mà hơi ác. Cũng có nhà văn đàng hoàng chứ. Vơ đũa cả nắm không nên.

Sau cùng tôi đồng ý ý kiến của Kim Thi về thi sĩ Nguyễn Chí Thiện. Thật tội nghiệp cho ông ta. Tù đã khổ, tự do rồi cũng khổ. Nhưng biết làm sao đây!

TVS (Cali)

- Ghi nhận ý kiến của anh về cách chọn bài của HL. Sẽ có dịp "dông dài" về vấn đề ấy trong mục "Ngày... Tháng...".

- "Biết làm sao bây giờ" thưa anh! Khi mà, qua tiếp xúc và qua kinh nghiệm bản thân, những điều hắn nghĩ về hai chữ "nhà văn" rất gần với nhận xét của hắn. Tuy nhiên hắn rất đồng ý với anh, "có những nhà văn đàng hoàng chứ", dù hiếm hoi. Nhân đây, hắn trân trọng gửi đến quý vị ấy một lời xin lỗi chân thành. Tính hắn... phổi bò, nói năng đôi khi quên... rào trước đón sau! Kính mến.

HỢP LƯU TRẢ LỜI VĂN HỮU

Trân trọng cảm ơn các văn hữu, bạn đọc trong, ngoài nước đã gửi thiệp và thư chúc vui Hợp Lưu nhân dịp Giáng Sinh và Năm Mới.

Ông VQL (Cali): Cảm ơn lòng yêu mến của ông dành cho HL cũng như hắn. Về những tài liệu liên quan đến Hội họa, anh có, cho xin. Rất mong được đọc. Về một tạp chí chuyên đề Nghệ Thuật, là ước mơ của các họa sĩ, từ nhiều năm nay. Hắn dự định thực hiện, từ lâu, nhưng vì tốn kém quá chưa làm nổi. Một tạp chí nghệ thuật tất phải có nhiều tranh màu, mà hiện nay tại Mỹ, muốn in ấn theo tiêu chuẩn ấy, nào phải chuyện đùa! Hắn đang có dự dịnh, cùng với một tạp chí bạn, mở một gallery tại vùng quận Cam, vừa triể lãm tranh của các họa sĩ Việt Nam vừa "chuyên trị" mọi thứ liên quan đến nghệ thuật, mỹ nghệ... Nếu dự án thành hình, và "làm ăn" phát đạt, thì một tạp chí chuyên đề như vừa nêu sẽ có nhiều hy vọng ra đời. Thân mến.

Ông LVB (Canada): Bộ sách *"Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại"* đã phát hành. Giá 60 dollas một bộ hai quyển. Sách khổ lớn, bìa da, có bìa phụ bọc ngoài, dày 1600 trang. Ông xem quảng cáo ở phần sau, cất phiếu ấy gửi về nhà xuất bản Đại Nam sẽ được bớt 20%

Cuốn *"Nhà văn Nói Với Chúng Ta"*, vì nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh muốn bộ sách đầy đủ hơn, đã hoãn lại ngày in, để phỏng vấn thêm nhiều tác giả nữa, đến nay, sắp hoàn tất toàn bộ và sửa soạn cho lên khuôn. Bao giờ sách trình làng, chúng tôi sẽ thông báo cụ thể. Vẫn khổ lớn, bìa da có bìa phụ bọc ngoài, dày khoảng 800 đến 1000 trang, với trên 40 nhà văn, nhà thơ thuộc nhiều thế hệ.

Để tiếp tục đóng góp những bộ sách tiêu biểu cho văn học nước nhà, nhà xuất bản Đại Nam sẽ thực hiện *"Tuyển Tập Văn Học Việt Nam Sau Chiến Tranh"* gồm nhiều tác giả "có trọng lượng" của cả trong lẫn ngoài nước. Một bộ sách cũng đồ sộ không kém bộ *"Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại"* và *"Nhà Văn Nói Với Chúng Ta"*. Việc làm này khá cực nhọc, vì những người thực hiện sẽ phải đọc lại toàn bộ những thành tựu của hai nền văn học trong, ngoài và phải tuyển chọn một cách thật khách quan, tuyệt đối gạt bỏ vấn đề chính trị ra khỏi văn chương. Nhân đây, HL kêu gọi sự hợp tác của văn hữu và độc giả khắp nơi trên thế giới, bằng cách đọc, chọn, photocopy gửi về nhà xuất bản Đại Nam (qua tòa soạn Hợp Lưu) những tác phẩm, theo thẩm định của quí vị, là "có tiêu chuẩn" nhất của cả trong lẫn ngoài nước hai mươi năm qua. Sự tiếp tay của quí vị chắc chắn sẽ giúp cho bộ sách sắp thực hiện thêm phần khách quan, giá trị. Kính.

Bà NVK (Pháp): Cảm ơn sự "ủng hộ" cụ thể của bà. Xem lại danh sách, thì bà đã ngưng mua báo từ hai năm trước. Vậy không hiểu bà mua "nó" từ nguồn nào? Về những lời khen của bà, qua điện thoại viễn liên, hắn rất cảm động và cảm ơn. Kính mến

HỢP LƯU

PHIẾU MUA SÁCH

DÀNH CHO CÁC TÁC GIẢ CÓ BÀI IN TRONG

TUYỂN TẬP 20 NĂM VĂN HỌC VIỆT NAM HẢI NGOẠI 1975-1995

và **ĐỘC GIẢ TẬP SAN HỢP LƯU**

Họ và tên: ____________________

Bút hiệu: ____________________

Địa chỉ gửi sách: ____________________

____

____

____

(Xin viết chữ **IN** thật rõ ràng)

GIÁ TIỀN SÁCH VÀ CƯỚC PHÍ

1. Các tác giả được bớt 20% trên giá tiền bộ sách, tức giá bán còn $48.00MK.

2. Nếu mua bằng **Air Mail** (ngoài Hoa Kỳ), thời gian nhận được là một tuần. Ngoài giá sách, xin cộng thêm cước phí như sau:

- **Âu châu:** Cộng thêm $26.00MK, Tổng cộng là $74.00MK
- **Úc châu:** Cộng thêm $22.00MK. Tổng cộng là $70.00MK
- **Canada:** Cộng thêm $8.00MK. Tổng cộng là $56.07MK
- **Hoa Kỳ:** Gửi theo hệ thống UPS, không phải trả thêm cước phí.

3. Cước phí Air Mail nêu trên chỉ là một phần của cước phí thực thụ, vì đã được trừ đi cước phí thường (**Surface**) do nhà xuất bản đài thọ.

4. Các tác giả ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng Money Order hoặc International Bank Draft tính ra Mỹ Kim, mua tại ngân hàng địa phương (không nhận chi phiếu cá nhân).

5. Với các độc giả dài hạn của *Hợp Lưu*, như đã quảng cáo ở các số trước, cũng được bớt 20%, nhưng tiền cước sẽ đúng như giá biểu của bưu điện: **Air mail: - Âu châu:** $48.00 + $34.00 (cước), tổng cộng: $82.00MK. - **Úc châu:** $48.00 + $39.00 (cước), tổng cộng $87.00MK - **Canada:** $48.00 + 12.00 (cước), tổng cộng $60.00MK - **Hoa Kỳ**: $48.00 + 10.00 (**UPS**), tổng cộng $58.00MK. **Đường thủy** hoặc **UPS** : $48.00 + 5MK, tổng cộng $51.00MK.

Xin cắt phiếu này và gửi về Đại Nam kèm Money Order hoặc chi phiếu (nội địa), để được hưởng giá đặc biệt.

DAINAMCO

P.O.Box 4279 - Glendale, CA 91202. USA.

PHIẾU TÁI HẠN

(Tất cả ghi bằng CHỮ IN, và xin dùng giá biểu này cho Phiếu tặng báo)

Hạn mua dài hạn của tôi đến số ____________ là chấm dứt.
Tôi bằng lòng tái hạn kể từ số ______ . Yêu cầu gửi báo về địa chỉ sau:

Tên: ____

Địa chỉ: ____

____

Điện thoại: ____

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ, Canada: Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) • 40MK ☐ (1 năm)
Âu châu: Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm) • Máy bay: 70MK ☐ (1 năm)
Úc , Á châu: Đường thủy: 50MK ☐ (1 năm) • Hàng không: 80MK (1năm)

Xin gửi ngân phiếu (kể cả Canada) bằng Mỹ Kim.
Ngoài Hoa Kỳ và Canada, chỉ nhận Money Order International, trả cho:

HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi tên: ____

____

____

yêu cầu tòa soạn gửu một nămtạp chí HỢP LƯU từ số ____________
do tôi tặng cho:
Mr (Mrs): ____
Địa chỉ: ____

____

____

Số đ iện thoại ____
Đính kèm ngân phiếu. Nhận được, xin gửi Invoice về địa chỉ người tặng.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(Tất cả ghi bằng CHỮ IN)

Tôi tên:____

Địa chỉ:____

____

Điện thoại:______________________________________

nhận mua dài hạn tạp chí HỢP LƯU bắt đầu từ số: ____________

GIÁ TIỀN

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:

Hạng tư: 20MK ☐ (1/2 năm) • 40MK ☐ (một năm)

Âu châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 70MK ☐ (một năm)

Úc châu, Á châu:

Đường thủy: 50MK ☐ (một năm)

Hàng không: 80MK ☐ (một năm)

Xin gửi ngân phiếu (kể cả Canada) bằng Mỹ Kim.

Ngoài Hoa Kỳ và Canada, chỉ nhận Money Order International, trả cho:

HỢP LƯU

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92642. USA

• Cho toà soạn biết ngay nếu gặp các trường hợp sau đây: 1) Thay đổi địa chỉ - 2) Không nhận báo đúng thời hạn - 3) Báo hư rách (do bưu điện), hoặc nhầm, thiếu trang (do tắc trách của nhà in, trị sự), chúng tôi sẽ gửi bù bằng phương tiện nhanh nhất.

• Lưu ý MÃ SỐ ở hàng đầu trên LABEL để biết số báo hết hạn (Ví dụ: **M:20-25**, tức mua HẠNG TƯ hoặc TÀU THỦY từ số 20 đến số 25 là hết hạn. **MF:20-25**, tức mua HẠNG NHẤT hoặc HÀNG KHÔNG từ số 20 đến số 25 là hết hạn.

• Độc giả ở Âu châu xin gửi trả cho đại diện tại Pháp (địa chỉ trang bìa 2)



Giá 08Mỹ Kim